

## MỤC LỤC

LỜI NGỎ		
PHẦN MỘT: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI		
Đề 1	Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống.....	1
Đề 2	“Ồi ! Sông đẹp là thế nào, hỡi bạn ?”	2
Đề 3	Tình thương là hạnh phúc của con người.	7
Đề 4	“Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”	9
Đề 5	Mục đích học tập do UNESCO đề xướng: “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”.	10
Đề 6	Hiện tượng “nghiện” Internet trong nhiều bạn trẻ hiện nay.	11
Đề 7	Tuổi trẻ học đường suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.	12
Đề 8	Hiện nay ở nước ta có nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp.	14
Đề 9	Hãy trình bày quan điểm của mình trước cuộc vận động “nói không với những tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục.	16
Đề 10	Nêu suy nghĩ và quan niệm của em về HIV/AIDS	17
Đề 11	Anh (chị) hãy viết một bài văn ngắn nói về vai trò của sách đối với thanh niên ngày nay.	18
Đề 12	Anh (chị) hãy viết một bài văn nói về lí tưởng sống của thanh niên ngày nay	19
Đề 13	Anh (chị) hãy trình bày ý kiến của mình về câu nói sau ‘sống sao cho khỏi xót xa....’	21
Đề 14	: Anh (chị) hãy trình bày ý kiến của mình về câu nói sau “tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”.	22
Đề 15	Nhà văn nữ người Pháp Ursula K. Le Guin đã từng nói: “Thành công của người này là thất bại của người khác.”.....	23
Đề 16	Anh (chị) hãy trình bày ý kiến của mình về các nữ sinh thời nay nên mặc áo dài truyền thống hay trang phục hiện đại khi đến trường.	25
Đề 17	Một câu triết học nói: Mỗi con vật khi sinh ra đều là tất cả những gì nó có. Chỉ có con người là ngay từ thuở lọt lòng thì chẳng là gì cả. Nó làm thế nào thì nó sẽ trở	27

	thành như thế ấy, và nó phải làm bằng tự do của chính nó. Tôi chỉ có thể trở thành kẻ do chính tôi làm ra	
Đề 18	Anh chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về câu nói của Democrite đã nói: “Ai không có một người bạn chân chính thì người đó không xứng đáng được sống.”	28
Đề 19	Anh chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về tình “mẫu tử”.	30
Đề 20	Giữa một vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa dại vẫn mọc lên và nở những chùm hoa thật đẹp. Phát biểu suy nghĩ của anh(chị) được gọi ra từ hiện tượng nêu trên.	32
Đề 21	Qua câu chuyện về người đàn bà hàng chài trong tác phẩm chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu, anh chị có suy nghĩ gì về nạn bạo hành trong gia đình những vùng quê nghèo hiện nay.	33
Đề 22	Suy nghĩ của anh chị về ý nghĩa triết lí nhân linh, trong 2 lời thoại : Hồn Trương Ba trong cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba với Đế Thích. "Không thể bên trong một đằng bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn là tôi toàn vẹn". "Sống nhờ vào đồ đạc của người khác đã là một chuyện không nên, mà đằng này đến cái thân tôi cũng sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết."	35
Đề 23	Trong tác phẩm " nhìn về vốn văn hoá dân tộc" của Trần Đình Hượu viết "con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hoá không chỉ trông cậy vào sự sáng tạo mà còn trông cậy vào khả năng chiêm lĩnh, sự đồng hoá những giá trị văn hoá bên mình." Anh chị trình bày suy nghĩ của mình về hiện tượng tiếp nhận văn hoá ngoại lai của giới trẻ hiện nay.	35
Đề 24	<i>Em ơi Đất Nước là máu xương của mình Phải biết gắn bó và san sẻ Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở Làm nên Đất Nước muôn đời...</i> (Đất Nước – Trích Mặt đường khát vọng - Nguyễn Khoa Điềm,) Dựa vào những câu thơ trên, anh (chị) hãy phát biểu trong một bài văn ngắn (không quá 400 từ) ý kiến cá nhân về trách nhiệm của thế hệ thanh niên hiện nay với đất nước.	37
Đề 25	Anh chị có suy nghĩ gì về hiện tượng “gây ô nhiễm môi trường do xả rác bừa bãi” của người dân nước ta hiện nay.	38

PHẦN HAI: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC		
Đề 1	Phân tích “Tây Tiến” của Quang Dũng	1
Đề 2	Phân tích 8 câu thơ đầu “Tây Tiến” của tác giả Quang Dũng: <i>" Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi! ..... mưa xa khơi"</i>	5
Đề 3	Phân tích khổ thơ sau được trích trong bài “Tây Tiến” của Quang Dũng: <i>"Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc ..... Sông Mã gầm lên khúc độc hành"</i>	7
Đề 4	Phân tích đoạn thơ sau trong bài “Tây Tiến” của Quang Dũng <i>"...Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa, Sông Mã gầm lên khúc độc hành..."</i>	11
Đề 5	Bình giảng bức tranh tứ bình trong bài thơ Việt Bắc	14
Đề 6	Anh chị hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ Việt Bắc của Tô Hữu: <i>"Minh về mình có nhớ ta ..... Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa"</i>	22
Đề 7	Phân tích bài “Đất nước” (trích trường ca Mặt đường khát vọng) của Nguyễn Khoa Điềm.	24
Đề 8	Qua bài Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm anh chị hãy làm sang tỏ quan điểm Đất nước là của nhân dân.	26
Đề 9	Bình giảng bài thơ “Sóng” của Xuân Quỳnh	29
Đề 10	Bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài “Sóng” của nhà thơ Xuân Quỳnh. <i>"...Con sóng dưới lòng sâu..... Hướng về anh một phương"</i> .	32
Đề 11	Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh. Anh (chị) cảm nhận gì về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng này?	34
Đề 12	Cảm nhận bài “Đàn ghi ta của F.G.Lorca” của Thanh Thảo.	35
Đề 13	Phân tích bài "Người lái đò sông Đà" của Nguyễn Tuân	38
Đề 14	Cảm nhận “Người lái đò Sông Đà” của Nguyễn Tuân.	40
Đề 15	Hình tượng người lái đò trong tùy bút “ Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân.	43
Đề 16	Anh chị hãy phân bài “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường	45
Đề 17	Phân tích tác phẩm Vợ Chồng A Phủ của Tô Hoài.	47
Đề 18	Qua hai nhân vật Mị và A Phủ, hãy phân tích giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm Vợ chồng A phủ của Tô Hoài.	49

Đề 19	Phân tích sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị (Vợ chồng A Phủ – Tô Hoài)	51
Đề 20	Phân tích tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân.	53
Đề 21	Giá trị hiện thực và nhân đạo trong vợ nhặt	55
Đề 22	Phân tích nhân vật người vợ nhặt, từ đó làm nổi bật lên số phận của người dân Việt trước CM.	59
Đề 23	PHÂN TÍCH CÁC NHÂN VẬT TRONG BÀI VỢ NHẶT CỦA KIM LÂN	60
Đề 24	Phân tích hình tượng nhân vật bà cụ Tứ trong tác phẩm "Vợ nhặt" của Kim Lân.	63
Đề 25	HÌNH TƯỢNG CÂY XÀ NU TRONG “ RỪNG XÀ NU” CỦA NGUYỄN TRUNG THÀNH	66
Đề 26	Tính sử thi của tác phẩm Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành)	69
Đề 27	Phân tích hình tượng nhân vật Tnu trong tác phẩm Rừng Xà Nu của Nguyễn Trung	70
Đề 28	Phân tích hình tượng cây xà nu trong truyện ngắn Rừng Xà Nu của Nguyễn Trung Thành. Nhận xét ngắn gọn về nghệ thuật miêu tả cây xà nu của nhà văn	73
Đề 29	Vẻ đẹp con người Nam bộ trong kháng chiến chống Mỹ qua tác phẩm Những đứa con trong gia đình của nhà văn Nguyễn Thi.	74
Đề 30	Trong chuyện những đứa con trong gia đình. Nguyễn Thi có nêu lên quan niệm: chuyện gia đình cũng dài như sông, mỗi thế hệ phải ghi vào 1 khúc. Rồi trăm con sông của gia đình lại cùng đổ về 1 biển," mà biển thì rộng lắm[...], rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta". Anh(chị) có cho rằng trong thiên truyện của Nguyễn Thi quả đã có 1 dòng sông truyền thống liên tục chảy từ những lớp người đi trước: tổ tiên, ông cha, cho đến lớp người đi sau : chị em Chiến và Việt	76
Đề 31	Anh(chị) hãy phân tích nhân vật Phùng trong tác phẩm " Chiếc thuyền ngoài xa " của Nguyễn Minh Châu.	77
Đề 32	Anh chị hãy phân tích tình huống truyện trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu.	80
<b>CÁC ĐỀ THI THỬ CỦA CÁC TRƯỞNG</b>		
<b>CÁC BÀI THI ĐẠT ĐIỂM 10 TRONG CÁC KÌ THI TUYỂN SINH ĐH – CĐ</b>		
<b>MỤC LỤC</b>		

A decorative border on the left and right sides of the page, featuring a repeating pattern of pink flowers, green leaves, blue butterflies, and a black bird with a red beak.

# NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

**Đề 1:** Nhà văn Nga L.Tôn-xtôi nói: “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống”. Anh (chị) hãy nêu suy nghĩ về vai trò lí tưởng trong cuộc sống con người.

### Bài làm

Trong cuộc sống, mỗi con người từ khi sinh ra đã là một hành trình tư tưởng. Cha mẹ khắc khoải một lí tưởng là con sinh ra được khoẻ mạnh, lớn khôn con là đứa trẻ ngoan ngoãn, giỏi giang, mai kia con trở thành một người thành đạt. Rồi khi con đủ lớn, đủ ý thức để sống cho những lí tưởng riêng của mình. Con sẽ trở thành một học sinh xuất sắc, lớn hơn nữa con sẽ là một danh nhân lớn hay là một bác sĩ tài ba, con có cuộc sống riêng cùng một gia đình hạnh phúc. Cuộc sống được nuôi dưỡng bằng những lí tưởng. Nói cách khác: Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống". (Lép Tôn -xtôi)

Mỗi chúng ta khi vô tình chạm đến hai chữ "lí tưởng" thì cảm thấy như gặp một cái gì xa vời, không thực tại chút nào. Ta cứ nghĩ rằng lí tưởng là cái gì đó vĩ đại như lí tưởng cách mạng của Các Mác- Ăngghen, lí tưởng vô sản của Lênin. Nhưng chúng ta lại không biết rằng lí tưởng là thực tại, rất đời thường và gần gũi gắn bó bên cuộc sống mỗi chúng ta. Hoàn toàn có thể hiểu " lí tưởng là một ngọn đèn", nói dễ hiểu lí tưởng là niềm tin, lòng ao ước mong mỏi của mỗi người đặt ra trong cuộc sống. Lí tưởng chính là cái mục tiêu phấn đấu. Lí tưởng trở thành một phần của cuộc sống, và ví thế cuộc sống sẽ vô vị biết bao nếu thiếu đi "lí tưởng".

Theo cách nói của Lép Tôn-xtôi thì lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường, và vì là ngọn đèn chỉ đường nên khi thiếu vắng nó con người ta sẽ dễ lầm lạc, đôi khi chệch trên lộ trình của cuộc sống: "Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống".

Hành trình đi đến lí tưởng, phấn đấu theo lí tưởng, cũng như một vận động viên điền kinh đang ra sức chinh phục chặng đường đua của mình. anh chàng vận động viên chỉ biết rằng phía trước, những bước cuối cùng của chặng đường đua là dải băng gôn về đích. anh cố hết sức và lao về trước với một tinh thần sức mạnh thiêng liêng, như mỗi chúng ta đều hướng về lí tưởng của mình. Cuộc sống cũng là một chặng đua và nếu chặng đua ấy không có đích đến, không có hướng đi thì chúng ta sẽ đi đâu về đâu.

Nhưng Lép Tôn-xtôi bảo rằng: "lí tưởng là phương hướng kiên định", đó không có nghĩa rằng lí tưởng là một khối vật khổng lồ, nặng chịch không bao giờ có thể chuyển dịch. Nếu hiểu ngược kiểu ấy chẳng lẽ lí tưởng của cuộc sống hiện đại lại là một ông già phong kiến cổ hủ, cùng những đạo luật khắc khe của chế độ xưa. Đó hoàn toàn không phải là lí tưởng. Đã là lí tưởng thiêng liêng của một cuộc sống tươi đẹp thì đòi hỏi ở cái khí chất cao đẹp.

Trong cuộc sống có vô vàn lí tưởng nhưng như thế nào mới là một lí tưởng chính đáng. Lí tưởng của một người kinh doanh là làm giàu, nhưng không phải là được làm giàu mọi cách. anh ta phải tuân theo khuôn khổ của pháp luật và trách nhiệm của lương tâm. Lí tưởng của một cậu học sinh là đỗ cao trong kì thi đại học. Thế rồi ngày anh đến phòng thi để thực hiện cái lí tưởng đó của

mình, thì lương tâm, xã hội không bao giờ cho phép anh có quyền làm ngơ khi thấy một người chết đuối. một hành động đi trái lại pháp luật, trái với đạo lý thì không còn là lý tưởng.

Mỗi bước đi của chúng ta bây giờ đều bước theo những bậc thang của lý tưởng, và luôn luôn có lý tưởng sáng soi chỉ đường. Lúc ấy chúng ta như những đứa trẻ vô tri được bàn tay người mẹ nâng niu dìu dắt từng bước đi. Và khi ấy nếu không có mẹ, không có lý tưởng con là đứa trẻ bơ vơ, lạc loài, rồi sẽ đi đâu về đâu. Anh muốn chinh phục nóc nhà thế giới, muốn đứng trên đỉnh Everest dù chỉ là một giây, dù phải trải qua ngàn giờ hãi hùng, có lúc tưởng rằng hi sinh cả tính mạng, nhưng vẫn hết mình thực hiện cái lý tưởng của bản thân. Nếu một con chị tồn tại như một bản năng, hoạt động như một cái máy, khởi động thì chạy, hết nhiên liệu thì tắt. Ta tự hỏi thế có phải là cuộc sống? Để chứng minh rằng ta đang sống, đang tồn tại trước tiên ta phải có lý tưởng, và khi đã có lý tưởng ta sẽ có dũng khí làm những gì ta quyết.

Ngày 5.6.1911, chàng thanh niên mang tên Nguyễn Tất Thành cùng bàn tay trắng xuống tàu buôn ra nước ngoài mang trên mình hàng trang duy nhất là lý tưởng tìm đường cứu nước. Giả dụ, nếu không có đủ sức mạnh của lý tưởng thì Bác đã không bao giờ có can đảm ra đi. Chính vì thế ta hãy sống, và thực sự sống khi đã có lý tưởng riêng của bản thân. Xuân Diệu thì mài mê với lý tưởng:

*"Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt  
Còn hơn ngồi buồn le lói suốt trăm năm."*

Cám ơn nhà thơ đã đem đến một quan niệm mới về lý tưởng của cuộc sống. Chắc hẳn, chúng ta ai cũng biết Xuân Diệu là một nhà thơ khát khao giao cảm với đời, yêu đời một cách tha thiết nhất. Chính vì thế nhà thơ đem hết trái tim của mình cống hiến cho cuộc sống này, cho lý tưởng sống tràn đầy yêu thương. Xuân Diệu mong muốn được sống chân thành với lý tưởng của riêng ông, được hiến dâng cả cuộc đời để đổi lấy " 1 phút huy hoàng" , đó là giây phút cháy bỏng của một tâm hồn sống trong lý tưởng. Đồng thời nhà thơ, nhà thơ cũng muốn gửi gắm lý tưởng sống ấy cho mọi người trong cuộc đời. Sống phải sống sao cho đáng sống, phải đem hết dũng cảm để sống cho cái lý tưởng của mình, để từ đó tìm ra phương hướng đi theo tiếng gọi của "lý tưởng" như L.Tôn-xtôi đã khẳng định "không có lý tưởng thì không có phương hướng, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống"

Nhưng thử hỏi có mấy ai có đủ dũng cảm để sống hết mình, sống một cách trọn đầy cho lý tưởng. Chắc hẳn, chúng ta - những người con của dân tộc Việt Nam sẽ không bao giờ quên và cũng không bao giờ được quên người thiếu nữ đã chết cho "mùa hoa lê-ki-ma nở, ở quê ta vùng Đất Đỏ", và chết cho đời sau. Nữ anh hùng Võ Thị Sáu đã dâng cả cuộc đời mình cho dân tộc, cho tổ quốc yêu thương và cũng cho riêng lý tưởng sống của chị, khi mới trọn đầy cái tuổi 16.

Tôi không so sánh bạn, cũng như không dám so sánh mình với lý tưởng cháy bỏng yêu thương của tâm hồn thi sĩ Xuân Diệu, với lý tưởng cách mạng cao cả của nữ anh hùng, liệt sĩ Võ Thị Sáu. Qua đó, tôi chỉ có thể khẳng định rằng mỗi chúng ta đều có thể gắng hết sức vì lý tưởng sống của bản thân mình để thật sự có một phương hướng sống, phương hướng để tồn tại. Cũng như từ đầu vẫn nói, lý tưởng khôn hê xa vời, lý tưởng 12 đoạn đường, là lối đi gấn bó với chúng ta trong suốt cuộc đời.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn L.Tôn-xtôi đã đem đến cho chúng ta cái nhìn tổng quát về lý tưởng: "Lý tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lý tưởng là không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng kiên định thì không có cuộc sống". Con đường hôm qua, hôm

kia của tôi, của bạn, của tất cả chúng ta đều đã lùì vào quá khứ một cách mờ nhạt và tiếp tục nhạt nhoà. Nhưng con đường của hôm nay và của ngày mai còn tùy tôi, bạn, chúng ta đi như thế nào, chọn lựa "ngọn đèn lí tưởng" nào, đi theo phương hướng nào, để tiếp tục phát triển và đi lên cùng với sự thăng hoa của "ánh sáng lí tưởng".

**Đề 2: Anh (chị) hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu: “Ôi ! Sống đẹp là thế nào, hỏi bạn ?”**

### Bài làm 1

Con người ta sinh ra và lớn lên, ai lại không một lần ước mơ, dù là ước mơ thật bình thường, thật đơn giản và ai cũng có những khát vọng, có niềm tin và có lý tưởng để sống nhất là đối với tuổi trẻ của chúng ta, lứa tuổi người ta cho là đẹp nhất thì ước mơ và lý tưởng lại bộc lộ rõ nét, có lúc lại đan xen với nhau, có lúc lại là một cuộc đấu tranh dằn vặt. Ai cũng biết, tuổi trẻ bao giờ cũng vươn tới cái hay nhất, cái đẹp nhất. Đứng trước ngưỡng cửa của cuộc đời biết bao điều mới lạ đặt ra đòi hỏi phải nhận thức và xử lý. Đâu sẽ là sống đẹp, sống có ích? Tiền đề tươi sáng? Thế nào là hạnh phúc, là ước mơ cao đẹp?

“Sống đẹp” không phải là một cái gì to lớn lắm, nó rất gần gũi với chúng ta, đó không phải là những lý lẽ, những lời nói suông, nhưng phương châm trên giấy, sách vở ... mà đó là những việc làm, những hành động cụ thể diễn ra hàng ngày trong đời sống của chúng ta. Định nghĩa về “Sống đẹp” sẽ có rất nhiều cách khác nhau; Đó là sống có đạo đức trong sáng và bản lĩnh vững vàng, có lý tưởng và sống hết mình vì lý tưởng, chỉ khi xác định được điều đó ta mới sống và làm việc thật sự có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Có thể hiểu “Sống đẹp” là sống có ích, là sống có lý tưởng, có bản lĩnh vững vàng, có mục tiêu phấn đấu rõ ràng, trong sáng. Chỉ khi xác định được điều đó ta mới sống và làm việc thật sự có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Bản thân tôi nghĩ rằng bản thân mỗi người nên cố gắng hoàn thành tốt công việc mình đang làm cũng là sống đẹp

Trong thực tế, rất có thể có một số bạn trẻ nghĩ “Sống đẹp” là một khái niệm xa vời, khó thực hiện; tuy nhiên, nếu nhìn thẳng và sâu vào vấn đề này trong thời kỳ đất nước đổi mới tiến vào công nghiệp hóa – hiện đại hóa ta thấy điều đó thật sự không có gì xa lạ, khó thực hiện; mà trái lại nó tồn tại ngay trong cách nghĩ, cách làm hay nói gần hơn là trong cách ăn nói, ứng xử trong lao động, công tác, học tập và đời sống thường nhật của mỗi con người. Nếu như trong chiến tranh, lớp lớp cha anh ta đã sống và cống hiến quên mình cho nền độc lập dân tộc, tính mạng con người và cuộc sống hạnh phúc cá nhân là rất quý giá, nhưng tất cả đều được tình nguyện gác lại, tình nguyện hy sinh, họ sẵn sàng đánh đổi những gì là riêng tư nhất để đổi lấy nền độc lập dân tộc. Họ “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” khi tuổi đời còn rất trẻ và cống hiến xứng đáng vào sự nghiệp chung của Tổ quốc. Khi Tổ quốc cần, họ đã tự nguyện ra đi, chiến đấu và hy sinh anh dũng. Đó là sự dấn thân, cống hiến hoàn toàn tự nguyện khi bản thân đã hiểu thế nào là lẽ sống của một con người và lý tưởng của Người Cộng sản. Họ đã có niềm tin tuyệt đối vào độc lập tự do, có lý tưởng cao cả vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vô tư dấn thân tuổi trẻ và cuộc đời cho đất nước. Niềm tin và lý tưởng ấy được bồi đắp và khích lệ mạnh mẽ bởi sự hy sinh lớn lao và nhân cách cao cả của bộ máy lãnh đạo mà người đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Biết bao nhiêu anh hùng, liệt sĩ đã nghĩ và hành động như vậy. Ngày hôm nay, sống giữa đất trời hoà bình,



khi chiến tranh đã lùi xa, phần lớn mọi sự so sánh giữa thời chiến tranh với thời hiện tại đều có rất nhiều sự khác biệt, nhưng có một điểm chung rất thống nhất trong tình cảm và lí trí của thế hệ trẻ chúng tôi hôm nay chính là: lý tưởng cách mạng và khát vọng sống, cống hiến cho quê hương, đất nước. Bởi tôi nghĩ, ở mỗi con người nhu cầu khẳng định mình là rất lớn; nhất là ở tuổi trẻ, bởi dù trong bất cứ hoàn cảnh nào các bạn trẻ cũng luôn luôn khát khao được thực hiện những ước mơ và khát vọng của bản thân. Nếu như những ước mơ, khát vọng, niềm tin và lý tưởng ấy được quan tâm, chăm sóc, giáo dục và khơi dậy sẽ biến nó thành sức mạnh to lớn để phát triển đất nước và sẽ là những đóa hoa thơm có ích giữa cuộc đời như lời Bác đã khẳng định khi tham dự Đại hội Đoàn lần thứ III năm 1961 “Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai”.

“Sống đẹp” là chúng ta phải biết dung hoà mọi mặt: môi trường sống và làm việc, quan hệ xã hội, gia đình ... Một hành động giúp đỡ người già cả, tàn tật, người gặp khó khăn hoạn nạn; một phong trào cứu trợ đồng bào bị thiên tai; một phong trào đền ơn đáp nghĩa rộng khắp; những lớp học tình thương đem ánh sáng văn hoá đến với trẻ em nghèo ... tất cả những việc làm ấy là kết quả của một cách sống coi trọng nhân nghĩa. Chúng ta thật sự cảm động khi bắt gặp rất nhiều những hình ảnh thanh niên tình nguyện đang lao động quên mình trên mọi miền đất nước. Đây là những thanh niên có lý tưởng cao đẹp, có trái tim nồng nhiệt, xung kích vào những công việc mà tổ quốc và nhân dân gọi đến.

Tôi đã nhìn thấy trong ánh mắt và qua chuyện kể của các bạn tình nguyện, ngọn lửa truyền thống yêu nước nồng nàn và lòng nhân ái cao đẹp của thanh niên ta. Riêng hai chữ “tình nguyện” đã nói lên những đức tính quên mình vì nước, vì dân của các bạn và một phong cách mới “minh vì mọi người”, không đòi “mọi người vì mình”

“Sống đẹp” phải chăng nó cũng giống như lý tưởng và ước mơ, bao giờ nó cũng đi đôi với nhau. Bởi chỉ sống đẹp, có ước mơ không thôi thì sẽ dễ sản sinh ra một lớp người chỉ thích hưởng thụ, dễ làm lạc và dễ sa ngã. Còn sống chỉ có lý tưởng thì con người dễ bị quan, dễ chao đảo khi có cái gì đó không như họ muốn, họ nghĩ vậy thì chẳng khác nào sống có ích, có lý tưởng là cái gì đó thật cao quý, tốt đẹp mà mình mơ ước và hướng tới, coi đó là mục đích phải thực hiện được, dẫu phải trải qua những khó khăn gian khổ. Có những lúc, chính cái “Sống đẹp” mà mình đang kiên trì hướng tới lại là cái tạo cho mình sức mạnh để vượt qua khó khăn. “Sống đẹp” cũng là lý tưởng cao đẹp của một thời, lý tưởng càng đẹp càng cao thì sức mạnh càng nhân lên gấp bội. Thời kháng chiến gian khổ ác liệt, sống chết trong gang tấc thì cái lý tưởng giải phóng đất nước đánh đuổi kẻ thù luôn là động lực thúc đẩy để người chiến sỹ cách mạng vượt lên và chiến thắng. Trong hoà bình xây dựng đất nước, không phải là không có kẻ thù, không có những cản trở dè hèn luôn rình rập để lôi kéo con người tha hoá, biến chất. Chính cái lý tưởng sống nhân ái, mong muốn dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh lại là niềm cổ vũ, là sức mạnh để những con người tự khẳng định và trưởng thành.

Chúng ta có thể kể ra rất nhiều những nét tiêu biểu của lối sống đẹp – sống có ích. Nếu như trong chiến tranh, như đã nói ở trên, cha anh ta đã sống và cống hiến quên mình cho nền độc lập dân tộc; tính mạng con người và cuộc sống hạnh phúc cá nhân đều được tình nguyện gác lại, tình nguyện hy sinh, họ sẵn sàng đánh đổi những gì là riêng tư nhất để đổi lấy nền độc lập dân tộc. Họ “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” khi tuổi đời còn rất trẻ và cống hiến xứng đáng vào sự nghiệp chung của Tổ quốc. Khi Tổ quốc cần, họ đã tự nguyện ra đi, chiến đấu và hy sinh anh dũng. Đó là sự dân thân, cống hiến hoàn toàn tự nguyện khi bản thân đã hiểu thế nào là lẽ sống của một con người và lý tưởng của Người Cộng sản. Biết bao nhiêu anh hùng, liệt sĩ đã nghĩ và hành động như

vậy, thì ngày hôm nay, sống giữa đất trời hoà bình, khi chiến tranh đã lùi xa, mọi sự so sánh giữa thời chiến tranh với thời hiện tại phần lớn đều có rất nhiều sự khác biệt, nhưng có một điểm chung rất thống nhất trong tình cảm và lí trí của thế hệ trẻ chúng tôi hôm nay chính là: lý tưởng sống, khát vọng sống và cống hiến cho Tổ quốc. Bởi tôi nghĩ, ở mỗi con người nhu cầu khẳng định mình là rất lớn; nhất là ở tuổi trẻ, chúng tôi luôn luôn khát khao được thực hiện những ước mơ và khát vọng của bản thân.

Thực tế, trong cuộc sống có rất nhiều những tấm gương để chúng ta suy nghĩ và học tập noi theo. Với tôi, đó là tấm gương của em học sinh vượt nghèo khó để học và học rất giỏi Nguyễn Vũ Hoàng – Trường THPT Bồ Trạch – Quảng Bình. Em có thể quá xa tôi về khoảng cách địa lý, tuy nhiên tôi luôn cảm thấy em rất gần và có nhiều điều để cho tôi học tập.

Sinh ra trong một gia đình nghèo trên mảnh đất nghèo, khô cằn bởi khí hậu và bom đạn, tưởng rằng như thế cũng đã là thử thách giành cho Hoàng, nhưng không, mẹ Hoàng lại còn bị bệnh hiểm nghèo, bố là thương binh, sức khoẻ yếu. Trong hoàn cảnh đó em đã biết vượt lên số phận để vừa lao động mưu sinh vừa học tập. Niềm khát khao được học tập của em đã làm cho bà ngoại của em đã có một hành động rất đáng nhớ, đó là hàng ngày đi cắt lúa mót, vừa là để ăn, vừa là để bán, bởi mùa nào thì thức đó, bà đều đặn để vào hũ tiết kiệm tiền cho Hoàng đi học: 1.000 đồng. Điều tôi học được từ Hoàng đó chính là ý chí phấn đấu không mệt mỏi của em. Không cam chịu, không đầu hàng số phận, không buông xuôi bản thân mình em đã cố gắng và đã là học sinh giỏi trong 12 năm liền và hơn thế em đã là người vinh dự đội vòng nguyệt quế của chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” với một phần thưởng vô cùng lớn lao đó là được đi du học nước ngoài. Thành tích của em đã đem lại nghị lực để chiến thắng bệnh tật cho người mẹ, niềm vui cho người bà rất mực thương yêu em và là tấm gương cho người em nhỏ trong gia đình và hơn thế, nó đã nâng cánh cho ước mơ cống hiến cho quê hương, đất nước của em dần trở thành hiện thực. Và tôi tin, em lớn lên từ nghèo khó và trưởng thành bằng nghị lực, em sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành công, sẽ là người thanh niên sống có ích cho xã hội em sẽ luôn là tấm gương sáng về “Sống đẹp” cho rất nhiều người dù cho hoàn cảnh sống của họ có giống em hay không.

Vâng! Có lẽ vì thế mỗi con người chúng ta, ai cũng đều có riêng cho mình những mục đích sống, những lý tưởng, ước mơ và hoài bão. Nhưng để “Sống đẹp” thì ai cũng phải tự nhìn lại chính mình để suy ngẫm về mục đích sống, những lý tưởng, những ước mơ và hoài bão đó. Và có lẽ còn khó khăn hơn để chúng ta hiểu cặn kẽ thế nào là “Sống đẹp - sống có ích” ?

Riêng bản thân tôi: “Sống đẹp” đó chính là mình phải biết sống vì cái chung của xã hội và của mọi người, phải biết xa rời cái chủ nghĩa cá nhân, thực dụng. Để từ đó xây dựng cho chính mình một lối sống “Sống đẹp” cho mọi người và cho xã hội. Một nhà thơ đã từng viết: “Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”. Sống đẹp là nếp sống của một con người có phẩm chất đạo đức tốt, biết hy sinh và cống hiến, không đơn điệu, cá nhân, mà phải biết hoà mình với cộng đồng, với tập thể, biết yêu thương, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi khó khăn hoạn nạn. Sống có ích là lối sống biết hy sinh, biết gạt bỏ những lợi ích riêng tư để tìm cái chung và chia sẻ những đau thương mất mát của người khác, biết đóng góp và cống hiến hết sức mình vì lợi ích, tương lai của Tổ quốc, của dân tộc.

Gần đây, qua hai cuốn nhật ký của Đặng Thùy Trâm và Nguyễn Văn Thạc, chúng ta như được sống lại không khí thời chống Mỹ. Tôi rất tâm đắc với lời nhận xét của nhà phê bình văn học Vương Trí Nhàn: “Sự tận tụy làm người của Đặng Thùy Trâm là nhân tố khiến cho những người lính Mỹ khác hẳn về lý tưởng cũng phải kính trọng.”

Trước mắt tôi hiện lên hình ảnh một cô gái Hà Nội nhỏ bé, một nữ bác sĩ trẻ phụ trách một bệnh viện dã chiến trong rừng sâu Đức Phổ, Quảng Ngãi. Đêm đêm, sau những lúc mệt mỏi vì chăm sóc thương binh, chị lại ngồi cặm cụi ghi những dòng nhật ký, ghi lại những khát vọng sống, khát vọng yêu thương, khát vọng làm người. Chị và đồng đội của chị đã chiến đấu và hy sinh với mong muốn ngày mai đất nước ta tươi đẹp, hoà bình thống nhất hai miền, để những đứa em Miền Nam kết nghĩa của chị được ra thăm Miền Bắc, để mọi người dân được sống trong hạnh phúc, ấm no.

Tôi lại nghĩ đến một số không ít những thanh niên thế hệ chúng tôi ngày nay, sinh ra trong những gia đình giàu có đang lao vào những cuộc ăn chơi thác loạn, quay cuồng trong những hộp đêm với thuốc lắc hoặc đua xe găm rú trên đường phố như những hung thần. Tôi lại nghĩ đến những cán bộ thoái hoá biến chất đang sống trong nhung lụa, trong những căn hộ cao cấp, thừa mứa những tiện nghi đắt tiền. Họ còn tìm đủ mọi mánh lới thủ đoạn để tham những tiền bạc của nhà nước của nhân dân đem cung phụng cho bồ nhí, thư ký riêng... trong khi đó nhiều gia đình còn đang sống trong những căn nhà dột nát, bữa no, bữa đói, thiếu nước, thiếu điện.

Tóm lại, “Sống đẹp” không là một khái niệm xa vời, khó thực hiện; trái lại nó tồn tại ngay trong cách nghĩ, cách làm hay nói gần hơn là trong cách ăn nói, ứng xử trong lao động, công tác, học tập và đời sống thường nhật của mỗi con người. Nói rõ ra, thanh niên ngày nay sống đẹp, sống có ích trước hết phải là sống có lý tưởng, mục đích rõ ràng, trung thành với mục tiêu của chính mình. Mỗi người có thể có mục tiêu khác nhau, nhưng nhất thiết không phải là một lối sống vị kỷ mà luôn hướng tới cộng đồng, như nhà thơ Tố Hữu trong buổi đầu bản thảo đi kiếm lẽ yêu đời đã viết:

*Tôi buộc lòng tôi với mọi người  
Để tình trang trải với muôn nơi  
Để hồn tôi với bao hồn khổ  
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời*

## Bài làm 2

Mới đây, tôi được đọc một loạt bài phóng sự điều tra về những tệ nạn xã hội mà chủ yếu là ở giới trẻ: nghiện ngập, đua xe, cướp của, giết người... Tất cả đều đúng thực hiện bởi những cá nhân chưa qua tuổi 20. Những con người ấy "sống không niềm tin" không lý tưởng, sống không hứa hẹn, không nhìn vào ngày mai để khỏi phải giữ lời, ("Bay trên những xa lộ từ thần" - Đinh Loan - Tập phóng sự điều tra "Lắc - vòng xoáy cuộc đời" - NXB Công an nhân dân - Tr.19). Lại nhớ đến câu hỏi lớn của nhà thơ Cách mạng Tố Hữu: "Oi, sống đẹp là thế nào hở bạn?" lại càng là một khái niệm trừu tượng mà mỗi người có một cách hiểu riêng. Những hành động như trên liệu có phải là "sống đẹp"? Mỗi người phải làm thế nào để "sống cho đẹp"?

Trước hết cần phải hiểu từ “sống” không phải là một khái niệm tồn tại đơn thuần. "Tồn tại nhưng phải để cho người khác biết có sự tồn tại của mình tức là phải thể hiện rằng "Tôi đang ở đây! Tôi có mặt trên cõi đời này, bằng hành động trong cuộc sống chứ không phải chỉ lặng lẽ như một cái bóng qua đêm rồi lại đến ngày". Và mỗi người chọn cho mình những cách thể hiện khác nhau hình thành lên những cách sống khác nhau: sống đẹp, sống có ích và lối sống ích kỷ, buông thả thậm chí chìm trong vòng tội lỗi. Như vậy “sống đẹp” là một lối sống tích cực mà mỗi người cần phải hướng tới. Nhưng sống thế nào mới là lối "sống đẹp", còn là điều bản thảo của rất nhiều người.

“Đẹp” không phải chỉ là cái đẹp hình thức. Cái "đẹp" thể hiện từ những hành động cư xử nhỏ nhất trong cuộc sống đến nghị lực vươn lên trong mỗi con người. "Sống đẹp" trước hết phải xuất phát từ lòng nhân ái, từ chính tình yêu trong trái tim để từ đó mà sống hết mình vì người khác, để bao dung, thứ tha ... Xuất phát từ tình yêu thương nên bất cứ hành động nào dù là nhỏ nhất cũng đầy sự quan tâm, chia sẻ giữa những con người. Một sáng đến trường, bạn không sợ muộn học mà dừng lại giúp một cụ già qua đường. Mỗi ngày dành dụm tiền để ủng hộ quỹ "Vì người nghèo". Những hành động ấy dù nhỏ nhặt nhưng đều là những nghĩa cử cao đẹp.

Lại nhớ đến hơn 30 năm trước đây, người con gái Hà Nội Đặng Thuỳ Trâm xung phong vào chiến trường Quảng Trị gian khổ bản thân chịu những thiệt thòi nhưng chị vẫn dành một tình thương bao la cho những người quanh chị. Bất lực trước một ca mổ, chị đau đớn, lo lắng cho người em nuôi giờ này đang đề nặng tang tóc, đêm chị mất ngủ.

Tất cả những điều ấy đều xuất phát từ lòng yêu thương trong trái tim chị! Để chính từ những lo lắng, đau đớn ấy dân tộc Việt Nam có một người con anh dũng, kiên cường tận tụy làm người. Đó là chuyện của 30 năm trước, còn giờ đây có biết bao người ngày đêm nhen lên ngọn lửa tình yêu thương trên cõi đời này. Một nhà giáo già ngày ngày đạp xe khắp chôn bán những bức hình cụ Rùa Hồ Gươm mà thầy vô tình chụp được để lấy tiền góp vào quỹ "Vì người nghèo". Bao nhà hảo tâm, bao con người có mỗi năm lại lắng lòng mình nhớ đến những người còn trong đói khổ bần cùng.

Cuộc sống muôn màu muôn vẻ tạo nên muôn nghìn gương mặt con người khác nhau: có người tốt, kẻ xấu, có những người từng gây ra tội ác. Nhưng không có ai chưa từng sai lầm. Dẫu có lầm lạc bước vào ngõ cụt vẫn có thể quay đầu lại. Chúng ta vẫn luôn dang tay chờ đón một con người mới ở những người từng mắc tội. Mỗi dịp lễ lớn, không chỉ những người ngoài khung sắt nhà lao mới náo nức chờ đợi mà những người ở trong cũng vui mừng vì mỗi dịp ấy họ lại có cơ hội được ân xá, được trở về với người thân, bè bạn. Chào đón họ bằng lòng bao dung tha thứ, tin vào một sự thay đổi ở họ đó cũng là "sống đẹp". Chính nhờ có lòng yêu thương mà không ít người tìm lại được chính mình. Có một nhà thơ với bút danh "Hoàn Lương" từng nửa đời làm tướng cướp trên những chuyến tàu Đà Nẵng - Nha Trang, làm đại gia buôn lậu xảo quyệt, thi nhân ấy tên là "Nguyễn Đức Tân" (Đông Mỹ - Thanh Trì - Hà Nội). Nửa đời làm việc thất đức nhưng trong trại giam được nghe lời khuyên nhủ tâm tình của giám thị, như người tỉnh con mê anh tâm sự:

*“Đêm đêm nghe tiếng vọng vang Tiếng  
ngoài xã hội rộn ràng trong đêm Đã  
buồn lại thấy buồn thêm  
Khát thèm cuộc sống ấm êm ngoài đời”*

Và cuộc đời của tên tướng cướp ấy rẽ sang một ngã khác khi mãn hạn tù, anh trở thành một nhà thơ, một thành viên của đội Công an xã. Khi được hỏi làm thế nào mà cá sự thay đổi lớn trong anh như vậy, tướng cướp, thi nhân ấy trả lời nhờ có sự bao dung, tình yêu của người vợ hiền và của tất cả mọi người.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng viết "Sống trên đời cần có một tấm lòng. Để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi...". Gió sẽ cuốn những tấm lòng thảo thơm gieo tình yêu khắp muôn nơi, mang lại ánh sáng cho miền đất tăm tối, mang lại hạnh phúc cho những người cùng khổ. Mỗi chúng ta, hãy gửi theo gió tấm lòng mình để cứu giúp bao người và để chính chúng ta là những con người có lối "sống đẹp".

“Cuộc sống không có con đường cùng - chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải làm sao để vượt qua được những ranh giới ấy” (Nguyễn Khải). Cuộc sống luôn chứa đựng những thử thách, và không ai là không vấp ngã một lần. Vậy nhưng sau cú ngã đau đớn ấy, bạn làm gì mới là điều đáng nói. Trong đầu tôi cứ thể hiện lên hình ảnh con lật đật nhỏ bé miệng luôn nở nụ cười và lần nào vấp ngã cũng bật dậy, trên môi vẫn là nụ cười lạc quan. Đã bao giờ bạn được như con búp bê ấy, kiên cường và nghị lực?... Đọc Đặng Thùy Trâm, những dòng tâm sự của chị, từng câu từng chữ bao giờ cũng tràn ngập một lòng ham sống phi thường. "Đời phải trải qua giông tố nhưng chớ cúi đầu trước giông tố ". Câu nói tâm đắc ấy của chị, giờ đây, mỗi chúng ta cũng phải lấy đó làm châm ngôn sống cho cuộc sống của mình.

Tôi được nghe thầy dạy Hoá kể câu chuyện về người học trò cũ của thầy. Anh là một học sinh chăm ngoan, học giỏi, luôn nằm trong nhóm đầu. Vậy nhưng trong kỳ thi Đại học quan trọng anh lại trượt điều tưởng như không thể đã xảy ra. Đau buồn, thất vọng về chính mình, cuộc sống của một thanh niên 18 tuổi lúc ấy chỉ toàn một màu đen khi bao hứa hẹn tương lai, kỳ vọng của gia đình, thầy cô đều sụp đổ. Không chịu giam mình trong màn đêm, anh tự mình thắp lên ngọn nến niềm tin và tiếp tục học tập hết mình. Anh đã đỗ vào năm sau với một số điểm cao. Dù so với bạn bè, anh là người đến sau nhưng anh lại là người đạt được chiến thắng lớn nhất: Chiến thắng chính mình, cuộc sống với những ranh giới của nó luôn bao quanh bạn. Nếu không có nghị lực làm sao bạn có thể đi hết được con đường của riêng mình ? Từ số 1 đến số 0 chỉ trong gang tấc nhưng khoảng cách từ số 0 đến số 1 trên trục đời là cả một quá trình mà nếu không có niềm tin, nghị lực, bạn sẽ mãi chỉ là con số 0 mà thôi. Hãy là một người bộ hành với đôi chân dẻo dai sẵn sàng đạp lên mọi chông gai để bước đi: "Chặng đường nào trải bước trên hoa hồng, bàn chân cũng thấm đau vô vàn những mũi gai" - Lời bài hát của ban nhạc tôi yêu thích cứ văng vẳng bên tai. Bàn chân có thể sẽ chảy máu vì gai nhọn nhưng đừng ngồi xuống rên xiết, hãy để máu ấy thấm lên những cánh hồng đỏ thắm trên bước đường vinh quang của bạn! Làm được như vậy tức là bạn đang "sống đẹp", sống và luôn giữ cho mình một niềm tin vào ngày mai, luôn có một nghị lực vươn lên hướng đến ánh mặt trời. Tôi từng đọc một bài thơ nghe qua tưởng chỉ là thơ vui nhưng lại mang một ý nghĩa sâu sắc:

*“Khi anh sinh ra Mọi  
người đều cười Riêng  
anh thì khóc tu tu  
Hãy sống sao để khi chết đi  
Mọi người cùng khóc  
Còn môi anh thì nở nụ cười”*

Bạn và tôi, hãy tự chiêm nghiệm cho mình lối sống đẹp để khi ở cuối con đường, chúng ta đều mỉm cười mãn nguyện!

**Đề 3: Tình thương là hạnh phúc của con người.**

Bài làm 1

Khi còn ở tuổi thiếu niên, dường như mọi người trong chúng ta thường nhìn nhận khái niệm hạnh phúc rất đơn giản là những điều mình mong muốn. Bước vào cuộc sống, bạn thật sự đặt chân lên cuộc hành trình tự khẳng định mình, tìm kiếm giá trị cuộc sống và ý nghĩa bản thân, bạn sẽ nhận ra rằng " Tình Thương Là Hạnh Phúc của Con Người ". Đó cũng chính là 1 chân lí vĩnh hằng của cuộc sống.

Dù mơ hồ hay rõ ràng, ai cũng có thể nhận ra rằng tình thương là những tình cảm đẹp đẽ và nồng nhiệt của con người, gắn kết những trái tim đồng cảm. Nó có thể là tình cảm lứa đôi, tình cảm gia đình, bè bạn và cao hơn cả là tình người nói chung. Đó có thể là những tình cảm bình dị nhất, gần gũi nhất từ sự quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống đến những tình cảm lớn lao hơn mang tính giai cấp, cộng đồng. Tình thương - đó là tấm lòng yêu thương chân thành và trong sáng - là tình cảm chỉ trao đi mà ko cần nhận lại, không vụ lợi, không toan tính. Có thể nói, tình thương là 1 thứ tình cảm đẹp đẽ luôn tồn tại trong bản chất của mỗi con người. Và kết quả của sự yêu thương đó là sự thỏa mãn của con tim - cái được gọi là niềm hạnh phúc. Hạnh phúc là gì ?

Tự bao đời nay, con người luôn khao khát yêu thương, luôn kiếm tìm hạnh phúc. Người ta có thể cảm nhận được hạnh phúc nhưng để mô tả nó 1 cách rõ ràng thì ko phải là 1 điều đơn giản. Chỉ có thể nói về hạnh phúc như là 1 trạng thái sung sướng vì cảm thấy thỏa mãn ý nguyện. Nhưng đó không chỉ đơn thuần là ước muốn vật chất hay sự thành công, mà là cả 1 tổng thể bao gồm những khái niệm hết sức trừu tượng, nhưng cũng thật đơn giản biết bao. Có đôi lúc, hạnh phúc chỉ đơn giản là giọt nước mắt nóng hổi của mẹ và tiếng cười ấm áp của cha khi nhìn con ra đời khỏe mạnh. Hạnh phúc có khi chỉ đơn giản là niềm xúc động khi nhận được 1 sự giúp đỡ hay 1 lời chia sẻ chân thành. Đối với nhiều người, hạnh phúc bắt đầu từ điều đơn giản nhất, khi mỗi sớm mai thức dậy, thấy mình sống có ích trên cõi đời.

*" Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy  
Ta có thêm ngày nữa để yêu thương "*  
( *Trịnh công Sơn* )

Hạnh phúc đôi khi chỉ đơn giản và bình dị thế thôi. Sự thật là có 1 mối liên hệ không thể tách rời giữa hạnh phúc và tình thương. Con người ko thể sống hạnh phúc mà không có tình thương. Tình thương mang lại hạnh phúc cho người nhận nó, giúp họ có thêm nghị lực để vượt qua mọi thử thách, khó khăn; là động lực giúp họ ngày càng hoàn thiện hơn. Trong " Những người khốn khổ " ( V.Huy-gô ), triết lí tình thương của nhân vật Giăng-Van-Giăng đã có ý nghĩa lớn lao, thay đổi số phận và giáo hóa con người. Giăng-Van-Giăng đã thay lời Huy-gô để nói lên 1 triết lí: " Trong đời chỉ có 1 điều, ấy là yêu thương nhau "

Không chỉ với người nhận, sự trao đi tình thương cũng là điều mang lại hạnh phúc. Khi bạn giúp đỡ 1 bà cụ đi qua đường thì bạn cảm thấy thế nào? Câu trả lời nằm trong tim bạn, có phải bạn đang vui...??. Thế có nghĩa là bạn đang hạnh phúc đấy. Trao đi yêu thương 1 cách tự nhiên, chúng ta sẽ nhận lại hạnh phúc xứng đáng. Bởi: khổ đau được san sẻ sẽ vơi nữa, còn hạnh phúc dc san sẻ sẽ nhân đôi. Thomas Merton đã từng nhận xét: " Nếu chúng ta chỉ biết tìm hạnh phúc cho riêng mình thì có thể chúng ta sẽ chẳng bao giờ tìm thấy. Hạnh phúc đích thực là biết sống vì người khác - 1 tình yêu không vị kỉ, không đòi hỏi phải được đền đáp "

Đúng vậy, được yêu thương là 1 hạnh phúc, nhưng yêu thương người khác còn là 1 hạnh phúc lớn hơn. Tình thương mang lại hạnh phúc cho con người. Đó chính là lí do tại sao mỗi người, đặc biệt là thế hệ trẻ chúng ta phải biết rèn luyện bản thân, để tạo nên hạnh phúc cho bản thân, cho

gia đình và xã hội."Cái đẹp cứu vớt thế giới"(Đốt-x-tôi-ép-xki). Tình thương là nét đẹp tiềm ẩn sức mạnh vĩ đại, là niềm hạnh phúc quý giá của con người. Cần biết trân trọng những gì ta đang có, yêu thương và san sẻ để cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn.

Ngày nào ta còn sống, tức là ta còn có cơ hội để cảm nhận hạnh phúc của cuộc đời. Vì vậy, chúng ta hãy chia sẻ lòng tốt và lòng nhiệt tình đối với người khác. Một câu ngạn ngữ của Scotland nói rằng:" Hãy sống thật hạnh phúc khi bạn còn đang sống - Bởi vì bạn chỉ có 1 lần sống duy nhất mà thôi!" Thế còn bạn thì sao? Tôi thì sao? Liệu chúng ta có biết nhận ra những điều tương tự? mỗi ngày chúng ta có 24h để sống, để yêu thương, để phát hiện những điều tuyệt vời nhất trong cuộc sống. Hãy cho đi tình thương để có thể cảm nhận cuộc sống một cách đầy đủ nhất, tuyệt vời nhất, tròn vẹn nhất, bạn nhé...

## Bài làm 2

*"Trẻ em như búp trên cành  
Biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan"*

Sinh thời, Bác Hồ của chúng ta rất yêu thương và quan tâm đến thanh thiếu niên đặc biệt là các em nhi đồng. Các em luôn tạo mọi điều kiện để vui chơi và học tập, vô tư hồn nhiên như chính tuổi thơ của mình vậy. Ngày nay, trường lớp được đầu tư xây dựng khang trang nhiều hơn, trẻ em được đến trường học tập vui chơi cùng bạn bè, thầy cô. Nhưng bên cạnh đó, chúng ta không khỏi xót xa thương cảm khi bắt gặp những em bé phải lao động để lo chén cơm, manh áo từng ngày cùng với những sấp vé số trên tay hay những tờ báo đi khắp phố phường bán rong, và thấp thoáng ở đâu đó những hình ảnh nhỏ nhắn của các em trong những bãi rác để tìm phế liệu bán kiếm tiền.

Chúng ta sẽ suy nghĩ gì khi chính chúng ta chứng kiến những cảnh tượng cảm động ấy?

Văng hình ảnh trẻ em lang thang, cơ nhỡ, mồ côi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, kiếm sống ở các thành phố, thị trấn đã và đang được các cơ quan ban ngành chú trọng và quan tâm nhiều hơn với những trung tâm bảo trợ trẻ em, hay làng SOS.... đã được đầu tư xây dựng với quy mô ngày càng mở rộng. Chính những nơi đây đã trở thành mái ấm tình thương là "một đại gia đình" cho các em có thể vui chơi, học tập, rèn luyện để trở thành những công dân tốt, sống lành mạnh và không là gánh nặng cho xã hội.

"Trong đêm một bàn chân đứa bé xiêu lang thang trên đường, ánh mắt buồn nghẹn ngào của em, em rất buồn vì không biết đi, đi về đâu. Cuộc sống mưu sinh chỉ làm em qua cơn đói từng ngày, vì em không cha vì em đã mất mẹ đau thương vẫn là đau thương". Xa xa đâu đó vẫn còn văng vẳng lời bài hát "đứa bé" của nhạc sĩ Minh Khang làm cho chúng ta không khỏi xúc động, lòng người không khỏi da diết với nỗi lòng đau nhói, quặng thắt từng cơn khi những hình ảnh đứa bé lang thang trong đêm tối để rồi không định hướng được tương lai cũng như không biết đi về đâu trong đêm tối lạnh giá. Gia đình ư? Người thân ư? không. Em không có gia đình và chẳng có người thân, ba mẹ đã bỏ em ra đi mà không trở về nữa. Biết trách ai đây! có lẽ các em đã cố nén đi nỗi bất hạnh để đau thương đêm ngày thành thương đau. Thử hỏi cộc đời này còn có trái tim nào sắt đá hơn nữa, khi nghe giọng nói cảm động nhưng trong sáng và ấm áp của các em cất lên:"Bác ơi! mua giúp con vài tấm vé số đi chú" hay "chú ơi! đánh giày phụ con đi chú"... Thật khó có lời nào lẽ nào để diễn tả hết những cảm xúc rung động trong trái tim mọi người dù "em có một ước mơ một vì sao sáng dẫn lối em trong cuộc đời, đã lâu rồi em đã không có tình thương".

Những mái ấm tình thương luôn mở rộng cánh cửa đón chào các em và ngày càng có nhiều cá nhân, gia đình, các mạnh thường quân tổ chức nhận nuôi dạy các em, kể từ đây khôn còn phải lo miếng cơm manh áo nữa. Những ước mơ những ước mơ được vui chơi, được học tập của em không còn là mơ ước. Các em sẽ được đến trường, vui chơi, nô đùa cùng chúng bạn hoà nhập với thế giới hồn nhiên của trẻ thơ.

Các em sẽ không còn 'co ro trong manh chiếu rách', sẽ không ngủ đầu đường xoá chợ, lang thang khắp phố phường nữa mà thay vào đó là một tương lai tươi sáng đang đón chào các em, các em không phải mặc cảm, tự ti và cũng chẳng còn những tháng ngày mưa nắng cùng với mảnh bánh mì trên tay lót dạ để quên đi cơn đói từng ngày hành hạ thân xác nhỏ nhắn, ốm yếu của em.

Thật vậy, lòng nhân ái của con người không có gì có thể sánh được, mọi người hãy mở rộng trái tim giúp đỡ và yêu thương các em, để các em có đủ tự tin và nghị lực vượt qua những khó khăn để trở thành mầm non, một nền tảng tương lai của đất nước. Dân tộc Việt Nam chúng ta chú trọng nhất truyền thống nhân đạo nên vậy giờ đây chúng ta hãy mở rộng vòng tay nhân ái bằng cách giúp đỡ các em nhiều và nhiều hơn nữa để ngày mai tương lai các em được tươi đẹp hơn. Niềm vui của mọi người sẽ được nhân lên. Có khi nào bạn nghĩ phía sau của những căn nhà sang trọng, có những đứa trẻ được nương chiều sống buông thả, tron khi sau đó có biết bao các em bé khác khát khao khát một phần hạnh phúc nhỏ là có nơi che mưa, che nắng, bố mẹ nâng niu nương chiều hay được nhẹ nhàng đặt lên má những nụ hôn trước những buổi đến lớp.

Vậy chúng ta còn chờ gì nữa? mà "hãy lau khô cuộc đời em bằng tình thương, lòng nhân ái của con người mà hãy lau khô giọt nước mắt trong lòng em bằng tất cả trái tim con người Việt Nam".

Một xã hội văn minh tươi đẹp khi xung quanh bạn không còn phải thấy những đứa bé lang thang, vất vả kiếm sống và chúng ta phải biết sẽ chia tình cảm thân thương chan hoà với mọi người bằng tất cả những gì mà bạn đang có.

**Đề 4: “Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”.**

**Ý kiến của M.Xi-xê-rông (nhà triết học La Mã cổ đại) gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân.**

### Bài làm 1

Danh ngôn có câu:

*“ Ý nghĩa là nụ hoa  
Lời nói là bông hoa  
Việc làm là quả ngọt”.*

Thật đúng như vậy, cuộc sống của chúng ta có ý nghĩa như thế nào là tùy thuộc vào cách thể hiện của mỗi con người. Một quan niệm có nội dung tương tự: “ Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”. Vậy “đức hạnh” là gì? Và tại sao hành động lại là nơi chứa đựng mọi phẩm chất của đức hạnh?

Trước hết cần phải hiểu “ đức hạnh” là những đức tính tốt đẹp của con người. “Phẩm chất” có thể hiểu nôm na là những tính cách, tính chất bên trong của con người. Nó có ý nghĩa trái ngược hoàn toàn với “hành động”, là những cử chỉ việc làm bên ngoài. Như vậy, ta có thể hiểu



câu nói trên như là một lời nhân xét, một kinh nghiệm của M. Xi-xê-rông: những đức tính tốt đẹp của con người đều được thể hiện qua hành động. Nếu những cử chỉ và hành động của bạn là đúng, điều đó đồng nghĩa với việc bạn là người có nhân cách tốt, có đức hạnh. Ngược lại, nếu bạn có những cử chỉ, hành động không đẹp, thì có thể lắm bạn là một người chưa hoàn thiện về nhân cách, bạn còn cái lối sống ích kỉ, chỉ nghĩ cho riêng mình.

Nhiều người đã tự hỏi làm thế nào để có thể làm được như câu nói trên. Thật ra câu trả lời rất đơn giản. Bạn không cần phải làm những việc lớn lao hay hy sinh những thứ quý giá của mình thì mới gọi là những cử chỉ, hành động đẹp. Mỗi buổi sáng đi học, bạn không sợ trễ học mà dắt một cụ già qua đường. Mỗi tháng, bạn gom góp báo cũ đem bán để ủng hộ “Quỹ vì người nghèo”. Ở nhà, bạn quan tâm, giúp đỡ và chăm sóc cho những người thân của mình. Khi đến trường, bạn cố gắng học tập và cư xử lễ phép với thầy cô, quan tâm đến bạn bè. Tất cả những điều đó thể hiện bạn là một người có những đức tính tốt và cao đẹp.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt phải còn có những mặt trái của vấn đề. Đôi lúc, những hành động, cử chỉ đẹp lại không chứa đựng những đức tính tốt đẹp. Có những người làm những điều đó vì những mục đích không tốt, để qua mặt người khác. Lại cũng có những người không hề có những đức tính tốt đẹp, nhưng họ giả vờ có những cử chỉ hành động cao đẹp để chiếm lấy trái tim của người khác. Những việc làm của họ không nói lên họ là những người có đức tính tốt mà ngược lại họ còn làm cho người khác cảm thấy khinh bỉ và ghê tởm. Những con người đó rất đáng bị phê phán vì nếu cứ để họ tồn tại như vậy sẽ gây nên những tổn hại không đáng có cho người khác và cho xã hội.

Tóm lại, mỗi học sinh chúng ta phải cố gắng rèn luyện đạo đức và trau dồi kiến thức. Hãy nhìn mọi người bằng con mắt yêu thương, trìu mến. Bạn sẽ thấy cuộc sống tươi đẹp hơn và muốn hành động, cư xử đẹp hơn. Qua đó, bạn sẽ cảm nhận được những đức tính tốt đẹp của mình.

## Bài làm 2

Những phẩm chất cao quý trong tâm hồn con người luôn là một mục tiêu mà chúng ta vươn tới. Đó chính là đức hạnh. Những phẩm chất đó tô điểm cho tâm hồn chúng ta, làm chúng ta luôn hoàn thiện bản thân mình. Muốn thế, chúng ta phải thể hiện qua hành động, qua hành vi cử chỉ hàng ngày của chúng ta. Và vì vậy, mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”.

Đức hạnh là gì? Đức hạnh là những gì cao quý nhất, trong sáng nhất trong tâm hồn của mỗi con người chúng ta. Hành động là gì? Hành động là những gì biểu hiện ra bên ngoài, qua đó thể hiện những tính cách của mỗi người. Những phẩm chất và hành động của con người là khác nhau, tạo nên sự khác biệt trong tính cách của mỗi thành phần trong xã hội.

Vậy chúng ta phải làm gì để có được những phẩm chất cao quý và trong sáng mà chúng ta gọi là đức hạnh? Thật ra, đức hạnh là một điều không khó để vươn tới. Nó không quá cao siêu, chỉ là những gì nhỏ nhất đủ để đánh giá một con người. Giúp một bà cụ qua đường, tìm mẹ cho một em nhỏ bị lạc, hay đơn giản chỉ là một nụ cười khi ta gặp một người quen ngoài đường, tất cả đã góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách của mỗi con người chúng ta. Như thế, cuộc sống sẽ dễ dàng hơn với mọi người, làm cho quan hệ giữa người với người càng trở nên tươi đẹp và góp phần biến xã hội chúng ta thành một nơi “tốt hơn cho bạn và cho tôi”.

Đức hạnh chỉ đơn giản, không cầu kì, phức tạp để đạt được. Nhưng chúng ta không nên quá đơn giản nó đi. Đừng chỉ nghĩ mà không làm rồi sau đó ru ngủ bản thân rằng: “những gì mình làm đã là tốt nhất”. Nghĩ phải đi đôi với hành động, và những phẩm chất đó cũng cần hành động

để thể hiện chúng ta. Bây giờ, mở lòng mình ra với thế giới bên ngoài, nhìn xung quanh và hãy bắt đầu hành động. Không khó để xây dựng đức hạnh trong mỗi con người chúng ta

Bây giờ, chúng ta là thanh niên, là thế hệ tương lai và kế cận của xã hội sau này. Hãy xây dựng một hình ảnh, một tính cách bằng những hành động của chúng ta, bắt đầu bằng những hành vi nhỏ nhất, để xã hội ngày càng tươi đẹp và tốt hơn. “Cho bạn và cho tôi, cho tất cả mọi người.”. Và hãy nhớ rằng, “mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”.

**Đề 5: Hãy phát biểu ý kiến của mình về mục đích học tập do UNESCO đề xướng: “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”.**

### Bài làm

Trong thời đại khoa học tiên tiến như hiện nay, giáo dục đóng vai trò vô cùng quan trọng. Học tập là vấn đề được toàn xã hội quan tâm. Vậy học hỏi để làm gì? Trả lời cho câu hỏi này UNESCO đã đề xướng mục đích học tập: " Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình ".

Mục đích học tập mà UNESCO đề ra không chỉ phù hợp với thời đại mà còn là mục đích rất nhân văn. Mục đích học tập phải đáp ứng 2 yêu cầu: tiếp thu kiến thức và yêu cầu thực hành, vận dụng kiến thức, từng bước hoàn thiện nhân cách. Trước hết : " học để biết". Bài học đầu tiên của mỗi học sinh là học chữ cái, con số rồi cách viết, cách đọc. Chính từ nền tảng cơ bản nhất ấy đã dần hình thành nên 1 hệ thống kiến thức toàn diện ở mức phổ thông. Học ở đây là quá trình tiếp nhận kiến thức do người khác truyền lại và tự mình làm giàu vốn kiến thức cho mình. Qua việc học, chúng ta biết được những quy luật vận động của tự nhiên, những quy tắc chuẩn mực của xã hội, cách sống và hiểu hơn về giá trị cuộc sống. Thu nhận kiến thức có thể nói là mục đích học tập cơ bản nhất. Học tập trau dồi trí thức cho con người và làm cho trí tuệ con người sáng rạng ra.

Tuy nhiên, ông cha ta quan niệm: "Trăm hay không bằng tay quen". Nếu như chỉ chăm học lí thuyết mà không chịu thực hành thì khi làm việc không tránh khỏi những khó khăn, thậm chí là thất bại. Một ví dụ dễ thấy rằng: trong cuộc sống của chúng ta, không ít người hiểu rộng biết nhiều nhưng khả năng thực hành lại rất kém. Ngược lại, tại sao những người nông dân "chân lấm tay bùn" suốt ngày "bắn mặt cho đất, bán lưng cho trời" không được học hành, đào tạo qua trường lớp nào mà tay nghề lại tài giỏi, xuất sắc như vậy? Đó là khả năng quan sát, đúc rút kinh nghiệm trong lao động của họ. Những người hay nói mà không hay làm là những người vô dụng. Đó là những con người chỉ biết trang trí bản thân chứ ko biết rèn luyện bản thân.

Như vậy "học" thôi chưa đủ mà còn phải "đi đôi với hành" nữa. Tất nhiên, chúng ta ko nên nghiêng thiên diện 1 phía: "học" quan trọng hơn hay "hành" quan trọng hơn mà cần biết điều hòa kết hợp giữa 2 yếu tố trên. Trong xã hội ngày nay, tri thức là tiền đề quan trọng. Để hoàn thành được công việc có kĩ thuật cao cần phải nắm vững lí thuyết để vận dụng cho phù hợp. Công nghệ hiện đại khác nhiều với việc cày cấy, luân phiên mùa vụ của nông dân trên đồng ruộng. Lí thuyết gắn với thực hành sẽ tạo ra năng suất công việc cao hơn. Qua đây, ta thấy được tác động 2 chiều giữa "học" và "hành", "biết" và "làm", chúng bổ sung, tương tác với nhau, là 2 mặt của 1 quá trình.

Bên cạnh việc đề cao giữa thu nhận kiến thức và thực hành, UNESCO đã chỉ ra: " học để chung sống, học để tự khẳng định mình". Đây chính là mục đích học tập rất nhân văn. Học tập giúp ta hiểu hơn về thế giới xung quanh, làm cho những trạng thái tâm hồn ta trở nên linh hoạt hơn, đa dạng phong phú hơn. Ta đã biết mỉm cười trước niềm vui của người khác, biết đau trước những nỗi đau của con người, biết giúp đỡ, chia sẻ, cảm thông và tìm được chính mình. Tri thức tự nó đã là sức mạnh giúp cho con người rộng lượng hơn, vị tha hơn và tự tin hơn trong cuộc sống.

Ngày nay, cuộc sống hiện đại đã tác động đến suy nghĩ con người. 1 bộ phận học sinh, sinh viên thời nay đã không xác định đúng đắn mục đích học tập của mình. Họ miệt mài trong học tập như cái máy, coi việc học như nghĩa vụ, trách nhiệm không thể chối bỏ, đối với cha mẹ, thầy cô. Họ học cho bằng cấp, cho sự nghiệp công danh mà họ trở nên thực dụng trong việc học và quên đi lợi ích của việc học, thiết nghĩ: nếu như cả xã hội này coi học tập chỉ là nghĩa vụ bắt buộc và chỉ dừng lại ở mức độ biết thì mỗi cá nhân sẽ không phát huy được tài năng, cá tính sáng tạo của bản thân và vô tình kìm hãm sự phát triển xã hội. Vì vậy việc xác định mục đích học tập là rất quan trọng.

Mục đích học tập mà UNESCO đề xướng rất đúng đắn, nhân văn. Qua đó ta định hướng học tập dễ dàng hơn, việc học trở nên hiệu quả và hữu ích hơn. Tri thức như 1 cái thang dài vô tận, bước qua 1 bậc thang ta có thêm hành trang để tự tin bước lên bậc kế tiếp. Học vẫn làm đẹp con người!

#### **ĐỀ 6: Anh chị có suy nghĩ gì về hiện tượng “nghiện” Internet trong nhiều bạn trẻ hiện nay.**

#### Gợi ý làm bài

#### MỞ BÀI:

Trong suốt dòng lịch sử con người, đã có những người phải vất vả chống lại tính nghiện ngập, nào là nghiện rượu, nghiện ma túy, cũng như những thói quen không thể bỏ được, chẳng hạn như bài bạc. Giờ đây, các nhà tâm lý học ở nhiều quốc gia lại lưu ý đến tình trạng khẩn cấp phải đối phó của một chứng tật ham mê mới, đó là nghiện Internet.

#### THÂN BÀI:

#### Ý 1. THỰC TRẠNG VỀ CĂN BỆNH NGHIỆN INTERNET TRONG GIỚI TRẺ

Với nhiều người, Internet là một thứ không thể thiếu; một thói quen không kiểm soát nổi. Riêng tại Mỹ đã có khoảng 15-20 triệu người mắc "bệnh" này.

Theo giáo sư Jerald Block của ĐH Khoa học và y tế Oregon, bốn triệu chứng nghiện Internet chính là: quên thời gian, sao lãng ăn uống và ngủ; tức giận, căng thẳng, bồn chồn khi không thể lên mạng; cần trang bị máy tính mạnh hơn, nhiều phần mềm mới; biểu hiện trầm cảm, hay cáu giận và tách biệt với xã hội. Nghiện Internet – một hành vi gây căng thẳng cho cuộc sống của chính nạn nhân và cho cả gia đình, bạn bè, đồng nghiệp – là một căn bệnh tâm lý đang lan tràn trên toàn thế giới. Hiện nay, có khoảng 5-10% người Mỹ (tức khoảng 15-20 triệu người) có thể đã bị nghiện Internet, Kimberly Young, giám đốc Trung tâm Cai nghiện Internet của Mỹ, nói. Số người nghiện net có thể lên từ 18- 30% ở Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan.

Coleen Moore, điều phối viên tại Viện Phục hồi Nghiện Illinois, cho biết bà có những khách hàng từ độ tuổi học sinh cho đến độ tuổi trưởng thành, trong đó có những người dành đến 14-18 giờ mỗi ngày trên mạng.

Chơi game trực tuyến là một dạng của nghiện Internet và đang lan tràn nhanh chóng trong giới trẻ. Brian Robbins, một thành viên của Hiệp hội các nhà phát triển Game quốc tế, cho biết số người nghiện chơi video game trực tuyến ngày càng tăng. “Có đến 90-95% các trò chơi trên web đều miễn phí”, Robbins nói.

## Ý 2: HẬU QUẢ CỦA NGHIỆN INTERNET

Internet mang theo cùng nó những lợi ích nhưng cả các tác hại. Trong đó có tình trạng vì quá mê mẩn Internet mà các con nghiện xao lãng chuyện học hành, thậm chí bỏ học. Họ giảm tiếp xúc với gia đình, bè bạn, sống cô lập trước màn hình máy tính, lặn vào những "chatroom" hay chơi những trò chơi bạo lực. Nói về các con nghiện này, giám đốc bệnh viện \*\*\* Ran, chuyên gia điều trị các loại nghiện thâm niên 20 năm, cho rằng các thiếu niên mắc bệnh này thường là những em có vấn đề về thái độ hành xử, mặc cảm.

Họ lên Internet để củng cố sự tự tin. Chính ở trên thế giới mạng, họ có cảm giác chín chắn, thành công. Các

con nghiện Internet thường đau khổ vì trầm uất, sợ sệt và không sẵn lòng giao tiếp với người khác. Nhiều em mắc bệnh rối loạn giấc ngủ, tê cóng hai tay.

Tuy nhiên, Internet chỉ là chất xúc tác chứ không phải là nguyên nhân gây nghiện. Hầu hết những em gặp trục trặc trong cách hành xử hay thiếu tự tin chỉ bị con nghiện Internet làm trầm trọng thêm, mà trong quá khứ, không có Internet, chúng có thể tìm tới tội ác, ma túy, có khi tự tử để đối phó với những vấn đề của mình.

## 3. GIẢI PHÁP

Để xử lý vấn đề này, chính phủ Hàn Quốc đã xây dựng một mạng lưới 140 trung tâm tư vấn về nghiện Internet, cùng với các chương trình điều trị ở gần 100 bệnh viện và gần đây nhất là trại "Giải thoát khỏi Internet" - mới được mở hồi hè năm nay. Các nhà nghiên cứu cũng đã đưa ra một danh sách để chẩn đoán chứng nghiện Internet và kết luận độ nghiêm trọng của nó, gọi là K-Scale (K là viết tắt của Korea). Rồi tháng 9 vừa rồi, Hàn Quốc cũng tổ chức hội thảo quốc tế đầu tiên về chứng nghiện Internet.

"Trại giải thoát" ở Hàn Quốc nằm tại một vùng rừng ở phía Nam Seoul, là nơi để điều trị những ca nghiện trọng nhất. Năm nay, trại đã tổ chức hai kỳ điều trị đầu tiên, mỗi kỳ kéo dài 12 ngày, mỗi lần có 16-18 học viên nam (các nhà nghiên cứu Hàn Quốc nói rằng đa số những user nghiện net là nam giới). "Trại" này được chính phủ tài trợ hoàn toàn, tức là ai cũng được điều trị miễn phí. Bây giờ vẫn còn quá sớm để nói rằng "trại" có thể "cai nghiện" được cho những người tham gia không, nhưng họ liên tục nhận được đơn đăng ký. Để đáp ứng nhu cầu, các nhà tổ chức nói rằng năm sau họ sẽ tăng gấp đôi số khoá điều trị.

Còn, giải pháp cho bệnh nghiện internet ở Việt Nam, theo bạn thì sao?

## KẾT BÀI:

Cũng giống như nghiện rượu hay ma túy vậy, nghiện Internet mang lại những hậu quả nhất định về tâm lý, thể xác và các mối quan hệ xung quanh. Đừng để thành quả được coi là có ý nghĩa nhất đối với xã hội loài người lại huỷ hoại chính bạn - công dân của thời đại @.

## **Đề 7: Tuổi trẻ học đường suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.**

### Bài làm

Trong những năm gần đây, có thể nhận thấy tình hình trật tự ATGT ở nước ta có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là trên lĩnh vực giao thông đường bộ. Theo Ban An Toàn Giao Thông Thành Phố Hồ Chí Minh, trong năm 2006, trên địa bàn TPHCM đã xảy ra 1.332 vụ tai nạn giao thông, tăng 4,63% so với năm 2005. Đáng báo động, tính chất các vụ tai nạn ngày càng nghiêm trọng, thể hiện qua số người chết tăng mạnh. Số người thiệt mạng vì tai nạn giao thông là 1.014 người, tăng 38 người so với năm trước (tăng 3,89%). Và theo đại tá Phạm Văn Thịnh, Trưởng Phòng CSGT Đường bộ Công an TPHCM, chỉ trong mấy tháng đầu năm 2007, TPHCM đã lọt vào top 17 tỉnh, thành có số người chết vì tai nạn giao thông (TNGT) cao nhất nước” - Tính chất TNGT ngày càng nghiêm trọng hơn. Vậy là thế hệ tuổi trẻ, là thế hệ mai sau của đất nước, chúng ta phải làm thế nào để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

Tai nạn giao thông và những thiệt hại do tai nạn gây ra đang là nỗi lo và vấn đề bức xúc của toàn xã hội. Đó là thiệt hại về sinh mạng, thiệt hại về nhân lực, trí tuệ, gây tổn thương về tinh thần xã hội, về vật chất, tiền của và cả nỗi đau thể xác, tinh thần dai dẳng. Điều ấy đã và đang đặt ra cho toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ tuổi trẻ hơn bao giờ hết phải nêu cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm để chung sức kiểm chế, đẩy lùi những nguy cơ trên.

Trong vòng 10 năm qua, số vụ tai nạn giao thông đã tăng gấp 4 lần. Theo điều tra chấn thương liên trường (VMIS), trong năm 2001 có 4.100 trẻ chết do tai nạn giao thông, tương đương với 11 trẻ chết 1 ngày. Tỷ lệ tử vong ở trẻ em trai gấp 2 lần tỷ lệ này ở trẻ em gái. Trong khi đó có 290.000 trẻ bị thương do tai nạn giao thông cũng trong 2001, tương đương với 794 trẻ/ngày. Tai nạn giao thông là nguyên nhân tử vong hàng đầu của trẻ em từ 15 tuổi trở lên.

Bà Isabelle Bardem, Trưởng phòng Phòng chống Tai nạn Thương tích Trẻ em của UNICEF nói “Tai nạn giao thông có ảnh hưởng nặng nề đối với trẻ Việt Nam. Không chỉ rất nhiều trẻ trực tiếp bị tai nạn giao thông gây tử vong hoặc thương tật nặng nề, còn có biết bao trẻ khác bị ảnh hưởng gián tiếp bởi cha, mẹ các em bị tai nạn giao thông cướp đi sinh mệnh hoặc tàn tật”.

Phần lớn trẻ 0-9 tuổi chết là người đi bộ. Đa số trẻ 10-14 tuổi chết khi đi xe đạp trong khi tất cả các ca tử vong ở đối tượng 15-19 tuổi là người đi xe máy.

Một số các yếu tố sau đây có thể giải thích được tình trạng tai nạn giao thông ở mức cao cả ở trẻ em và trong toàn dân: Sự hiểu biết còn hạn chế về an toàn giao thông đường bộ và số người chết do tai nạn giao thông. Sự hiểu biết còn hạn chế về quy định giao thông. Sự hiểu biết còn hạn chế về các hành vi lái xe an toàn. Số đông dân chúng còn có quan niệm rằng tai nạn nói chung và tai nạn giao thông nói riêng là do số mệnh con người quyết định. Họ không thấy rằng phần lớn tai nạn giao thông là có thể phòng tránh được. Môi trường giao thông không an toàn và cơ sở hạ tầng giao thông nghèo nàn. Ví dụ, có rất ít các biển báo giao thông và các khu vực an toàn cho người đi bộ. Việc sử dụng mũ bảo hiểm là rất ít mặc dù có nhiều mũ bảo hiểm sản xuất trong nước với chất lượng tốt. Việc chấp hành luật lệ giao thông còn kém.

Ở cấp quốc gia UNICEF cùng với Bộ Y tế, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia đã triển khai các hoạt động nhằm tăng nhận thức về phòng tránh tai

nạn và an toàn giao thông. Áp phích, tờ rơi về an toàn giao thông và sử dụng mũ bảo hiểm đã được phân phát rộng rãi trên toàn quốc trong Sea Games 22 vừa qua.

UNICEF cũng vận động để giúp cho công chúng hiểu rõ hơn về luật giao thông và tăng cường nghiêm chỉnh chấp hành luật. UNICEF cũng thúc đẩy sử dụng mũ bảo hiểm đặc biệt mũ bảo hiểm cho trẻ, và các hành vi lái xe an toàn trong thanh niên. Những hành động nguy hiểm thường gặp của thanh niên như lạng lách, đua xe máy là nguồn gốc của nhiều tai nạn giao thông.

Các hoạt động sau đang được triển khai nhằm giảm thiểu tai nạn thương tích cho trẻ: Đặt biển báo giới hạn tốc độ, làm gờ giảm tốc, đèn hiệu giao thông, vạch dành cho người đi bộ ở khu vực có đông trẻ em. Thực hiện chương trình giáo dục phòng chống thương tích trong trường học giúp học sinh có kỹ năng về giao thông để phòng tránh tai nạn khi đi bộ, đi xe đạp hay xe máy. Tổ chức các cuộc thi an toàn giao thông cho mọi người đặc biệt là thanh thiếu niên. Hỗ trợ người dân thực hiện các hoạt động thông tin truyền thông phù hợp với điều kiện địa phương. Huấn luyện cho các tuyên truyền viên đi đến từng hộ gia đình tuyên truyền về phòng chống tai nạn bao gồm cả các tai nạn giao thông. Hỗ trợ các xã xây dựng sân chơi an toàn cho trẻ để trẻ có thể chơi an toàn xa đường giao thông. Tổ chức các cuộc hội thảo cho các cấp lãnh đạo xã về việc thi hành pháp luật bao gồm luật an toàn giao thông.

Nhưng hàng năm số vụ tai nạn giao thông vẫn không hề suy giảm, ngược lại nó còn tăng lên rất nhiều. Cứ mỗi năm, Việt Nam có tới gần một nghìn vụ tai nạn giao thông, nhiều nhất là xe máy. Nguyên nhân chính gây ra các vụ tai nạn phần lớn là do ý thức chấp hành luật lệ giao thông của người dân: uống rượu bia vượt quá nồng độ cho phép khi lái xe, không đội mũ bảo hiểm ở phần đường bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm, chở trên ba người phóng nhanh vượt ẩu...

Một vấn đề cũng đang gây sự chú ý và bị lên án rất nhiều đó là tình trạng đua xe của giới trẻ, tầng lớp thanh niên - những người chủ tương lai đất nước. Đó là những thanh niên đua đòi với bản tính "con nhà giàu" cùng với sự rủ rờ của bạn bè, họ sẵn sàng đánh cược với tính mạng của mình. Nhìn những chiếc xe máy phi như bay hay đang biểu diễn những trò mạo hiểm ghê rợn, rùng mình hoặc những pha lạng lách trên những con đường lớn ta không khỏi xót xa cho chính thế hệ trẻ của mình. Những bậc cha mẹ khi hay tin con mình xảy ra tai nạn, nhận ra thì đã quá muộn, tại sao họ sắm cho con những chiếc xe thật tốt, phân khối thật lớn để chúng đi đua. Họ làm ra nhiều tiền rồi cũng nhận ra khi mất đứa con thì tiền bạc cũng chẳng giải quyết được gì. Họ hối hận vì tại sao ngay từ đầu không bảo ban con cái mình.

Tất cả những nguyên nhân gây ra tai nạn đều bắt nguồn từ ý thức của người dân. Nếu như họ biết quý bản thân mình, biết tuân thủ luật lệ giao thông thì sẽ chẳng có những điều thương tâm và đáng tiếc. Hội chuông cảnh báo luôn rung lên, nhắc nhở mọi người hãy biết chấp hành giao thông, vì sự an toàn của bản thân và xã hội.

Một mặt, đó là chất lượng đường sá kém và nguyên nhân là do sự tắc trách của các cơ quan xây dựng, ăn hối lộ, rút xén vật liệu. Mặt khác chúng ta phải lên án những kẻ chỉ vì các lợi ích cá nhân mà quên đi tính mạng, sự an toàn của người đi đường. Trên đường quốc lộ, đường lớn vẫn còn những kẻ rải đinh xuống lòng đường để thu lợi bởi những đồng tiền kiếm được từ vá xe, thay lốp. Họ không hiểu hết được sự nguy hiểm của việc làm đó, với tốc độ cao như vậy những người tham gia giao thông khi bị thủng xăm đột ngột sẽ bị văng người ra khỏi xe và nguy cơ tử vong là rất lớn.

Theo thống kê, những người thiệt mạng do tai nạn giao thông chủ yếu là đàn ông, trụ cột của gia đình. Những người vợ xót xa khi mất đi người chồng thân yêu, đứa con nghẹn ngào trong

dòng lệ vì tới đây sẽ chẳng còn được vòng tay người cha âu yếm vỗ về, bảo ban dạy dỗ trên đường đời. Họ mang đến sự thương tâm cho toàn xã hội.

Hàng năm, nhà nước đã bỏ ra hàng tỉ đồng để nâng cấp các cơ sở giao thông, đường sá cầu cống phục vụ cho việc đi lại an toàn ở mọi nơi. Nhưng số tiền đó lại không được dùng hết, vậy thì nó rơi vào đâu? Phải chăng, số tiền đó đã rơi vào túi những kẻ rút lõi công trình, rút lõi vật tư để làm giàu cho mình. Đó là những kẻ vô lương tâm vì lợi ích bản thân mà quên đi sự an toàn chung cho xã hội.

Để hạn chế tai nạn giao thông không phải còn là vấn đề đơn giản, mà đó đã và đang là vấn đề nóng cho toàn xã hội và đất nước. Vì vậy, với việc giảm thiểu tai nạn giao thông nói chung, nhà nước cần phải có một số biện pháp mạnh với những kẻ không ý thức, những kẻ cố tình gây nạn cho người khác, và đó chính là những kẻ phóng nhanh vượt ẩu làm mối đe dọa cho người tham gia giao thông. Còn đối với giao thông học đường nói riêng chấn chỉnh giao thông học đường, cần cả xã hội chung tay. Sự đồng thuận giữa gia đình, nhà trường và xã hội không chỉ được thể hiện bằng văn bản, giấy tờ, những lời hứa suông,... mà phải bằng hành động cụ thể. Trách nhiệm của gia đình và nhà trường cũng cần phải xem xét khi không hoàn thành nhiệm vụ giáo dục các em. Nhà trường cần đa dạng hoá các sinh hoạt ngoại khoá của học sinh, sinh viên, trong đó có các hoạt động về tuyên truyền, phổ biến pháp luật giao thông. Hàng năm, nếu điều kiện cho phép, các trường chủ động phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức học luật và sát hạch cấp giấy phép lái xe tại trường đối với những học sinh đủ tuổi. Cần coi ý thức chấp hành pháp luật về giao thông như một trong những tiêu chí cơ bản để đánh giá ý thức rèn luyện đạo đức của học sinh, sinh viên: xếp loại đạo đức trung bình đối với học sinh, sinh viên vi phạm giao thông lần một và xếp loại yếu nếu vi phạm lần hai trong cùng một năm học.

Là một học sinh, mỗi chúng ta phải xem xét lại mình đã bao giờ vi phạm lỗi giao thông không, có bao giờ gây tai nạn giao thông không. Tất nhiên là có, không ai chưa bao giờ vi phạm lỗi giao thông dù đó chỉ là một lỗi nhỏ, nhưng qua mỗi lần như vậy chúng ta phải biết nhìn nhận và rút kinh nghiệm để lần sau không tái phạm và mỗi học sinh chúng ta phải tự giác làm đúng các nguyên tắc an toàn giao thông mà nhà trường và xã hội đã chỉ dẫn. Có như thế thì tuổi trẻ học đường đã góp một phần nào trong việc giảm thiểu tai nạn giao thông, một vấn nạn mà xã hội và đất nước đang tìm cách khắc phục.

**Đề 8: Hiện nay ở nước ta có nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp.**

#### Bài làm

“Trong đêm, một bàn chân bước, bé xíu lang thang trên đường, ánh mắt buồn mệt mỏi của em, em rất buồn vì em không biết đi về đâu, về đâu ...”. Đây chính là thực trạng xã hội hiện nay ở nước ta, tình trạng trẻ em lang thang ngày càng tăng và là một vấn nạn cần được giải quyết nhanh chóng. Tuy nhà nước ta đã rất cố gắng hết mình, nhưng không dễ gì có thể xóa đi vấn nạn này một cách nhanh chóng được do nhà nước ta không có đủ điều kiện. Vì thế trong xã hội đã xuất hiện một lực lượng mới, một lực lượng cảm thông với tình trạng hiện nay của các em, một lực lượng giàu tâm huyết và đầy tình thương, đó chính là nhiều cá nhân, gia đình & tổ chức có

lòng hảo tâm đã thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang, kiếm sống trong thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp.

Số phận của những đứa trẻ lang thang, khác với các bạn bè cùng trang lứa, lẽ ra giờ này chúng phải đang được yêu thương, được nâng niu chăm sóc bởi gia đình, cha mẹ; thì giờ đây những đứa trẻ ấy phải lang thang kiếm sống dưới những tiêu cực của xã hội, những lừa lọc, áp bức, xâm hại tới bản thân, mà quan trọng nhất là xâm hại tới tinh thần, tới tư tưởng. Vì thế các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm từ khắp mọi miền đất nước đã cùng chung tay lập nên những Mái ấm tình thương, những gia đình không cùng chung huyết thống nhưng lại có chung một tấm lòng, để chăm lo và dạy bảo cho trẻ em lang thang, những mảnh đời bất hạnh có được một cuộc sống hạnh phúc, một tuổi thơ vui tươi và một tương lai tươi sáng. Tiêu biểu về các tổ chức nhân đạo ở Việt Nam là: Làng trẻ em SOS, một gia đình lớn của trẻ em lang thang. Nhưng trong số những nhà hảo tâm có đầy đủ điều kiện về vật chất lẫn tấm lòng thì cũng có không ít người không có điều kiện vật chất nhưng lại có tấm lòng như Cô tích “bà bụt sinh viên” đăng trên báo Tuổi trẻ số ra ngày 26-9-2008 về nữ SV Nguyễn Hoàng Oanh đảm đang, vững vàng với vai trò là chị, là mẹ của 3 em “nuôi” nhỏ mù lòa. Dù chỉ là sinh viên, lo tiền học của bản thân còn không đủ, nhưng Oanh vẫn gắng chăm sóc cho các em, lo cho các em có được một cuộc sống no đủ, được vui chơi, được học hành bằng những mối làm thêm đến tận khuya để có tiền cho các em. Thật đúng là một câu chuyện “cô tích” giữa đời thường.

Nhưng do đâu mà trẻ em lang thang trong xã hội ngày một đông? Trẻ em lang thang do nhiều lí do, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là do những người mang tiếng là bậc sinh thành, nhưng lại thiếu trách nhiệm, đang tâm bỏ con giữa một xã hội đen tối, không nơi nương tựa, để chúng bị lợi dụng, làm đường lạc lối. Thật đáng trách cho những kẻ đã quyết định sinh con ra đời thì ít nhất cũng phải mang đến cho chúng một cuộc sống hạnh phúc cho dù là không no đủ. Nguyên nhân thứ hai có thể do bọn trẻ mồ côi từ nhỏ, không nơi nương tựa, chúng phải sống dựa vào những đứa trẻ lang thang lớn hơn, những băng nhóm đường phố, học theo thói xấu, làm việc xấu để mưu sinh. Và nguyên nhân thứ ba chính là những kẻ có tâm địa độc ác, xấu xa đã lừa gia đình các em, dụ dỗ các em, xem các em như một món hàng đem lại lợi nhuận cho chúng.

Trong cuộc sống có kẻ xấu, người tốt, cũng như có những nhà hảo tâm thì song song đó cũng có những kẻ gian, lừa đảo, chặn dắt các em gọi là “mẹ mìn”. Những người “mẹ” này đã lợi dụng các em, bóc lột sức lao động của các em, bắt các em làm việc quá sức: xin ăn, bán vé số, thậm chí là ăn cắp để kiếm tiền nuôi chúng. Nếu các em không kiếm đủ tiền, thì bị “mẹ” đánh đập dã man, bắt các em nhịn đói. Những kẻ nhẫn tâm hơn nữa thì đánh gãy tay, gãy chân, thậm chí là chặt ngón tay, ngón chân của các em để việc ăn xin đạt “hiệu quả” cao hơn. Những đứa trẻ bị lợi dụng chặn dắt thường xuất thân ở các gia đình nghèo ở vùng sâu, vùng xa, bị những kẻ chặn dắt lường gạt đư vào TP.HCM làm việc kiếm tiền. Một thực trạng đau lòng khác là nhiều vụ việc khi phát hiện, lại do chính cha, mẹ ruột đẩy các em theo những kẻ chặn dắt để kiếm tiền. Như trường hợp em Hoa (khoảng 6 tuổi) trên báo Phụ nữ, quê ở Nghệ An, mẹ bệnh mất sớm từ lúc hai tuổi. Nhà có bốn chị em, thu nhập hàng ngày trông vào hai công đất trồng sắn và công việc phụ hồ hàng ngày của ba. “Khoảng giữa năm 2008, bác Năm ở TP.HCM ra quê đưa nhà em ba triệu đồng bảo ba cho con vào TP.HCM phụ bác Năm bán hàng. Bác sẽ cho ăn học đến nơi đến chốn. Khi vào TP.HCM, bác Năm bắt con gọi bằng “mẹ”. Khi đi bán phải mặc đồng phục học sinh để người ta thấy tội nghiệp, mới bán được nhiều. Mỗi ngày làm việc, “mẹ” sẽ giữ dùm 10.000đ, cuối năm sẽ đưa con gửi về quê” – Hoa nói. Thật đáng xấu hổ khi một người lớn khỏe mạnh lại sống bằng số tiền ít ỏi kiếm được của một đứa trẻ, mà không biết tự lao động để nuôi sống bản thân, chi biết



bóc lột sức lao động của các em. Những kẻ có hành vi này cần phải bị xử phạt thật nghiêm minh, để làm gương cho bọn xấu còn lại.

Việc làm của những nhà hảo tâm đối với các em lang thang thật là tuyệt vời. Đó là một nghĩa cử vô cùng cao đẹp mà xã hội đang rất cần có ở mỗi công dân. Là một thanh niên sống trong xã hội, chúng ta phải có thái độ tích cực ngăn chặn những hành vi sai phạm của bọn xấu, đồng thời chung tay góp sức giúp các em có một cuộc sống tươi đẹp. Vì trẻ em chính là tương lai của đất nước, là tương lai của chính chúng ta. “Trẻ em hôm nay, đất nước ngày mai”, hãy để trẻ được sống trong ấm no hạnh phúc, có thể thì tương lai do chúng xây dựng mới có thể tốt đẹp được.

Giúp đỡ người tàn tật, trẻ em cơ nhỡ cần có sự chung tay của nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức từ thiện và các cấp, các ngành và cả chính bản thân chúng ta nữa. Chúng ta hãy cùng nhau vận động mọi người xây nên những mái ấm, những gia đình thật lớn, để xã hội không còn cảnh trẻ em lang thang nữa. Hãy để cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn.

**Đề 9: Hãy trình bày quan điểm của mình trước cuộc vận động “nói không với những tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục.”**

### Bài làm

Học sinh, sinh viên là tương lai của đất nước. Vì vậy, giáo dục luôn là vấn đề quan trọng gây quan tâm cho mọi người trong xã hội, đặc biệt là các bậc phụ huynh. Tuy nhiên hiện nay đang xuất hiện nhiều tiêu cực gây nhiều ảnh hưởng xấu cho nền giáo dục nước ta, cho nên cuộc vận động “Nói không với những tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục” rất đang rất được sự ủng hộ và hưởng ứng trên cả nước.

Hiện tượng “tiêu cực thi cử” và “bệnh thành tích trong giáo dục” trong nhà trường hiện nay là một hiện tượng xấu cần xoá bỏ, nó làm cho học sinh ý lại, không tự phát huy năng lực học tập của mình, làm cho giáo viên mất đi lương tâm nghề nghiệp. “Tiêu cực trong thi cử” là những hành vi gian lận khi thi cử như thí sinh mang vào phòng thi và sử dụng những tài liệu hoặc thiết bị không được cho phép, hay giám thị coi thi cố tình lờ đi cho thí sinh sử dụng tài liệu hay trao đổi với nhau... Còn “bệnh thành tích trong giáo dục” là gì? Đó là những danh hiệu thi đua của thầy và trò, giữa các lớp, các trường và các phòng ban với nhau gây nên hiện tượng điểm ảo, thành tích ảo, không phản ánh đúng khả năng và trình độ. Đó là hành động vi phạm có ý thức. Vậy ý nghĩa của cuộc vận động này là phòng chống và ngăn chặn các hành vi gian lận, bao che trong dạy, học và thi cử.

Vấn đề đã và đang trở nên rất cấp thiết. Đây không còn chỉ là cuộc vận động của bộ, ngành mà là của toàn ngành giáo dục. Tiêu cực và bệnh thành tích đã có từ lâu. Nếu để tiêu cực tiếp tục kéo dài, học sinh không có động lực để học, không tiếp thu được kiến thức, sẽ không có tương lai. Các thầy cô cũng không có động lực để dạy, không có sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học, nền giáo dục khi ấy sẽ ngày càng trì trệ.

Hiện nay, cái mà học sinh cần khi tốt nghiệp phổ thông không phải là tấm bằng thuần túy mà là năng lực để học nghề, hay học lên đại học, gây dựng một tương lai cho bản thân. Vì vậy, cuộc vận động này chính là lợi ích của học sinh. Nếu loại bỏ được căn bệnh “chạy theo thành tích” như hiện nay thì sẽ không còn tình trạng học sinh, sinh viên phải “chơi nhau” ở các kỳ thi

tập trung đông đúc do việc học, cách học, thời gian học,... thầy cô sẽ không phải làm những việc không đúng với lương tâm, tấm lòng mình, đó là báo cáo sai sự thật để đạt thi đua. Khi đó, thầy cô sẽ được giải phóng khỏi những việc không hiệu quả, cả thầy lẫn trò không còn phải bận tâm với chuyện thi cử, tranh đua mà được tự do lựa chọn và việc đánh giá chất lượng học hành trở nên thông thường như mọi hoạt động khác diễn ra trong trường học. Hơn nữa nếu học sinh, sinh viên sau khi cảm tấm bằng tốt nghiệp đúng với thực lực của mình thì khi bước vào đời họ sẽ không gặp phải những bờ ngõ, khó khăn, loay hoay tìm một chỗ đứng cho mình trong xã hội, mà những kiến thức họ tiếp thu được trên ghế nhà trường sẽ là hành trang hữu ích, là nền tảng để họ thể hiện mình, phát huy hết năng lực của mình trong công cuộc phát triển đất nước. Với lực lượng những người trẻ và hoài bão muốn cống hiến của họ như hiện nay thì việc nước ta có thể “sánh vai cùng các cường quốc năm châu” sẽ không còn xa.

Cuộc vận động được triển khai đã gần ba năm và nhận được sự đồng tình lớn từ xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều trường hợp không hưởng ứng, không tích cực tham gia cuộc vận động. Một số nhà quản lý giáo dục và giáo viên còn thoả hiệp hoặc làm ngơ, vô cảm trước các hiện tượng tiêu cực, hiện tượng chạy trường, chạy lớp, lấy tỉ lệ để nâng thành tích vẫn còn ở một số nhà trường, học sinh vẫn còn xu hướng ỷ lại, chán học, và rồi dẫn đến gian lận trong các kì kiểm tra và thi cử. Ngoài ra còn xảy ra trường hợp một số giáo viên dửng dưng cảm đứng lên tố cáo tiêu cực nhưng lại bị trù dập và chịu sức ép từ nhiều phía. Đó đều là những hành vi đáng lên án và chê trách. Tuy không thấy được cái hại trước mắt nhưng sẽ gây hại cho tương lai của học sinh, hay rộng hơn là cho xã hội, cần phải được ngăn chặn.

Để phòng chống “tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”, mỗi cá nhân và tập thể cần phải hưởng ứng và hành động. Bắt đầu từ gia đình, nếu các bậc cha mẹ cứ chăm chăm vào lỗi lầm của con cái, la mắng, trách phạt chúng vì những lỗi lầm ấy, sẽ rất dễ khiến con cái họ khó lòng vượt lên mặc cảm là kẻ hậu đậu mà tự ti, không chịu khó cố gắng, không có ý chí vươn lên. Hoặc trái lại là một số phụ huynh mặc cho con cái buông thả, rồi sau đó chạy chọt khắp nơi cho con vào trường tốt, lớp tốt dù chúng không đủ trình độ, để rồi “đuối”, không theo kịp và tiếp tục dẫn đến nhiều hậu quả về sau. Vậy nên các bậc cha mẹ cần phải điều chỉnh cách suy nghĩ, cách dạy dỗ con cái để không gián tiếp hại con của mình. Các nhà quản lý giáo dục và giáo viên nên triển khai cuộc vận động bằng cách đừng quá coi trọng thành tích, thay đổi suy nghĩ sai lệch của phụ huynh và học sinh về “trường chuyên, lớp chọn”, xóa bỏ tình trạng “ngồi nhầm lớp”, đổi mới phương pháp kiểm tra và đánh giá nhằm đánh giá đúng thực chất năng lực học tập của học sinh, chú trọng hơn trong việc dạy tốt, học tốt... Và yếu tố cuối cùng, cũng là yếu tố quan trọng nhất để cuộc vận động thành công là chính bản thân học sinh. Mỗi học sinh nên nhận thức được bản chất và tầm quan trọng của việc học để tiếp thu kiến thức một cách có hiệu quả, và có thể tự tin thành công bằng chính thực lực của mình. Bên cạnh đó học sinh cũng cần rèn luyện và tu dưỡng đạo đức để tránh thực hiện những hành vi sai trái, phản giáo dục.

“Nói không với những tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục” là cuộc vận động có ý nghĩa to lớn và thiết thực đối với nền giáo dục nước ta hiện nay. Những năm gần đây, với sự cố gắng không ngừng của một số tập thể, cuộc vận động đã mang lại nhiều tín hiệu tích cực. Vì vậy chúng ta có quyền tin rằng nền giáo dục Việt Nam trong tương lai sẽ xóa bỏ được những tiêu cực và vươn xa theo đà phát triển của đất nước

**ĐỀ 10: Nêu suy nghĩ và quan niệm của em về HIV/AIDS**

### Gợi ý làm bài

HIV /AIDS là 1 trong những tệ nạn nguy hiểm cho xã hội.

Nguyên nhân dẫn vào con đường "nàng tiên nâu": Sự quá đà trong lối sống ->đem đến những hậu quả khó lường với bạn trẻ. Chỉ vì thiếu hiểu biết mà họ có tâm lý "thử cho biết", thử để "lấy cảm giác", và nhiều khi họ tìm đến ma túy để có được khoái cảm. Nhiều khi chỉ vì thiếu lập trường,đua đòi cho bằng bạn bằng bè mà họ bất chấp nhắm mắt dần thân vào con đường chết .

Đi vào con đường HIV nhiều khi không phải do tự bản thân mà còn do tác động bên ngoài của bạn bè,GĐ.

Trích:

Có rất nhiều yếu tố nguy cơ dẫn dắt một người đến tình trạng nghiện thuốc, cũng như có nhiều yếu tố bảo vệ giúp cho một người khó bị Ma Túy tấn công. Một thiếu niên bình thường sẽ chịu tác động của 4 lĩnh vực: quan hệ gia đình, quan hệ bạn bè, môi trường học đường và môi trường cộng đồng, nhưng gia đình là cơ sở chính cho thiếu niên sinh sống, lớn lên và phát triển tâm lý xã hội, chính gia đình là nơi chứa đựng những yếu tố bảo vệ cũng như nguy cơ nhiều hơn cả.

Một số yếu tố nguy cơ hình thành sớm từ trong gia đình như:

1. Gia đình hỗn loạn, cãi cọ, gia đình kém kỷ cương, đặc biệt là gia đình có cha mẹ nghiện hay bệnh tâm thần;
2. Cha mẹ bất lực trong giáo dục, nhất là với những trẻ có tính khí bất thường hoặc khó dạy dỗ;
3. Các thành viên trong gia đình thiếu sự liên kết hoặc kém nuôi dưỡng.
4. Cha mẹ ly thân hay quá bận rộn, sự săn sóc và quan tâm đến con cái chưa đủ, ảnh hưởng trên con cái chưa đúng mức

Một số yếu tố nguy cơ khác có nguồn gốc từ những hoạt động tương tác của trẻ với xã hội như trường học, bạn bè, cộng đồng như:

1. Có thái độ rụt rè nhút nhát quá, hoặc có thái độ hung hăng quá trong lớp học;
2. Thất bại trong học tập;
3. Khó hòa mình trong tập thể;
4. Nhập bọn với bạn xấu hoặc thích chơi với bạn vô đạo đức;
5. Ngâm đồng tình với những hành vi xấu, như việc sử dụng thuốc trong trường lớp, trong nhóm bạn bè, trong cộng đồng;
6. Kỷ luật trường ốc có sơ hở với những học sinh bất hảo;
7. Môi trường dễ kiếm thuốc.

Nếu không kể đến nguy cơ ban đầu trên, thì giai đoạn có nguy cơ lớn nhất đầu tiên là khi trẻ rời khỏi nơi an toàn của em (gia đình) để đến trường học. Khi học xong tiểu học và lên trung học sơ cấp, các em bước đầu đã có kinh nghiệm về những thách thức xã hội, chẳng hạn làm sao để thích hợp với tập thể, với những loại bạn bè khác nhau, thành phần kinh tế khác nhau. Chính trong giai đoạn này, cá tính và nhân cách từng bước hình thành, mà nếu gia đình phó thác cho các em tự phát "như một bông hoa tự nở", thì giai đoạn thiếu niên sớm này các em thường chạm trán với lần sử dụng thuốc lá, cần sa hay Ma Túy đầu tiên trong đời.

Khi em bước lên trung học cao cấp, bắt đầu chuẩn bị cho tương lai, chàng (hay nàng) tuổi trẻ phải đối mặt với những thách thức xã hội, tâm lý và giáo dục. Hoặc chàng ham chơi tìm cảm

giác lạ, hoặc chàng/nàng đầu hàng những thách đố trên, chàng / nàng có thể sử dụng thuốc lá, rượu, hay những loại thuốc tác động tâm trí khác. Vai trò của gia đình vào thời điểm này có thể không mạnh như trước đây, nhưng vai trò của đoàn thể, xã hội vẫn còn giá trị của nó.

Khi thanh niên bước vào đại học, lập gia đình hay đến sở làm, chàng vẫn luôn luôn phải đối phó với những cám dỗ và nguy cơ của môi trường dành cho người trưởng thành, những thú vui ăn chơi, lạm dụng tình dục, sử dụng Ma Túy, nhậu nhẹt hàng ngày sau giờ tan sở... nếu như gia đình, đoàn thể không còn ảnh hưởng được đến chàng.

Những nguy cơ sử dụng thuốc gây nghiện không chỉ giới hạn ở tuổi trẻ, thanh niên, trung niên, mà còn xảy ra đối với tuổi già. Bởi người già thường đau đớn mãn tính nhiều nơi trong cơ thể, các cụ thường hay sử dụng thuốc có nguy cơ gây nghiện cao như thuốc ngủ, an thần hay chống đau. Thêm nữa, tuổi già dễ bị nghiện cũng như tuổi trẻ. Các cụ hay buồn, giận hờn vì lệ thuộc con cái, tâm trạng thất vọng, cô đơn vì rất nhiều lý do nhân sinh kèm theo suy giảm mắt, tai, sức sống, các cụ dễ nghiện rượu và thuốc an thần. Khác với tuổi trẻ, tình trạng nghiện của các cụ hay bị bỏ sót, vì những tính nết bất thường, những hành vi quái lạ, những trục trặc cơ thể thường bị đổ thừa cho tuổi tác hay bệnh tật.

Trong tình trạng của chúng ta hiện nay, những yếu tố nguy cơ rất nhiều cho mọi lứa tuổi, mà những yếu tố bảo vệ chưa phát huy được tác dụng tối đa vì chưa phối hợp chặt chẽ các biện pháp đa dạng trên nhiều lĩnh vực cá nhân-gia đình-đoàn thể / xã hội. Đối với những người đã từng sa ngã chúng ta cũng không nên có hành động ruồng bỏ, xa lánh. Tích cực giúp họ hòa nhập cộng đồng cũng là 1 cách góp phần ngăn chặn, đẩy lùi nạn HIV/AIDS.

**ĐỀ 11: Anh (chị) hãy viết một bài văn ngắn nói về vai trò của sách đối với thanh niên ngày nay.**

### Bài làm

Xã hội ngày nay đã phát triển và thay đổi rất nhiều, dấu vết thời xưa cũng đã dần phai nhòa. Vậy tại sao chúng ta có thể biết được xã hội, con người cuộc sống ngày xưa như thế nào. Để biết được tất cả những điều đó chúng ta phải cần đến sách. Vậy sách có vai trò gì với nhân loại.

Sách đã đi vào cuộc sống của chúng ta từ rất lâu rồi. Nó đã trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu của mỗi người. Đọc sách giúp ta tích lũy được nhiều kinh nghiệm, mở mang kiến thức và đặc biệt đọc sách giúp ta cảm thấy thoải mái, yêu đời hơn. Giống như Môngtexkiơ đã nói: "thích đọc sách tức là biết đánh đổi những giờ phút buồn tẻ không thể tránh được trong cuộc đời lấy những giờ phút kì thú". Đọc sách còn có thể làm thay đổi cả một con người, một cuộc đời. Nói tóm lại đọc sách có rất nhiều lợi ích.

Đọc sách để thành công như Chủ tịch Mao Trạch Đông, như Thủ tướng Chu Ân Lai. Đọc sách để trở thành những nhà lãnh đạo như cựu Tổng thống Mỹ Ronald Reagan hay thống đốc bang giàu có hàng đầu của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ - California như Arnold Schwarzenegger. Mỗi lần tìm hiểu về những người thành đạt, sự liên quan giữa sự thành đạt và sách, chúng ta lại càng hiểu thêm mối quan hệ này, càng hiểu thêm giá trị của sách.

Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tốt, cần phải có những quyển sách hay, phù hợp với lứa tuổi, và việc cần chú trọng nhiều nhất đó chính là cách đọc sách. Đọc sách phải nghiên cứu, suy ngẫm tìm tòi, chắt lọc những điều hay để áp dụng vào cuộc sống chứ không phải đọc để lấy thành tích. Đọc sách nhiều mà không hiểu chỉ làm cho chúng ta cảm thấy thêm mệt mỏi, chứ không giúp

chúng ta mở mang thêm kiến thức. Vì vậy cầm trong tay một quyển sách hay chưa phải là tốt, mà tất cả phụ thuộc vào việc chúng ta có biết đọc quyển sách đó hay không.

Hiện nay sách tràn ngập khắp mọi nơi. Nhưng để tìm được một quyển sách hay, phù hợp với hoàn cảnh lứa tuổi thì không phải là dễ. Nếu muốn tìm được một quyển sách vừa ý chúng ta phải mất hàng giờ ở nhà sách để tìm kiếm. Công việc này mất rất nhiều thời gian và hầu như chẳng mấy lần mang lại được hiệu quả. Vì vậy “Khi gặp được một quyển sách hay, nên mau liền dù đọc được hay không đọc được, vì sớm muộn gì cũng cần tới nó” đó là câu nói quen thuộc của Churchill Sir Winston.

Sách mang lại cho chúng ta nhiều lợi ích, nó còn được coi là kho tàng cất giữ di sản tinh thần nhân loại. Biết đọc sách tức là chúng ta đã thoát khỏi sự chán ghét của cuộc sống, và hướng tới một tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn. Sách sẽ trở thành một người bạn của tất cả những ai trân trọng nó.

## **ĐỀ 12: Anh (chị) hãy viết một bài văn nói về lí tưởng sống của thanh niên ngày nay.**

### Bài làm

Bước vào thế kỷ XXI, đất nước ta đang trên đà hội nhập với sự phát triển của thế giới với rất nhiều cơ hội và thử thách được mở ra. Và thanh niên chúng ta - những người chủ tương lai của đất nước - phải góp một phần sức cho quê hương của mình. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ và xem lại cách sống của mình, và một câu hỏi lớn được đặt ra: Lý tưởng sống của thanh niên ngày nay là gì?

Trước hết chúng ta phải hiểu được “lý tưởng sống” là gì? Lý tưởng sống là mục đích tốt đẹp mà mỗi con người muốn hướng tới, là lí do, mục đích mà mỗi con người mong mỏi đạt được. Người có lý tưởng sống cao đẹp là người luôn suy nghĩ và hành động để hoàn thiện mình hơn, giúp ích cho mình, gia đình xã hội và đất nước. Sinh ra ở đời, ai trong chúng ta cũng khao khát được sống hạnh phúc, với lòng khao khát đó thúc giục chúng ta đi kiếm tìm hạnh phúc. Hơn thế nữa, tự đáy lòng của con người luôn ước ao có được một cuộc sống bình an, vui tươi, không lo âu buồn phiền, không đau khổ oán than, muốn an hưởng sự may lành hơn là bất hạnh, giàu sang hơn là nghèo nàn. Để đạt được khát vọng đó, người ta luôn tìm cho mình một lẽ sống cho cuộc đời, hay nói đúng hơn là một lý tưởng. Lý tưởng này sẽ hướng dẫn đời họ vượt qua mọi chông gai và can đảm chấp nhận mọi nghịch cảnh. Vì có một lý tưởng để theo đuổi, có một lẽ sống cho cuộc đời, là niềm hạnh phúc lớn lao nhất của con người.

Bạn có bao giờ tự hỏi bạn tồn tại trên cuộc đời vì lý do gì không? Một câu hỏi lẽ ra rất dễ nhưng nó làm cho bạn phải bắt đầu ngồi lại suy nghĩ về bản thân mình. Có thể bạn cũng đã có được một mục đích sống cho riêng mình, nhưng bạn vẫn nên xem lại mục đích đó có thật sự cao đẹp hay không bạn ạ. Chúng ta sống trong cộng đồng là sống vì mọi người, vì quê hương, vì đất nước.

Nhiều người từng nghe câu nói trong bài hát khá nổi tiếng của Trịnh Công Sơn: "Sống ở đời sống cần có một tấm lòng, để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi..."

Phải mất một thời gian dài tôi và các bạn mới có thể mới ra rằng ý nghĩa của câu này là "hãy mở rộng tấm lòng của bạn với cuộc sống này, với mọi người xung quanh bạn và đừng mong đợi bạn sẽ nhận lại được gì... Hãy san sẻ tấm lòng để cuộc sống này đẹp hơn và đừng nghĩ rằng

những cái gì mình đã cho đi là lớn lao mà nó chỉ là những cái gì nhỏ nhoi nhất nhẹ nhàng... chỉ để gió cuốn đi...". Đó cũng là một phần của lý tưởng sống đẹp.

Lý tưởng của ta không cần lớn lao dù chỉ là một chiếc lá, nhưng chúng ta cũng cần có cho mình một lý tưởng bình dị như để vươn lên. hải sống có lý tưởng! Bạn có thể ra đi từ nhiều phía, theo những con đường khác nhau, nhưng cuối cùng mỗi người phải lựa chọn cho mình mục đích của cuộc sống. Ta sống cho ta, cho những người thân, bạn bè và cho mọi người. Vì vậy, chỉ có hạnh phúc khi "mình vì mọi người và mọi người phấn đấu vì hạnh phúc của từng người". Rõ ràng lý tưởng là mục đích sống, là ý nghĩa của mỗi cuộc đời. Lý tưởng quyết định sự thành công trong cuộc sống. Lý tưởng dẫn dắt sự nghiệp, tăng thêm sức mạnh cho mọi người để đạt đến thành công trong sự nghiệp. Lý tưởng cho ta sức mạnh vượt qua khó khăn và thử thách trong cuộc sống.

Nhà văn Pháp Đi-dơ-rô từng nói: “Nếu không có mục đích, anh không làm được gì cả. Anh cũng không làm được gì vĩ đại nếu mục đích tầm thường”. Câu nói đó, lời khẳng định đó thật rõ ràng. Nó khuyên chúng ta sống thì phải có mục đích, lý tưởng phải cao đẹp thì sống mới có ý nghĩa, mới làm được những điều vĩ đại. Trong thời kì công nghiệp hóa-hiện đại hóa, kinh tế thế giới hội nhập, khoa học kĩ thuật hiện đại, con người đặt ra vấn đề về lẽ sống của cuộc đời và sống như thế nào cho xứng đáng ? chúng ta nên hiểu sống có mục đích và lý tưởng cao đẹp là như thế nào ? Đó là phải sống để xây dựng đất nước, sống vì xã hội vì sự tiến bộ của nhân loại. Vậy thì tại sao ta phải sống có lí tưởng cao đẹp ? Vì nếu “sống không mục đích không làm được gì cả” và nếu “mục đích tầm thường thì không làm được điều gì vĩ đại”. Thế chúng ta phải làm gì để trở thành người có mục đích cao cả và có ích cho xã hội? Trước hết, ta cần phải xác định lý tưởng sống đúng đắn-dự tính về tương lai sẽ cống hiến cho xã hội về những mặt nào. Tiếp theo ta cần phải lên kế hoạch học tập, rèn luyện kĩ năng, sức khỏe, tư tưởng nhằm thực hiện mục đích đó. Sau đó, ta phải tích cực tham gia các hoạt động xã hội, chính trị; điều này sẽ giúp cho bản thân hòa nhập cộng đồng.Ta cần phải phát huy những thế mạnh của bản thân, khắc phục các điểm yếu và vận dụng những điều đã học vào thực tế.

Ngày xưa, anh hùng Lý Tự Trọng đã từng nói:”Con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng và không thể là con đ ường nào khác!” rong thời kỳ chiến tranh bao lớp thanh niên xông pha lên đường với một mục tiêu - lý tưởng tất cả vì tiền tuyến, vì độc lập tự do của đất nước. Tư tưởng đó đã đi vào lời ca tiếng hát của bao nhiêu thế hệ người Việt Nam. "Anh lên xe trời đổ cơn mưa, Cái gạt nước xua tan nỗi nhớ; Em xuống núi nắng vàng rực rỡ; Cái nhành hoa gạt mối riêng tư" hay "Khi tạm biệt mua xuân; Anh lính về biên giới; Cô gái vào ca ba". Bên cạnh một tình yêu nồng cháy của tuổi trẻ nhưng họ phải tạm gác lại để dành tất cả cho một mục tiêu cao cả. Trong thời kỳ ngày nay có lẽ chúng ta khó có thể tìm kiếm được một ca khúc nói về tình yêu đẹp như vậy. Biết bao thế hệ thanh niên đ ã ngã xuống vì mộtlý tưởng duy nhất là giành lại độc lập t ự do cho đất nước. Đến hôm nay khi đất nước hoà bình và đang trên đà phát tri ển,thì lý tưởng sống cao đẹp của thanh niên,thế hệ trẻ lại càng rộng hơn,bao la hơn,”Vì một Việt Nam Phát triển”.

Thế hệ trẻ là những người chủ tương lai của đất nước, là chủ thể của thế giới, động lực giúp cho xã hội phát triển. Chính vì vậy mà các bạn thanh thiếu niên càng gần phải sống có mục đích cao đẹp. Hãy nhớ rằng: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không đó là nhờ vào công học tập của các em” lời nhắn nhủ thiêng liêng ấy phải được thực hiện! Bác luôn mong lớp lớp thanh niên sau này sẽ không chùn bước trước những khó khăn trước mắt,luôn vững chí bền tâm vượt qua thử thách để hướng tới tương lai tốt đẹp hơn.

*“Không có việc gì khó  
Chỉ sợ lòng không bền  
Đào núi và lấp biển  
Quyết chí ắt làm nên”*

(Hồ Chí Minh)

Chúng ta chắc còn nhớ hai chiến thắng vẻ vang liên tiếp của đội tuyển robocon Việt Nam, hay những tấm huy chương vàng, huy chương bạc từ những môn Olympic Toán, Lý, Hoá, Sinh, trong những giải thể thao hàng đầu của châu lục và thế giới. Đó là một tấm gương gần gũi, rõ ràng mà thanh thiếu niên cần noi theo. Tôi xin được nhắn nhủ các bạn thanh thiếu niên, học sinh: “Hãy học tập để nắm lấy tri thức vì tri thức là sức mạnh. Có tri thức, các bạn như đứng trên vai những người đi trước để cao hơn người khác. Hãy phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Chấp nhận và vượt qua thử thách, bởi không có người thất bại, chỉ có người không biết cố gắng mà thôi”. Và chắc hẳn ai trong chúng ta đều biết những Einstein, Môza, Đác-uyn,... Tất cả họ đều là những người sống có lý tưởng cao đẹp, tất cả đều làm nên điều vĩ đại và được lưu danh muôn thuở. Như mục đích “ra đi tìm đường cứu nước, hi sinh cuộc đời vì cách mạng, vì dân tộc” của Bác. Đó là một minh chứng rất cao đẹp!

Nhưng hiện nay, một bộ phận lớn thanh niên lại không suy nghĩ được như thế. Họ sống hờ hững với những gì diễn ra xung quanh, sống theo quan niệm: “Được đến đâu thì hay đến đó”, “Nước đến chân mới nhảy”. Tuổi trẻ ngày nay có nhiều thời gian để dành cho tình yêu nên có lẽ họ không thể nhận ra những hạnh phúc mà họ đang có mà chỉ toàn nhìn thấy sự khổ đau trong tình yêu, phải chăng tuổi trẻ ngày nay khi đã được đáp ứng quá đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần thì dần trở nên ích kỷ hơn. Chỉ biết nghĩ cho riêng mình. Và mục tiêu của phần lớn các bạn trẻ ngày nay là phải thật thành công trong cuộc sống, khẳng định được vị trí của mình trong xã hội; kiếm thật nhiều tiền để có thể thỏa mãn nhu cầu của cuộc sống của riêng mình. Trong khi rất nhiều người đang cố gắng đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình mong muốn một xã hội tốt đẹp hơn thì lại không ít người lại tỏ ra rất hờ hững với những gì đang diễn ra cho đất nước mình. Thật đáng buồn cho một tương lai đất nước!

Các bạn luôn mong muốn mình sẽ là người tài giỏi nhưng lại không có được một lý tưởng cho riêng mình, thì cuộc đời bạn sẽ trôi về đâu? Hãy tưởng tượng mà xem: một thanh niên sống không mục đích, không có định hướng, học tập chỉ do ba mẹ gượng ép; chàng ta chẳng hề ham thích những lựa chọn ấy và cũng chẳng hề thích học những môn học ấy; rồi cậu rớt đại học, thất nghiệp (chẳng ai nhận những người không có học vấn cả, dù cậu đã qua các năm trung học rồi nhưng với tinh thần thiếu ý chí thì xét lại cậu cũng chẳng đủ sức cho công việc)... không có tiền cậu đâm ra vùi vỉnh bố mẹ (tuy nhiên vẫn có một số người tốt, không phạm phải những sai lầm này)... tiêu xài tiền, rồi đủ các thói hư, tật xấu. Cuối cùng chàng thanh niên ấy đã kết thúc cuộc đời trong nhà tù hoặc trên giường bệnh sau bao năm ăn chơi, nghiện ngập. Đó là ví dụ về một con người không có lý tưởng sống. Còn những người sống có mục đích nhưng lại là mục đích tầm thường như ăn no mặc ấm, hạnh phúc gia đình, kiếm được nhiều tiền, cưới vợ đẹp,... Những người này vì lợi ích của bản thân, họ dễ dàng làm bạn với cái ác và sẽ phạm tội. Chúng ta thường đọc thấy trên báo công an hay thấy trên Tivi những tin liên quan đến ông này bà nọ có chức vụ, lạm dụng quyền hạn để trục lợi; hay những nhóm tội phạm, nhất là các nhóm thanh thiếu niên trẻ cướp giết, phạm tội... để kiếm tiền ăn chơi hay những thanh niên, học sinh (kể cả người lớn)

ghien chơi games đến mê mết! Tất cả, những người sống không có mục đích và những người có mục đích tầm thường đều có kết quả không tốt.

Tóm lại, thanh niên chúng ta cần phải biết và tạo cho mình một lý tưởng sống cao đẹp, vì mọi người, vì quê hương đất nước. Bản thân mỗi chúng ta hãy tự nhìn lại cách sống của mình để hướng đến tương lai tươi sáng. Cuối cùng xin kết thúc bằng lời của chiến sĩ cách mạng, một người cộng sản trẻ tuổi, một nhà văn, một anh hùng thời vệ quốc Xô Viết vĩ đại, Paven Copsagine trong tác phẩm Thép đã tôi thế đấy (tác giả Nikolai Ostrovsky): "Cái quý nhất của con người là cuộc sống. Đời người chỉ sống có một lần, phải sống sao cho khỏi xót xa ân hận vì những năm tháng sống hoài sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và đốn hèn của mình, để đến khi nhắm mắt xuôi tay, mà có thể nói rằng: Tất cả đời mình ta đã cống hiến cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người. Và ta phải sống gấp lên mới được. Vì bệnh tật vô lý hay một sự bi đát tình cờ nào đó có thể bỗng nhiên cắt đứt cuộc đời này".

**Đề 13: Anh (chị) hãy trình bày ý kiến của mình về câu nói sau ‘sống sao cho khỏi xót xa...’**

#### Bài làm

Mùa xuân là mùa đẹp nhất trong năm, tuổi trẻ của thanh niên cũng như mùa xuân. Là lứa tuổi đẹp nhất trong mỗi cuộc đời. Thanh niên là lứa tuổi với nhiều ước mơ, dự định và hoài bão lớn nhất. Để có thể làm tốt những hoài bão đó thì những thanh niên đó cần phải có một mục đích sống một lý tưởng sống. Vậy lý tưởng sống của thanh niên ngày nay là gì?

Bạn có biết tại sao chúng ta lại được sống trong một đất nước độc lập ngày nay không? Vì sao một đất nước nhỏ như chúng ta lại có thể đánh thắng được giặc ngoại xâm hùng mạnh không? Đó chính là nhờ lý tưởng của ông cha ta ngày xưa. Trong sự nghiệp chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, đã có hàng triệu thanh niên lên đường ra trận, dũng cảm chiến đấu, hy sinh cuộc đời thanh xuân đẹp nhất của mình, góp sức quan trọng cùng toàn dân tộc đánh thắng hai kẻ thù hùng mạnh của thời đại là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc. Họ đã có những lý tưởng sống đẹp họ chiến đấu hi sinh vì Đất nước thân yêu. Vậy sống trên 1 đất nước hòa bình độc lập này chúng ta cần phải làm gì để tiếp bước ông cha ta với sứ mệnh xây dựng Việt Nam thành một quốc gia hùng mạnh đang đặt lên vai thanh niên chính họ phải lĩnh sứ mệnh vô cùng cao cả và thiêng liêng này bởi họ là chủ nhân, là tương lai, là ‘mùa xuân’ của dân tộc. Thanh niên sống là phải có lý tưởng. Để thực hiện được lý tưởng đó mỗi thanh niên chúng ta cần phải trang bị một hành trang thật vững chắc để vào đời bằng việc học tập và phải sống có đạo đức. Nhưng nhìn thẳng vào thực tế hiện nay, khi đất nước ta đang có nguy cơ tụt hậu về kinh tế, tệ nạn xã hội ngày một gia tăng thì thanh niên chưa chứng tỏ đầy đủ được vai trò, trọng trách của mình trước sứ mệnh của đất nước. Mà lại có nhiều thanh niên ngày nay chỉ biết sống cho chính bản thân mình, những người có lối sống buông thả, sống cho qua ngày. Họ chùn bước trước khó khăn, lắc đầu trước thử thách và sống vô trách nhiệm với xã hội. Bởi lẽ một điều, họ vẫn còn mặc cảm với quê hương. Thái độ đáng trách này biểu hiện ở những người ta sống tha hương, chỉ biết sống vì đồng tiền, lúc nào cũng đem lợi ích của mình lên bàn cân để so đo, tính toán. Bảo vệ quyền lợi của mình, đó là đúng, nhưng đừng như đừng quá vì bản thân mà xem nhẹ công đồng. Đó là lối sống ích kỷ. 'Sống' - Đó chỉ là một từ đơn giản thôi nhưng nó hàm chứa biết bao nhiêu điều. Sống vì



điều gì và sống như thế nào. Điều đó tùy thuộc vào sự lựa chọn của mỗi người trong chúng ta. Để thanh niên ngày nay trở thành trụ cột của nước nhà không chỉ ở hiện tại mà ngay cả trong tương lai thì vấn đề sống còn là thanh niên phải xác định được cho mình một lý tưởng; sau khi đã xác định được phải phấn đấu để thực hiện lý tưởng đó. Chỉ có như thế thanh niên Việt Nam mới có thể hoàn thành được sứ mệnh mà đất nước giao phó và có thể ngang cao đầu với thanh niên thế giới. Mỗi thanh niên sẽ có quan niệm riêng của mình về lý tưởng, tùy thuộc vào hoàn cảnh, trình độ, lý tưởng đó phù hợp với xu thế chung của đại đa số thanh niên, và mang lại lợi ích cho dân tộc đó mới thật sự là lý tưởng. Con người ta luôn khát vọng hướng tới cái cao cả tức là hướng tới chân lý, những người sống phấn đấu hướng tới cái cao cả thường được gọi là người có lý tưởng. Như vậy chân lý không chỉ là ngọn đèn pha mà còn là cái đích của lý tưởng. Trong công cuộc đổi mới của đất nước, nhất là thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, thanh niên chính là nguồn nhân lực chất lượng cao nhanh chóng nắm bắt khoa học công nghệ hiện đại ở mọi lĩnh vực để phát triển đất nước. Thanh niên Việt Nam đã thể hiện rất nhiều ưu điểm như thông minh, cần cù, chịu khó, ham học hỏi, tiếp thu cái mới nhanh... Nhiều bạn trẻ đã thể hiện lối sống cao đẹp, thổi bùng ngọn lửa vì cộng đồng và không cam chịu đói nghèo. Các mùa hè tình nguyện đã thu hút hàng nghìn trí thức trẻ tình nguyện lên đường về nông thôn, miền núi. Nhiều dự án lớn do thanh niên đảm nhiệm... Kế thừa lời dạy về lý tưởng cho thanh niên của Hồ Chí Minh, kết hợp với thực tiễn ngày hôm nay của đất nước, thanh niên có thể xây dựng cho mình một chân lý - một lý tưởng: Không ngừng phấn đấu xây dựng Việt Nam trở thành một nước “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Tất nhiên sự nghiệp to lớn này là của toàn dân tộc nhưng thanh niên giữ một vai trò quan trọng, bởi sự nghiệp này không phải một sớm một chiều mà đạt được; cần có thời gian, ngắn hay dài tùy thuộc vào sự phấn đấu của chúng ta. Thanh niên là lớp người trẻ tuổi sẽ kế tục và biến sự nghiệp này thành hiện thực. Giống như câu nói “Tinh thần của tuổi trẻ là đá quý kỳ lạ có thể nung sắt thành vàng”

Là 1 thanh niên thế kỉ 20 với bước hội nhập hiện nay, với những lý tưởng và hoài bão lớn, chúng ta hãy ra sức học tập và sống có đạo đức. Để thật sự là 1 người có ích trên xã hội này. Chúng ta ai cũng sống có khát vọng, hoài bão và hết mình vì nó. 'Cái quý nhất của con người là cuộc sống, đời người chỉ sống có một lần, phải sống sao cho khỏi phải xót xa, ân hận vì những năm tháng sống phí, cho khỏi phải hổ thẹn vì những năm tháng sống hoài, sống phí...Sống có lý tưởng để đưa đất nước mình đi lên hội nhập với các cường quốc năm Châu.

**Đề 14:** Anh (chị) hãy trình bày ý kiến của mình về câu nói sau “tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”.

#### Bài làm

Trong thư gửi thanh niên và nhi đồng toàn quốc nhân dịp Tết Nguyên Đán năm, chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “ Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”. Theo qui luật tuần hoàn của thiên nhiên, ta thấy mùa xuân vừa là cái kết thúc cho một năm cũ vừa mở đầu cho một năm mới. Mùa xuân mang lại sự ấm áp, cây cối đâm chồi nảy lộc, xanh tươi đầy sức sống. Và con người thời trai trẻ khi bước vào mùa xuân cũng cảm thấy mình lớn hơn, cơ thể, trí tuệ, tư duy cũng phát triển hơn và cả ước mơ khát vọng của tuổi trẻ cũng tràn đầy mãnh liệt hơn. Như vậy sự liên tưởng giữa mùa xuân và tuổi trẻ trong câu viết của

Bác là hết sức logic và thực tiễn; ở đây Bác đã rất đề cao vai trò của thanh niên trong xã hội, chính họ sẽ là những người sẽ làm đất nước tươi đẹp như mùa xuân. Điều đó được chứng minh trong những trang sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, biết bao thanh niên đã hiến dâng tuổi thanh xuân đẹp nhất của mình để đổi lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc. Tại sao họ có thể hoàn thành được sứ mệnh vinh quang đó bằng xương máu mà không chút e ngại, bởi họ có lý tưởng sống đúng đắn và cao đẹp: Tất cả cho Tổ quốc quyết sinh. Nhưng với hoàn cảnh sống, một môi trường sống khác tốt hơn, hạnh phúc hơn, yên bình hơn thì lý tưởng của thanh niên ngày nay là gì?

Có người nói rằng lý tưởng của thanh niên là làm giàu và điều đó đã được một số người hưởng ứng cổ vũ cho rằng là lẽ sống của thanh niên. Thật ra đó là một điều sai lầm, lý tưởng luôn là một cái gì đó cao cả, hướng con người đến cái khát vọng lớn lao mà không nằm ngoài mục đích mang lại lợi ích cho dân tộc mình. Mỗi thanh niên luôn có quan niệm riêng về lý tưởng, tùy thuộc vào hoàn cảnh, trình độ, cách sống của mình nhưng nếu lý tưởng đó phục vụ cho riêng lợi ích cá nhân của mình thì chỉ là lối sống vị kỉ, cá nhân. Còn lý tưởng đó phù hợp với xu thế chung của đại đa số thanh niên và vì mục đích trên thì đó chính là lý tưởng. Cũng giống như cái chung và cái riêng, lý tưởng riêng của mỗi thanh niên phong phú hơn lý tưởng chung nhưng lý tưởng chung bao quát và sâu sắc hơn. Và lý tưởng chung đó chính là xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước vững mạnh cũng như tự gắn mình vào nhiệm vụ chống đói nghèo, lạc hậu, nuôi dưỡng bản thân, gia đình, đưa đất nước phát triển và hội nhập cùng quốc tế.

Nhưng thực tế hiện nay, khi đất nước có nguy cơ tụt hậu về kinh tế, tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng thì thanh niên chưa chứng tỏ đầy đủ vai trò, trọng trách của mình trước sứ mệnh của đất nước. Đó là một bộ phận thanh niên sống mờ nhạt. Dưới tác động của cơ chế thị trường, nhiều thanh niên đã chạy theo lối sống thực dụng của đồng tiền, lo ăn chơi, hưởng thụ, lao vào các tệ nạn xã hội. Và điều đó đã được phản ánh qua thông số thống kê trong tổng số người nghiện ma tuý thì thanh niên chiếm hơn 70%; cả nước có 63000 người bị nhiễm HIV thì thanh niên chiếm hơn 61% . Mỗi năm trong cả nước có từ 1,2 triệu đến 1,4 triệu ca nạo phá thai thì lứa tuổi thanh niên chiếm hơn 25%; 70,1% sinh viên nam và 62% sinh viên nữ ở thành phố coi sinh hoạt tình dục là trò giải trí; 30% - 40% nam nữ thanh niên từ 15-25 tuổi thừa nhận quan hệ tình dục trước hôn nhân. Một điều không khỏi phải nhắc đến là tội phạm trong con cái những người có chức quyền có nguy cơ gia tăng, những thanh niên này thường được bố mẹ nuông chiều, thiếu sự giáo dục, lại cậy quyền thế, giàu có nên sống buông thả.

Cùng với việc gia tăng tội phạm trong thanh niên, thì nạn chảy máu chất xám trong giới trí thức thanh niên hiện nay cũng đang trở thành một vấn đề bức xúc. Nhiều thanh niên sau khi được nhà nước cho đi du học bằng tiền của nhân dân đã định cư nước ngoài không trở về, hoặc có trở về thì cũng đi làm cho các liên doanh nước ngoài để thu nhập cao. Có lẽ nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế, do ta chưa biết trọng nhân tài, thì điều quan trọng phải là do chính họ chạy theo lý tưởng sống thực dụng của đồng tiền mà quên đi đất nước – chính là nơi mình đã được sinh ra và nuôi dưỡng nên người. Thay vì họ phải chung sức lực, trí tuệ cùng nhân dân xây dựng, phát triển đất nước thì họ lại chạy theo lối sống cá nhân, hưởng thụ.

Hồ Chí Minh đã từng dạy thanh niên: “ Chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc ta hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn được thắng lợi trên đất nước ta..” Vì vậy kế thừa lời dạy về lý tưởng cho thanh niên của Bác, kết hợp với thực tiễn ngày hôm nay của đất nước, thanh niên có thể xây dựng cho mình một lý tưởng: Không ngừng phấn đấu xây dựng Việt Nam trở thành nước “ Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Tất nhiên sự nghiệp to lớn này là của toàn dân tộc nhưng thanh niên

giữ vai trò quan trọng, bởi sự nghiệp này không phải một sớm một chiều mà đạt được; cần có thời gian, ngắn hay dài phụ thuộc vào sự phấn đấu của chúng ta. Thanh niên là lớp người trẻ tuổi sẽ kế tục và biến sự nghiệp này thành hiện thực.

**Đề 15:** Nhà văn nữ người Pháp Ursula K. Le Guin đã từng nói: “Thành công của người này là thất bại của người khác.”

Câu nói này cho rằng thành công và thất bại của mọi người thường hoán đổi cho nhau và không thể có tình trạng tất cả mọi người đều thành công cùng một lúc.

Anh (chị) hãy bình luận câu nói trên.

### Bài làm 1

Trong cuộc sống, tất cả chúng ta đều cố gắng đạt được một thành quả nào đó, cố gắng thực hiện ước mơ của mình, đều muốn được thành công trong những việc mình làm. Tuy nhiên, không phải ai trong chúng ta đều thành công trong mọi việc. Nhà văn nữ người Pháp Ursula K. Le Guin đã từng nói: “Thành công của người này là thất bại của người khác.”

Câu nói này cho rằng thành công và thất bại của mọi người thường hoán đổi cho nhau và không thể có tình trạng tất cả mọi người đều thành công cùng một lúc. Không phải câu nói này sai, tuy nhiên, nó chỉ đúng trong một phạm vi nào đó, không phải lúc nào cũng chính xác.

Có nhưng trường hợp trong khi một người thành công thì một người khác lại thất bại. Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra điều này trong đời sống hằng ngày. Thất bại của một người là khi người đó không đạt được mục đích mà mình đã đặt ra. Trong trường hợp trên, người hạng nhì cũng có thể coi là thất bại nếu như mục đích của họ là đạt một thứ hạng cao hơn.

Người thành công biết chính xác những gì mình muốn, tin tưởng vào khả năng của mình và sẵn sàng cống hiến hết thời gian của cuộc đời để đạt được điều đó. Có khả năng ảnh hưởng đến những người xung quanh và hợp tác với họ trong thái độ thân thiện, chỉ bày tỏ ý kiến về những điều mình biết và họ hoàn toàn có thể thực hiện điều đó một cách rất khôn ngoan. Người thành công dung hoà quan hệ với tất cả mọi người mà không quan tâm đến lợi ích đạt được, luôn trao dồi kiến thức và mở rộng lòng khoan dung. Họ sống hướng đến quyền lợi chung của cộng đồng, theo kịp thời đại và xem đây là một trách nhiệm quan trọng để biết được điều gì đang diễn ra.

Người thất bại không có mục đích cụ thể cho cuộc sống, luôn tin rằng mọi thành công đều là kết quả của vận may và chỉ thật sự bắt tay vào việc khi có sự tác động từ bên ngoài tìm thấy khuyết điểm của mình ở người khác, phát biểu ý kiến về mọi vấn đề mà họ chỉ biết chút ít hoặc hoàn toàn không có một chút kiến thức gì về chúng, chỉ nuôi dưỡng quan hệ với những ai mà từ đó họ sẽ có những thứ mà họ muốn. Người thất bại có trí tuệ hạn chế, sự vị kỷ chiến thắng lòng vị tha. Vì vậy họ tách khỏi những cơ hội thuận lợi và mối quan hệ thân thiện với xã hội, chỉ quan tâm đến bản thân với những nhu cầu trước mắt và bắt chấp mọi thứ để thực hiện, không cần biết đó là điều tốt hay xấu.

Hai khái niệm đó cho thấy rằng giữa thành công và thất bại có khoảng cách rất mong manh, thành công của người này có thể là thất bại của người khác. Tuy nhiên còn phải tùy từng hoàn cảnh mới hiểu rõ câu nói của nhà văn Pháp Ursula K. Le Guin “Thành công của người này là thất bại của người khác.” Có hoàn toàn đúng hay không. Ở Asiancup2007 tổ chức ở VN,

Malaysia, Indonesia và Thái Lan, trong 4 nước đồng chủ nhà chỉ có Vn lọt vào vòng tứ kết và cuối cùng để thất bại 0-2 trước IRAQ, với tuy thất bại nhưng đối với nhiều người đó được coi là một sự thành công cho đội tuyển thể ngày càng phát triển sau này. Nhắc đến vấn đề thành công hay thất bại chúng ta không thể quên nhắc đến Bill Gates một trong những người giàu nhất thế giới, ông đã từng thi rớt đại học đối với ông đó có thể là một thất bại, nhưng ông biết vượt qua thất bại để đứng lên tạo lập và xây dựng Microsoft thành một trong những tập đoàn hàng đầu thế giới. Như vậy, câu nói của nhà văn nữ người Pháp Ursula K. Le Guin có thể đúng khi định nghĩa thành công và thất bại một cách tuyệt đối: người thành công là người đạt một mục tiêu mà những người thất bại không đạt được hoặc khi người thất bại không biết nắm lấy cơ hội để thành công mà để vuột mất vào tay người khác. Ngoài ra thành công và thất bại cũng chỉ là khái niệm nhất thời, có thể chỉ thành công trong một thời điểm nào đó nhưng sau đó lại gặp thất bại.

Câu nói “Thành công của người này là thất bại của người khác.” Của nhà văn nữ người Pháp chỉ mang tính chất tương đối có nghĩa là không hoàn toàn đúng cũng không hoàn toàn sai mà nó tùy thuộc vào cách nhìn nhận thành công hay thất bại của từng người và còn phải tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể chứ không thể là lời đánh giá của một cá nhân.

## Bài làm 2

Trong cuộc sống hằng ngày, xã hội luôn không ngừng thay đổi, có những con người nghị lực đã tự xây dựng nên cuộc sống ấm no, đã vun đắp ý chí, tạo lập nên được thành công cho riêng mình. Đó là những con người cần cù, tự lập, rất đáng để ta noi theo, học tập. Tuy nhiên, cuộc sống với nhiều khó khăn và biến đổi, không phải ai cũng đạt được thành công như mình mong muốn, bên cạnh thành công của người này có khi là thất bại của người khác. Cũng bản khoăn về những vấn đề này, nhà văn nữ người Pháp Ursula K. Le Guin đã từng nói: “Thành công của người này là thất bại của người khác.”. Câu nói này cho rằng thành công và thất bại của mọi người thường hoán đổi cho nhau và không thể có tình trạng tất cả mọi người đều thành công cùng một lúc. Vậy thế nào là thành công, thế nào là thất bại, và tại sao thành công của người này là thất bại của người khác?

Thành công là gì? Thành công có thể được hiểu qua nhiều khía cạnh trong cuộc sống. Có người hiểu rằng thành công đích thực là đạt được đỉnh cao trong sự nghiệp, lại có bạn hiểu ngắn gọn rằng thành công là chỉ cần hoàn thành được những công việc mà mình đề ra. Theo em, thành công bao gồm tất cả những tính chất trên; không dừng lại ở đó, thành công không chỉ đơn thuần là đạt được mục đích mà còn gồm cả nỗ lực và ý chí của chính bản thân mình. Thành công cũng giống như những khát khao bình dị trong cuộc sống; như hình ảnh một cậu bé bị tật ở chân, không bao giờ đi lại bình thường được. Từ nhỏ, cậu đã ước mơ trở thành cầu thủ bóng đá. Sau bao nỗ lực, cậu đã trở thành một cầu thủ dự bị trong một đội bóng nhỏ, nhưng chưa bao giờ được chính thức ra sân. Với cậu, đó đã là một thành công lớn, sự thành công trong sự bèn bĩ và nghị lực của cậu bé đã giúp cậu theo được ước mơ năm xưa. Vậy còn thất bại? Nhiều người thường lầm hiểu cho rằng khi mình thất bại nghĩa là mình không có khả năng, là mình không thể hoàn thành công việc được giao phó. Như những sĩ tử khi bước vào kỳ thi tú tài, trong số họ, không ít người đã từng thất bại trong kỳ thi trước, thất bại đến với họ trong sự chủ quan, tâm lý hay thậm chí lo sợ, hồi hộp; nhưng nhờ thất bại, họ đã biết vượt qua, biết phấn đấu nhờ đó đã đạt được kết quả cao trong kỳ thi. Vì thế, thất bại không phải hoàn toàn tối nghĩa như ta thường nghĩ. Thất bại là cách học tập để chung sống với thành công, thành công sẽ hoàn toàn vô nghĩa nếu không từ thất bại đi

lên .Và từ thất bại con người mới có thể vươn lên ,mới biết sửa chữa sai lầm của mình .Vì vậy ,thất bại chẳng qua là bài học đi lên thành công .Câu nói của nhà văn nữ người Pháp cũng thế ,”thành công của người này là thất bại của người khác.”là một lời tóm tắt phẩm chất ,là dây nối mối liên quan giữa thành công và thất bại .”Thành công của người này là thất bại của người khác.” ,câu nói của bà phản ánh chân thật phần nào chân dung của cuộc sống “có kẻ thắng người thua ” đó mới là chân lý ,là những gì đang diễn ra xung quanh ta .Như trong cuộc thi tuyển chọn giọng hát ,có người nhờ chất giọng tốt ,phong cách cá tính ,họ đã vượt qua và trở thành những ngôi sao sáng. Còn đối với những người còn lại ,họ là những người thua cuộc ,không phải do họ không cố gắng nỗ lực mà do họ không gặp may .Cũng như thế ,trong kỳ thi “Đường lên đỉnh Olympia” ,người thắng cuộc luôn được trao vòng nguyệt quế ,được đứng cao trong niềm vinh quang ,với những thí sinh khác ,tuy không đạt được gì nhưng họ vẫn ra về trong sự vui mừng của gia đình .Điều đó cho thấy “Thành công của người này là thất bại của người khác” là một chân lý .Tuy nhiên thành công không dành cho những kẻ ỷ lại ,sống nhờ vào thành công của người khác ,sống như thế cũng sẽ khiến cho họ mãi là những kẻ thất bại ,không bao giờ đạt được mục đích trong cuộc sống .Với những người không thành công ,dẫu cho họ không gặp may mắn thuở ban đầu nhưng bằng nghị lực và ý chí thì họ cũng sẽ mang lại thành công cho riêng mình .

Câu nói của nhà văn nữ người Pháp như một lời động viên thiết tha ,khuyến nhủ con người chớ nên vì thất bại mà từ bỏ mục đích ,ước mơ mà mình theo đuổi .Câu nói cũng như lời nhắc nhở người đọc chớ nên sống trong thành công quá nhiều mà quên đi thất bại ,nếu như có một lần thất bại thì chúng ta cũng coi nó như một lần bước lên nấc thang thành công .

Thanh niên ngày nay phải luôn biết gắng mình để xây dựng Tổ Quốc ,đó còn là trách nhiệm chung của mỗi con người Việt Nam .Lời nói của nhà văn nữ người Pháp là một thông điệp giúp xây dựng nước ta ngày càng hoàn thiện hơn .Mọi người liệu có thành công được hay không ?Đất nước ta có ngày tiên bộ được hay không ?Điều đó sẽ không hoàn toàn chắc chắn nếu không nhờ câu nói của bà .Câu nói nhắc nhở mọi người phải không ngừng phấn đấu để đạt được mục đích .Đó cũng chính là lời dạy thiết tha của bà dành cho mọi người .

**Đề 16: Anh (chị) hãy trình bày ý kiến của mình về các nữ sinh thời nay nên mặc áo dài truyền thống hay trang phục hiện đại khi đến trường.**

### Bài làm

Trên đường phố ngày nay, ta thường bắt gặp những tà áo dài thướt tha, tinh khôi của những nữ sinh xen lẫn vào đó là những đồng phục trẻ trung, năng động tạo nên khung cảnh đẹp mắt trong những dịp tựu trường. Có nhiều ý kiến khác nhau là nên mặc áo dài truyền thống hay đồng phục hiện đại, chúng ta hãy cùng nhau thảo luận về vấn đề này.

Áo dài truyền thống là sắc phục của dân tộc ta, là quốc hồn, quốc túy của đất nước Việt Nam. Áo dài không chỉ đơn giản là trang phục để mặc mà còn là biểu tượng văn hóa, thể hiện bản sắc dân tộc, gắn liền với bao thăng trầm lịch sử. Trải qua nhiều biến đổi cách tân, đến ngày nay áo dài vẫn giữ được nét đẹp vốn có của nó, đi vào lòng những người con quê hương và được bạn bè năm châu biết đến. Đồng phục hiện đại là các loại váy hay quần kết hợp với áo sơ mi trẻ trung, giúp cho các bạn học sinh cảm thấy thoải mái nhưng cũng không kém phần lịch sự, gọn gàng.

Khác với kimono của Nhật hay hanbok của Hàn Quốc, áo dài Việt Nam vừa truyền thống lại vừa hiện đại, loại trang phục này không giới hạn mặc ở một số nơi hay dịp mà có thể mặc mọi lúc, mọi nơi, dùng làm trang phục công sở hay đi học, đi chơi. Chiếc áo dài, đặc biệt là áo dài nữ sinh có một nét đẹp duyên dáng mà không loại trang phục nào có được. Áo dài làm cho nữ sinh thêm dịu dàng, thướt tha, gợi nên cảm xúc xao xuyến khó tả cho những ai tình cờ bắt gặp. Hình ảnh nữ sinh Việt Nam trong trang phục áo dài đã đem đến cho các nhà thơ, nhà văn nguồn cảm hứng vô tận, như trong bài “Áo lụa Hà Đông” của Nguyễn Sa:

*“Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát  
Bởi vì em bận áo lụa Hà Đông”*

Hay trong bài “Tương tư” có khổ :

*“Có phải em mang trên áo bay  
Hai phần gió thổi, một phần mây  
Hay là em gói mây trong áo  
Rồi thả cho làn áo trắng bay.”*

Tà áo dài đem đến cho người phụ nữ Việt Nam nói chung và nữ sinh nói riêng một nét đẹp đặc trưng mà những người con xa quê hương luôn khắc trong tâm tưởng, luôn khát khao một lần bắt gặp, để lại cho những nữ sinh trung học một thời để nhớ, để thương. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng áo dài truyền thống không còn phù hợp với nữ sinh ngày nay.”Tại sao nữ sinh đi học lại phải bận áo dài?”, đó là câu hỏi của hầu hết các bạn gái đã hoặc đang vào ngưỡng phổ thông. Với những bạn có vóc dáng thon thả thì rất thích hợp với áo dài, còn với những bạn có vóc dáng béo tròn thì mặc áo dài quả là cực hình. Trong những ngày mưa, đường lầy lội sẽ làm bẩn hết áo dài và màu trắng sẽ bị dây bẩn. Ngoài ra, mặc áo dài nữ sinh khó có thể vận động, chạy nhảy thoải mái và trong những tháng nóng nực thì áo dài càng làm nóng bức và dẫn đến mệt mỏi.

Ở nước ngoài, đặc biệt là những nước tiên tiến, phát triển trên thế giới, trang phục đi học là tự do. Các học sinh, sinh viên chỉ cần mặc quần áo gọn gàng, sạch sẽ, lịch sự là được. Tuy thoải mái về ăn mặc nhưng nền giáo dục của họ rất tiên tiến, họ không quan tâm đến bề ngoài mà chỉ quan tâm đến chất lượng học tập. Từ xưa đến nay, áo dài là một nét truyền thống văn hóa của người Việt Nam. Người ta luôn mặc nó trong những ngày lễ hội, Tết nhưng việc mặc áo dài vào trường học chưa được xem xét kỹ. Có thực trạng rằng các bạn nữ sinh thường cột lên hay xăng lên để dễ vận động, có bạn vì nóng bức cởi cả nút áo, nêu vậy còn đâu là áo dài truyền thống?

Hơn nữa, không phải gia đình nào cũng có điều kiện may cho con em mình vài bộ áo dài để mặc, trong khi đó giá một bộ đồng phục lại rẻ hơn nhiều, phụ huynh cũng không phải tốn công đi mua vải, tìm thợ may cho con em mình một bộ vừa ý.

Việc mặc đồng phục khi đến trường là một quy định bắt buộc đối với nhiều trường phổ thông hiện nay và không thể phủ nhận rằng những tà áo dài trắng chỉnh tề đã làm nên một nét đẹp thể hiện sự quy cũ, tính kỉ luật và trang nghiêm trong mái trường chúng ta. Nếu việc mặc đồng phục khi đến trường được coi như một nội quy bắt buộc thì đã có sự đa dạng trong mẫu mã và kiểu dáng của bộ đồng phục học sinh. Như trước kia, hễ nghĩ đến bộ đồng phục học sinh, chúng ta thường nghĩ đến quần xanh, áo trắng dẹt chon am, áo dài trắng dành cho nữ thì mẫu đồng phục sau nhiều năm trở nên đa dạng. Trước đây khi thực hiện, mặc đồng phục có rất nhiều ý kiến trái

ngược nhau, song giờ đây việc mặc đồng phục đã tạo nên phong trào giữa các trường phổ thông, tạo nên nét đẹp mới cho mái trường Việt Nam .

Những bộ váy ca rô xếp nếp kết hợp với áo sơ mi trắng, những chiếc quần tây kết hợp cùng cà vạt đồng màu đem lại sự thoải mái cho người mặc. Những bộ đồng phục này đã được cách tân và tiện dụng hơn rất nhiều, chúng mát hơn, thấm hút mồ hôi nhanh hơn, người mặc dễ vận động, góp phần không nhỏ vào việc giúp các bạn học tốt hơn, năng động và sáng tạo hơn, lứa tuổi mới lớn sẽ hồn nhiên hơn, không còn bị gò bó trong tà áo dài cổ kính.

Tuy nhiên, bộ đồng phục hiện đại cũng làm mất đi vẻ đẹp dịu dàng, thướt tha vốn có của nữ sinh. Mai sau, khi rời xa mái trường, cũng không có gì đọng lại trong tâm trí, không còn hình ảnh đáng nhớ về một thời cắp sách tới trường.

Tốt hơn là nên kết hợp cả trang phục truyền thống và hiện đại. Nhiều trường phổ thông đã áp dụng mặc áo dài vào ngày đầu tuần và đồng phục cho những ngày còn lại. Biện pháp đó là hiệu quả nhất vì vừa giữ được nét đẹp truyền thống mà các bạn nữ sinh chỉ phải mặc áo dài vào thứ hai, nên sẽ cảm thấy thoải mái hơn, đem đến hiệu quả học tập cao hơn. Cho dù là áo dài truyền thống hay đồng phục hiện đại thì nữ sinh cũng nên giữ phẩm chất của mình, luôn trong sáng, dịu dàng hồn nhiên và chấp hành tốt nội quy nhà trường.

Áo dài truyền thống và đồng phục hiện đại nên giao hòa với nhau tạo nên nét đẹp đáng yêu cho nữ sinh, vừa tôn lên nét đẹp truyền thống vừa tạo nên nét đẹp mới cho mái trường Việt Nam .

**Đề 17:** Một câu triết học nói: Mỗi con vật khi sinh ra đều là tất cả những gì nó có. Chỉ có con người là ngay từ thuở lọt lòng thì chẳng là gì cả. Nó làm thế nào thì nó sẽ trở thành như thế ấy, và nó phải làm bằng tự do của chính nó. Tôi chỉ có thể trở thành kẻ do chính tôi làm ra.

### Bài làm

Con người khác con vật ở chỗ nó dự phần quyết định vào việc tạo dựng nên nhân cách của nó. Chính vì vậy ,một nhà triết học có nói:"Mỗi con vật khi sinh ra đều là tất cả những gì mà nó có.Chỉ có con người là ngay từ thuở lọt lòng thì chẳng là gì cả.Nó phải làm như thế nào thì nó sẽ được trở thành như thế ấy và nó phải tự làm bằng chính tự do của nó.Tôi chỉ có thể trở thành kẻ do chính tôi làm ra".Câu nói đó chẳng những nêu bật sự khác nhau giữa con người à con vật mà còn nhấn mạnh tới vai trò con người trong việc hình thành nhân cách của mình.

Thật vậy, mỗi con vật khi sinh ra đều đã là tất cả những gì mà nó có.Điều đó có nghĩa là con vật được sinh ra như thế nào thì nó sẽ lớn lên như thế ấy.Một con chó sói được sinh ra thì sẽ trở thành con chó sói, một con chim sẽ thành chim. Dĩ nhiên phải có thời gian để con chó sói trưởng thành, tự kiếm ăn và tự vệ,để con chim được lớn,mở mắt biết bay đi kiếm mồi.Nhưng qua thời gian đó,con sói và con chim trưởng thành vẫn chỉ là con vật được quy định trong bộ gen của nó. Con vật được sinh ra trong trạng thái đã tự đầy đủ. Con người thì khác hẳn, khi sinh ra tự nó không đầy đủ, không là gì cả. Một em bé sơ sinh đang oa oa chào đời,tự em không thể sống được nếu thiếu sự chăm sóc,bú mớm đùm bọc của người mẹ.Em sẽ không trở thành người được nếu không biết nói,biết đọc,biết viết,biết giao tiếp với cộng đồng . Em sẽ không có chỗ đứng trong xã hội nếu em không có một nghề nghiệp nào đó.Rồi em có thể có được mộ nghề nào không,em trở thành người tốt hay xấu ,chưa ai có thể quả quyết được.vậy là con người,do khi lọt lòng tự nó



không đầy đủ, cho nên mỗi người sinh ra đều mang theo một nhiệm vụ, hãy trở thành một con người !

Ai chịu trách nhiệm làm cho một con người trở thành CON NGƯỜI? Xã hội hay cá nhân? tại sao nhà triết học nói con người làm như thế nào thì nó sẽ trở thành như thế ấy, như vậy có coi nhẹ điều kiện xã hội hay không? Có quá coi trọng vai trò chủ thể cá nhân hay không? Xét về điều kiện, thì gia đình và xã hội là điều kiện để con người trở thành con người. Cha mẹ cho bú mớm, nuôi nấng, dạy dỗ. Xã hội cung cấp trường học, sách vở, kiến thức, ngành nghề. các điều kiện này có ý nghĩa hết sức quan trọng. thử tưởng tượng một con người sinh ra trong một gia đình nghèo túng, ăn không đủ no lại phải làm việc để sống thì sẽ như thế nào? Lại tưởng tượng một người sinh ra trong một gia đình giàu có, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt và học tập thì thế nào? nếu một con người ở nơi hẻo lánh, xa trung tâm văn hoá, thiếu trường sở, ít giao lưu thì thế nào? một người khác ở thành phố lớn, nhiều trường tốt, có nhiều thầy giỏi thì sẽ ra sao

Rõ ràng điều kiện tốt là rất thuận lợi và điều kiện xấu là hết sức khó khăn. nhưng điều kiện không thể quyết định tất cả. nhiều người xuất thân gheò hèn lại có ý chí vươn lên. Ở đây, hoạt động tích cực, chủ động sáng tạo của mỗi người vẫn là yếu tố quyết định sử dụng điều kiện như thế nào. khi nói tôi sáng tạo ra tôi, tôi tự làm ra chính tôi. không có nghĩa là tôi muốn trở thành cái gì cũng được. Một người mà không có giọng hát trời phú thì không thể trở thành danh ca; một người không có thể chất tốt không thể trở thành vận động viên triển vọng... Nhưng khi đã có một số đã có một số điều kiện nào đó thì việc phát huy điều kiện tốt, khắc phục điều kiện xấu phụ thuộc chủ yếu vào vai trò của cá nhân có điều kiện ấy.

Con người làm như thế nào thì nó sẽ được trở thành như thế ấy. Đúng như vậy, con người được tự do lựa chọn để tự thực hiện mình theo một lý tưởng nhất định. Nhà sư Tuệ Tĩnh đi tu, nhưng ông tự học để trở thành một nhà thuốc vĩ đại của dân tộc. Ông Tư Mã Thiên đời Hán bị nhục hình, nhưng ông chu du khắp nước, thu thập tài liệu để hoàn thành bộ Sử kí nổi tiếng... Lỗ Tấn đã tốt nghiệp trường khai mỏ, nhưng niềm băn khoăn cho số phận dân tộc dẫn ông đến nghề văn. Pastuer thi đỗ trường sư phạm, nhưng niềm say mê hoá học làm ông dồn sức vào môn khoa học này và cuối cùng và cuối cùng trở thành nhà bác học về vi trùng và phòng dịch vĩ đại. Ngay trước cái chết, con người vẫn có cơ hội để khẳng định mình. Câu nói của Trần Bình Trọng “ Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn Vương đất Bắc” đã khích lệ bao nhiêu thế hệ người Việt Nam yêu nước. Anh Nguyễn Ngọc Kí liệt cả hai tay vẫn học viết bằng chân... Lịch sử cũng cho thấy có nhiều gương làm lạc, tuy có những điều kiện tốt đẹp nhưng con người đã tự làm hỏng đời mình.

Rõ ràng dù điều kiện hoàn cảnh có vai trò quyết định như thế nào con người vẫn chịu trách nhiệm trước nhân cách của mình. Hiểu được điều này mỗi người cần thấy hết trách nhiệm của mình trước cuộc đời mình trong từng hành động lớn nhỏ. Trước mỗi con người, con người mở ra muôn ngã, con người có thể chọn một nghề phù hợp với khả năng sở trường của mình. Nhưng khả năng sở trường của con người chỉ có thể thực sự phát huy khi nó gắn liền với mục đích cao đẹp; phục vụ con người, phục vụ xã hội và nhân loại.

Không phải ai cũng hiểu được trách nhiệm của mình đối với cuộc đời của mình. Gặp khó khăn trắc trở người ta thường than thở, viện ra nào hoàn cảnh nào số phận rồi buông xuôi gập sao hay vậy. Nhưng tư tưởng đúng đắn thì cho thấy ngoài hoàn cảnh, yếu tố quyết định số phận mỗi người là chính người đó.

**Đề 18:** Anh chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về câu nói của Democrite đã nói: “Ai không có một người bạn chân chính thì người đó không xứng đáng được sống.”



## Bài làm

Ông cha ta từng có câu:

*“Bạn bè là nghĩa tương thân  
Khó khăn hoạn nạn, ân cần có nhau”*

Con người không ai có thể sống thiếu bạn. Tình bạn là một trong những tình cảm cao đẹp và trong sáng nhất. Như nhà văn Thomas Hughes từng nói: “Phước thay người nào đó có tài kết bạn, vì đó là một trong những quà tặng quý nhất của Thượng Đế.” Quả thật như thế, tình bạn có một sức ảnh hưởng vô cùng to lớn đến cuộc sống của mỗi chúng ta.

Con người từ khi sinh ra đến ngày trưởng thành không ai không có bạn. Tình bạn rất gần gũi, giản dị chứ không xa vời hay khó nói như nhiều thứ tình cảm khác. Tình bạn là một phạm trù xã hội, được dùng để chỉ quan hệ giữa người với người có những nét giống nhau về tâm tư, tình cảm, quan điểm hay hoàn cảnh... mà họ có thể chia sẻ, đồng cảm, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Tình bạn có thể là bạn tri kỉ, bạn nối khố, bạn học, bạn đồng hương, bạn đồng lứa, bạn đồng minh hay bạn chiến đấu. Bạn là người có cùng sở thích, cùng lí tưởng, quan niệm sống với chúng ta. Bạn là người cho ta một bờ vai mỗi khi ta khóc, cho ta một điểm tựa khi ta rơi vào tuyệt vọng, cho ta một bầu trời ánh sáng khi ta lạc bước vào thế giới tăm tối, là người sẽ luôn bên ta dù cuộc đời có đổi thay, khi ta gặp hoạn nạn cũng như tìm thấy hạnh phúc. Nhưng tại sao ta cần phải có bạn? Phải chăng vì bạn là người luôn ở bên ta như câu nói: “Ở nhà thì nhờ ba mẹ, ra đường thì nhờ bạn bè”. Có lẽ vì vậy mà bạn bè rất quan trọng, nếu ai không có bạn thì đó là một thiệt thòi lớn trong đời. Có bạn là điều hạnh phúc nhất của mỗi cuộc đời như nhà văn A. Manzoni đã nói: “Một trong những hạnh phúc lớn nhất đời này là tình bạn, và một trong những hạnh phúc của tình bạn là có một người để gửi gắm tâm sự thầm kín. Tình bạn đến với mỗi chúng ta một cách rất tự nhiên bởi lẽ nó xuất phát từ trái tim của mỗi người.

Trong cuộc sống, tình bạn được biểu hiện trên nhiều phương diện khác nhau. Bất cứ thời đại nào cũng tồn tại rất nhiều tình bạn đẹp. Chẳng hạn như tình bạn của Lưu Bình và Dương Lễ ngày xưa. Khi Dương Lễ là một thư sinh nghèo khổ, Lưu Bình không những không chê bai mà còn kết giao bạn hữu và tạo điều kiện cho Dương Lễ ăn học. Đến khi Dương Lễ công thành danh toại, Lưu Bình chỉ là một kẻ ăn mày rượu chè bê tha. Nhớ đến nghĩa tình bạn bè năm xưa, Dương Lễ đã nhờ vợ mình giúp nuôi và đốc thúc việc học của Lưu Bình. Sau đó, Lưu Bình đỗ đạt làm quan. Hay tình bạn vô cùng tốt đẹp và sâu sắc của hai nhà chính trị lớn là Các-mác và Ăng-ghe-n. Tình bạn của hai ông bắt nguồn từ việc có cùng chung mục đích và lí tưởng. Trong suốt thời gian nghiên cứu và làm việc, hai ông đã không ngừng viết thư cho nhau và vô cùng vui sướng khi gặp lại nhau. Có lần Ăng-ghe-n bị bệnh, Các-mác đã bỏ ra rất nhiều thời gian và tâm huyết nghiên cứu sách vở để tự tìm ra cách trị bệnh cho bạn.. Đó mới chính là tình bạn chân thành và cao quý.

Bên cạnh tình bạn chân chính còn có tình bạn không chân chính. Đó là tình bạn dựa trên sự giả dối và lợi dụng. Tình bạn ấy sẽ không bao giờ vĩnh cửu cả. Bởi tình bạn được xây dựng dựa trên những tình cảm, những cảm xúc chân thành nhất. Chính vì vậy, nếu thiếu đi những thứ này, tình bạn sẽ không bao giờ bền vững. Viên pha lê “tình bạn” óng ánh kia sẽ không còn sáng lấp

lánh nữa mà thay vào đó là những ánh sáng mờ nhạt, đen tối. Tình bạn dối lừa sẽ làm cho con người ta mất đi nhân phẩm, đạo đức của mình. Tình bạn dối trá sẽ khiến cho hai chữ “tình bạn” không còn thiêng liêng và cao quý nữa. Tình bạn này sẽ khiến cho bất cứ ai trong cuộc đều cảm thấy buồn phiền và thất vọng. Không những ta đã gây cho người khác sự tổn thương mà chính ta cũng bị tổn thương ngược lại bởi những gì ta đã gây ra. Vì vậy, chúng ta cần tránh xa thứ tình bạn đáng xấu xa này.

Tình bạn là một trải nghiệm lí thú của cuộc đời mỗi người. Tình bạn giúp chúng ta hoàn thiện nhân cách của mình. Chính nhờ tình bạn mà ta trưởng thành hơn, giàu nghị lực hơn trong cuộc sống. Không những thế, tình bạn giúp cuộc sống trở nên vô cùng ý nghĩa, đúng như Democrite đã nói: “Ai không có một người bạn chân chính thì người đó không xứng đáng được sống.”

## Bài làm 2

Cuộc sống như một trò chơi ghép hình, những mảnh ghép là một thứ tình cảm sâu sắc. Trái tim của mỗi người chỉ đẹp hơn khi biết chia sẻ những cảm xúc, giúp đỡ nhau. Vì vậy bức tranh chỉ thực sự hoàn thiện khi ta biết chọn đúng những mảnh ghép, ghép vào đúng chỗ trong trái tim. Tình yêu có thể đến, cũng có thể ra đi bất cứ khi nào, nhưng tình bạn vẫn mãi ở bên cạnh, xuất hiện khi ta cần nó nhất. Và đối với chúng ta, lứa tuổi mười bảy biết bao ước mơ và hoài bão thì một người bạn thân luôn luôn được chào đón, và trong cuộc sống lúc này chúng ta đã có những người bạn thật tốt, chúng ta nên yêu quý họ... Chúng ta không thể biết tình bạn xuất phát từ lúc nào nhưng biết được rằng cuộc sống sẽ thật tẻ nhạt khi không có bạn. Tình bạn như sợi chỉ bằng vàng nối trái tim toàn thế giới. Có lẽ, khi ông trời tạo ra một vùng đất, nơi ấy có con người thì ông đã thêm vào đó những thứ tình cảm để gắn kết mỗi người lại với nhau, và tình bạn là một trong những tình cảm ấy. Theo tiếng anh “tình bạn” được dịch là “friendship”, “con thuyền của tình bạn”, ở đây chiếc thuyền được xem như một chiếc ghe nhỏ, nó được tạo nên từ những miếng gỗ đóng chặt vào nhau. Thiên nhiên với muôn vàng thách thức, bão táp, phong ba có thể lật đổ chiếc thuyền bất cứ lúc nào nếu chiếc thuyền ấy thiếu đi những miếng gỗ, và tình bạn cũng vậy. Tình bạn chỉ kết thúc khi ta không có sẻ chia, không có sự tương đồng, khi ta ích kỉ, nhỏ nhen, khi ta chỉ biết đến mình. Mười hai năm học, một chặng đường dài để chúng ta học cách chung sống với mọi người. Chúng ta đã có những người bạn, tình bạn của ta cũng đẹp xiết bao! Đôi lúc nó xanh mát như bầu trời, phẳng lặng như một dòng sông... nhưng đôi khi nó âm u, tối đen như thành phố lúc không đèn, không trăng, như những con sóng dữ dội lúc biển động.

Chắc hẳn, ai cũng biết được tình bạn của hai nhà nho, nhà thơ nổi tiếng ở nước ta là Nguyễn Khuyến và Dương Khuê. Nguyễn Khuyến đã đau xót, khóc thương cho người bạn của mình. Và bài thơ “Khóc Dương Khuê” được ông sáng tác diễn tả những cảm xúc đau thương, tiếc thương về sự ra đi đột ngột của người bạn, nhớ về những kỉ niệm đẹp của một tình bạn mà cảm thấy đau đớn và cô đơn. Mỗi câu thơ, vần thơ của ông thấm đầy lệ, khiến phải xót xa, nuối tiếc về một tình bạn đẹp của ông.

*“Rượu ngon không có bạn hiền  
Không mua không phải không tiền không mua  
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết  
Viết đưa ai, ai biết mà đưa*

*Giường kia treo cũng hững hờ Đàn  
kia gáy cũng ngân nga tiếng đàn”*

Sáu câu thơ này để lại ấn tượng nhất trong lòng đọc giả, sáu từ “ không” kết hợp với hai từ láy “ hững hờ”, “ ngân nga” nói lên tiếng lòng của nhà thơ. Khi không có bạn để sẻ chia thì mọi thứ như vô vị, nó như một món canh không được nêm nếm. Sẽ thật là buồn khi không có người tri âm, thấu hiểu suy nghĩ của mình. Và tình bạn đối với Nguyễn Khuyến đẹp biết nhường nào! Quay ngược về quá khứ có tình bạn đẹp của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê, quay trở về hiện tại có đôi bạn “ Lư Bình- Dương Lễ thời nay”. Thật sự, đôi bạn ấy thật đáng để ngưỡng mộ “A Byuh và A Trâm” hai người bạn một đôi chân. Chẳng có gì thay thế được tình bạn của hai cậu bé ấy, không ngại những chặng đường xa khi công bạn đến trường, không xa lánh bạn khi bạn tật nguyền, giúp bạn, giúp bằng tất cả khả năng của mình, trái tim của A Byuh đã làm rung động biết bao nhiêu người, dạy họ phải biết sống vì mọi người, yêu mọi người như yêu chính bản thân mình.

Tuổi học trò hồn nhiên với bao giấc mơ, kí ức đẹp nhất của một tuổi hoa là những người bạn, những người luôn sát cánh bên bạn. Thật sự khó có thể dùng một từ nào để nói về tình bạn, không một từ nào có thể diễn tả được ý nghĩa sâu sắc của “ tình bạn”. Tình bạn nhẹ nhàng, mát dịu như cơn gió mùa thu, khiến lá vàng xao động, ấm áp như tia nắng mặt trời, sôi rọi từng ngõ ngách trong trái tim. Tình bạn là sự thấu hiểu lẫn nhau, sẵn sàng ngồi cạnh nhau khi khó khăn, không ích kỉ, không tự lợi, cùng nhau đối mặt với cuộc sống, giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn. Đôi khi cuộc sống không như ta muốn, có những tình bạn vu lợi, lợi dụng, đối xử với nhau không bằng con tim mà bằng sự ganh ghét. Những điều ấy sẽ đánh mất đi nét đẹp thật sự của tình bạn. Ở đời, khi đã mất đi một cái gì đó khi ấy ta mới hối tiếc. Thôi thì ta hãy học cách tiếp nhận và gìn giữ cái hiện tại, đừng nuối tiếc về quá khứ, hãy đối xử với những người bạn của mình bằng sự chân thành từ đáy con tim. Vẫn hãy luôn tin tưởng rằng: bất kì một người bạn tốt nào cũng đã từng là một người xa lạ. Ta cứ mở lòng chào đón mọi người đến với ta... vì chỉ khi ta mở cánh cửa của lòng tin, ta mới có thể mở cánh cửa tình bạn. Khi ta cho tất cả bằng sự chân thật của mình khi ấy ta sẽ nhận được những món quà lớn lao của thượng đế. Người ta nói “Tình yêu mù quáng, còn tình bạn thì lại giúp ta sống tốt hơn”, bởi một người bạn thật sự, sẽ bước vào cuộc sống ta khi mọi người bước ra... sẽ cho ta thấy đâu là đúng, là sai... sẽ bên ta để cùng vượt qua thử thách cuộc đời.

“Rồi một ngày mỗi đứa đi một đường, mỗi chí hướng, giấc mơ tình yêu. Bạn ơi! Xin nhớ rằng buồn vui luôn có tôi luôn bên bạn chia sẻ”. Đúng vậy, tình bạn luôn là thứ tình cảm đẹp nhất, quý giá nhất. Hãy biết quý trọng những người bạn bên cạnh chúng ta, cuộc sống dù ngắn hay dài thì cũng nên trân trọng tất cả những tình bạn đẹp. Hãy vẽ nên một thiên sử về tình bạn, tô lên nó bằng những màu sắc yêu thương và màu sắc quan tâm. Vì bức tranh tình bạn sẽ luôn in sâu vào con tim mỗi chúng ta, theo ta suốt chặng đường của cuộc đời. Hãy làm cho mỗi ngày mới – ngày đầu tiên cho phần còn lại của cuộc sống... đều tràn ngập tiếng cười của bạn và tôi!

**Đề 19:** Anh chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về tình “mẫu tử”.

Bài làm 1

*Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

Vâng đúng là như vậy. Mọi người sinh ra đều mang trong mình một tình mẫu tử thiêng liêng và cao cả. Tình mẹ ấm áp, bao dung dành cho con hay tình cảm kính trọng yêu quý của những đứa con dành cho mẹ mình cũng bao điều tốt đẹp.

“ Mẹ! “- thật thiêng liêng và cao đẹp biết bao. Mẹ là người đã mang nặng đẻ đau, là người chấp cho ta những đôi cánh ước mơ để bay đến chân trời hi vọng. Những việc làm và tình cảm mẹ dành cho con không gì có thể sánh bằng. Tình mẹ ấm áp như vầng thái dương, dịu hiền như dòng sông xanh. Ngay từ những ngày đầu, mẹ là người nâng đỡ, yêu thương chúng ta. Ngay cả khi lớn lên, mẹ vẫn sát cánh cùng chúng ta trên con đường đời đầy gian lao và thử thách. Tình mẫu tử cao quý ấy không gì có thể sánh bằng.

Và cũng chính vì vậy mà những đứa con luôn trân trọng điều ấy. Chúng ta phải đáp lại những tình cảm mà mẹ dành cho mình qua những biểu hiện cụ thể. Chúng ta phải siêng năng học hành, nghe lời cha mẹ. Như vậy, tình mẫu tử càng trở nên cao cả hơn. Tình mẫu tử được thể hiện trong các câu hát, câu thơ mượt mà và sâu lắng. Có câu hát nói rằng “ Tình mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào...” ,tình mẹ bao la, vô tận được so sánh như biển Thái Bình rộng lớn.

Nếu thử tưởng tượng một ngày chúng ta không có mẹ sẽ ra sao ? Lúc ấy, cuộc sống này thật tẻ nhạt, vô vọng. Mẹ là nguồn ánh sáng, soi lối, dẫn đường cho chúng ta. Mẹ là tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Mẹ là niềm hi vọng, nguồn động viên mỗi khi ta vấp ngã. Mẹ là tất cả cuộc sống của những đứa con.

Tình mẫu tử của mẹ và con là thứ tình cảm đáng quý nhất mà suốt cuộc đời này những đứa con sẽ mãi trân trọng. Dù “ tung cánh muôn phương”, con vẫn sẽ mãi mang theo tình mẫu tử cao đẹp mà mẹ dành cho con. Những ai đang và đã được nhận tình mẫu tử thiêng liêng ấy, hãy cố gắng trân trọng và giữ gìn vì nếu như một ngày nào đó nếu tình cảm ấy không còn thì cuộc sống này sẽ trở nên tẻ nhạt. Ôi ! Tình mẫu tử thật cao đẹp biết bao.

Bài làm 2

Tôi viết về một tình cảm thiêng liêng nhỏ bé vô cùng. Tôi viết lên câu thơ về hình ảnh một vầng trăng khuyết, vầng trăng khuyết như một dáng nằm nghiêng, giữ cái khuyết cho mình nhưng là để ôm vòng lấy yêu thương, vầng trăng tuy khuyết nhưng đối với tôi, đó sẽ mãi là vầng trăng đẹp nhất, sáng nhất, và cái ánh sáng nhẹ nhàng, dịu dàng như tình Mẫu tử ấy sẽ mãi mãi soi sáng cho tôi trong suốt cuộc đời này. Với tôi, bất cứ những điều thuộc về tình Mẫu tử, dầu bình thường nhưng cũng rất thiêng liêng.

Tình Mẫu tử là tình thương yêu, là sự hi sinh, sự chở che và bao dung của người mẹ đối với con của mình. Với tôi, tôi không thật sự hiểu sâu sắc về tình Mẫu tử, nhưng tôi có thể cảm nhận được những tình cảm thiêng liêng và sâu sắc của nó. Nếu như bạn hỏi tôi tình Mẫu tử như thế nào thì có lẽ tôi sẽ không thể trả lời bạn được, nhưng tôi có thể dùng cả cuộc đời của mình để nói cho bạn biết về sự thiêng liêng của tình mẫu tử, tôi sẽ kể về câu chuyện của tôi cũng như câu chuyện của người khác, tôi sẽ biểu đạt cho bạn biết được tình cảm của tôi cũng như tình cảm của người khác...Đối với tôi, tình Mẫu tử là thiêng liêng hơn cả!

Mẹ sẽ mãi mãi là người đi cùng bạn trong suốt những cuộc hành trình trong đời bạn. Khi bạn bước chân vào thế giới này, mẹ đã ôm bạn trong tay, bạn cảm ơn mẹ bằng cách khóc như một nữ thần báo tử.

Và rồi một ngày kia, mẹ lặng lẽ ra đi. Tất cả những điều bạn chưa làm sụp đổ tan tành. "Hãy ru con ngủ, ru con suốt đêm dài. Bàn tay đưa nôi...có thể cai trị cả thế giới". Ta hãy dành một giây nào đó để báo hiếu và tỏ lòng kính trọng với người ta gọi là Mẹ, dù rằng một số người có thể sẽ không nói điều đó thẳng thắn với mẹ mình. Chẳng điều gì có thể thay thế mẹ được. Hãy trân trọng từng giây phút, dẫu rằng đôi khi mẹ không phải là người hiểu ta nhất trong những người bạn của ta, có thể không đồng ý với những suy nghĩ của chúng ta, nhưng người ấy vẫn là mẹ bạn!!!

Mẹ sẽ luôn ở bên bạn; lắng nghe những phiền muộn, niềm vui cũng như những nỗi thất vọng của bạn. Hãy tự hỏi chính mình: "Mình có dành đủ thời gian cho mẹ để lắng nghe những phiền muộn và buồn chán của một người nội trợ suốt ngày ở trong bếp không???"

Suốt cuộc đời tần tảo nuôi con, một người mẹ không trông mong gì ở con mình sự báo đáp, niềm hạnh phúc lớn lao nhất nhất của một người mẹ là được nhìn thấy con mình hạnh phúc. Mẹ sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con! Người mẹ đã dành hết cuộc đời cho con, để cuối cùng, các bà không nhận được gì cả, các bà mẹ sẽ trở nên già nua và nhăn nheo nhưng các bà sẽ mãi mãi không bao giờ xấu xí.

Một bông hồng cho em/ Một bông hồng cho anh/ Và một bông hồng cho những ai/ Cho những ai đang còn mẹ/ Đang còn mẹ để lòng vui sướng hơn/ Rủi mai này mẹ hiền có mất đi/ Như đóa hoa không mặt trời/ Như trẻ thơ không nụ cười/ Ngỡ đời mình không lớn khôn thêm/ Như bầu trời thiếu ánh sao đêm/ Mẹ, mẹ là dòng suối dịu hiền/ Mẹ, mẹ là bài hát thần tiên/ Là bóng mát trên cao/ Là mắt sáng trăng sao/ Là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối/ Mẹ, mẹ là lọn mía ngọt ngào/ Mẹ, mẹ là nải chuối buồng cau/ Là tiếng đé đêm thâu/ Là nắng ấm nương dâu/ Là vốn liếng yêu thương cho cuộc đời... Lời bài hát nghe thật buồn, nó đã thể hiện được sự quan trọng của người mẹ đối với người con cũng như là sự thiếu thốn, mất mát không gì bù đắp được khi không còn mẹ. Một cuộc sống hạnh phúc không hẳn phải là một cuộc sống có đầy đủ tiền tài, vật chất. Đôi khi, cho dù bạn là một người giàu sang, của cải đếm không hết, nhưng từ tận sâu trong con tim mình, bạn có cảm thấy thật sự hạnh phúc không, đặc biệt là khi mẹ của bạn đã không còn. Tôi nghĩ có lẽ bên ngoài vỏ bọc hạnh phúc ấy, vào một thời khắc nào đó, sẽ có lúc bạn cảm thấy mình rất cô đơn. Niềm hạnh phúc lớn nhất của một con người là được trải qua một tuổi thơ bên cạnh mẹ, được mẹ yêu thương, chăm sóc, bảo bọc. Đối với mẹ, bạn sẽ mãi chỉ là một đứa trẻ nhỏ bé luôn cần có mẹ chăm nom, những kí ức về mẹ sẽ mãi là những kí ức vĩnh cửu và nếu như thời gian như một cuốn băng quay ngược dòng thời gian và cả không gian để trở về với tuổi thơ xinh đẹp ấy thì liệu bạn có còn trân trọng những thời khắc tuyệt đẹp đó nữa hay không?

Hãy nhớ, yêu thương và kính trọng mẹ, dù rằng bạn có thể có cách nhìn khác với mẹ. Khi mẹ ra đi, những kỉ niệm yêu mến của quá khứ và cả nỗi tiếc sẽ ở lại, cũng như cái tình Mẫu tử bị đứt đoạn. Bạn hãy nhớ rằng, dù bạn đi đến đâu hay ở bất cứ nơi nào, mẹ sẽ luôn là người quan tâm, yêu thương, lo lắng cho bạn nhất. Đừng xem những điều gần gũi với trái tim bạn là hiển nhiên. Yêu mẹ hơn bản thân mình, vì cuộc đời bạn sẽ vô nghĩa nếu không có Người.

**Đề 20:** Giữa một vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa dại vẫn mọc lên và nở những chùm hoa thật đẹp. Phát biểu suy nghĩ của anh(chị) được gợi ra từ hiện tượng nêu trên.

### Bài làm

Giữa một vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa dại vẫn mọc lên và nở những chùm hoa thật đẹp.

Hình ảnh ấy tạo một cảm giác cô đơn, lạc lõng thậm chí là bị đày đọa nhưng bông hoa bé nhỏ ấy vẫn kiên cường, hiên ngang. Nó chống chọi với những điều đó với tất cả sức lực nhỏ bé mà bền bỉ, như cánh chim bé nhỏ chao lượn giữa cơn giông bão tìm đường về tổ và cuối cùng nó đã chiến thắng. Chiến thắng tất cả những khó khăn, gian khổ ấy mà trở thành một đóa hoa đẹp, bừng cháy sức sống, nó vượt lên những sỏi đá khô cằn, giữa nắng gắt để trở thành một điểm chấm phá trên bức tranh hoang mạc nóng bỏng và khắc nghiệt. Đó thực sự là một phép màu của Chúa, là một trong rất nhiều những điều kì diệu của cuộc sống này, như một câu chuyện cổ tích. Và hơn nữa, đó còn là một trong những bài học giản dị, sâu sắc và cũng tuyệt vời nhất mà cuộc sống đã dành tặng cho chúng ta.

Trong đời, ai chẳng đôi lần gục ngã trước những khó khăn, thách thức... Tất cả như đám mây đen không lồ, che lấp những tia sáng của tương lai, làm cho chúng ta kiệt quệ, mỏi mòn, mất ý chí chiến đấu, muốn buông xuôi. Và đây cũng là lúc chúng ta đối mặt với chính mình, là thời khắc mà những quyết định sẽ ảnh hưởng đến quãng đời còn lại của chúng ta. Lòng dũng cảm, bản lĩnh, sự quyết đoán... tất cả sẽ được thể hiện một cách rõ nét nhất.

Kì diệu thay, có những người khi gặp khó khăn, trắc trở thì họ trở nên cứng rắn, mạnh mẽ hơn cho dù họ vẫn có thể thất bại nhưng họ đã cố gắng đến mức cuối cùng. Họ nhận thức được rằng, một khi họ buông xuôi, họ sẽ mất tất cả. Công sức học hành bấy lâu, tiền bạc, thời gian... những thứ đó sẽ tan biến cùng với đám mây đen đang vần vũ trên bầu trời. Họ đã được Thượng đế ban cho một món quà mà không phải ai cũng có : nghị lực. Với món quà đó, họ đã biến những nỗi tủi nhục, đắng cay thành một thứ vũ khí sắc bén mà không có một loại khí tài nào trên Trái đất này có thể sánh được. Họ đã vượt qua chông gai để xua tan đám mây đen ấy. Và ánh sáng đã trở lại, tâm hồn họ có thể bị chai sạn, rách nát nhưng nó đã trở nên mạnh mẽ và thiêng liêng hơn bao giờ hết. Họ biết rằng dù con đường có đẹp đến mức nào cũng phải trả giá bằng những mũi gai đau đớn, bằng máu và nước mắt...

*"Chặng đường nào trải bước trên hoa hồng  
Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai  
Đường vinh quang đi qua muôn ngàn sóng gió  
Lời hứa ghi trong tim mình  
Vẫn bước đi hiên ngang đầu ngẩng cao...."*

(trích bài hát "Đường đến ngày vinh quang")

Nhưng cuộc sống đâu phải chỉ có những điều tuyệt vời như thế, bên cạnh đó vẫn có những kẻ hèn nhác, yếu đuối, chưa gì đã từ bỏ những ước mơ của mình. Họ sẵn sàng vứt bỏ tất cả hoài bão để sống một cuộc đời vô vị, chán ngắt thậm chí là tàn tạ, vật vờ. Họ như một chiếc bóng lẻ loi đơn chiếc cứ đi đi về về trong cái xã hội nhộn nhịp, năng động này. Suốt đời lẩn tránh, sống ủ rũ và khi về già, chắc chắn họ sẽ nuối tiếc những tháng ngày lãng phí, không sống hết mình. Hối tiếc vì đã chấp nhận làm một bông hoa úa tàn, khô héo, không tô điểm cho đời.

Vâng, chúng ta sẽ vượt qua tất cả khó khăn, trắc trở. Cho dù con đường hoa hồng có nhiều gai đi thế nào chăng nữa thì nó vẫn là con đường của vinh quang, của thành công và theo một câu nói khá nổi tiếng thì trên con đường này " không có dấu chân của kẻ lười biếng". Thân xác có thể

tả tơi, mỗi mồn nhưng ý chí ta vẫn luôn tồn tại một hạt giống - hạt giống của khát vọng và hoài bão - rồi nó sẽ đâm chồi nảy lộc, sẽ trở thành một đóa hoa đại đẹp đẽ tiếp thêm sức mạnh cho chúng ta vượt qua những ghềnh thác cheo leo, đi đến bên bờ của những giấc mơ. Đau đớn, tủi nhục, nước mắt sẽ tan biến khi chúng ta đi hết con đường và chạm tay vào đỉnh vinh quang. Mặt trời sẽ chiếu sáng, vầng dương sẽ cài lên vai chúng ta vinh quang của những người chiến thắng, ta sẽ ngẩng cao đầu và tự hào vì chúng ta đã đấu tranh không mệt mỏi với những phút giây yếu mềm của bản thân và những gian nan chông chênh. Những bông hoa đại sau khi vượt qua những điều khắc nghiệt của thiên nhiên đã nở và...

*"Ngày đó, ngày đó sẽ không xa xôi  
Và chúng ta là người chiến thắng  
Đường đến những ngày vinh quang không còn xa"*

Cuộc đời vẫn trôi đi, những khó khăn khắc lại đến và chúng ta sẽ phải chiến đấu một cách ngoan cường. Hãy sống và đấu tranh sao cho đến lúc sức tàn lực kiệt, ta không phải hối tiếc về những tháng ngày tuổi trẻ bị hoài phí. Những gian truân, vất vả sẽ trở thành những chiến công bất diệt trong trái tim của mỗi con người. Vì loài hoa đại kia sẽ úa tàn và chúng ta cũng không sống mãi, nhưng những dấu chân mà chúng ta đã in trên đường đời, những thành công trong cuộc sống sẽ tô thắm cho bước tranh cuộc sống muôn màu kia, như loài hoa đại ấy đã gọi nên sức sống cho vùng sỏi đá khô cằn.

**Đề 21:** Qua câu chuyện về người đàn bà hàng chài trong tác phẩm chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu, anh chị có suy nghĩ gì về nạn bạo hành trong gia đình những vùng quê nghèo hiện nay.

### Bài làm

Ai đã đọc tác phẩm "Chiếc thuyền ngoài xa" của Nguyễn Minh Châu hẳn không thể nào quên được hình ảnh người phụ nữ làng chài tảo tần, chịu nhiều sương gió, cực khổ. Vì những gánh nặng của cuộc sống, vì tình thương dành cho con cái, vì cái án mưu sinh, khát khao hạnh phúc mà người đàn bà đó phải chịu 1 cảnh sống bị đánh đập tàn nhẫn, 1 số phận thật trớ trêu và đầy nghịch lý. Trong xã hội hiện đại ngày nay, dù đã khác và tiến bộ rất nhiều hơn trước đây nhưng nạn bạo hành trong gia đình vẫn xảy ra và làm nhức nhối trong dư luận.

Bạo hành trong gia đình ám chỉ tới rất nhiều rất nhiều kiểu ngược đãi mà một thành viên trong gia đình, một người sống chung trong hộ gia đình đối với các thành viên khác trong gia đình. Nó làm ảnh hưởng đến con người về mặt vật chất lẫn tinh thần. Những hành động dã man đó là sự kiêu đối xử mất hết tính người và tình người và có thể xem như 1 tệ nạn xã hội phải loại trừ. Nó xâm phạm đến quyền con người của các thành viên khác, những hành động đó không thể tha thứ.

Các nạn nhân của nạn bạo hành thường là phụ nữ, người già và trẻ em, người tàn tật... những người yếu đuối và đôi khi phải sống phụ thuộc vào người đàn ông, trụ cột của gia đình. Họ không thể tự lực để sống 1 cuộc sống riêng vì như ta đã biết dù có phát triển hơn thì trình độ học tập của dân ta hiện nay cũng chưa thể nói là cao, phần đông lao động là người chưa học quá lớp 9, để

có thể kiếm cái ăn họ phải làm thuê, làm mướn, và cũng vì lẽ đó mà những người yếu đuối kia luôn bị lệ thuộc vào những kẻ có “trái tim sắt đá”. Họ luôn phải dựa vào sức lao động của người khác để có thể tồn tại. Từ mối quan hệ không thể tách rời đó đã tạo nên gánh nặng mưu sinh, gây đè nặng tâm lý và luôn tạo ra sự căng thẳng trong các mối quan hệ trong gia đình, đó cũng là khởi nguồn cơ bản của nạn bạo hành trong gia đình.

Điều thứ hai ta có thể thấy là ở cơ chế thị trường của xã hội hiện nay, người ta coi trọng đồng tiền hơn bất cứ thứ gì, “có tiền mua tiên cũng được”. Dường như câu nói đó ngày càng in sâu vào nhận thức của mỗi người. Trong tâm trí họ lúc nào cũng chỉ nghĩ đến 1 mục đích duy nhất là làm sao có tiền, có thật nhiều tiền để sống thật sung sướng và hạnh phúc. Họ làm tất cả mọi việc để có được tiền và bất kì hành động nào cũng nhằm đạt được nhu cầu thỏa mãn vật chất. Cũng từ đó đã tạo nên bao sự dở khóc dở cười cho những người xung quanh họ, một khi con người ta đã đánh mất chính mình, quên đi những tình cảm của người thân xung quanh và mê mụi vì 1 thứ có mãnh lực có thể giết chết cả con người thì tất cả với họ chỉ là con số không. Khi không đạt được mục đích của mình họ đâm ra cáu gắt, tức giận và đổ lỗi cho người thân của mình, và rồi là những hành vi đối xử ngược đãi bạo tàn.

Lí do thứ ba của tệ nạn này ở sự tha hóa về đạo đức, lối sống, sự suy đồi trong nhận thức và suy nghĩ của một số người. Họ quên đi những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, bị lấn át và cám dỗ trước những thứ xa hoa, phù phiếm, lối sống lai căng chiếm mất con người họ và làm họ đánh mất đi giá trị của bản thân mình. Tình trạng này hiện nay rất thường thấy, nó không còn hiếm hoi mà dường như ở nơi nào ta cũng gặp. Vì họ không còn đạo đức, không còn tính người nên tất cả những hành động sai trái và mang tính bạo lực với họ chỉ là chuyện thường, họ sẽ không thể dừng lại, không thức tỉnh bởi họ có còn cái gọi là lương tâm đâu khi đạo đức đã bị chôn vùi mà không để lại dấu tích.

Và như đã nói, trình độ dân trí của nước ta hiện nay vẫn còn rất thấp. Vì vậy mà người dân không thể biết đến các quyền như quyền con người, bảo vệ con người và cả luật đối với nạn bạo hành trong gia đình. Đồng thời những tư tưởng cổ hủ, lạc hậu vẫn luôn ngự trị trong nhận thức của họ, với tư tưởng người đàn ông là người duy nhất có quyền hành trong gia đình đã tác động lớn đến suy nghĩ và hành động của con người. Đó là nguyên nhân cơ bản thứ tư của nạn bạo hành trong gia đình.

Trong hoàn cảnh kinh tế của một nước đang phát triển, bên cạnh đời sống có phần nâng cao thì vẫn còn không ít những khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân đặc biệt vùng quê nghèo khó và chính điều này làm nảy sinh nạn bạo hành trong gia đình. Trường hợp của chị Chị Trần Thị T (thôn Văn Hà, xã Gia Phương) lập gia đình năm 20 tuổi. Đã hơn 10 năm qua, chị chưa một ngày được hưởng hạnh phúc từ mái ấm đó. Chồng chị là kẻ nát rượu. Chị kể: “Anh ấy chỉ về nhà khi đã say mèm. Hôm sau anh ta lại đòi tiền đi uống rượu. Không đưa tiền thì anh ta đánh đập, chửi bới, đập phá nhà cửa. Nhà tôi cấy một mẫu ruộng, nhưng anh ta chẳng giúp được tí nào. “Bạc mặt” ở ngoài đồng, về nhà lại lặn vào làm việc nhà, nhiều lúc tôi không gượng nổi. Có hôm vừa thấy tôi đi làm về, anh ta đã lao vào đánh đấm túi bụi đến thâm tím mặt mày. Con cái anh ta cũng chẳng tha, đánh mẹ rồi quát đến con. Hai đứa con cứ nhìn thấy bố là... khóc thét. Xấu hổ với xóm làng, nhiều lúc tôi muốn chết đi cho rảnh nợ, nhưng nghĩ thương con nên phải cố gắng sống. Số phận mình đã thế thì phải chịu thôi...”. Hay Gần hai tháng nay, tại thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh (Hà Nội), cụ Nguyễn Thị Lý, 83 tuổi và chị Oanh, con gái cụ phải sống trong cảnh màn trời chiếu đất. Ngôi nhà nơi mẹ con cụ Lý đang ở đã bị hai con trai là anh Hùng và anh Dũng phá tường, dỡ mái. Bàn thờ gia tiên và chiếc giường ngủ hàng



ngày của cụ Lý cũng bị đập phá tan tành... Những sự việc trên đã gây bức xúc trong dư luận xã hội, đó là những cơn bão tố phá hoại nề nếp và đi ngược với giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc.

Những nạn bạo hành đó gây tác động xấu đến sự phát triển của xã hội, làm cho cuộc sống của xã hội ngày càng trở nên bất an, bởi lúc nào cũng có người bị đánh đập, hành hạ một cách rất dã man. Nó ảnh hưởng đến vấn đề tâm sinh lý của người bị hại, họ không thể sống như bao người bình thường khác mà lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, bị hành hạ và đè nặng trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Làm cho cuộc sống xã hội bất an, phá vỡ nét đẹp truyền thống của dân tộc trong tình nghĩa, đánh mất những nét đẹp trong lối sống và đạo đức của dân tộc. Làm cho trật tự xã hội bị phá vỡ, cái luân thường đạo lý bị xem nhẹ. Hạnh phúc gia đình bị tan vỡ, tình cảm lục đục, cha con, vợ chồng, mẹ con... những giá trị tình cảm đó dần mất đi và rồi khiến gia đình bị suy sụp. Rồi từ đó lại có bao mảnh đời bất hạnh, trẻ em lang thang vì không thể sống chung với gia đình lúc nào cũng bị hành hạ, người già neo đơn và thậm chí phải bỏ nhà ra đi vì sự lạnh nhạt của con cái, rồi gánh nặng xã hội lại đè nặng, bao nhiêu số phận kêu cứu. Sự rối loạn cũng một phần do bắt đầu từ đây.

Là một con người của xã hội hiện đại và phát triển, mỗi chúng ta không được phép khoanh tay đứng nhìn mà phải đấu tranh, lên án, phê phán những hành vi đó và quyết tâm loại trừ chúng ra khỏi cuộc sống văn minh này. Mỗi công dân cần tích cực tham gia các hoạt động xã hội, tuyên truyền và giáo dục người dân về luật pháp có liên quan đến bạo hành trong gia đình. Chúng ta cần dang tay giúp đỡ những nạn nhân của tệ nạn này. Điều quan trọng hơn cả là tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, không đi theo con đường xấu, biết làm chủ bản thân, tiếp thu và làm theo những tư tưởng tiến bộ.

Dường như nhìn về thời cuộc, Nguyễn Minh Châu đã đặt ra 1 vấn đề mà cả thời của ông lẫn thời nay đều đang xảy ra. Truyện đã phản ánh phần nào về thực trạng nạn bạo hành diễn ra. Đó là 1 điều đau xót và là những cái nhọt của xã hội. Mỗi cá nhân cần có cách sống phù hợp và tiến bộ, có ý thức trách nhiệm để góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh và phát triển, sẽ không còn dòng chữ nào phải lên tiếng để đấu tranh cho quyền của con người và chống nạn bạo hành trong xã hội.

**Đề 22:** Suy nghĩ của anh chị về ý nghĩa triết lý nhân sinh, trong 2 lời thoại : Hồn Trương Ba trong cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba với Đế Thích.

"Không thể bên trong một đằng bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn là tôi toàn vẹn". "Sống nhờ vào đồ đạc của người khác đã là một chuyện không nên, mà đằng này đến cái thân tôi cũng sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết."

## Bài làm

### I. Mở bài

- Trong cuộc trò chuyện của Hồn Trương Ba với Đế Thích trở thành nói tác giả gửi gắm quan niệm về hạnh phúc, về lẽ sống và cái chết.

- Hai lời thoại của Hồn Trương Ba có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang màu sắc triết lí nhân sinh sâu sắc.

## II. Thân bài

### 1. Ý nghĩa triết lí của hai lời thoại.

#### a. Lời thoại 1:

- Khẳng định con người là 1 thể thống nhất có sự hài hoà giữa thể xác và tâm hồn.
- Vì không thể có một tâm hồn thanh cao trong 1 thân xác phạm tục tội lỗi.
- Khi con người bị chi phối bởi những nhu cầu bản năng của thân xác thì đừng chỉ đổ tội cho thân xác. Không thể tự an ủi vỗ về mình bằng vẻ đẹp siêu hình của tâm hồn.

#### b. Lời thoại 2:

- Sống thật sự cho ra con người không phải dễ dàng đơn giản chút nào. Khi sống nhờ giả, sống chấp và không được sống cuộc sống của chính mình thì sự sống đó là vô nghĩa.
- Sự vênh lệch giữa tâm hồn và thể xác chính là bi kịch của cuộc đời của 1 con người.

### 2. Ý nghĩa đó có ảnh hưởng như thế nào đến thực tại

- Trong cuộc sống thực tại con người đang có nguy cơ chạy theo những ham muốn tầm thường về vật chất, chỉ biết hưởng thụ vì thế mà trở thành phạm phu thô thiển (Vì thoả mãn nhu cầu ham muốn của bản thân mà con người xa vào các tệ nạn như: cờ bạc, rượu chè, có hành vi phạm pháp.
- Có người lấy có tâm hồn là cao quý đời sống tinh thần là đáng quý trọng mà chẳng chăm lo đến đời sống vật chất, như thế thì không thể có hạnh phúc toàn vẹn mà đó là biểu hiện của sự lười biếng.
- Cả 2 lối sống trên đều cực đoan đáng phê phán
- Tình trạng con người sống giả không giám và không được sống bằng cuộc sống chính mình. Đó là nguyên nhân đẩy con người đến chỗ tha hoá bởi vòng danh lợi.

### 3. Thái độ và hành động của bản thân.

- Đối với XH: phê phán lên án những lối sống cực đoan hoặc quá coi trọng vật chất, hoặc lười biếng không tương, phải đấu tranh chống lại lối sống giả tạo lừa đảo, những biểu hiện tiêu cực trong cuộc sống.
- Đối với bản thân: luôn đấu tranh với chính bản thân của mình để khắc phục những hạn chế tự hoàn thiện nhân cách của mình.

## III. Kết bài

- Được sống đúng mình, sống toàn vẹn với những giá trị vốn có của mình mới thực sự đáng quý.
- Sự sống thực sự có ý nghĩa khi con người sống tự nhiên hài hoà giữa thể xác và tâm hồn.
- Con người phải tự đấu tranh để hoàn thiện nhân cách và giá trị tinh thần cao quý.

**Đề 23:** Trong tác phẩm "nhìn về vốn văn hoá dân tộc" của Trần Đình Hượu viết "con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hoá không chỉ trông cậy vào sự sáng tạo mà còn trong cậy vào khả năng chiếm lĩnh, sự đồng hoá những giá trị văn hoá bên mình."  
Anh chị trình bày suy nghĩ của mình về hiện tượng tiếp nhận văn hoá ngoại lai của giới trẻ hiện nay.

Bài làm

Vượt hành trình gian nan để đổ về đại dương, dòng sông luôn khởi khởi nguồn từ đất liền, chảy qua bao vùng miền để hoà vào biển lớn. Dòng sông văn hoá Việt Nam cũng khởi nguồn từ quá khứ 4000 năm lịch sử, chảy trong thời gian qua các miền văn hoá kế thừa và sáng tạo kết tụ lại thành những giá trị văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Nhưng “con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hoá ko chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hoá các giá trị văn hoá bên ngoài”- quan điểm đó của Trần Đình Hượu đã đặt ra trong lòng độc giả những trăn trở, đặc biệt trong hiện tượng tiếp nhận văn hoá ngoại lai của giới trẻ hiện nay.

Văn hoá Việt Nam hình thành sớm, xuất hiện từ những ngày công xã nguyên thủy, phát triển qua nền văn minh lúa nước, hình thành những loại hình văn hoá dân gian từ sự chạm khắc của miền truyền thuyết, ca dao, cổ tích với những tập tục ăn trầu, búi tóc từ thừa cổ xưa.

*“Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi  
Đất nước có trong cái ngày xưa ngày xưa mẹ thường hay kể  
Đất nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn  
Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc  
Tóc mẹ thì bới sau đầu....”*

Và cùng với sự ra đời của nhà nước quân chủ chuyên chế, xã hội phong kiến đã mang đến cho nền văn hoá Việt nam những dấu ấn đặc sắc mang đậm tính chất Á Đông. Người Việt Nam có quyền tự hào về vốn văn hoá đậm đà thuần Việt cả trong những lĩnh vực Văn học, nghệ thuật, kiến trúc, hội hoạ, điêu khắc... Với nền văn học dân gian phong phú thể loại (truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười, thơ nôm, sử thi....) mà đỉnh cao là thể thơ lục bát, vẫn được sử dụng đến ngày nay. Kiến trúc Việt Nam với những mái đình cổ kính, tháp thoáng ẩn hiện dưới những gốc đa, sau những rặng tre xanh, bên nước, sân đình... Các làn điệu dân ca như ca trù, quan họ, cải lương... hay những nghệ thuật hội hoạ dân gian Đông Hồ... có thể coi là những thành quả đã có làm cơ sở xây dựng một nền văn hoá phong phú đa dạng đậm đà bản sắc dân tộc VN.

Nhưng “con đường hình thành bản sắc dân tộc đâu chỉ trông cậy vào khả năng tạo tác” tức là sáng tác, kế thừa và phát huy những gì đã có mà còn phải “trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, sự đồng hoá những giá trị văn hoá bên ngoài”. Phải chăng, hành trình phát triển văn hoá từ sông ra biển chính là sự đồng hành của quá trình giao lưu và tiếp biến văn hoá- cũng chính là khả năng đồng biến và chiếm lĩnh những giá trị văn hoá bên ngoài? Khả năng chiếm lĩnh và đồng hoá phải chăng là khả năng tiếp thu hội nhập nhiều nền văn hoá, khả năng đón nhận những ảnh hưởng của nền văn minh văn hoá lớn, khả năng tiếp thu chủ động, biến những cái ngoại lai thành cái của mình và có sàng lọc. Do bối cảnh của lịch sử với bao thăng trầm, trwoes những dòng chủ lưu về văn hoá ô ạt theo con đường cai trị của phong kiến thực dân xâm nhập vào văn hoá Việt Nam một cách có hệ thống thì việc “chiếm lĩnh” và “đồng hoá” để ko bị chiếm lĩnh và đồng hoá lại là vô cùng cần thiết, nó quyết định tới sự tồn tại riêng rẽ của một nền Văn hoá Việt ko thể hoà lẫn. “Truyện Kiều” của Nguyễn Du cũng là một cách tiếp thu có chọn lọc những giá trị của văn học trung hoa từ “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân để trở thành đỉnh cao của văn học dân tộc, sự chuyển thể từ thể loại truyện sang truyện thơ ( Nôm) là một sự đồng hóa hết sức sáng tạo và tích cực của đại thi hào Nguyễn Du. Các thể thơ nôm đường luật cũng là hệ quả của quá trình tiếp thu và lĩnh hội có chọn lọc như thế. Kiến trúc văn hoá đình chùa ảnh hưởng từ Phật giáo

từ Trung Quốc hay Ấn Độ nhưng vẫn mang dáng vẻ kiến trúc Việt Nam cũng là một minh chứng điều kì cho khả năng” chiếm lĩnh” và” đồng hoá” những giá trị Văn hoá bên ngoài.

Cùng với sự đổi thay của lịch sử, bước sang kỉ nguyên hội nhập với bao thay đổi của nền kinh tế thị trường, trước ngưỡng cửa của sự xâm nhập văn hoá với quy mô toàn cầu thì nhận định của Giáo sư Trần Đình Hượu đặt ra bao suy tư cho giới trẻ về trách nhiệm của bản thân trong thời đại mới. Trước dòng chảy xâm nhập ào ạt của nền văn hoá ngoại lai từ các nền văn minh trên thế giới, một bộ phận thanh niên Việt Nam đã biết nắm bắt lấy thời cơ, phát triển nền văn hoá dân tộc vốn đã giàu đẹp ngày càng văn minh và tiến bộ hơn, Sự tiếp thu có hệ thống các hệ tư tưởng văn hoá tây phương với những phong cách nghệ thuật thơ văn của Pháp, Italia, Anh, hay Đức, các công trình kiến trúc đậm dấu ấn cổ điển hay hiện đại của những quốc gia này cũng được tiếp thu và thiết kế bài bản. Chính sự năng động và sáng tạo đó đã góp phần làm văn minh hơn, giàu có hơn cho bản sắc văn hoá Việt Nam, tạo nên sự phối trộn hài hoà giữa cũ và mới, cổ điển và hiện đại, truyền thống và cách tân. Sự giao lưu và tiếp biến được coi là “nguồn gen tiến hoá” cho sự phát triển của văn hoá dân tộc trong giai đoạn giao lưu và hội nhập. Nền văn hoá Internet, văn hoá Online, văn hoá Game, hay sự thay đổi của trào trào lưu thời trang trên thế giới góp phần lột xác hình ảnh đất nước Việt Nam vốn vẫn được biết đến là nền văn hoá nông nghiệp với hình ảnh “con trâu đi trước cái cày theo sau”. Để làm được điều đó, không chỉ đòi hỏi người thanh niên Việt Nam phải năng động sáng tạo biết nắm bắt du nhập một cách có chọn lọc mà còn đặt ra vấn đề về sự bảo tồn những nét văn hoá truyền thống cũ, hoà nhập nhưng ko hoà tan- đó cũng là một thách thức đầy khó khăn, là những chướng ngại vật trong hành trình dòng chảy tiếp biến, hội nhập. Bởi bên cạnh những cá nhân, tập thể tích cực cũng tồn tại không ít những thanh niên sống thiếu lí tưởng, ko có MĐ rõ ràng, du nhập văn hoá một cách tràn lan máy móc, cả những nền văn hoá vốn ko mang nhiều giá trị nhân văn thậm chí chỉ để thoả mãn nhu cầu sống gấp, sống sành điệu của một bộ phận giới trẻ ngày nay. Đó là bộ phận có biểu hiện sống ngoại lai mất gốc, xa rời văn hoá truyền thống dân tộc, bị hoà tan một cách hoàn toàn trong dòng lũ hội nhập mà tự đánh mất chính mình. Một số khác lại có tư tưởng bảo thủ, không chiêm lĩnh, đồng hoá văn hoá ngoại lai, chỉ khư khư chăm chút cho cái vốn văn hoá xưa của dân tộc, không chịu du nhập, đổi mới, Bất giác, ở họ gợi lên hình ảnh về biển Chết, suốt đời chỉ khư khư khép mình, ko nhận nước từ bất kì dòng chảy nào nên chưa ở đâu sự sống của các loài sinh vật lại nghèo nàn đến thế. Có thể nói, cả 2 đối tượng trên đều có ảnh hưởng tiêu cực, là bước cản trở trên con đường xây dựng một nền văn hoá tiến tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Ý thức được trách nhiệm và sứ mệnh của bản thân đòi hỏi mỗi thanh niên của thời đại mới cần có thái độ và nhận thức đúng đắn về trách nhiệm, xác định lập trường tư tưởng vững vàng, để phát huy mặt mạnh, hạn chế mặt còn thiếu sót củavăn hoá dân tộc, tích cực quảng bá văn hoá dân tộc tới bạn bè quốc tế, có thái độ tôn trọng đúng mực và chiếm lĩnh đồng hoá hiệu quả nền văn hoá ngoại lai, Điều đó là một ẩn số chỉ được giải quyết bằng bất đẳng thức hành động của mỗi con người.

Có một câu hỏi khá phổ biến khi ta đặt chân lên xứ người" Bạn đến từ đâu". Hãy tự hào trả lời 2 tiếng" Việt Nam" và giới thiệu cho họ về đất nước hình chữ S- khi bạn đã tự tin về nền văn hoá đậm đà bản sắc của mình!

**Đề 24:** *Em ơi Đất Nước là máu xương của mình*

*Phải biết gắn bó và san sẻ*

*Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở*

*Làm nên Đất Nước muôn đời...*

(Đất Nước – Trích Mặt đường khát vọng - Nguyễn Khoa Điềm,)

Dựa vào những câu thơ trên, anh (chị) hãy phát biểu trong một bài văn ngắn (không quá 400 từ) ý kiến cá nhân về trách nhiệm của thế hệ thanh niên hiện nay với đất nước.

### Bài làm

Mười tám tuổi, mười tám năm góp mặt trên sự sống này đã bao giờ bạn ngưng lại dù chỉ một phút thôi để xem mình đã làm những gì ? bạn đã sống chỉ vì bản thân? Sống chỉ để tồn tại hay sống để làm nên giá trị của cuộc đời ? bạn đã sống thế nào cho quê hương xứ sở ? sống thế nào cho tổ quốc thân yêu? đã bao giờ bạn nghĩ đến trách nhiệm với hai từ đất nước?

*"Em ơi Đất Nước là máu xương của mình  
Phải biết gắn bó và san sẻ"*

Thế đấy ! Xuyên suốt dải đất hình chữ S đó là máu xương của mình, là da là thịt, là chính bản thân mình. Chính mình, chính mình đây bạn biết không ? Trách nhiệm với đất nước là trách nhiệm với chính bản thân mình. Vậy mà! Có mấy người biết sống giá trị? Biết sống có trách nhiệm với chính mình khi mà thực trạng gần đây chính họ- thế hệ thanh niên-những con người làm chủ đất nước đang tự bán rẻ linh hồn mình cho những quán bar, vũ trường, trong cái men rượu cay nồng và điên cuồng của thuốc lắc. Sống như vậy là có trách nhiệm ư? Bạn đang tô đẹp cho đất nước hay đang làm tổn thương chính máu xương của mình?

Chúng ta đang sống trong thế kỉ 21, thế kỉ của sự phát triển, mở cửa và đào thải lẫn nhau, nơi mà chỉ có cái mạnh mới có thể tồn tại. Hơn lúc nào hết đất nước cần có bạn, chúng ta cần có nhau trong sự liên kết. Đừng bao giờ nghĩ tình yêu đất nước là tình yêu xa xôi, khó với. Gần gũi mà sâu lắng! Tại sao chúng ta không từ những việc làm nhỏ nhất để biến lời nói thành hành động ." Tôi yêu tổ quốc ! Tôi yêu đất nước" nói vậy để làm gì ? Chẳng để làm gì cả, chúng ta cần hành động chứ không cần những lời nói xuông. Tôi đã nghe đâu đó có người nói về hình dáng của đất nước thế này : " dải đất này, chữ S này là sẵn sàng san sẻ ". Thật vậy! tôi cảm nhận được vị mặn trong cuộc sống từ chính những cơn bão miền Trung, từ những giọt nước mắt của mẹ khóc con, vợ khóc chồng, những đứa trẻ khóc cha. "Một miếng khi đói bằng cả gói khi no" câu thành ngữ ấy chưa bao giờ là cũ cả. Những thứ với chúng ta- những con người lành lặn may mắn có thể là rất nhỏ nhưng với những tâm hồn không may mắn nó thực sự là cả niềm vui lớn. Hãy biết sẻ chia, biết cảm thông và đó là bạn đang yêu nước.

*"Khi ta ở chi là nơi đất ở  
khi ta đi đất đã hoá tâm hồn".*

Chế Lan Viên đã từng viết thế. Đất hoá hồn người bởi vậy mà phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở. Biết yêu thương , trân trọng bởi lẽ "Quê hương mỗi người chỉ một"

Hãy biết yêu thương , chia sẻ. biết học tập để cống hiến. Ấy là khi bạn đang thực sự có trách nhiệm với tổ quốc.

*"Đất Nước là máu xương của mình  
Phải biết gắn bó và san sẻ  
Phải biết hoá thân cho quê hương xứ sở  
Làm nên Đất Nước muôn đời..."*

**Đề 25:** Anh chị có suy nghĩ gì về hiện tượng “gây ô nhiễm môi trường do xả rác bừa bãi” của người dân nước ta hiện nay.

### Bài làm

Ngày nay, trên thế giới, môi trường là vấn đề được quan tâm hàng đầu. Ở các quốc gia tiên tiến, vấn đề giữ gìn vệ sinh môi trường được quan tâm thường xuyên nên việc xả rác và nước thải bừa bãi hầu như không còn nữa. Người dân được giáo dục rất kỹ về ý thức bảo vệ môi trường sống xanh – sạch – đẹp. Đáng buồn thay nước ta có một hiện tượng phổ biến là vứt rác ra đường hoặc những nơi công cộng, không giữ gìn vệ sinh đường phố. Việc làm đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường mà cụ thể ở đây là gây ô nhiễm môi trường.

Hiện tượng không giữ gìn vệ sinh đường phố có rất nhiều biểu hiện nhưng phổ biến nhất là vứt rác ra đường hoặc nơi công cộng. Ăn xong một que kem hay một chiếc kẹo, người ta vứt que, vứt giấy xuống đất. Uống xong một lon nước ngọt hay một chai nước suối, vứt lon, vứt chai ngay tại chỗ vừa ngồi mặc dù thùng rác để cách đó rất gần. Tuy vậy, họ vẫn thản nhiên, vô tư không có gì áy náy. Thậm chí khi ăn xong một tép kẹo cao su, họ cũng không mang đến thùng rác mà vo tròn rồi trét lên ghế đá và cứ thế bỏ đi chỗ khác. Không chỉ với những nơi công cộng, ở một số khu phố, con đường có đặt bảng khu phố văn hóa nhưng cỏ mọc um tùm tràn lan, rác rưởi ngập đầy khắp lối đi, mùi hôi khó chịu bốc lên suốt ngày.

Một biểu hiện phổ biến khác là một số tài xế chở gạch, đá phế thải ở các công trình xây dựng đem đổ khắp nơi và cả trên dưới phố. Con người ta còn vô ý thức đến mức mang xác súc vật chết như chó, mèo, chuột, gia cầm như gà, vịt ném xuống hồ, ao, sông rạch và ra đường. Ở một số hàng, quán bán trên vỉa hè người ta đổ tất cả đồ ăn dư thừa, nước rửa chén, bát xuống cống khiến cho nước thải bị ứ đọng, cống bị tắc nghẽn. Đáng sợ hơn, ở một số dòng sông những người sống trong những con đò đậu ngay trên sông có những việc làm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Họ vô tư xả rác trên đò xuống sông, đi tiêu đi tiểu xuống sông rồi ngay lập tức lại lấy nước dưới sông lên tắm gội, giặt giũ thậm chí là nấu nướng. Thế nhưng hiện tượng xả rác đó còn lan sâu vào một tầng lớp trí thức trẻ ngày nay. Biểu hiện cụ thể ở một số sinh viên làm gia sư. Họ thường đứng ở các ngã ba, ngã tư đường để phát tờ rơi quảng cáo nhóm gia sư của mình một cách bừa bãi khiến khắp đường phố rải rác đầy những tờ rơi.

Những việc làm trên tuy nhỏ nhưng lại gây tác hại vô cùng to lớn. Phải chăng dọn dẹp sạch sẽ nhà mình từ phòng khách đến nhà ăn, từ trong nhà ra ngoài vườn là tốt? Còn việc vứt rác bừa bãi, bạ đâu quăng đó cả những nơi công cộng là không cần thiết, không quan tâm không ảnh hưởng gì đến mình, đến gia đình mình. Điều này, mỗi chúng ta cần suy nghĩ lại. Bạn nghĩ sao khi một thành phố văn minh, giàu đẹp lại ngập tràn trong biển rác? Nó thể hiện hành vi của người vô văn hóa, vô ý thức, gây mất vệ sinh và ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Người ta vô tư vứt rác xuống sông nhưng họ có nghĩ rằng bao nhiêu người sử dụng nguồn nước này để ăn uống, tắm giặt? Nước không sạch, con người sử dụng, ăn uống, sức khỏe sẽ ra sao? Không có sức khỏe tốt thì

lượng con người sẽ cống hiến như thế nào cho đất nước khi bước vào thiên niên kỷ mới với nền kinh tế công nghiệp, hiện đại. Không ở đâu xa, ngay trong thành phố của chúng ta – nơi con sông Đồng Nai chảy qua phải chịu bao rác rưởi dơ bẩn. Công viên ven bờ sông là nơi sinh hoạt thể dục thể thao của các cụ ông, cụ bà và cả các thanh thiếu niên trong khu vực. Mọi người đến để thư giãn, hóng mát nhưng nhìn xuống dòng nước ven bờ, nước bẩn theo cống vẫn từng ngày từng giờ ung dung đổ xuống, bao ni lông bị ném xuống trôi bồng bênh gây phản cảm, mất mỹ quan cả dòng sông. Còn đối với những ghé đá vô tội vạ bị những người vô ý thức trét bã kẹo cao su, khi có một người nào đó vô tình ngồi lên thì việc gì sẽ xảy ra? Bã kẹo sẽ dính chặt vào quần áo của người đó không những làm bẩn quần áo mà còn gây sự khó chịu. Và sẽ ra sao khi người ngồi trên ghé đá kia có một cuộc hẹn quan trọng? Bạn thấy đó, chỉ cần có một hành động vô ý thức đó mà gây ảnh hưởng đến công việc của người khác. Ngày nay, đi đến đâu cũng có nhiều người tự hào khoe khu phố mình đang sống là một khu phố văn hóa. Thế nhưng, được đặt bảng khu phố văn hóa mà rác rưởi vương vãi khắp nơi gây phản cảm cho người đi đường. Như vậy họ chẳng khác gì tự mình mỉa mai mình, tự đánh mất thể diện mình và cả khu phố. Cỏ mọc um tùm là điều kiện thuận lợi cho sinh sôi nảy nở của loài muỗi. Từ đó phát sinh dịch bệnh sốt xuất huyết – căn bệnh nguy hiểm đến tính mạng của con người.

Và việc một số tài xế đổ gạch đá phết thải ra ngoài đường thì sao? Một con đường đang sạch đẹp bỗng dung phải hứng chịu vô số đất đá. Chúng vương vãi khắp nơi gây ùn tắc giao thông. Và cũng trên những con đường ấy đã xảy ra bao vụ tai nạn giao thông gây đau thương cho nhiều gia đình. Không chỉ có gạch đá bị thải ra đường mà còn có cả xác súc vật nữa. Như đã kể ở trên, xác súc vật bị quăng bừa bãi khắp nơi. Thịt của chúng dần phân hủy kèm theo là một mùi hôi vô cùng khó chịu đối với những người vô tình đi ngang qua. Tệ hại hơn, đứng trước nguy cơ bùng nổ dịch cúm gia cầm H5N1, một số người dân khi thấy gà vịt chết hàng loạt đã không báo cho cơ quan thú y xử lý mà họ đã tự ý ném xác chúng xuống hồ, ao. Đó là một việc làm vô cùng nguy hiểm vì nếu lỡ con gà hay vịt ấy mang trong mình mầm bệnh thì dịch bệnh sẽ phát tán trên cả khu vực rộng lớn do nước từ các ao, hồ này sẽ chảy ra sông – nguồn nước sinh hoạt của rất nhiều gia đình. Các quán ăn trên vỉa hè cũng có những hành vi xả rác nghiêm trọng. Những đồ ăn dư thừa hàng ngày vẫn đổ vào các cống thoát nước. Chúng khiến cho cống không thoát được nước. Vào những ngày mưa lớn, do hệ thống cống thoát nước không hoạt động hiệu quả, nước tràn khắp đường phố, cản trở giao thông. Nhiều lúc nước bẩn tràn ngược vào nhà. Nhìn cảnh tượng ấy, em thật bức xúc, xót xa cho một vẻ mỹ quan bị đánh mất.

Thật đáng nguy hiểm khi trẻ em ngày nay lại sa vào hiện tượng vứt rác bừa bãi rất nhiều. Cứ sau giờ chơi là mỗi lớp học lại đầy những vỏ kẹo, vỏ bánh. Điều đó làm phiền lòng rất nhiều thầy cô. Làm sao các thầy, các cô có thể toàn tâm dạy học trong một phòng học toàn rác bẩn như vậy. Và thế là việc học tạm gián đoạn để thu gom rác, dọn vệ sinh lớp. Nếu việc này vẫn xảy ra thường xuyên thì cả lớp sẽ mất bao nhiêu thời gian học tập và thậm chí có thể bị trừ điểm thi đua của lớp. Thật tai hại làm sao!

Ngày hôm nay, vị trí nước ta đã khác đi rất nhiều. Nước ta đã là một thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO. Và sau khi tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh APEC, con người và đất nước Việt Nam ta ngày càng được nhiều người biết đến. Lượng khách nước ngoài đến thăm nước ta ngày càng đông. Mọi người được giới thiệu về nước Việt Nam như là một nước thanh bình, thân thiện. Nhưng khi nhìn thấy những sự việc trên thì liệu họ còn cái nhìn thân thiện về nước ta chăng? Hay đó là một cách nhìn khác, cái nhìn pha trộn về cách sống của người Việt Nam. Có lần em đi trên đường và nhìn thấy một đoàn khách du lịch nước ngoài. Khi đi ngang

qua một ngôi trường , nhìn thấy những tờ quảng cáo của các nhóm gia sư bị ném vương vãi đầy rẫy trước cổng trường , họ lắc đầu và đi về phía khác . Vừa đi , những người khách vừa trò chuyện . Và từ xa, em thoáng nghe được một câu nói bằng tiếng Anh của một trong số họ : “ Người Việt Nam là thế sao ?” Chỉ là một lời nói nhưng đối với em sao thật nặng nề , thật xấu hổ . Lúc đó em đã nghĩ rằng phải chỉ những tờ bướm kia không được phát một cách bừa bãi , cổng trường không còn rác thì chắc những vị khách trên đã không nói như vậy .

Chưa bao giờ , ô nhiễm môi trường đang thực sự là vấn đề lớn của cả nhân loại như ngày nay. Những biến đổi khí hậu và hậu quả khủng khiếp của nó không còn là dự báo nữa mà thành hiện thực ở khắp nơi . Hiện tượng toàn cầu hóa El Nino và trái đất nóng dần lên do hiệu ứng nhà kính vẫn diễn ra từng ngày , từng giờ . Điều đáng suy nghĩ là ở chỗ phần lớn , nếu không muốn nói là tất cả những hiện tượng trên đều có nguyên nhân từ con người , từ những hành động bừa bãi mà trong đó có cả việc xả rác và khí thải bừa bãi . Nói cách khác , những tác hại của việc xả rác mà em đã nêu ra như mất vệ sinh , thể hiện hành vi vô văn hóa , gây mất mỹ quan lan truyền dịch bệnh , tốn kém tiền của trong việc thu gom và xử lý , khiến cho người nước ngoài có ấn tượng không tốt ... đều có nguyên nhân bắt nguồn từ con người . Đầu tiên là do những thói quen xấu lười biếng và lối sống lạc hậu ích kỷ chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân của một số người . Họ sống theo kiểu

*“Của mình thì giữ bo bo  
Của người thì thả cho bò nó ăn ”*

Họ nghĩ đơn giản rằng chỉ cần nhà mình sạch thì được còn bản thì ai bản mặc ai . Những nơi công cộng không phải là của mình , vậy thì việc gì mà phải mất công gìn giữ. Cứ ném rác vội ra là xong, đã có đội vệ sinh lo dọn dẹp. Cách nghĩ như thế thật là thiếu cận và nguy hại làm sao. Nguyên nhân tiếp theo là do thói quen đã có từ lâu, khó sửa đổi, phải có sự nhắc nhở thì người ta mới không xả rác bừa bãi. Ở các lớp học, hằng ngày, các thầy cô và ban cán sự lớp phải thường xuyên nhắc nhở thì mới giữ cho lớp học sạch đẹp. Nhưng xã hội là một phạm vi rộng lớn hơn lớp học rất nhiều. Mọi người đều bận rộn với công việc của mình và không một ai có đủ thời gian đi nhắc nhở từng người một . Không được nhắc nhở , con người ta lại quay về với thói quen trước kia . Nguyên nhân cuối cùng là do ý thức về vệ sinh của một số người chưa được tốt . Họ không nhận thức được rằng hành vi của mình là vô ý thức , phản văn hóa, văn minh , phá hoại môi trường sống . Bên cạnh đó cũng cần phải nói đến việc giáo dục ý thức giữ gìn , bảo vệ môi trường sống chưa được quan tâm đúng mức , chưa được tổ chức thường xuyên . Mặc dù trên các phương tiện thông tin đại chúng vẫn có những chương trình kêu gọi ý thức bảo vệ môi trường của con người nhưng chúng quá ít ỏi , không đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu và học hỏi của người dân . Do đó mà trình độ hiểu biết của người dân còn thấp dẫn đến thái độ tuân thủ nội quy nơi công cộng chưa đi vào nề nếp . Mặt khác , nếu so với các nước trên thế giới thì việc xử phạt những người vô ý thức cũng chưa thật nghiêm túc. Ví dụ như ở nước Singapo, chỉ cần ném một mẩu giấy ra đường là đã bị phạt tiền rất nặng . Tùy vào mức độ sai phạm mà người vi phạm có thể bị đánh giữa đường . Còn ở Việt Nam thì sao ? Những người vô ý thức vẫn ung dung như không có gì xảy ra vì hình thức xử phạt ở nước ta quá dễ dãi , nhẹ nhàng chưa đủ sức răn đe.

Đất nước ngày càng phát triển trên nhiều lĩnh vực , đời sống người dân ngày càng được nâng cao cách nghĩ . Lối sống của mỗi người ngày càng văn minh , tiến độ ứng xử có văn hóa . Đặc biệt là trong yêu cầu của cuộc sống ngày nay , đường phố xanh – sạch – đẹp là một tiêu



chuẩn không thể thiếu đối với một thành phố văn minh, sạch đẹp. Điều đó khiến mỗi người cần có ý thức giữ gìn vệ sinh để bảo vệ sức khỏe cho bản thân mình và người khác. Nhận thức của người dân đa phần đã tích cực hơn. Mỗi nhà đều phải gom rác sinh hoạt để đúng chỗ để các công nhân vệ sinh đem vận chuyển đến nơi quy định để xử lý. Những việc làm đó thật đáng biểu dương vì không những giữ vệ sinh giữ sức khỏe cho cá nhân một người một gia đình mà còn cho cả cộng đồng. Các bạn thấy đó tuy có nhiều người vô ý thức xả rác bừa bãi nhưng tồn tại song song với những con người này là số lớn những con người có ý thức vệ sinh rất tốt. Một nhóm bạn trẻ ở thành phố biển nhân ngày nghỉ hè rảnh rỗi đã cùng nhau nhặt rác ở khắp bãi biển, một bà lão lớn tuổi vẫn ngày ngày nhặt những mảnh chai trên cát, làm giảm đi sự nguy hiểm cho những người vui chơi trên biển. Đó là những việc làm tốt đẹp đáng cho ta noi theo. Còn những người vô ý thức kia đã đến lúc suy nghĩ lại. Hãy làm việc gì đó trước khi quá muộn. Nạn vứt rác bừa bãi có thể được khắc phục dựa trên sự cố gắng của mỗi người và toàn xã hội. Ngay từ bây giờ, ta cần kêu gọi ý thức giữ gìn vệ sinh của mỗi người. Bằng nhiều hình thức như áp phích, panô, các chương trình tuyên truyền trên đài phát thanh truyền hình, những thông điệp cơ bản về ý thức bảo vệ môi trường sẽ được truyền đến tận tai, tận mắt của mỗi người góp phần nâng cao ý thức của người dân. Hơn nữa, đối với những người ương bướng, cố tình vi phạm cần phải bị xử phạt thích đáng. Không thể nhẹ tay với những con người vô ý thức, tàn phá môi trường nghiêm trọng vì nếu quá dễ dãi với họ thì sẽ mãi không bao giờ chấm dứt được tình trạng trên. Nếu như thực hiện được những việc làm trên thì cuộc sống sẽ tươi đẹp biết bao. Và có lẽ ở nước ta cũng không xảy ra chuyện vớt trên sáu tấn rác mỗi ngày ở một con kênh hay những cái lác đầu chê trách của du khách nước ngoài.

Mỗi người trong cộng đồng ai cũng muốn có sức khỏe dồi dào, người thân không ốm đau, láng giềng yên ổn nhưng do nếp sống nếp nghĩ quen thuộc của một số ít người mà còn hiện tượng vứt rác bừa bãi ra nơi công cộng. Thời đại công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước không cho phép người dân cứ tiếp tục lối sống, nếp nghĩ như thế. Hãy khắc phục nó bằng mọi cách có thể. Mỗi người chúng ta hãy sống thật tốt đẹp, giữ gìn vệ sinh ở bất kì nơi đâu, trong nhà hay ngoài ngõ, trên cạn hay dưới sông để tạo môi trường sống trong lành cho cả mình và mọi người, để có điều kiện cống hiến nhiều nhất cho đất nước. Đứng trước xu thế hội nhập ngày nay, làm thế nào để vươn ra biển lớn, để hòa nhập cùng với bạn bè ở bốn phương. Thiết nghĩ, cần nhất là một gương mặt một diện mạo mới của đất nước. Một con đường sạch đẹp ở thành phố luôn tạo cho mọi người, nhất là các khách du lịch quốc tế một cảm giác thoải mái. Hãy làm cho mình đẹp hơn dưới con mắt của mọi người, đứng vì những thói quen xấu của cá nhân như vứt rác bừa bãi gây ảnh hưởng đến mọi người. Hãy chấm dứt những hành vi kém văn hóa ấy để làm cho cuộc sống của chúng ta ngày càng tốt đẹp hơn. Và hãy sống theo tinh thần cao đẹp: “Mình vì mọi người, mọi người vì mình”

Đối với em thì những hành vi như xả rác bừa bãi nơi công cộng, đổ nước thải sinh hoạt xuống cống, rãnh là những hành động xấu, đáng chê trách. Chúng gây những hậu quả nghiêm trọng cho mọi người. Vì vậy mỗi người dân chúng ta và toàn xã hội cần phải nhanh chóng khắc phục hiện tượng đó. Riêng với chúng em – những học sinh – người chủ tương lai của đất nước thì giờ đây cần phải xem lại bản thân mình, điều chỉnh những hành vi của mình thật đúng đắn. Đứng trước hiện tượng vứt rác bừa bãi trên, chúng em sẽ tích cực nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tuyên truyền cho bạn bè cùng làm theo. Hi vọng rằng với việc làm nhỏ đó chúng em đã góp phần làm cho môi trường sống xung quanh trở nên xanh – sạch – đẹp và trái đất sẽ luôn là ngôi nhà chung đáng yêu của tất cả nhân loại



DO BOX NGỮ VĂN DIỄN ĐÀN HOCTAI.VN THỰC HIỆN



*-“Ngủ dậy muộn thì phí mất cả ngày,  
ở tuổi thanh niên mà không học tập thì phí mất cả cuộc đời.”-*

## **ĐỀ 1: Phân tích “Tây Tiến” của Quang Dũng**

### Bài làm

“Có một bài ca không bao giờ quên...”

Có một bài ca như thế. Cũng có những năm tháng không bao giờ quên, không phai mờ trong ký ức của nhiều thế hệ đã qua, hôm nay và mai sau. Đó chính là những ngày tháng kháng chiến chống Pháp, khi toàn dân tộc ta vừa qua nạn đói, vừa giành được độc lập thì thực dân Pháp trở lại xâm lược. Dấu ấn của nạn đói năm 1945 vẫn còn, rất đậm trong mỗi người dân Việt Nam. Tự do hay trở về với cuộc đời cũ? Đây là câu hỏi day dứt bao người. Theo tiếng gọi của tự do, những người nông dân, công dân, học sinh, những người mẹ, người chị... tham gia kháng chiến, tạo nên hào khí dân tộc của một thời đại. Trong những năm tháng đáng nhớ ấy, văn học dù chưa dám nói là đã ghi lại trọn vẹn bộ mặt đất nước, nhưng cũng đã ghi lại được hào khí của một thời với hình ảnh bao người mà hình ảnh trung tâm là người chiến sĩ cụ Hồ. Bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng ra đời trong hoàn cảnh chung đó.

Bài thơ sáng tác tại Phù Lưu Chanh vào năm 1948 khi Quang Dũng đã chuyển đơn vị. Nhưng những ngày tháng Quang Dũng chiến đấu, sống ở đoàn quân Tây Tiến chưa lâu, với những kỷ niệm khó quên nên nỗi nhớ Tây Tiến da diết, còn cào trong lòng tác giả. Toàn bài thơ là một nỗi nhớ. Tác giả nhớ về cuộc sống gian khổ, nhớ về kỷ niệm những đêm liên hoan, về cái âm u, hoang dã của rừng núi và in đậm nhất là nỗi nhớ của người lính Tây Tiến.

Ra đi kháng chiến khi còn là thanh niên, học sinh Hà Nội, Quang Dũng trở thành người lính. Kỷ niệm làm người lính Tây Tiến đã xa mà lại rất gần, để ghi nhớ lại, tác giả phải bật lên:

*"Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!"*

Câu thơ kết thúc bằng dấu chấm than cùng âm hưởng của vãn ơ, tạo nên sức mạnh lớn. Hình ảnh đó là tiếng nói của Quang Dũng vang vọng đến đoàn quân Tây Tiến? Không ! Đó là tiếng lòng của tác giả “xa rồi Tây Tiến ơi!” nhưng tâm lòng thì vẫn tha thiết lắm ! Âm hưởng câu thơ có sức vọng làm cho tiếng lòng của Quang Dũng như xoáy vào tâm hồn người đọc rung theo những xúc cảm do câu đầu mang lại để đến với nỗi nhớ Tây Tiến:

*"Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi"*

Nỗi nhớ mới lạ lùng làm sao? “Nhớ chơi vơi” ! Hình như trong ca dao ta cũng từng bắt gặp:

*"Ra về nhớ bạn chơi vơi"*

Nỗi nhớ “chơi vơi” là nỗi nhớ không định hình khó nắm bắt đã diễn tả bằng lời. Nỗi nhớ ấy vừa bao la, bát ngát lại vừa có chiều sâu. Nó muốn tràn ra không gian để xoáy vào lòng người. Một người ngoài cuộc hẳn không thể có nỗi nhớ ấy. Chỉ có Quang Dũng với nỗi lòng của mình mới có nỗi nhớ ấy mà thôi. Với tâm lòng tha thiết thì hẳn nỗi “nhớ chơi vơi” là điều hoàn toàn có lí. Cùng vần sử dụng vần “ơi”, câu thơ có sức lan tỏa rộng. Vần “ơi” lan ra theo nỗi nhớ “chơi vơi” của tác giả.

Thông thường khi nhớ về một điều gì, người ta thường nhớ đến những kỉ niệm để lại dấu ấn không quên. Quang Dũng nhớ đầu tiên là nhớ về rừng núi

*"Nhớ về rừng núi..."*

Rừng núi là nơi xưa kia tác giả cùng đồng đội đã cùng sống, cùng chiến đấu Rừng núi in đậm bao nỗi khổ, bao niềm vui nỗi buồn của những người chiến sĩ. Hơn ai hết, tác giả là người trong cuộc, tác giả nhớ về rừng núi, những khó khăn gian khổ mà mình đã từng nếm trải:

*"Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi  
Mường Lát hoa về trong đêm hơi  
Đốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm  
Heo hút cồn mây súng ngửi trời  
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống  
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi."*

Mặc dù cuộc sống gian khổ không phải là điều nhà thơ chú trọng phác họa nhưng trước mắt ta vẫn hiện ra cái khắc nghiệt của rừng núi. Nhà thơ Tố Hữu đã từng có những câu thơ:

*"Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt  
Máu trộn bùn non  
Gan không núng, chí không mòn !"*

Tố Hữu mô tả thẳng cảnh sống người lính. Quang Dũng không làm thế, Quang Dũng chỉ mô tả cái hoang vu, hoang dã của một vùng rừng núi nhưng qua cảnh đó ai cũng hiểu rằng đời lính là như thế đó. Họ sống giữa thiên nhiên như vậy đó. Với những địa danh xa lạ "Sài Khao", "Mường Lát", "Pha Luông", rừng núi như càng trở nên xa ngái, hoang vu hơn. Hơn thế, cần phải nhớ rằng đoàn quân Tây Tiến hầu như toàn là những chàng trai trẻ Hà Nội theo tiếng gọi kháng chiến ra đi, nhiều người còn là học sinh nên cảnh núi rừng càng xa lạ, đáng sợ hơn. Quang Dũng là người trong cuộc sống hiểu tâm lý ấy rất rõ. Nỗi nhớ rừng núi bắt đầu bằng những cuộc hành quân.

*"Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi."*

Những cuộc hành quân đi qua và những cuộc hành quân mới lại tiếp nối trong cuộc đời người lính của Quang Dũng. Nhưng có lẽ cái mỏi mệt của những cuộc hành quân lần đầu sẽ không bao giờ đi qua cùng năm tháng cũng như rừng sương "Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi" sẽ in mãi dấu ấn, câu thơ chùng xuống, đều đều gọi lên sự mỏi mệt, bải hoải làm ta tưởng chừng như đoàn quân Tây Tiến sắp ngã, sắp chìm đi trong sương. Nhưng không, âm điệu bài thơ lại vút lên bởi một câu vần bằng:

*"Mường lát hoa về trong đêm hơi"*

Câu thơ ấy đã xoá đi cái mỏi mệt của đoàn quân Tây Tiến, để đoàn quân tiếp bước. Những khó khăn lại cứ rải trên đường người lính đi qua:

*"Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm  
Heo hút cồn mây súng ngửi trời  
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống"*

Hình ảnh “khúc khuỷu” làm nên cảm giác hình như con đường đi khó khăn quá ! “Dốc thăm thẳm” lại làm cho những khó khăn như nhiều hơn, dài ra theo tính chất “thăm thẳm” của con dốc và trên những đường dốc ấy, “súng ngửi trời”. Chỉ riêng “heo hút cồn mây” đã gợi một không khí vắng vẻ, hoang sơ của núi rừng, súng ngửi trời cộng vào cái vẻ đơn độc của những người lính khi đứng giữa đèo cao.

Những khó khăn gian khổ nhiều là thế nhưng lại nhẹ đi bởi vần bằng tiếp sau:

*"Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi."*

Cứ như thế, với những câu vần bằng xen vào giữa những câu vần trắc, âm hưởng đoạn thơ trở nên trũng điệp hơn, âm điệu ấy cứ theo suốt bài thơ, cùng với cách dùng từ cổ kính của Quang Dũng góp phần tạo nên nét lãng mạn mà hào hùng cho bài thơ. Cả khổ thơ đầu là những khó khăn của vùng rừng núi thiên nhiên hoang sơ. Đứng trước bức tranh dữ dội ấy, ai cũng trầm nghĩ: vậy người lính sống thế nào nhỉ?

*"Anh bạn dãi dầu không bước nữa  
Gục lên súng mũ bỏ quên đời  
Chiều chiều oai linh thác gầm thét  
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người."*

Quang Dũng tả rất thực những khó khăn của cuộc kháng chiến mà đoàn quân Tây Tiến đã gặp nhưng không làm bài thơ trở nên bi thảm, lòng người bi quan mà chỉ đề cao ngợi người lính. Tác giả lại tiếp tục đưa ta đến với người lính cũng bằng ngòi bút rất thực ấy. Trước gian khổ, trên đường hành quân, nhiều người đã nằm lại mảnh đất xa lạ để không bao giờ tỉnh dậy:

*"Anh bạn dãi dầu không bước nữa"*

Nhưng anh hùng làm sao, những con người đã ngã xuống ấy! Người lính không chịu nổi gian khổ đã hi sinh nhưng cũng tìm được cho mình một tư thế chết của người chiến sĩ:

*"Gục lên súng mũ bỏ quên đời"*

“Bỏ quên đời” chỉ là cách nói nhằm giảm nhẹ sự mất mát, tang thương khi người lính từ trần. Nhưng hình ảnh sử dụng, rất đắt là hình ảnh “gục lên súng mũ”. Ta chợt nhớ đến dáng đứng của anh giải phóng quân về sau:

*"Anh ngã xuống trong khi đang đứng bắn  
Máu anh phun theo lửa đạn cầu vồng"*

Dáng đứng của anh giải phóng quân đi mãi vào lòng những người dân trong kháng chiến chống Mĩ thì dáng ngã gục xuống của anh lính cụ Hồ hẳn sẽ không phai mờ trong tâm hồn của Quang Dũng, của đoàn quân Tây Tiến và của những người tham gia kháng chiến. “Gục lên súng mũ” cũng là cách nói nhẹ và cũng là cách nói của những người thanh niên trí thức lúc bấy giờ. Người lính ra đi nhưng đồng đội anh lại tiếp bước. Những khó khăn lại đến:

*"Chiều chiều oai linh thác gầm thét  
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người."*

Hình như có ai đó đã nói về cách sử dụng từ “Mường Hịch” của Quang Dũng. Địa danh đọc lên có cảm giác như tiếng chân cọp đi trong đêm. Rừng núi trở nên rờn rợn, nguyên vẻ hoang sơ của nó. Ở nơi xa xôi con người lần đầu đặt chân, thiên nhiên là chủ thì khó khăn như tăng thêm bội phần. Nhưng nét lạc quan, vui vẻ của người lính vẫn chẳng thể mất dọc cuộc hành trình.

*"Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói  
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi."*

Quang Dũng lại nhớ về những kỉ niệm của những đêm liên hoan. Nhịp điệu câu thơ hình như có cái gì nao nức, rộn rã:

*"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ Khèn  
lên man điệu nàng e ập Nhạc về  
Viên Châu xây hồn thơ  
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có nhớ hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa."*

Cái dữ dội, hoang dã của thiên nhiên trong hai khổ thơ đầu như biến mất đi sau những kỉ niệm vui của đoàn quân Tây Tiến. Nét nghịch ngợm, vui tươi của những chàng thanh niên Hà Nội xúng xính trong xiêm áo giả làm con gái, cùng tiếng nhạc và vẻ e ấp giả vờ. Câu thơ với hai chữ “kìa em” vừa mang vẻ ngạc nhiên vừa mang nụ cười thoải mái của người chiến sĩ. Những kỉ niệm vui đó hẳn sẽ không quên trong lòng người cũng như vẫn còn nguyên vẹn trong lòng Quang Dũng vậy. Cùng với sự vui tươi, người lính Tây Tiến còn sống với bản lĩnh lãng mạn, với tâm hồn giàu chất thơ, giàu cảm xúc của mình. Một dáng người trên độc mộc vào buổi chiều sương, một khóm hoa đong đưa trên dòng nước lũ... tất cả đi vào nhẹ nhàng cho cả đoạn thơ.

Quang Dũng xa Tây Tiến nhưng khoảng thời gian ấy chưa lâu nên kỉ niệm Tây Tiến vẫn như nguyên vẹn. Nỗi nhớ “chơi voi” trải khắp bài thơ nhưng cô đọng vẫn là ở nỗi nhớ về người lính Tây Tiến. Có lẽ người lính Tây Tiến, hình ảnh của họ đã ăn sâu tận trong máu thịt tác giả:

*“Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc  
Quân xanh màu lá dữ oai hùm”*

Câu thơ đầu hoàn toàn tả thực về người lính kháng chiến, nổi tiếng bởi tên gọi “Vệ trọc”. Giữa rừng núi hoang sơ, nạn sốt rét là nạn mà người lính thường mắc phải. Sốt rét đến nỗi trọc cả đầu chỉ còn một vài sợi tóc thưa đến nỗi da xanh xao “màu lá”. Bệnh sốt rét ác nghiệt như Chính Hữu đã từng mô tả:

*"Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi."*

Sốt rét là bệnh tiêu biểu thường gặp ở người lính khi Quang Dũng nói về điều này, tác giả còn muốn cho ta biết, người lính Tây Tiến sống như thế đấy! Họ sống chiến đấu với quân thù nhưng lại phải chiến đấu với cả gian khổ, bệnh tật nữa. Giữa bao nhiêu khó khăn người lính vẫn

*"Quân xanh màu lá dữ oai hùm"*

Nét dữ tợn của người chiến sĩ Tây Tiến ở đây không làm nhạt đi tí nào hình ảnh người lính Tây Tiến trong ta. Bệnh tật, yếu đau tưởng chừng làm người chiến sĩ yếu đuối nhưng ta bất ngờ vì dáng vẻ “dữ oai hùm” của anh lính. “Dữ oai hùm” làm mất đi sự yếu đuối của “đoàn quân không mọc tóc” và của “quân xanh màu lá”, câu thơ trên giúp cho câu thơ sau tiếp tục:

*"Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"*

Đây chính là hai câu thơ tập trung nhất vẽ nên bức tranh người lính Tây Tiến và cũng là hai câu thơ hay nhất trong cả bài thơ. Người lính Tây Tiến sống với hình ảnh của quê hương Hà Nội, chiến đấu với tương lai trước mặt. Hai câu thơ vừa mang nét lãng mạn của người chiến sĩ vừa có nét hào hùng. Mắt người lính “trừng” nhưng không hề mang nét dữ tợn, đây chỉ là quyết tâm của họ. Họ quyết tâm chiến đấu cho Tổ Quốc, đất nước, điều này là điều tâm niệm của mỗi người. Hai câu thơ trên đã có thời bị đưa ra chỉ trích cùng với bài thơ là buồn rớt, là bi quan, là tiểu tư sản. Đáng buồn; nhưng cái buồn ở đây không làm mất đi quyết tâm của người lính Tây Tiến. Quyết tâm đánh giặc và lãng mạn phải kết hợp hài hoà mới có thể tạo nên vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ một cách sâu sắc. Đây là điểm mà đã có một thời vì hoàn cảnh lịch sử, vì một lý do nào đó người ta đã quên đi hay cố tình quên đi. Người lính Tây Tiến chiến đấu cho ai? Mục đích của họ hướng tới là gì nếu không phải quê hương mà cụ thể là Hà Nội. Người lính mơ về Hà Nội, về người thiếu nữ Hà Nội thì chính những mộng mơ ấy đã tiếp sức mạnh cho người chiến sĩ sống và chiến đấu. Hai câu thơ chính vì thế lãng mạn mà rất hào hùng !

Người lính Tây Tiến gặp bao nhiêu gian khổ. Dọc con đường hành quân bao người đã ngã xuống vì gian khổ, vì khắc nghiệt của rừng núi, vì đau ốm bệnh tật và họ ngã xuống vì chiến đấu.

*"Rải rác biên cương mồ viễn xứ."*

Câu thơ đọc lên nghe sao mà bi thảm quá. Bao người nằm lại nơi xa lạ không người qua



lại, chẳng bao giờ về. Từ “rải rác” làm ta cảm giác người lính Tây Tiến ngã xuống, ngã xuống nhiều trong cuộc chiến đấu, làm ta cảm giác thấm thía cái lạnh khi những con người phải từ giã cuộc đời. Từ “viễn xứ” tạo nên sự xa xôi, lạnh lẽo của rừng núi, gợi sự cô đơn của những người nằm lại. Câu thơ trầm xuống xoáy vào lòng ta nỗi buồn không thể thoát nên lời, ta tưởng chừng câu thơ sau sẽ không cất nổi mình, nhưng ngược lại:

*"Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh"*

Câu thơ lại nhẹ nhàng như không hề mang chút bi thảm của những năm mò viễn xứ. Câu thơ trước tạo nên cái “bi”, câu thơ sau tạo nên nét “tráng”. Cái không khí bi quan biến mất, chỉ còn lại nét ngang tàng, chút thanh thản của người lính Tây Tiến. Bao “chẳng tiếc đời xanh” là cách nói của người thanh niên tri thức Hà Nội nhưng cũng mang cả quan niệm về lí tưởng chiến đấu. Đâu phải họ không tiếc cho tuổi trẻ. Không phải “tuổi trẻ là mùa xuân” đó sao! Nhưng cao hơn cả tuổi trẻ họ còn có tự do, quê hương. Còn người hậu phương gợi gắm cả nỗi lòng cho họ. Đó là lí do tại sao người lính Tây Tiến chẳng tiếc đời xanh. Họ nằm xuống nhẹ nhàng:

*“Áo bào thay chiếu anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”*

Cách dùng từ “áo bào” làm câu thơ trở nên cổ kính hơn. Anh ra đi mãi mãi nhưng anh ra đi là cho lẽ sống của mình sống mãi nên cái chết của anh nhẹ nhàng như “về đất”. Hơn thế, có chăng Quang Dũng có lí khi dùng từ “về đất” ngoài ý giảm nhẹ sự đau thương? Quang Dũng không muốn có bất cứ giọt nước mắt nào rơi trên thi hài người lính Tây Tiến. Người lính Tây Tiến sống lãng mạn, hào hùng thì chết cũng phải như vậy. Đây chính là lí do tác giả có ý sử dụng từ cổ kính và nói theo lối nói của người lính Tây Tiến. Quang Dũng muốn rằng người lính Tây Tiến chiến đấu là cho quê hương thì sự ra đi của họ là nhẹ nhàng, thanh thản: họ về với đất. Đất như người mẹ giang tay ôm đứa con yêu vào lòng và người chiến sĩ ngụ trong vòng tay mẹ. Như vậy anh hi sinh ở nơi xa nhưng linh hồn anh vẫn về bên đất mẹ. Câu thơ vì thế mất đi nét bi thảm vốn có. Anh chiến sĩ chết đi, quê hương ôm anh vào lòng, sông núi hát lên tiễn đưa anh:

*"Sông Mã gầm lên khúc độc hành"*

Không hề có tiếng khóc giọt nước mắt tang thương. Chỉ có núi sông, đất mẹ chứng kiến cái chết của anh. Bóng dáng của anh hoà vào núi sông, hoà vào đất mẹ. Người lính Tây Tiến ra đi nhưng hình ảnh của anh không bao giờ mờ phai trong tâm trí con người. Hình ảnh người lính và những kỷ niệm đậm mãi trong lòng Quang Dũng và mỗi chúng ta.

*"Tây Tiến người đi không hẹn ước  
Đường lên thăm thẳm một chia phôi  
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy  
Hồn về sầm nứa chẳng về xuôi."*

Bài thơ khép lại nhưng âm điệu vẫn mãi vang vọng trong tâm hồn ta. Nhịp điệu trùng điệp, nét lãng mạn hào hùng của bài thơ để lại dấu ấn trong ta. Có những tác phẩm đã gặp nhiều mà ta

lại quên đi nhưng có những tác phẩm chỉ bắt gặp một lần lại sống mãi. Ấy là Tây Tiến! Hình ảnh người lính Tây Tiến lung linh ngời sáng với cả hào khí dân tộc!

**ĐỀ 2: Phân tích 8 câu thơ đầu “Tây Tiến” của tác giả Quang Dũng:**

*" Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!*

*..... mưa xa khơi"*

Bài làm

Quang Dũng là một trong những nhà thơ chiến sĩ tiêu biểu của thời kì kháng chiến chống Pháp. Ông đặc biệt thành công khi viết về đề tài người lính trí thức tiểu tư sản hào hoa, phong nhã. Một trong những bài thơ nổi tiếng viết về người lính là bài thơ Tây Tiến. Cảm hứng chủ đạo trong suốt bài thơ là cảm hứng về nỗi nhớ. Đó là nỗi nhớ khó phai của đời người lính Tây Tiến được khắc họa thành công ở tám câu đầu của bài thơ:

*" Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!*

*..... mưa xa khơi"*

Tây Tiến là 1 trong những bài thơ hay, tiêu biểu của Quang Dũng. Nhắc đến nhà thơ, ko ai không thể ko nhớ đến Tây Tiến. Bởi lẽ nó đã gắn bó 1 thời sâu sắc với nhà thơ. Tây Tiến là 1 đơn vị bộ đội thời kháng chiến chống Pháp được thành lập năm 1947 làm nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào đánh tiêu hao sinh lực địch ở vùng Thượng Lào, trấn giữ 1 vùng rộng lớn ở Tây Bắc nước ta và biên giới Việt Lào. Quang Dũng từng là đại đội trưởng của binh đoàn Tây Tiến nhưng đến đầu năm 1948 vì yêu cầu nhiệm vụ ông chuyển sang đơn vị khác. Bài thơ đượ sáng tác cuối năm 1948 khi nhà thơ đóng quân ở Phù Lưu Chanh\_ 1 làng ven bờ sông Đáy, nhớ về đơn vị cũ ông đã viết nên bài thơ. Lúc đầu, ông đặt bài thơ là Nhớ Tây Tiến nhưng về sau đổi lại thành Tây Tiến vì nhà thơ cho rằng chỉ với 2 từ Tây Tiến cũng đủ đã gợi lên nỗi nhớ là cảm hứng chủ đạo chứ ko cần đến từ "nhớ"

Là 1 người lính trẻ hào hoa, lãng mạn ra đi theo tiếng gọi của tổ quốc, sống và chiến đấu nơi núi rừng gian khổ nhưng chất thi sĩ vẫn trào dâng mãnh liệt trong lòng nhà thơ. 1 thời gắn bó sâu đậm với Tây Tiến, với đồng đội, với núi rừng đã làm cho ông ko khỏi bồi hồi, xúc động khi nỗi nhớ về Tây Tiến dâng trào trong kí ức của nhà thơ.

"Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi"

Câu thơ như tiếng gọi chân thành , tha thiết xuất phát từ trái tim và tâm hồn người thi sĩ. Bằng cách sử dụng câu cảm thán mở đầu bài thơ, Quang Dũng đã gọi tên cảm hứng chủ đạo của bài thơ là nỗi nhớ còn cào, da diết về núi rừng Tây Bắc. bằng thủ pháp nghệ thuật nhân hoá, câu thơ trở nên đẹp diệu kỳ. "Sông Mã" ko đơn thuần là 1 con sông mà nó đã trở thành 1 hình ảnh hiện hữu, 1 chứng nhân lịch sử trong suốt cuộc đời người lính Tây Tiến với bao nỗi vui\_ buồn, được\_ mất. "Tây Tiến" ko chỉ để gọi tên 1 đơn vị bộ đội mà nó đã trở thành 1 người bạn " tri âm tri kỉ" để nhà thơ giải bày tâm sự.

*"Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi"*

Câu thơ thứ 2 với điệp từ "nhớ" được lặp lại 2 lần đã diễn tả nỗi nhớ quay quắt, còn cào

đang uả vào tâm trí Quang Dũng. tính từ "chơi vui" kết hợp với từ "nhớ" đã khắc sâu được tình cảm nhớ nhung da diết của nhà thơ và nỗi nhớ đó như 1 cơn thác lũ tràn vào tâm trí nhà thơ đã đẩy ông vào trạng thái bồng bềnh, hư ảo. 2 câu đầu với cách dùng từ chọn lọc, gợi hình gợi cảm đã mở cửa cho nỗi nhớ trào dâng mãnh liệt trong tâm hồn nhà thơ

*"Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi  
Mường Lát hoa về trong đêm hơi  
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm  
Heo hút cồn mây súng ngửi trời"*

Quang Dũng đã liệt kê hàng loạt các địa danh như: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông... Đó là địa bàn hoạt động của binh đoàn Tây Tiến, những nơi họ đi qua và dừng chân trên bước đường hành quân gian khổ, mệt nhọc. Nói đến Tây Bắc, là nói đến vùng đất có địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt. Có những đêm dài hành quân người lính Tây Tiến vất vả đi trong đêm dày đặc sương giăng, ko nhìn rõ mặt nhau. "Đoàn quân mỏi" nhưng tinh thần ko "mỏi". Bởi ý chí quyết tâm ra đi vì tổ quốc đã làm cho những trí thức Hà thành yêu nước trở nên kiên cường, bất khuất hơn. Quang Dũng đã rất tài tình khi đưa hình ảnh "sương" vào đây để khắc hoạ hơn sự khắc nghiệt của núi rừng Tây Bắc trong những đêm dài lạnh lẽo. Cũng miêu tả về "sương", Chế Lan Viên cũng đã viết trong "Tiếng hát con tàu":

*"Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ  
Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương  
Khi ta ở chỉ là nơi đất ở  
Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn"*

Có lẽ thiên nhiên rất gần bó với người lính Tây Bắc nên nó đã trở thành 1 kí ức khó phai trong lòng nhà thơ. Thiên nhiên tuy có đẹp nhưng cũng rất hiểm trở. Có những lúc người lính Tây Tiến phải vất vả để trèo lên đỉnh chạm đến mây trời. Quang Dũng đã khéo léo sử dụng từ "thăm thẳm" mà ko dùng từ "chót vót" bởi nói "chót vót" người ta còn có thể cảm nhận và thấy được bề sâu của nó nhưng "thăm thẳm" thì khó có ai có thể hình dung được nó sâu thế nào. Bằng những từ láy gợi hình ảnh rất cao như "khúc khuỷu", "thăm thẳm", "heo hút", nhà thơ đã làm cho người đọc cảm nhận được cái hoang sơ, dữ dội của núi rừng Tây Bắc. Nhà thơ cũng rất trẻ trung, tinh nghịch khi đưa hình ảnh nhân hoá, ẩn dụ "súng ngửi trời" để cho ta thấy bên cạnh thiên nhiên hiểm trở còn hiện lên hình ảnh người lính với tư thế oai phong lẫm liệt nơi núi rừng hoang vu. Câu thơ sử dụng nhiều thanh trắc đã tạo nên vẻ gân guốc, nhọc nhằn đã nhấn mạnh được cảnh quang thiên nhiên Tây Bắc thật cheo leo, hiểm trở

*"Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống"*

Điệp từ "ngàn thước" đã mở ra 1 ko gian nhìn từ trên xuống cũng như từ dưới lên thật hùng vĩ, giăng mắc. Bên cạnh cái hiểm trở, hoang sơ ta cũng thấy được vẻ đẹp trữ tình nơi núi rừng:

*"Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi"*

Có những cơn mưa rừng chợt đến đã để lại bao giá rét cho người lính Tây Tiến. Nhưng dưới ngòi bút của Quang Dũng, nó trở nên lãng mạn, trữ tình hơn. Nhà thơ đã thông minh, sáng tạo khi nói đến mưa rừng bằng cụm từ “mưa xa khơi”. Nó gợi lên 1 cái gì đó rất kì bí, hoang sơ giữa chốn núi rừng. Câu thơ thứ 8 nhiều thanh bằng như làm dịu đi vẻ dữ dội, hiểm trở của núi rừng và mở ra 1 bức tranh thiên nhiên nơi núi rừng đầy lãng mạn. 8 câu thơ đầu của bài thơ Tây Tiến là nỗi nhớ về núi rừng Tây Bắc, về đồng đội Tây Tiến nhưng qua những chi tiết đặc tả về thiên nhiên núi rừng Tây Bắc, nó đã trở thành 1 kí ức xa xôi trong tâm trí nhà thơ. Đó là 1 nỗi nhớ mãnh liệt của người lính Tây Tiến nói riêng và của những người lính nói chung.

Bài thơ “Tây Tiến” dưới ngòi bút của lãng mạn, trữ tình của Quang Dũng đã trở thành 1 kiệt tác của mọi thời đại. Cảm hứng chủ đạo xuyên suốt bài thơ đó là cảm hứng về nỗi nhớ. Quang Dũng đã miêu tả nỗi nhớ đó bằng ngòi bút tài tình giàu chất nhạc, chất họa và đậm chất thơ. Bài thơ là 1 khúc nhạc của tâm hồn, của cuộc sống. Bởi thế, Xuân Diệu thật chính xác khi cho rằng đọc bài thơ “Tây Tiến” như đang ngâm âm nhạc trong miệng. Bài thơ hay bởi lẽ nó được viết nên từ ngòi bút hào hoa, lãng mạn và của 1 người lính Tây Tiến nên nó có 1 cái rất riêng và đẹp. Mang chất lính nên Quang Dũng mới có thể viết nên những vần thơ hay như thế

“Tây Tiến” là 1 bài thơ hay được viết nên bởi tâm hồn, tài hoa, lãng mạn của người lính trí thức tiểu tư sản Quang Dũng. Bài thơ như 1 bức tượng đài bất tử đã tạc vào nền văn học Việt Nam hình ảnh những người lính trí thức yêu nước vô danh. Bài thơ xứng đáng được xem là kiệt tác của Quang Dũng khi viết về người lính trí thức tiểu tư sản hào hoa, phong nhã.

**Đề 3: Phân tích khổ thơ sau được trích trong bài “Tây Tiến” của Quang Dũng:**

*" Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc*

.....

*Sông Mã gầm lên khúc độc hành"*

Bài làm

Mọi cuộc chiến tranh rồi sẽ qua đi, bụi thời gian có thể phủ dày lên hình ảnh của những anh hùng vô danh nhưng văn học với sứ mệnh thiêng liêng của nó đã khắc tạc một cách vĩnh viễn vào tâm hồn người đọc hình ảnh những người con anh hùng của đất nước đã ngã xuống vì nền độc lập của Tổ quốc trong suốt trường kỳ lịch sử. ở trong thơ Quang Dũng cũng đã dựng lên một bức tượng đài bất tử như vậy về người lính cách mạng trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược nước ta. Đó là bức tượng đài đã làm cho những người chiến sĩ yêu nước từng ngã xuống trong những tháng năm gian khổ ấy bất tử cùng thời gian

*"Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hanoi dáng kiều thơm Rải*

*rác biên cương mờ viễn xứ*

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

*áo bào thay chiếu anh về đất*

*Sông Mã gầm lên khúc độc hành"*

"Tây Tiến" của Quang Dũng là dòng hồi ức vô cùng thương nhớ về những đồng đội của nhà thơ, những người đã từng sống, từng chiến đấu nhưng cũng có người đã hy sinh, những người đã trở về với đất mẹ yêu thương, nhưng đâu đó cũng là những người mãi mãi nằm lại nơi biên cương hay miền viễn xứ. Chính vì thế QDũng không chỉ dựng lại cả một hình ảnh của đoàn binh Tây Tiến trên những chặng đường hành quân gian khổ hy sinh mà "đời vẫn cứ tươi" như ở 14 dòng thơ đầu tiên. Và QDũng cũng không chỉ khắc tạc hình ảnh của những người lính với một đời sống tình cảm hết sức phong phú, những tình cảm lớn lao là tình quân dân. QDũng đã đặc biệt quan tâm tới ý tưởng dựng tượng đài người lính Tây Tiến trong tác phẩm của mình. Nhà thơ đã sử dụng hệ thống ngôn ngữ giàu hình ảnh, hàng loạt những thủ pháp như tương phản, nhân hoá, tăng cấp ý nghĩa để tạo ấn tượng mạnh để khắc tạc một cách sâu sắc vào tâm trí người đọc hình ảnh những người con anh hùng của đất nước, của đót. Đó là bức tượng đài sừng sững giữa núi cao sông sâu, giữa một không gian hùng vĩ như chúng ta đã thấy trong các câu thơ

*"Tây Tiến đoàn quân ..... khúc độc hành"*

Bức tượng đài người lính Tây Tiến trước hết được khắc hoạ lên từ những đường nét nhằm tô đậm cuộc sống gian khổ của họ. Nếu như ở những đoạn thơ trước đó người lính mới chỉ hiện ra trong đoàn quân mỗi trong câu:

*" Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi "*

hay trong khung cảnh hết sức lãng mạn trong đêm liên hoan, đêm lửa trại thắm tình cá nước thì ở đây là hình ảnh đoàn binh không mọc tóc da xanh như lá rừng. Cảm hứng chân thực của QDũng đã không né tránh việc mô tả cuộc sống gian khổ mà người lính phải chịu đựng. Những cơn sốt rét rừng làm tóc họ không thể mọc được (chứ không phải họ cố tình cạo trọc để đánh giáp lá cà cho dễ như nhiều người từng nói). Cũng vì sốt rét rừng mà da họ xanh như lá cây (chứ không phải họ xanh màu lá nguy trang), vẻ ngoài dường như rất tiêu tụy. Nhưng thế giới tinh thần của người lính lại cho thấy họ chính là những người chiến binh anh hùng, họ còn chứa đựng cả một sức mạnh áp đảo quân thù, họ dũng mãnh như hổ báo, hùm beo. Cái giỏi của QDũng là mô tả người lính với những nét khắc khổ tiêu tụy nhưng vẫn gợi ra âm hưởng rất hào hùng của cuộc sống. Bởi vì câu thơ "*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*" với những thanh trắc rơi vào trọng âm đầu của câu thơ như "tiến", "mọc tóc". Nhờ những thanh trắc ấy mà âm hưởng của câu thơ vút lên. Chẳng những thế, họ còn là cả một đoàn binh. 2 chữ "đoàn binh" âm Hán Việt đã gợi ra một khí thế hết sức nghiêm trang, hùng dũng. Và đặc biệt hai chữ "Tây Tiến" mở đầu câu thơ không chỉ còn là tên gọi của đoàn binh nữa, nó gợi ra hình ảnh một đoàn binh dù đầu không mọc tóc vẫn đang quả cảm tiến bước về phía Tây. Thủ pháp tương phản mà QDũng sử dụng ở câu thơ "*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*" không chỉ làm nổi bật lên sức mạnh tinh thần của người lính mà còn thấm sâu màu sắc văn hoá của dân tộc. ở đây, nhà thơ không chỉ muốn nói rằng những người lính Tây Tiến như chúa sơn lâm, không phải muốn "động vật hoá" người lính Tây Tiến mà muốn nói tới sức mạnh bách chiến bách thắng bằng một hình ảnh quen thuộc trong thơ văn xưa. Phạm Ngũ Lão cũng ca ngợi người anh hùng vệ quốc trong câu thơ

*"Hoành sóc giang san cáp kỷ thu*

*Tam quan kỳ hổ khí thôn ngưu"*

Và ngay cả Hồ Chí Minh trong "Đăng sơn" cũng viết

*"Nghĩa binh tráng khí thôn ngưu đầu  
Thế diện sài long xâm lược quân"*

Có thể nói QDũng đã sử dụng một mô típ mang đậm màu sắc phương Đông để câu thơ mang âm vang của sử, hình tượng người lính cách mạng gắn liền với sức mạnh truyền thống của dtộc. Đọc câu thơ: "*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*" ta như nghe thấy âm hưởng của một hào khí ngút trời Đông á.

Hình tượng người lính Tây Tiến bỗng nhiên trở nên rất đẹp khi QDũng bỏ sung vào bức tượng đài này chất hào hoa, lãng mạn trong tâm hồn họ

*"Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"*

Trước hết đó là một vẻ đẹp tâm lòng luôn hướng về T quốc, hướng về Thủ đô. Người lính dẫu ở nơi biên cương hay viễn xứ xa xôi mà lòng lúc nào cũng hướng về HNội. Ta bỗng nhớ đến câu thơ của Huỳnh Văn Nghệ:

*"Tì thuở mang gươm đi mở nước  
Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long"*

Người lính Tây Tiến dẫu "*mắt trừng gửi mộng qua biên giới*" mà niềm thương nỗi nhớ vẫn hướng về một "dáng kiều thơm". Đã một thời, với cái nhìn ấu trĩ, người ta phê phán thói tiểu tư sản, thực ra nhờ vẻ đẹp ấy của tâm hồn mà người lính có sức mạnh vượt qua mọi gian khổ, người lính trở thành một biểu tượng cho vẻ đẹp của con người Việt Nam. QDũng đã tạo nên một tương phản hết sức đặc sắc - những con người chiến đấu kiên cường với ý chí sắt thép cũng chính là con người có một đống tâm hồn phong phú. Người lính Tây Tiến không chỉ biết cầm súng cầm gươm theo tiếng gọi của non sông mà còn rất hào hoa, giữa bao nhiêu gian khổ, thiếu thốn trái tim họ vẫn rung động trong một nỗi nhớ về một dáng kiều thơm, nhớ về vẻ đẹp của Hà Nội - Thăng Long xưa.

Bức tượng đài người lính Tây Tiến đã được khắc tạc bằng những nguồn ánh sáng tương phản lẫn nhau, vừa hiện thực vừa lãng mạn. Từng đường nét đều như nổi bật và tạo được những ấn tượng mạnh mẽ. Đây cũng là đặc trưng của thơ QDũng.

Nếu như ở 4 câu thơ trên, người lính Tây Tiến hiện ra trong hình ảnh một đoàn binh với những bước chân Tây tiến vang dội khí thế hào hùng và một thế giới tâm hồn hết sức lãng mạn thì ở đây bức tượng đài người lính Tây Tiến được khắc tạc bằng những đường nét nổi bật về sự hy sinh của họ. Nếu chỉ đọc từng câu thơ, chỉ phân tích từng hình ảnh riêng rẽ độc lập, người ta dễ cảm nhận một cách bi lụy về cái chết của người lính mà thơ ca kháng chiến thuở ấy rất ít khi nói đến. Bởi thơ ca kháng chiến phần lớn chỉ quan tâm đến cái hùng mà không quan tâm đến cái bi. Nhưng nếu đặt các hình ảnh, các câu thơ vào trong chỉnh thể của nó, ta sẽ hiểu QDũng đã mô tả một cách

chân thực sự hy sinh của người lính bằng cảm hứng lãng mạn, hình tượng vì thế chẳng những không rơi vào bi lụy mà còn có sức bay bổng.

Có thể thấy câu thơ: "*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*" nếu tách riêng ra rất dễ gây cảm giác nặng nề bởi đó là câu thơ nói về cái chết, về nấm mồ của người lính Tây Tiến ở nơi "viễn xứ". Từng chữ từng chữ dường như mỗi lúc một nhấn thêm nốt nhạc buồn của khúc hát hồn tử sĩ. Chẳng phải thế sao? Nói về những nấm mồ, lại là những nấm mồ "rải rác" dễ gợi sự hoang lạnh, lại là "rải rác" nơi "viễn xứ", những nấm mồ ấy càng gợi sự cô đơn cô cút. QĐũng muốn nói tới nơi yên nghỉ của những người đồng đội

*"Anh bạn dãi dầu không bước nữa  
Gục lên súng mũ bỏ quên đời"*

Trong *Chinh phụ ngâm*:

*"Hồn tử sĩ gió về ù ù thổi  
Mặt chinh phu trăng rõi rõi soi  
Chinh phu tử sĩ mấy người  
Nào ai mặc mặt nào ai gọi hồn"*

Tuy nhiên với câu thơ thứ hai, ta lại thấy hình ảnh những nấm mồ rải rác nơi biên cương đã trở về với sự ấm cúng của niềm biết ơn của nhân dân, của đất nước. Bởi đó chính là nấm mồ của những người con anh dũng

*"Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh"*

Đồng thời cũng chính câu thơ thứ 2 đã làm cho những nấm mồ rải rác kia được nâng lên những tầng cao của đài tưởng niệm, của Tổ quốc đối với người lính đã vì tiếng gọi của chiến trường mà hiến dâng tuổi xanh của mình. Trong thơ QĐũng luôn là một sự nâng đỡ nhau của nhiều hình ảnh như vậy.

Sự hy sinh của người lính còn được tráng lệ hoá trong câu thơ

*"áo bào thay chiếu anh về đất"*

Bao nhiêu thương yêu của QĐũng trong một câu thơ như vậy về một đồng đội của mình. Ai bảo QĐũng không xót thương những người đồng đội của mình ra đi trong cách tiến đưa ấy, cảnh tiến đưa với bao thiếu thốn, khó khăn, cái thuở những người lính Tây Tiến chết vì sốt rét nhiều hơn chết vì chiến trận. Lại trong cảnh kháng chiến còn rất khó khăn nên tiến đưa người chết không có cả một chiếc quan tài. Hoàng Lộc trong "Viếng bạn" cũng đã viết về cảnh tiến đưa như thế

*" Ở đây không manh ván  
Chôn anh bằng tấm chăn  
Của đồng bào Cửa Ngàn  
Tặng tôi ngày sơ tán"*

Chỉ có điều câu thơ của QDũng không dừng lại ở mức tả thực mà đẩy lên thành cảm hứng tráng lệ, coi chiếu là áo bào để cuộc tiễn đưa trở nên trang nghiêm, cổ kính. Cũng có người hiểu đến chiếc chiếu cũng không có, chỉ có chính tấm áo của người lính. Dù hiểu theo cách nào thì cũng phải thấy QDũng đã tráng lệ hoá cuộc tiễn đưa bi thương bằng hình ảnh chiếc áo bào và sự hy sinh của người lính đã được coi là sự trở về với đất nước, với núi sông. Cụm từ "anh về đất" nói về cái chết nhưng lại bất tử hoá người lính, nói về cái bi thương nhưng lại bằng hình ảnh tráng lệ. Mạch cảm xúc ấy đã dẫn tới câu thơ đầy tính chất tráng ca

*"Sông Mã gầm lên khúc độc hành"*

Từ sự kết hợp một cách hài hoà giữa cái nhìn hiện thực với cảm hứng lãng mạn, QDũng đã dựng lên bức chân dung, một bức tượng đài người lính cách mạng vừa chân thực vừa có sức khái quát, tiêu biểu cho vẻ đẹp sức mạnh dân tộc ta trong thời đại mới, thời đại cả dân tộc đứng lên làm cuộc kháng chiến vệ quốc thần kỳ chống thực dân Pháp. Đó là bức tượng đài được kết tinh từ âm hưởng bi tráng của cuộc kháng chiến ấy. Đó là bức tượng đài được khắc tạc bằng cả tình yêu của QDũng đối với những người đồng đội, đối với đất nước của mình. Vì thế từ bức tượng đài đã vút lên khúc hát ngợi ca của nhà thơ cũng như của cả đất nước về những người con anh hùng ấy.

*(Chú ý: Với đề bài sau bạn cũng có thể lấy bài văn mẫu trên tham khảo để được: “Đề: Vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người lính trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng.”)*

**ĐỀ 4:** Phân tích đoạn thơ sau trong bài “*Tây Tiến*” của Quang Dũng  
“...Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành...”

#### Bài làm

“*Tây Tiến*” là bài hát của tình thương mến, là khúc ca chiến trận của anh Vệ quốc quân năm xưa, những anh hùng buổi đầu kháng chiến “áo vải chân không đi lùng giặc đánh” (“Nhớ” – Hồng Nguyên), những tráng sĩ ra trận với lời thề “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*”.

Quang Dũng viết bài thơ “*Tây Tiến*” vào năm 1948, tại Phù Lưu Chanh bên bờ sông Đáy thương yêu: “Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc – Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng” (Mất người Sơn Tây – 1949). *Tây Tiến* là một đơn vị quân đội thành lập vào năm 1947, hoạt động và chiến đấu ở thượng nguồn sông Mã, miền Tây Hòa Bình, Thanh Hóa sang Sầm Nưa, trên dải biên cương Việt – Lào. Quang Dũng là một đại đội trưởng trong đoàn binh *Tây Tiến*, đồng đội anh nhiều người là những chàng trai Hà Nội yêu nước, dũng cảm, hào hoa. Bài thơ “*Tây Tiến*” nói lên nỗi nhớ của tác giả sau một thời gian xa rời đơn vị: “Sông Mã xa rồi *Tây Tiến* ơi! – Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi...”

Bài thơ gồm có 4 phần. Phần đầu nói về nỗi nhớ, nhớ sông Mã, nhớ núi rừng miền Tây, nhớ đoàn binh *Tây Tiến* với những nẻo đường hành quân chiến đấu vô cùng gian khổ... Đoạn thơ



trên đây gồm có 16 câu thơ, là phần 2 và phần 3 của bài thơ ghi lại những kỉ niệm đẹp một thời gian khổ, những hình ảnh đầy tự hào về đồng đội thân yêu.

Ở phần đầu, sau hình ảnh “Anh bạn dãi dầu không bước nữa – Gục lên súng mũ bỏ quên đời”, người đọc ngạc nhiên, xúc động trước vần thơ âm áp, man mác, tình tứ, tài hoa:

*“Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói  
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”*

Bát cơm tỏa khói nặng tình quân dân, tỏa hương của “thơm nếp xôi”, hương của núi rừng, của Mai Châu,... và hương của tình thương mến.

Mở đầu phần hai là sự nối tiếp cái hương vị “thơm nếp xôi” ấy. “Hội đuốc hoa” đã trở thành kỉ niệm đẹp trong lòng nhà thơ, và đã trở thành hành trang trong tâm hồn các chiến binh Tây Tiến:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

“Đuốc hoa” là cây nến đốt lên trong phòng cưới, đêm tân hôn, từ ngữ được dùng trong văn học cũ: “Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa” (Truyện Kiều – 3096). Quang Dũng đã có một sự nhào nặn lại: hội đuốc hoa – đêm lửa trại, đêm liên hoan trong doanh trại đoàn binh Tây Tiến. “Bừng” chỉ ánh sáng của đuốc hoa, của lửa trại sáng bừng lên; cũng còn có nghĩa là tiếng khèn, tiếng hát, tiếng cười tung bừng rộn rã. Sự xuất hiện của “em”, của “nàng” làm cho hội đuốc hoa mãi mãi là kỉ niệm đẹp một thời chinh chiến. Những thiếu nữ Mường, những thiếu nữ Thái, những cô phù xao Lào xinh đẹp, duyên dáng “e ấp”, xuất hiện trong bộ xiêm áo rực rỡ, cùng với tiếng khèn “man điệu” đã “xây hồn thơ” trong lòng các chàng lính trẻ. Chữ “kìa” là đại từ để trỏ, đứng đầu câu “Kìa em xiêm áo tự bao giờ” như một tiếng trầm trồ, ngạc nhiên, tình tứ. Mọi gian khổ, mọi thử thách,... như đã bị đẩy lùi và tiêu tan.

Xa Tây Tiến mới có bao ngày thế mà nhà thơ “nhớ chơi vơi”, nhớ “hội đuốc hoa”, nhớ “chiều sương Châu Mộc ấy”. Hỏi “người đi” hay tự hỏi mình “có thấy” và “có nhớ”. Bao kỉ niệm sâu sắc và thơ mộng lại hiện lên và ùa về:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Chữ “áy” bắt vần với chữ “thấy”, một vần lưng thần tình, âm điệu câu thơ trĩu xuống như một nốt nhấn, một sự nhắc nhở trong hoài niệm nhiều băng khuâng. Nữ sĩ xưa nhớ kinh thành Thăng Long là nhớ “hòn thu thảo”, nay Quang Dũng nhớ là nhớ “hòn lau”, nhớ cái xào xạc của gió, nhớ những cò lau trắng trời. Có “nhớ về rừng núi, nhớ chơi vui” thì mới có nhớ và “có thấy hòn lau” trong kỉ niệm. “Có thấy”... rồi lại “có nhớ”, một lối viết uyển chuyển tài hoa, đúng là “câu thơ trước gọi câu thơ sau” như những kỉ niệm trở về... Nhớ cảnh (hòn lau) rồi nhớ người (nhớ dáng người) cùng con thuyền độc mộc “trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”. Hình ảnh “hoa đong đưa” là một nét vẽ lãng mạn gợi tả cái “dáng người trên độc mộc” trôi theo thời gian và dòng hoài niệm. Đoạn thơ gợi lên một vẻ đẹp mơ hồ, thấp thoáng, gần xa, hư ảo trên cái nền “chiều sương áy”. Cảnh và người được thấy và nhớ mang nhiều man mác băng khuâng. Bút pháp, thi pháp của chủ nghĩa lãng mạn để lại dấu ấn tài hoa qua đoạn thơ này.

Giữa những “bến bờ”, “độc mộc”, “dòng nước lũ” là “hòn lau”, là “dáng người”, là “hoa đong đưa” tất cả được phủ mờ bởi màn trắng mỏng của một “chiều sương” hoài niệm. Tưởng là siêu thực mà lãng mạn, tài hoa.

Phần ba bài thơ nói về đoàn binh Tây Tiến. Quang Dũng sử dụng bút pháp hiện thực để tạo nên bức chân dung những đồng đội thân yêu của mình. Ở phần một nói về con đường hành quân vô cùng gian khổ để khắc họa chí khí anh hùng các chiến sĩ Tây Tiến; Phần hai, đi sâu miêu tả vẻ đẹp lãng mạn của những chiến binh hào hoa, yêu đời. Phần ba này, người đọc cảm thấy nhà thơ đang nhớ, đang ngắm nhìn, đang hồi tưởng, đang nghĩ về từng gương mặt thân yêu, đã cùng mình vào sinh ra tử, nếm trải nhiều gian khổ một thời trận mạc. Như một đoạn phim cận cảnh gợi tả cái dữ dội, cái khốc liệt một thời máu lửa oai hùng. Chủ nghĩa yêu nước của dân tộc hun đúc qua 4.000 năm lịch sử được nâng lên tầm vóc mới của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời đại Hồ Chí Minh:

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc  
Quân xanh màu lá dữ oai hùm  
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”*

Những vần thơ ngôn ngữ chất hiện thực, nửa thế kỷ sau mà người đọc vẫn cảm thấy trong khói lửa, trong âm vang của tiếng súng, những gương mặt kiêu hùng của đoàn dũng sĩ Tây Tiến. “Đoàn binh không mọc tóc”, “Quân xanh màu lá”, tương phản với “dữ oai hùm”. Cả ba nét vẽ đều sắc, góc cạnh hình ảnh những “Vệ túm”, “Vệ trọc” một thời gian khổ được nói đến một cách hồn nhiên. Quân phục xanh màu lá, nước da xanh và đầu không mọc tóc vì sốt rét rừng, thế mà quắc thước hiên ngang, xung trận đánh giáp lá cà “dữ oai hùm” làm cho giặc Pháp kinh hồn bạt vía “*Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu*” là hình ảnh các tráng sĩ “Sát Thát”, đời Trần; “Tướng sĩ kén tay tì hổ – Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh” là tầm vóc các nghĩa sĩ Lam Sơn. “Quân xanh màu lá dữ oai

hùm” là chí khí lẫm liệt hiên ngang của anh bộ đội cụ hồ trong chín năm kháng chiến chống Pháp. Gian khổ và ác liệt thế, nhưng họ vẫn mộng vẫn mơ. “

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới”; Mộng giết giặc, đánh tan lũ xâm lăng “ xác thù chất đống xây thành chiến công”. Trên chiến trường, trong lửa đạn thì “ mắt trừng”, giữa đêm khuya trong doanh trại có những cơn mơ đẹp: “ đêm mơ Hà Nội đáng kiêu thơm”. Ba chữ “ đáng kiêu thơm” từng in dấu vết trong văn lãng mạn thời tiền chiến, được Quang Dũng đưa vào vần thơ mình diễn tả thật “ đất” cái phong độ hào hoa, đa tình của những chiến binh Tây Tiến, những chàng trai của đất nghìn năm văn vật, giữa khói lửa chiến trường vẫn mơ, vẫn nhớ về một mái trường xưa, một góc phố cũ, một tà áo trắng, một “đáng kiêu thơm”. Ngôi bút của Quang Dũng biến hoá, lúc thì bình dị mộc mạc, lúc thì mộng ảo nên thơ, và đó chính là vẻ đẹp hào hùng tài hoa của một hồn thơ chiến sĩ.

Bốn câu thơ tiếp theo ở cuối phần 3, một lần nữa nhà thơ nói về sự hy sinh tráng liệt của những anh hùng vô danh trong đoàn quân Tây Tiến. Câu thơ “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh” vang lên như một lời thề “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Có biết bao chiến sĩ đã ngã xuống nơi góc rừng, bên bờ dốc vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Một trời thương nhớ mệnh mang: “Rải rác biên cương mồ viễn xứ...” Các anh đã “về đất” một cách thanh thản, bình dị; yên nghỉ trong lòng Mẹ, giấc ngủ nghìn thu.

Chẳng có “da ngựa bọc thây” như các tráng sĩ ngày xưa, chỉ có “áo bào thay chiếu anh về đất”, nhưng Tổ quốc và nhân dân đời đời ghi nhớ công ơn các anh. Tiếng thác sông Mã “gầm lên” như một loạt đại bác nổ xé trời, “khúc độc hành” ấy đã tạo nên không khí thiêng liêng, bi tráng và cao cả:

*“Rải rác biên cương mồ viễn xứ  
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh  
Áo bào thay chiếu anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”*

Các từ Hán Việt xuất hiện bất ngờ trong đoạn thơ (biên cương, viễn xứ, chiến trường, áo bào, khúc độc hành) gợi lên màu sắc cổ kính, tráng liệt và uy nghiêm. Có mát mát hy sinh. Có xót xa thương tiếc. Không bi lụy yếu mềm, bởi lẽ sự hy sinh đã được khẳng định bằng một lời thề: “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”. Biết bao xót thương và tự hào ẩn chứa trong vần thơ. Quang Dũng là một trong những nhà thơ đầu tiên của nền thơ ca kháng chiến nói rất cảm động về sự hy sinh anh dũng của các chiến sĩ vô danh. Hơn 20 năm sau, những thi sĩ thời chống Mĩ mới viết được những vần thơ cảm động như thế:

*“Họ đã sống và chết Giản  
dị và bình tâm Không ai  
nhớ mặt đặt tên*

*Nhưng họ đã làm ra Đất nước”*

(“Đất nước” - Nguyễn Khoa Điềm)

Những tháng năm chiến tranh đã đi qua. Đoàn binh Tây Tiến những ai còn ai mất, những ai đã “lấy đá ven rừng chếp chiến công”? “Cổ lai chinh chiến kỉ nhân hồi?” – xưa nay, buổi chiến tranh, mấy ai đi chinh chiến còn trở về?

Đoạn thơ trên đây cho thấy cái tâm đẹp và cái tài hoa của Quang Dũng. Nếu Chính Hữu, qua bài “Đồng Chí” đã nói rất hay về người nông dân mặc áo lính, thì Quang Dũng, với bài thơ “Tây Tiến” đã dựng lên một tượng đài hùng vĩ uy nghiêm về những chàng trai Hà Nội “mang gươm đi giữ nước” dũng cảm, can trường, trong gian khổ chiến đấu hy sinh vẫn lạc quan yêu đời. Anh hùng, hào hoa là hình ảnh đoàn binh Tây Tiến.

Hai đoạn thơ trên đây thể hiện cốt cách và bút pháp lãng mạn, hồn thơ tài hoa của Quang Dũng. Nếu “thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp” thì “Tây Tiến” đã cho ta cảm nhận về ấn tượng ấy. “Tây Tiến” đã mang vẻ đẹp độc đáo của một bài thơ viết về người lính – anh bộ đội cụ Hồ những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Bài thơ hội tụ mọi vẻ đẹp và bản sắc của thơ ca kháng chiến ca ngợi chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam.

#### **ĐỀ 5: Bình giảng bức tranh tứ bình trong bài thơ Việt Bắc**

##### Bài làm 1

Nhắc đến Việt Bắc là nhắc đến cội nguồn của cách mạng, nhắc đến mảnh đất trung du nghèo khó mà nặng nghĩa nặng tình - nơi đã in sâu bao kỉ niệm của một thời kì cách mạng gian khổ nhưng hào hùng sôi nổi khiến khi chia xa, lòng ta sao khỏi xuyên xao bồi hồi. Và cứ thế sợi nhớ, sợi thương cứ thế mà đan cài xoắn xuýt như tiếng gọi "Ta - mình" của đôi lứa yêu nhau. Đúng như lời thơ Chế Lan Viên từng viết " *Khi ta ở đất chỉ là nơi ở/ Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn*". Vâng! Việt Bắc đã hóa tâm hồn dào dạt nghĩa yêu thương trong thơ Tố Hữu với những lời thơ như tiếng nhạc ngân nga, với cảnh với người ấm áp những kỉ niệm ân tình có bao giờ quên được.

*"Ta về mình có nhớ ta  
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người  
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi Đèo  
cao nắng ánh dao gài thắt lưng  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
Ve keo rừng phách đổ vàng Nhớ cô  
em gái hái măng một mình Rừng  
thu trắng rọi hòa bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung"*

Tố Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị, thơ ông diễn tả những tình cảm cách mạng thật nhẹ nhàng mà cũng thật đậm sâu. Việt Bắc là đỉnh cao của thơ Tố Hữu nói riêng, của thơ ca kháng chiến chống Pháp nói chung. Bài thơ được viết vào tháng 10/1954, khi Trung ương Đảng và Chính phủ, Bác Hồ và cán bộ kháng chiến từ giã "*Thủ đô gió ngàn*" về với "*Thủ đô Hoa vàng nắng Ba Đình*". Cả bài thơ là một niềm hoài niệm nhớ thương tuôn chảy về những năm tháng ở chiến khu Việt Bắc rất gian khổ nhưng vui tươi hào hùng. Nhưng có lẽ để lại ấn tượng sâu đậm nhất trong bài ca Việt Bắc có lẽ là đoạn thơ về bức tranh tứ bình với bốn mùa xuân - hạ - thu - đông.

Mở đầu đoạn thơ là hai câu thơ giới thiệu nội dung bao quát cảm xúc chung của đoạn thơ:

*"Ta về mình có nhớ ta  
Ta về ta nhớ những hoa cùng người"*

Câu thơ đầu tiên sử dụng câu hỏi tu từ "*mình có nhớ ta*", câu thơ thứ hai là tự trả lời, điệp từ "*ta*" lặp lại bốn lần cùng với âm "*a*" là âm mở khiến câu thơ mang âm hưởng ngân xa, tha thiết nồng nàn. Với Tố Hữu, người cán bộ ra đi không chỉ nhớ đến những ngày tháng gian khổ "*bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng*", mà còn nhớ đến vẻ đẹp đáng yêu của Hoa cùng Người. Ở đây, hoa tượng trưng cho vẻ đẹp thiên nhiên Việt Bắc. Còn con người là con người Việt Bắc với tâm áo chàm nghèo khổ nhưng đậm đà lòng son. Hoa và Người quấn quýt với nhau trong vẻ đẹp hài hòa đầm ấm để tạo nên cái nét riêng biệt, độc đáo của vùng đất này. Chính điều ấy đã tạo nên cái cấu trúc đặc sắc cho đoạn thơ. Trong bốn cặp lục bát còn lại câu sáu dành cho nhớ hoa, nhớ cảnh, câu tám dành cho nhớ người. Cảnh và Người trong mỗi câu lại có những sắc thái đặc điểm riêng thật hấp dẫn.

Nhắc đến mùa đông ta thường nhớ đến cái lạnh thấu xương da, cái ẩm đạm của những ngày mưa phùn gió bắc, cái buồn bã của khí trời u uất. Nhưng đến với Việt Bắc trong thơ Tố Hữu thì thật lạ. Mùa đông bỗng ấm áp lạ thường:

*"Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng"*

Điểm xuyết trên cái nền màu xanh bát ngát bao la của cánh rừng, là màu hoa chuối đỏ tươi đang nở rộ lung linh dưới ánh nắng mặt trời. Từ xa trông tới, bông hoa như những bó đuốc thấp sáng rực tạo nên một bức tranh với đường nét, màu sắc vừa đối lập, vừa hài hòa, vừa cổ điển vừa hiện đại. Cái màu "*đỏ tươi*" - gam màu nóng của bông chuối nổi lên giữa màu xanh bát ngát của núi rừng, làm cho thiên nhiên Việt Bắc trở nên tươi sáng, ấm áp và như tiềm ẩn một sức sống, xua đi cái hoang sơ lạnh giá hiu hắt vốn có của núi rừng. Câu thơ làm ta liên tưởng đến màu đỏ của hoa lựu trong thơ Nguyễn Trãi:

*"Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ  
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương"*

Từ liên tưởng ấy ta thấy, mùa đông trong thơ Tố Hữu cũng lan tỏa hơi ấm của mùa hè chứ không lạnh lẽo hoang sơ bởi màu đỏ của hoa chuối cũng như đang phun trào từ giữa màu xanh của núi rừng.

Cùng hiện lên với cái lung linh của hoa chuối ấy là con người của vùng chiến khu lên núi làm nương, phát rẫy sản xuất ra nhiều lúa khoai cung cấp cho kháng chiến "*Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng*". Trước thiên nhiên bao la, con người dường như càng trở nên kỳ vĩ, hùng tráng hơn. Ở đây nhà thơ không khắc họa gương mặt mà chớp lấy một nét thần tình rực sáng nhất. Đó là ánh mặt trời chớp lóe trên lưỡi dao rừng ở ngang lưng. Ở đây câu thơ vừa mang ngôn ngữ thơ nhưng lại vừa mang ngôn ngữ của nghệ thuật nhiếp ảnh. Con người như một tụ điểm của ánh sáng. Con người ấy cũng đã xuất hiện ở một vị trí, một tư thế đẹp nhất - "đèo cao". Con người đang chiếm lĩnh đỉnh cao, chiếm lĩnh núi rừng, tự do "*Núi rừng đây là của chúng ta/ Trời xanh đây là của chúng ta*". Đây là cái tư thế làm chủ đầy kiêu hãnh và vững chãi: Giữa núi và nắng, giữa trời cao bao la và rừng xanh mênh mang. Con người ấy đã trở thành linh hồn của bức tranh mùa đông Việt Bắc.

Đông qua, xuân lại tới. Nhắc đến mùa xuân ta liên tưởng ngay đến sức sống mới của cỏ cây, hoa lá, của trăm loài đang cựa mình thức dậy sau mùa đông dài. Mùa xuân Việt Bắc cũng vậy:

*“Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang”*

Bao trùm lên cảnh vật mùa xuân là màu trắng dịu dàng, trong trẻo, tinh khiết của hoa mơ nở khắp rừng: "*Ngày xuân mơ nở trắng rừng*". "*trắng rừng*" được viết theo phép đảo ngữ và từ "*trắng*" được dùng như động từ có tác dụng nhấn mạnh vào màu sắc, màu trắng dường như lấn át tất cả mọi màu xanh của lá, và làm bừng sáng cả khu rừng bởi sắc trắng mơ màng, băng khuâng, dịu mát của hoa mơ. Động từ "nở" làm sức sống mùa xuân lan tỏa và tràn trề nhựa sống. Đây không phải là lần đầu tiên Tố Hữu viết về màu trắng ấy, năm 1941 Việt Bắc cũng đón bác Hồ trong màu sắc hoa mơ:

*“ Ôi sáng xuân nay xuân bốn mốt  
Trắng rừng biên giới nở hoa mơ  
Bác về im lặng con chim hót  
Thánh thót bờ lau vui ngẩn ngơ”*

Mùa xuân càng trở nên tươi tắn hơn nữa bởi sự xuất hiện của hình ảnh con người với hoạt động "*chuốt từng sợi giang*". Con người đẹp tự nhiên trong những công việc hằng ngày. Từ "*chuốt*" và hình ảnh thơ đã nói lên được bàn tay của con người lao động: cần mẫn, tỉ mỉ, khéo léo, tài hoa, nhanh nhẹn, chăm chút đó cũng chính là phẩm chất tần tảo của con người Việt Bắc.

Mùa hè đến trong âm thanh rộn rã của tiếng ve, bức tranh Việt Bắc lại sống động hơn bao giờ hết:

*“Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình”*

Thời điểm ve kêu cũng là thời điểm rừng phách đổ vàng. Động từ "đổ" là động từ mạnh, diễn tả sự vàng lên đồng loạt của hoa phách đầu hè. Màu của cây phách đổ vàng cả suối ngàn dường như làm cho ánh nắng của mùa hè và cả tiếng ve kêu râm ran kia nữa cũng trở nên óng

vàng ra. Đây là một bức tranh sơn mài được vẽ lên bằng hoài niệm, nên lung linh ánh sáng, màu sắc và rộn rã âm thanh. Tố Hữu không chỉ có biệt tài trong việc miêu tả vẻ đẹp riêng của từng mùa, mà còn có tài trong việc miêu tả sự vận động đổi thay của thời gian và cảnh vật. Chỉ trong một câu thơ trên mà ta thấy được cả thời gian luân chuyển sống động: tiếng ve kêu báo hiệu mùa hè đến và cây Phách ngả sang màu vàng rực rỡ. Đây chính là một biểu hiện đặc sắc của tính dân tộc.

Hiện lên trong cái thiên nhiên óng vàng và rộn rã ấy, là hình ảnh cô gái áo chàm cần mẫn đi hái búp măng rừng cung cấp cho bộ đội kháng chiến: "*Nhớ cô em gái hái măng một mình*". Hái măng một mình mà không gọi lên ân tượng về sự cô đơn, hiu hắt như bóng dáng của người sơn nữ trong thơ xưa; trái lại rất trữ tình, thơ mộng, gần gũi thân thương tha thiết. Hình ảnh thơ cũng gọi lên được vẻ đẹp chịu khó chịu thương của cô gái. Đằng sau đó, ẩn chứa biết bao niềm cảm thông, trân trọng của tác giả.

Thu sang, khung cảnh núi rừng chiến khu như được tắm trong ánh trăng xanh huyền ảo lung linh dịu mát:

*"Rừng thu trăng rọi hòa bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung"*

Không gian bao la tràn ngập ánh trăng, đó là ánh trăng của tự do, của hòa bình dọi sáng niềm vui lên từng núi rừng, từng bản làng Việt Bắc. Ta cũng từng biết đến mùa thu đầy ánh trăng trong thơ của Bác khi còn ở chiến khu:

*"Trăng vào cửa sổ đòi thơ  
Việc quân đang bận xin chờ hôm sau  
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu  
Ấy tin thắng trận liên khu báo về"*

Ở đây không có tiếng chuông báo thắng trận nhưng lại vang lên tiếng hát. Đó là tiếng hát trong trẻo của đồng bào dân tộc, là tiếng hát nhắc nhở thủy chung ân tình. Đây cũng chính là tiếng hát của Việt Bắc của núi rừng của tình cảm mười lăm năm gắn bó thiết tha mặn nồng.

Vâng! Bức tranh mùa thu Việt Bắc đã làm hoàn chỉnh bức tranh tuyệt mỹ của núi rừng và khép lại đoạn thơ bằng tiếng hát "ân tình thủy chung" gọi cho người về và cả người đọc những rung động sâu xa của tình yêu quê hương đất nước.

Với những nét chấm phá đơn sơ giản dị, vừa cổ điển vừa hiện đại, đoạn thơ trên của Tố Hữu đã làm nổi bật được bức tranh cảnh và người qua bốn mùa của chiến khu Việt Bắc. Cảnh và người hòa hợp với nhau tô điểm cho nhau, làm cho bức tranh trở nên gần gũi thân quen, sống động và có hồn hơn. Tất cả đã tan chảy thành nỗi nhớ nhưng quyến luyến thiết tha trong tâm hồn người cán bộ về xuôi.

### Bài làm 2

"Ôi! Nỗi nhớ, có bao giờ thế!". Nỗi nhớ đi qua thời gian, vượt qua không gian. Nỗi nhớ thấm sâu lòng người... Và nỗi nhớ ấy cứ ray rứt, da diết trong tâm hồn người chiến sĩ cách mạng miền xuôi khi xa rời Việt Bắc thân yêu- nơi đã từng nuôi nấng mình trong những ngày kháng chiến gian lao....

*Ta về, mình có nhớ ta  
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người*

*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
Ve kêu rừng phách đổ vàng Nhớ cô  
em gái hái măng một mình Rừng  
thu trắng rọi hoà bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

Trong cùng một đoạn thơ ngắn nhưng từ “ nhớ” đã được lặp lại năm lần.Nỗi nhớ xuyên suốt từ câu đầu đến câu cuối đoạn.Hai dòng đầu là lời khơi gợi, “nhắc khéo”:mình có nhớ ta không?Riêng ta,ta vẫn nhớ!Cách xưng hô gợi vẻ thân mật,tình cảm đậm đà tha thiết.Ta với mình tuy hai mà một,tuy một mà hai. Người ra đi nhớ những gì?Việt Bắc có gì để mà nhớ,để mà thương?Câu thơ đã trình bày rất rõ?

*“Ta về,ta nhớ những hoa cùng người”*

Núi rừng,phong cảnh Việt Bắc được ví như “ hoa”.Nó tươi thắm,rực rỡ và “thơm mát”.Trong bức tranh thiên nhiên ấy,hình ảnh con người hiện lên,giản dị,chân chất,mộc mạc mà cao đẹp vô cùng!Con người và thiên nhiên lồng vào nhau,gắn kết với nhau tạo nên cái phong thái riêng của Việt Bắc.

Bốn mùa đất nước đi qua trong những câu thơ ngắn gọn bằng các hình ảnh,chi tiết chắc lọc,đặc trưng.Mỗi mùa mang một hương vị độc đáo riêng.

Mùa đông,rừng biếc xanh, điểm lên những bông hoa chuối “đỏ tươi” và ánh nắng vàng rực rỡ.Xuân đến, cả khu rừng bừng sáng bởi màu trắng của hoa mơ.Hè sang, có ve kêu và có “ rừng phách đổ vàng”.Và khi thu về,thiên nhiên được thấp sáng bởi màu vàng dìu dìu của ánh trăng.Đoạn thơ tràn ngập những màu sắc chói lọi,rực rỡ: xanh, đỏ, vàng, trắng...Những màu sắc ấy đập mạnh vào giác quan của người đọc.Tiếp xúc với những câu thơ của Tố Hữu,ta như được chiêm ngưỡng một bức tranh sinh động.Trong đó,những gam màu được sử dụng một cách hài hoà tự nhiên càng tôn thêm vẻ đẹp của núi rừng Việt Bắc.

Thời gian vận hành nhịp nhàng trong những dòng thơ.Nó bước những bước rần rori,vững chắc khiến ta chẳng thể thấy phút giao mùa.Thiên nhiên Việt Bắc còn được mô tả theo chiều dọc thời gian.Buổi sáng hoa “mơ nở trắng rừng”,trưa nắng vàng rực rỡ và khi đêm về,trăng dọi bàng bạc khắp nơi...Núi rừng Việt Bắc như một sinh thể đang biến đổi trong từng khoảnh khắc....

Và cái phong cảnh tuyệt vời,đáng yêu ấy càng trở nên hài hoà,năng ẩm,sinh động hẳn lên khi xuất hiện hình ảnh của con người.con người đang lồng vào thiên nhiên,như một đóa hoa đẹp nhất,có hương thơm ngào ngạt nhất.Mỗi câu thơ tả cảnh đi cặp với một câu thơ tả người.Cảnh và người đan xen vào nhau một cách hài hoà.Đây là những con người lao động,gắn bó,hăng say với công việc.Kẻ “dao gài thắt lưng”,người “ đan nón”, “cô em gái hái măng một mình” và tiếng hát ân tình của ai đó vang lên giữa đêm rừng núi xôn xao...Hình ảnh con người là nét đẹp của thiên nhiên thêm rực rỡ.Chính họ đã thấp sáng thiên nhiên,làm cho thiên nhiên thêm rực rỡ.Chính họ đã gợi nên nỗi nhớ da diết cho người ra đi.Đọc đoạn thơ,ta có cảm nhận những vẻ đẹp bình dị mà trong sáng của tâm hồn người Việt Bắc.ở đó họ đối xử với nhau bằng tình nghĩa mặn mà,chân thật,bằng sự thủy chung “trước sau như một”.Họ đã nuôi chiến sĩ,nuôi cách mạng,nuôi cuộc



kháng chiến của dân tộc...Những con người Việt Bắc tuy bình dị nhưng thật anh hùng.

Khơi gợi hình ảnh thiên nhiên và con người nơi đây,Tố Hữu đã thể hiện một tình cảm tha thiết,ân tình sâu nặng và nỗi nhớ thương sâu sắc.Ta với mình,mình với ta đã từng:

*“Thương nhau chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa,chăn sui đắp cùng.”*

Đã từng san sẻ những ngọt bùi,gian nan vất vả như thế!Ta,mình làm sao có thể quên nhau được.Tình cảm mến thương ấy đã ăn sâu vào tâm hồn kẻ ở,người đi.Vì thế,khi ra đi,nhớ là nỗi niềm khắc đậm sâu trong tâm khảm,tình cảm của tác giả.

Giọng thơ lục bát nhẹ nhàng mà sâu lắng.Cả khổ thơ ôm chứa niềm lạc quan,vui sống và tin tưởng vào cuộc sống.Nó mang âm điệu trữ tình,thể hiện tình yêu thiên nhiên, con người tha thiết và tấm lòng yêu nước thiết tha của Tố Hữu.Cuối đoạn thơ vang lên tiếng hát ngọt ngào khơi gợi bao kỉ niệm.Kỉ niệm ấy theo mãi dấu chân người đi và quán quýt bên lòng kẻ ở lại....

Những câu thơ của Tố Hữu có tính khái quát cao so với toàn bài.Lời thơ giản dị mà trong sáng thể hiện niềm rung động thật sự trước vẻ đẹp của núi rừng và con người Việt Bắc.Nỗi nhớ trong thơ của Tố Hữu đã đi vào tâm hồn người đọc,như khúc dân ca ngọt ngào để lại trong lòng ta những tình cảm sâu lắng,dịu dàng.....

### Bài làm 3

Trong những năm kháng chiến chống Pháp khi mà cánh đồng văn chương Việt Nam đang được làn gió “Thơ mới” thổi qua thì Tố Hữu lại tìm về với những vần thơ truyền thống. Khi đọc “Việt Bắc” ấn tượng ban đầu mà người đọc dễ dàng nhận thấy là tình dân tộc, tình dân gian rất đậm đà của bài thơ. Trong khi “Thơ mới” đang chiếm ưu thế một cách tuyệt đối thì ta lại thấy xuất hiện trên thi đàn tập thơ “Từ ấy” nổi bật là bài “Việt Bắc” là đỉnh cao của sự tìm về cội nguồn văn thơ dân tộc. “Việt Bắc” là một trường ca tuyệt đẹp về cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc chống thực dân Pháp. Bài thơ ra đời và đi vào lòng người bằng giọng điệu ân tình thủy chung như ca dao, khắc họa sâu sắc nỗi niềm của người con rời “thủ đô kháng chiến” mà trong thâm tâm đầy ắp kỷ niệm nhớ thương. Trong tâm trạng kẻ ở - người đi, hình bóng của núi rừng – con người Việt Bắc vẹn nguyên cùng ký ức với bao hình ảnh đơn sơ mà cảm động. Để hôm nay những câu thơ còn rung động lòng người với những sắc màu, âm thanh tươi rói hơi thở của núi rừng chiến khu, hơi ấm của người tình lan tỏa:

*“Ta về, mình có nhớ ta  
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.  
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi Đèo  
cao ửng ánh dao gài thắt lưng  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.  
Ve kêu rùng phách đỏ vàng, Nhớ cô  
em gái hái măng một mình. Rừng  
thu trắng rọi hoà bình,  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.”*

Đọc “Việt Bắc” ta thấy rằng việc tác giả chọn cho bài thơ thể lục bát, lối đối đáp với một cặp đại từ nhân xưng “mình – ta” là rất phù hợp và hiệu quả. Hẳn không ít người đọc thắc mắc trong ca dao, tục ngữ có rất nhiều cặp đại từ nhân xưng được dùng phổ biến như: “chàng-nàng”, “anh-em”, “ta-nàng”, “mình-ta”, vậy tại sao Tố Hữu lại chọn cho bài thơ cặp “mình-ta”. Ở đây dường như nhà thơ có ẩn ý. Mình là ta và ta cũng có thể là mình. Cặp đại từ nhân xưng này có khả năng bao quát hết những cặp còn lại. “Mình-ta” có thể hiểu là anh em, mẹ con, hai người đang yêu nhau hay xa hơn là mối quan hệ trừu tượng giữa con người với núi rừng Việt Bắc. Chỉ là một cặp đại từ nhân xưng thôi mà có thể nói đến nhiều khía cạnh tình cảm khác nhau. Tố Hữu quả là người biết vận dụng văn thơ truyền thống một cách tinh tế và điêu luyện đến khâm phục.

Cảm hứng chính trị xuyên suốt một đời thơ Tố Hữu. Với tâm tình lẽ sống của nhà thơ “Việt Bắc” là kết tinh của tình cảm riêng – chung. Hoà điệu tự nhiên của hai luồng tình cảm: dân tộc và cách mạng. Tiếng nói từ nhân vật trữ tình nhập vai cũng chính là những lời suy ngẫm, tình cảm của nhà thơ thật khó tách bạch chủ thể và nhân vật. Ở đó cái tôi gắn với phẩm chất và tình cảm dân tộc, tiếng nói riêng tư “mình-ta” đã nói hộ tấm lòng của nhân dân và những người con cách mạng. Chất tự sự trữ tình chính trị như những lời thầm thì tâm sự cùng mọi người thuyết phục lòng người. Nổi nhớ là cảm xúc chủ đạo của bài thơ, gắn với “mình – ta, ta – mình”, là cung bậc thiết tha của tình cảm, là miền ký ức không phai mờ của người ra đi. Nổi nhớ ở đây mượn nguyên màu sắc ca dao, là sự nối tiếp, là khía cạnh tình vi trong mối quan hệ khăng khít: hoa - người. Quê hương hiện hình trong vẻ đẹp cụ thể: vẻ đẹp tinh túy của thiên nhiên (hoa) hoà hợp với vẻ đẹp và sức sống của con người. Mỗi một hình ảnh “hoa cùng người” như đem lại ấn tượng riêng biệt về nét đẹp của núi rừng Việt Bắc. Sự nối tiếp, đan xen sắc màu làm nên mạch cảm xúc của đoạn thơ, nổi nhớ qua từng câu thơ càng trở nên đậm đà, mãnh liệt và da diết hơn. Nhà thơ dường như hướng toàn bộ tâm tư, ngòi bút của mình về con người nơi đây với những phẩm chất bình thường mà vĩ đại.

Tố Hữu đã khéo léo vận dụng thành công đặc trưng tái hiện không gian vô cực của thi ca gọi trọn bốn mùa Xuân-Hạ-Thu-Đông trong những sắc màu đẹp nhất, hài hoà nhất. Mỗi bức tranh gồm hai mảng: một mảng xa, một mảng gần. Mỗi bức đều có sự gắn bó giữa thiên nhiên với con người, sự gắn bó trong nổi nhớ những hoa cùng người của nhà thơ:

*“Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”*

Nét son của bức tranh núi rừng ở đây là màu đỏ tươi của hoa chuối khiến cho núi rừng đã xanh lại càng thêm xanh. Chấm phá của tranh thủy mặc điểm một sắc đỏ trong không gian xanh bao la, không gian mang sức sống mãnh liệt.

Mùa đông trong câu thơ của Tố Hữu cũng lan toả hơi ấm mùa hè, không hề có cảm giác lạnh lẽo, bởi sắc đỏ của hoa chuối như phun trào từ giữa màu xanh của rừng. Bên cạnh nét đẹp của hoa là nét đẹp khoẻ khoắn của người. “Nắng ánh dao gài thắt lưng” là hình ảnh của người dân miền sơn cước. Cách đoán dụ không phải tình cờ ngẫu nhiên mà chọn con dao đi rừng-vật bất ly thân của người miền núi-nét đặc trưng của cuộc sống Việt Bắc. Con người nổi bật trong không gian đèo cao, càng nổi bật trong ánh nắng, thành một điểm sáng giữa khung cảnh mùa đông mang trong mình nét hiên ngang hùng vĩ của núi rừng.

*“Ngày xuân mơ nở trắng rừng”*

*Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang”*

Không gian mùa xuân bừng sáng trong sắc hoa mơ. Sức sống mùa xuân lan toả khắp núi rừng Việt Bắc. Giữa nền trắng hoa mơ nổi bật “người đan nón”. Nổi nhớ ở đây cụ thể đến từng chi tiết “chuốt từng sợi giang”. Dường như đối với Tố Hữu bao nhiêu sợi giang là bấy nhiêu sợi nhớ. Nổi nhớ cứ liên tiếp, đan xen vào nhau và kéo dài suốt bốn mùa trong năm. Trong tả cảnh không có một âm vang nào của núi rừng nhưng vẻ đẹp của mùa xuân vẫn sinh động nhờ hoạt động của con người. Sợi nhớ, sợi thương đan dày trong tâm tưởng, con người đẹp tự nhiên trong những công việc tỉ mỉ hàng ngày.

*“Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình”*

Không gian nổi nhớ hình như rõ nét nhất, đậm đà nhất trong bức tranh này- nổi nhớ mùa hạ. Và cũng đọng lại hình ảnh ngọt ngào thân thương nhất của “cô em gái hái măng”. Câu thơ tả cảnh giàu sức biểu cảm, tiếng ve ran gọi màu vàng tràn ngập không gian, không gian lung linh hơn khi sắc vàng đổ xuống. Ấn tượng màu vàng đẹp như bức vẽ tả thực vừa làm xao xuyến lòng người trong tiếng ve dọng dả gọi hè, như gọi cả màu vàng đất trời về phủ kín cánh rừng.

*“Rừng thu trăng rọi hoà bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”*

Không gian chuyển về đêm như hoàn chỉnh bức tranh tuyệt mỹ của núi rừng Việt Bắc. Đêm thu và ánh trăng nhẹ nhàng như lan toả vào màu xanh của núi rừng. Vẻ đẹp của khu rừng dưới ánh trăng gợi lên sự huyền ảo, khung cảnh gợi hồn thơ. Nổi nhớ cũng mênh mang như ánh trăng trở thành “tiếng hát ân tình thủy chung”. Nhớ không cụ thể một đối tượng nào. Chúng ta liên tưởng đến câu ca dao:

*“Nhớ ai ra vào ngân ngơ  
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai”*

Tình người băng khuâng trong câu thơ gợi cảm xúc đồng điệu giữa kẻ ở người đi. Động lại trong nổi nhớ là “ân tình thủy chung” dào dạt. Đoạn thơ diễn tả nổi nhớ gắn với hình ảnh của núi rừng và bốn mùa hoà chung sắc màu đa dạng làm nên vẻ hấp dẫn cho bức tranh phong cảnh trữ tình. Thời gian diễn tả tuần tự, nhưng không làm phai nổi nhớ, mà thời gian trôi đi càng làm nổi nhớ thêm tha thiết, sâu lắng. mỗi mùa đến đều có một không gian đặc trưng và khi đi qua đều để lại một khoảnh khắc đẹp và đáng cất giữ trong tâm hồn – đó là khi nhà thơ bắt nhịp cùng không gian - cảnh vật. Đó là tình yêu đích thực, rung động chân thành của trái tim nhà thơ. Cũng là tấm lòng của những người con kháng chiến sâu nặng với “thủ đô kháng chiến”.

Bài làm 4

"Việt Bắc" là một trong những tập thơ hay nhất của đời thơ Tố Hữu. Linh hồn của tập thơ này chính là bài thơ cùng tên "Việt Bắc". Bao trùm lên cả bài thơ là nổi nhớ của anh bộ đội Cụ Hồ với người dân áo trắng, của người miền xuôi với người miền ngược. Đoạn thơ bình giảng là lời

tâm tình của chàng trai với cô gái, khẳng định những tình cảm, những kỷ niệm, những ấn tượng không bao giờ phai cho dù phải chia xa xứ sở Việt Bắc:

*"Ta về mình có nhớ ta  
Ta về ta nhớ những hoa cùng người  
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi Đèo  
cao nắng ánh dao gài thắt lưng  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
Ve kêu rừng phách đổ vàng Nhớ cô  
em gái hái măng một mình Rừng  
thu trắng rọi hòa bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung."*

Trích đoạn bình giảng bao gồm mười câu thơ được chia thành năm cặp lục bát. Cặp đầu tiên là lời nói có tính chất đưa đẩy nhưng không phải không giấu kín những tình ý sâu xa. Ở đây người con trai ước hỏi cô gái:

*"Ta về mình có nhớ ta"*

Nhưng khi cô gái còn chưa kịp trả lời thì chàng trai cũng đã khẳng định tình cảm của mình:

*"Ta về ta nhớ những hoa cùng người"*

Ấn ý của người về ở đây là: chẳng biết ta về mình có nhớ ta hay không nhưng ngay cả khi mình không nhớ ta thì ta vẫn cứ nhớ mình. Nội dung chính của trích đoạn bình giảng tập trung vào tám câu thơ còn lại. Tám câu thơ là bốn cặp lục bát, mỗi cặp là một bức tranh thiên nhiên tương ứng với một mùa nào đó ở núi rừng Việt Bắc. Bốn bức tranh hợp lại thành một bộ tứ bình hoàn chỉnh.

Có lẽ trong bộ tranh tứ bình này, Việt Bắc hiện ra đầu tiên trong bức tranh mùa đông. Gam màu chủ đạo của bức tranh này đó là gam màu xanh:

*"Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi"*

Đọc câu thơ này ta nhận thấy nghệ thuật quen thuộc trong thơ ca cổ điển được Tố Hữu sử dụng khá nhuần nhuyễn: nghệ thuật chấm phá. Tố Hữu nghiêng về gợi nhiều hơn tả, không hề miêu tả rừng xanh như thế nào mà chỉ gợi lên qua hai tiếng "rừng xanh". Chúng ta có thể hình dung ra những cánh rừng già với một màu xanh vừa thâm u, vừa yên tĩnh. Trên nền xanh thâm u, trầm mặc ấy, Tố Hữu đã điểm thêm vào đó những bông hoa chuối rừng. Màu đỏ của nó làm sáng rực cả khung cảnh. Những bông hoa chuối rừng chẳng khác nào những bó đuốc đang bập bùng cháy. Màu đỏ của hoa chuối trong bài thơ này còn tượng trưng cho màu đỏ của lý tưởng của Cách mạng.

Hiện lên trên bức tranh này, người Việt Bắc đang trên đỉnh đèo cao, ánh nắng chiếu vào lưỡi dao lóe sáng làm cho cảnh càng sống động hơn:

### *"Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng"*

Hình ảnh người Việt Bắc trên đỉnh đèo cao đã làm toát lên phẩm chất của họ. Đó là những con người tự tin, hào hùng, đang làm chủ thiên nhiên, làm chủ núi rừng. Cũng có thể, hình ảnh con người trên đỉnh đèo cao trong câu thơ này chính là những anh bộ đội Cụ Hồ đã hơn một lần bước vào trong thơ Tố Hữu.

Trong bộ tranh tứ bình, gam màu Tố Hữu sử dụng rất linh hoạt: từ màu xanh thâm u, trầm mặc của rừng già trong những ngày mùa đông nay đã chuyển sang màu trắng thanh khiết của hoa mơ khi mùa xuân đến:

### *"Ngày xuân mơ nở trắng rừng"*

Giờ đây, trước mắt chúng ta là những cánh rừng Việt Bắc hiện lên với màu trắng thanh khiết của hoa mơ. Nó vừa gợi lên sự trang trọng, thiêng liêng nhưng không kém phần bình dị, gần gũi. Ở bức tranh Việt Bắc những ngày mùa xuân, ta không chỉ thấy màu trắng của rừng mơ mà màu trắng còn hiện ra qua những chiếc nón, màu trắng của những sợi giang. Người Việt Bắc lại hiện lên trong bức tranh này qua nỗi nhớ của người về. Đó là những con người lao động:

### *"Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang"*

Hai chữ "chuốt từng" đã làm toát lên phẩm chất của con người Việt Bắc: cần mẫn, tài hoa, chịu thương chịu khó.

Có lẽ bức tranh đẹp nhất trong bộ tranh tứ bình này chính là Việt Bắc với mùa hè bởi ở đây không chỉ có sắc màu của núi rừng Việt Bắc mà còn có âm thanh của mùa hạ. Đó là tiếng ve kêu:

### *"Ve kêu rừng phách đổ vàng"*

Câu thơ chỉ có sáu âm tiết mà chứa đựng cả một chuỗi vận động liên hoàn: ve kêu gọi mùa hè đến, mùa hè nhuộm vàng rừng phách. Nhưng dường như chính tiếng ve đã nhuộm cho rừng phách ngả vàng. Nghĩa là âm thanh đã chuyển hóa thành màu sắc. Những ngày cuối xuân cả rừng phách vẫn còn non tơ đến mơ màng thế mà chỉ cần vài tiếng ve trong những ngày đầu tiên của mùa hè thì cả rừng phách nhất loạt chuyển sang màu vàng. Vì tốc độ mau lẹ như vậy, Tố Hữu sử dụng từ "đổ" là hoàn toàn chính xác. Chỉ có chữ "đổ" mới thể hiện được trong chốc lát cả rừng phách kia bỗng lênh láng sắc vàng. Chữ "đổ" đã đạt đến độ chính xác của văn chương bởi nó là những ngôn từ mô tả đúng tình, đúng cảnh, đúng người. Hiện lên trong bức tranh ấy, người Việt Bắc lại xuất hiện trong công việc:

### *"Nhớ cô em gái hái măng một mình"*

Hình ảnh cô em gái trong câu thơ này hiện lên trong nỗi nhớ của người về, được bao bọc trong cái nhìn đầy thương cảm của nhân vật trữ tình. Hai chữ "một mình" đã khắc họa hình ảnh những con người lao động Việt Bắc thầm lặng, giàu đức hi sinh, kiên trì, nhẫn nại. Kết thúc bộ tứ bình, vàng trắng hòa bình đã xuất hiện:

*"Rừng thu trăng rọi hòa bình"*

Nếu ba bức tranh trên Tố Hữu đều vẽ nên cảnh Việt Bắc vào ban ngày thì đến đây Việt Bắc lại hiện về trong đêm tối. Thiên nhiên Việt Bắc đã hiện lên thêm phần phong phú và đa dạng. Ta không chỉ thấy cảnh sắc hiện ra trước ánh ngày với màu vàng của nắng, màu vàng của rừng phách, màu vàng của những đọn măng, màu trắng của hoa mơ, của những chiếc nón, và màu đỏ tươi của hoa chuối rừng, ... Cảnh sắc thiên nhiên Việt Bắc còn hiện về dưới ánh trăng lung linh, huyền ảo. Bức tranh này đã hiện ra cùng với tiếng hát:

*"Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung"*

Nghe tiếng hát của những con người Việt Bắc ta lại toát lên phẩm chất mới của họ. Đó là những con người suốt cả cuộc đời thủy chung son sắt với Đảng, với Cách Mạng. Đọc lại đoạn trích bình giảng, ta nhận thấy cặp từ xưng hô nhất quán mà Tố Hữu sử dụng là "ta" và "mình". Ấy vậy mà ở câu thơ cuối cùng ta lại bắt gặp đại từ phiếm chỉ "ai" và "nhớ ai". Suy đến cùng, "ai" chính là mình trong lòng ta mà thôi.

Hiện lên trong nỗi nhớ của người về là thiên nhiên với bốn mùa và con người Việt Bắc cùng bốn dáng điệu khác nhau. Tình cảm Cách Mạng đã hòa chung vào tình yêu lứa đôi. Đây là một nét đẹp, một thành công của Tố Hữu trong đoạn thơ này.

**Đề 6: Anh chị hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu:**

*"Mình về mình có nhớ ta*

.....

*Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa"*

**Bài làm**

Bốn câu đầu là lời Việt Bắc tỏ bày với người cán bộ chiến sĩ khi chia tay:

*"Mình về mình có nhớ ta  
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng  
Mình về mình có nhớ không  
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?"*

Điệp từ "nhớ" luyện láy trong cấu trúc câu hỏi tu từ đồng dạng, tràn đầy thương nhớ. Các xưng hô "mình - ta" mộc mạc, thân gần gợi liên tưởng ca dao: "Mình về ta chẳng cho về - Ta nắm dải áo, ta đề bài thơ". "15 năm" là chi tiết thực chỉ độ dài thời gian từ năm 1940 thời kháng Nhật và tiếp theo là phong trào Việt Minh, đồng thời cũng là chi tiết gợi cảm - nói lên chiều dài gắn bó thương nhớ vô hạn. Câu thơ mang dáng dấp một câu Kiều - Mười lăm năm bằng thời gian Kim - Kiều xa cách thương nhớ mong đợi hướng về nhau (Những là rày ước mai ao - Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình). Cảm xúc đậm đà chất dân gian, đậm đà chất Kiều. Âm điệu ngọt ngào, giọng thơ nồng ấm, tình cảm do vậy dạt dào thiết tha. Việt Bắc hỏi về: "Mình về mình có nhớ không - Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ

nguồn?”. Câu hỏi chất chứa tình cảm lưu luyến, bao hàm lời dặn dò kín đáo: đừng quên cội nguồn Việt Bắc - cội nguồn cách mạng.

Bốn câu tiếp theo là nỗi lòng của người về:

*“Tiếng ai tha thiết bên cồn  
Âng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi  
Áo chàm đưa buổi phân li  
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”*

“Âng khuâng, bồn chồn” là hai từ láy gợi cảm, diễn tả trạng thái tâm lí tình cảm buồn vui, luyến tiếc, nhớ thương, chờ mong... lẫn lộn cùng một lúc. Mười lăm năm Việt Bắc cuu mang người cán bộ chiến sĩ, mười lăm năm gian khổ có nhau, mười lăm năm đầy những kỉ niệm chiến đấu, giờ phải chia tay rời xa để làm nhiệm vụ mới về tiếp quản tại thủ đô Hà Nội (10-1954), biết mang theo điều gì, biết lưu lại hình ảnh nào, tâm trạng của người về do vậy không tránh khỏi là nỗi niềm âng khuâng khó tả.

“Áo chàm đưa buổi phân li” là một ẩn dụ, màu áo chàm, màu áo xanh đen đặc trưng của người miền núi Việt Bắc - tác giả hướng nỗi nhớ Việt Bắc qua hình ảnh cụ thể “áo chàm”, chiếc áo, màu áo bình dị, đơn sơ, mộc mạc của vùng quê nghèo thương du đời núi nhưng sâu nặng nghĩa tình, đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp kháng chiến cứu nước.

Câu thơ “Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...” đầy tính chất biểu cảm - biết nói gì không phải không có điều để giải bày mà chính vì có quá nhiều điều muốn nói không biết phải nói điều gì. Ba dấu chấm lửng đặt cuối câu là một dấu lặng trên khuôn nhạc để tình cảm ngân dài, sâu lắng...

12 câu tiếp theo kết thúc đoạn trích, là lời tâm tình của Việt Bắc:

*“Minh đi, có nhớ những ngày  
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù  
Minh về, có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?  
Minh về, rừng núi nhớ ai Trám bùi  
để rụng măng mai để già Minh đi,  
có nhớ những nhà  
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son  
Minh về, có nhớ núi non  
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh  
Minh đi, mình có nhớ mình  
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa”*

Điệp từ “nhớ” lập đi lập lại nhiều sắc thái ý nghĩa: nhớ là nỗi nhớ, ghi nhớ, nhắc nhở. Hàng loạt những câu hỏi tu từ bày tỏ tình cảm tha thiết đậm đà của Việt Bắc. Tình cảm lưu luyến của người đưa tiễn, gửi đi nỗi nhớ mong, gài lại niềm thương theo cách:

*“Thuyền về có nhớ bến chăng  
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”*

Việt Bắc nhắc người cán bộ chiến sĩ đừng quên những năm tháng gian lao vất vả, hoạt động chiến đấu trong điều kiện trang bị tiếp tế còn thô sơ, thiếu thốn.

*“Minh về có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?”*

“Miếng cơm chấm muối” là chi tiết thực, phản ánh cuộc sống kháng chiến gian khổ. Và cách nói “mối thù nặng vai” nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ chống thực dân cướp nước, đè nặng vai dân tộc ta. Cảm xúc thương nhớ xa vắng thả vào không gian rừng núi, gợi nỗi niềm dào dạt:

*“Minh về, rừng núi nhớ ai  
Trám bùi để rụng, măng mai để già”*

Hình ảnh “Trám bùi để rụng, măng mai để già” gợi nỗi buồn thiếu vắng - “Trám rụng - măng già” không ai thu hái. Nỗi ngùi nhớ bức bối như thúc vào lòng kẻ ở lại. Tiễn người về sau chiến thắng và chính trên cái nền của sự chiến thắng đó, đã làm cho nỗi buồn nhớ trở nên trong sáng. Việt Bắc vẫn “một dạ kháng kháng đợi thuyền”, đồng thời nhắc nhở khéo léo tâm “lòng son” của người cán bộ chiến sĩ. Xin đừng quên thời kỳ “kháng Nhật thuở còn Việt Minh”, đừng quên cội nguồn cách mạng, đừng quên để chăm lo giữ gìn sự nghiệp cách mạng.

*“Minh đi, mình có nhớ mình  
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa”*

Tóm lại, đoạn thơ trên là nỗi lòng thương nhớ, là lời tâm tình của Việt Bắc. Đoạn thơ trên tiêu biểu sắc thái phong cách Tố Hữu, giọng điệu thơ ngọt ngào truyền cảm, mang đậm phong vị ca dao dân gian, đề cập đến con người và cuộc sống kháng chiến. Thông qua hình tượng Việt Bắc, tác giả ca ngợi phẩm chất cách mạng cao đẹp của quân dân ta, khẳng định nghĩa tình thủy chung son sắt của người cán bộ, chiến sĩ đối với Việt Bắc.

**ĐỀ 7: Phân tích bài “Đất nước” (trích trường ca Mặt đường khát vọng) của Nguyễn Khoa Điềm.**

### Bài làm

Trong số các nhà thơ thế hệ chống Mỹ, Nguyễn Khoa Điềm là người rất thành công với giọng thơ trữ tình chính luận thể hiện rõ những tâm tư của thế hệ trẻ đô thị miền Nam. Trường ca “*Mặt đường khát vọng*” (1971) là tiếng vọng tâm tình của một hồn thơ hòa cùng mạch cảm xúc của dân tộc đứng trước dòng thác lũ thời đại, trong đó chương V “Đất nước” đã gói ghém trọn vẹn tâm tình của thế hệ chống Mỹ:

*“Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi  
Đất Nước có trong những cái ngày xưa ngày xưa mẹ thường hay kể*



*Đất Nước bắt đầu từ miếng trầu bây giờ bà ăn  
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc...”*

Giọng thơ thủ thi đã chuyển tải suy ngẫm của nhà thơ về Nhân Dân - Đất Nước, tiếp nối mạch suy tưởng của thi ca giai đoạn trước.

Đất Nước là một chủ đề xuyên suốt bao trùm lên các tác phẩm trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Các nhà thơ nhà văn bằng tình cảm công dân đã có nhiều phát hiện mới mẻ độc đáo về Tổ quốc, nhân dân. Tổ quốc thường được soi chiếu từ bình diện lịch sử chống ngoại xâm, được khái quát bằng những hình tượng kỳ vĩ, khai thác triệt để chất sử thi hoành tráng. Trong dòng chủ lưu ấy, Nguyễn Khoa Điềm đã chọn lựa cách thể hiện riêng của mình, bằng trải nghiệm tuổi trẻ, bằng nhiệt tình cách mạng và cả bằng vốn tri thức được đào tạo bài bản từ mái trường xã hội chủ nghĩa, tạo nên chiều sâu của hình tượng Đất Nước, hoà mạch thơ chính luận - trữ tình.

Trả lời cho câu hỏi: “Đất Nước là gì? Đất Nước từ đâu ra?”, nhà thơ đã bắt đầu bằng những kí ức tuổi thơ để hình dung ra một sự tồn tại của Đất Nước trong nhận thức và tình cảm tự nhiên nhất của con người. Những vẻ đẹp được khơi lên từ mạch tâm tình, thấm đẫm hơi thở ca dao dân ca, huyền tích sử thi của dân tộc. Cái hay của phần mở đầu chương Đất Nước chính là sự xuất hiện của hàng loạt những hình ảnh có ý nghĩa biểu trưng nhưng rất gần gũi:

*Tóc mẹ thì búi sau đầu  
Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn  
Cái kèo cái cột thành tên  
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay giã dần sàng  
Đất Nước có từ ngày đó...*

Sức gợi từ những hình ảnh đã dựng lên cả một không gian văn hoá truyền thống, mang theo hơi thở tâm tình của ca dao “gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau” thấm thía tinh nghĩa thủy chung. Mạch nguồn ấy tiếp tục với quá trình trưởng thành của từng cá nhân, từ thuở cắp sách đến trường đến khoảnh khắc rung động đầu đời. Tất cả đều xuất phát một cách rất tự nhiên, nôn nao ngọt ngào kỷ niệm:

*Đất là nơi anh đến trường  
Nước là nơi em tắm  
Đất Nước là nơi ta hò hẹn  
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm...*

Đan xen với khoảnh khắc thời gian không gian hiện tại là sự thức tỉnh của ký ức cộng đồng, với sự tổng hoà những vẻ đẹp trong đời sống tinh thần, tâm linh của người Việt. Vẻ đẹp quê hương đất nước được tái hiện trong những lời ca dao toát lên lòng tự hào về non sông gấm vóc, về Cha Rồng Mẹ Tiên, gắn với lòng biết ơn tổ tiên đã ăn sâu vào tiềm thức từng người Việt :

*Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”  
Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi” Thời  
gian đằng đằng  
Không gian mênh mông*

*Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ  
Đất là nơi Chim về  
Nước là nơi Rồng ở  
Lạc Long Quân và Âu Cơ  
Đẻ ra đồng bào mình trong bọc trứng...*

Quá khứ, hiện tại, tương lai đã gắn kết trong một ý thức cộng đồng bền chặt, là nguồn sức mạnh và cũng là phẩm chất tâm hồn dân tộc đã được nhà thơ lý giải qua những hình tượng thơ giàu tính thẩm mỹ và hàm chứa mối quan hệ Đất Nước – con người Nhân Dân không thể tách rời. Thời gian lịch sử, không gian văn hoá hoà quyện trong mạch thơ đầy ân tình đã phác hoạ rõ nét dần tượng đài Đất Nước. Không chỉ tiếp cận hình tượng trong huyền sử, trong hiện thực đời sống, trong mối quan hệ cá nhân - cộng đồng, Nguyễn Khoa Điềm còn dẫn dắt độc giả trở về với hiện thực trực tiếp của cuộc kháng chiến chống Mỹ, nói lên tiếng nói đầy trách nhiệm của cả một thế hệ chống Mỹ thật sự trưởng thành trong nhận thức và tình cảm :

*Trong anh và em hôm nay  
Đều có một phần Đất Nước*

Ý thơ thật giản dị, không hề gượng ép tình cảm, khi từ mối quan hệ riêng tư để hướng về với quan hệ cộng đồng, dân tộc. Tứ thơ độc đáo chính là từ sự mở rộng từ thế giới của “anh và em hôm nay” đến với “mọi người”. Về đẹp Đất Nước được phát hiện thêm với những vẻ đẹp “hài hoà nồng thắm” và “vẹn tròn to lớn”. Đó cũng là sự kết hợp hài hoà của lý trí và tình cảm con người thời đại chống Mỹ. Hơn thế nữa, những câu thơ này còn cất nghĩa cho vẻ đẹp tình yêu của thế hệ trẻ chống Mỹ không hề mất đi vẻ lãng mạn, khi khoảnh khắc cầm tay hiện tại đã nghĩ về thế hệ tương lai, về một ngày thanh bình và sự phát triển của Đất Nước với “tháng ngày mơ mộng”. Không dừng lại ở đó, nhà thơ tiếp tục đi sâu vào mối quan hệ Đất Nước với tâm hồn của từng con người. giọng thơ tâm tình thấm thía:

*Em ơi em  
Đất Nước là máu xương của mình  
Phải biết gắn bó và san sẻ  
Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở  
Làm nên Đất Nước muôn đời.*

Nguyễn Khoa Điềm viết nên những câu thơ này bằng tất cả sự trải nghiệm của một người lăn lộn trong phong trào tranh đấu của thanh niên đô thị miền Nam. Nhà thơ đã thay mặt thế hệ mình để phát biểu tâm tư với tinh thần công dân, với nhiệt tình tuổi trẻ. Đó cũng là lời đáp cho câu hỏi mang tính chính luận về sự trường tồn của Đất Nước. Đất Nước bắt tử chính nhờ ở tinh thần của những con người sẵn sàng dâng bầu máu của tuổi thanh xuân, biết sống có trách nhiệm với thời đại và đầy khát vọng về tương lai trường tồn của Đất Nước.

Phần mở đầu của chương Đất Nước được cấu tứ trên cơ sở gắn bó giữa các vẻ đẹp riêng biệt, độc đáo và giàu sức biểu cảm để làm nên vẻ đẹp chung tổng hoà thành hình tượng Đất Nước kỳ vĩ và giàu sức thuyết phục với bạn đọc. Nhà thơ đã trữ tình hoá vấn đề mang tính chính luận, nhằm trả

lời những câu hỏi lớn mà dân tộc đang phải tìm lời đáp trong cuộc chiến đấu vì lý tưởng độc lập tự do, cuộc chiến đấu của lương tri chống lại thế lực bạo tàn.

Những vần thơ rất đẹp trong Đất Nước đã vượt qua thử thách của thời gian, tiếp tục tỏa sáng, giúp thế hệ học sinh hôm nay hiểu hơn về thế hệ cha ông trong những ngày tháng hào hùng nhất của dân tộc. Trong thời đại mới, những giá trị của ngày hôm qua góp phần khơi dậy lòng tự hào và ý thức trách nhiệm, tình cảm cho mỗi con người trong khát vọng đưa Đất Nước đi xa đến những tháng ngày mơ mộng./.

**Đề 8: Qua bài Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm anh chị hãy làm sang tỏ quan điểm Đất nước là của nhân dân.**

### Bài làm

Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ như Lê Anh Xuân, Bằng Việt, Nguyễn Mĩ, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Xuân Quỳnh, Lâm Thị Mỹ Dạ, Thanh Thảo, Hữu Thịnh... Nguyễn Khoa Điềm nổi tiếng với hai tác phẩm là trường ca “Mặt đường khát vọng” và bài thơ “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ”.

Nguyễn Khoa Điềm cũng như một số nhà thơ hàng đầu của thế hệ ông đã cảm nhận sâu sắc thời điểm lịch sử trang nghiêm nên đã để tâm huyết vào chủ đề lớn của thơ ca là đất nước. Và tất nhiên để phù hợp với nội dung phong phú, rộng lớn đó, phải có một hình thức có dung lượng lớn là trường ca. Cho nên nhiều trường ca đã ra đời trong giai đoạn văn học này mà nổi tiếng hơn cả là ba trường ca “Những người đi tới biển” của Thanh Thảo, “Đường tới thành phố” của Hữu Thịnh và “Mặt đường khát vọng” của Nguyễn Khoa Điềm.

“Đất nước” là một đoạn trích thuộc phần đầu chương V – chương trọng tâm của trường ca “Mặt đường khát vọng”, (chương năm), là chương trọng tâm của tác phẩm. Tác giả tập trung trong chương thơ này là những cảm nhận và suy nghĩ sâu sắc về đất nước: “Đất nước này là Đất Nước Nhân Dân”.

Nhận thức mới mẻ ấy cũng chính là sự lựa chọn, ý thức về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước và dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất nước nhà.

Nguyễn Khoa Điềm kết hợp giữa trữ tình và chính luận, lối kết hợp này trong thơ giống Chế Lan Viên (thường các nhà thơ tự sáng tác những bài thơ dài và trường ca đều kết hợp giữa trữ tình và tự sự). Trữ tình – Chính luận phát huy được mặt trí tuệ, thể hiện sự uyên bác với những kiến thức sách vở triết lí, nếu biết khéo léo kết hợp với xúc cảm, với tri thức nhồn kiến thì sẽ tạo ra sự hấp dẫn lạ lùng cho thơ.

Ta có thể hình dung chính luận trong khúc trường ca này như một sợi dây: Đất nước trường tồn trong chiều dài thời gian, trong chiều rộng không gian, trong phong tục tập quán, trong tâm hồn và tính cách của người Việt. Bằng sợi dây dẻo dai ấy, những hạt cườm trữ tình óng ánh, lung linh được xâu lại thành chuỗi cườm “Đất Nước muôn đời”.

Ta hãy xem nghệ thuật xâu cườm dẻo dai, cần mẫn, khéo léo của thi sĩ Nguyễn Khoa Điềm:

*“Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi  
Đất Nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa” mẹ thường hay kể.*

*Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn  
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”*

Điệp ngữ “Đất Nước” vọng lên khúc nhạc thiêng liêng. Thiêng liêng về thời gian thăm thăm “Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi”, thiêng liêng với cô tích, thiêng liêng với “miếng trầu bây giờ bà ăn”, thiêng liêng với sự trưởng thành về ý thức bảo vệ Tổ quốc:

*“Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”*

Nhờ “sợi chỉ” chính luận mà những “hạt cườm” của đời sống vật chất (miếng trầu, cây tre, tóc, cái kèo cái cột, hạt gạo...) và đời sống tinh thần (chuyện cổ tích, cha mẹ thương nhau...) được xâu lại tạo ra hết bất ngờ này đến bất ngờ khác:

*“Đất là nơi anh đến trường  
Nước là nơi em tắm  
Đất Nước là nơi ta hò hẹn  
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”*

Tác giả chuyển từ những câu kể sang những câu đấng thức, từ những chi tiết xa xôi đến những chi tiết gần gũi đậm đặc trữ tình. Ca dao thấm trong từng lời:

*“Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn”  
“Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”*

Nếu thời gian hiện lên trong “chuỗi cườm” trữ tình – chính luận thật là thiêng liêng thì không gian hiện lên thơ mộng, hùng vĩ:

*“Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”  
Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”  
... Đất là nơi Chim về  
Nước là nơi Rồng ở  
Lạc Long Quân và Âu Cơ  
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng”*

Để mở rộng khái niệm đất nước, tăng cường bề dày, bề sâu của khái niệm này, tác giả điệp lại kiểu câu đấng thức “Đất là...”, “Nước là...” nhưng các hình ảnh của xúc cảm, của ý tưởng đều mới, giống như những biến tấu trong âm nhạc vừa nhấn mạnh chủ đề, vừa mở rộng chủ đề gây ấn tượng mới lạ.

Luận lí của mạch chính luận là từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể, từ ngoài vào trong, từ cộng đồng đến cá nhân:

*“Trong anh và em hôm nay  
Đều có một phần Đất Nước  
Khi hai đứa cầm tay*

*Đất Nước trong chúng ta hài hoà nồng thắm  
Khi chúng ta cầm tay mọi người  
Đất Nước vẹn tròn, to lớn”*

Những suy nghĩ về đất nước trong mỗi cá nhân càng sâu sắc thì giọng điệu trữ tình càng thống thiết:

*“Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình  
Phải biết gắn bó và san sẻ  
Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở  
Làm nên Đất Nước muôn đời...”*

Để dẫn đến những suy luận về sự trường tồn của đất nước, nhà thơ đã huy động vốn kiến thức của sách vở, của đời sống, của lịch sử, địa lí, của truyền thuyết, của ca dao, của phong tục tập quán... Mỗi chi tiết đều có tính thẩm mỹ và được nuôi dưỡng trong xúc cảm của nhà thơ, cho nên suy luận thơ của tác giả vừa có sức thuyết phục về trí tuệ lại vừa truyền cảm.

Sang đoạn hai, nhà thơ phát triển và mở rộng chủ đề Đất Nước để dẫn đến chiều sâu của khái niệm này là “Đất Nước Nhân dân”.

Vẫn là mạch trữ tình – chính luận, nhưng trên sợi chỉ chính luận, ta nhận ra những hạt cườm có màu sắc và hình dạng khác. Trên kia là những hình ảnh của “Đất Nước đã có rồi” và đây là những hình ảnh của con người các thời đại “góp cho Đất Nước”. Phẩm chất thi sĩ biểu hiện ở sự lựa chọn những “hạt cườm” để khâu vào sợi dây chính luận ấy.

*“Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu*

*Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái  
Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại  
Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương  
Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm  
Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên”*

Hồi đó đất nước còn đang bị kẻ thù chia cắt, nhà thơ viết trường ca “Mặt đường khát vọng” ở chiến trường, nhưng trong tư duy của nhà thơ là một đất nước thống nhất. Những tên đất, tên núi, tên sông, sự tích, những truyền thuyết đều gắn bó máu thịt trong một cơ thể thống nhất. Vừa mới thấy “những núi Vọng Phu” đâu như ở Bình Định (mà núi Vọng Phu trên đất nước ta nơi nào chẳng có) đã thấy “hòn Trống Mái” ở Sầm Sơn (Thanh Hoá), vừa mới thấy “gót ngựa của Thánh Gióng” suốt dọc đường từ Bắc Ninh đến Lạng Sơn đã thấy “những con rồng” xanh thẳm ở Nam Bộ (sông Cửu Long). Những “núi Bút, non Nghiên” ở xứ Quảng, những “con cóc, con gà” ở Hạ Long, nhưng “Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm” đều góp phần tạo ra “một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha”. Đất nước thống nhất trong máu thịt, trong xương tuỷ, trong tình cảm, trong ước vọng như thế, kẻ thù nào chia cắt được!

Nhưng đó chỉ là một khía cạnh tư tưởng chủ đề của khúc trường ca này. Những dòng khái quát sau đây mới là dòng mạch chính của chủ đề tác phẩm:

*“Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy  
Những cuộc đời đã hoá núi sông ta...”*

Rồi nhà thơ chuyển từ bút pháp sử thi sang giọng điệu trữ tình, nhà thơ tâm tình với “em” mà tìm sự đồng cảm của hết thầy chúng ta:

*“Em ơi em  
Hãy nhìn rất xa  
Vào bốn nghìn năm Đất Nước  
Năm tháng nào cũng người người lớp lớp  
Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta Cần  
cù làm lụng  
Khi có giặc người con trai ra trận  
Người con gái trở về nuôi cái cùng con...”*

Càng nhìn sâu vào “bốn nghìn năm Đất Nước”, nhà thơ càng thấm thía với công lao xây dựng, vun đắp, bảo vệ đất nước. Đặc biệt là lớp người tuổi trẻ, những “con gái, con trai bằng tuổi chúng ta” đã làm cho nhà thơ xúc động mãnh liệt. Có lẽ đây là trực cảm của nhà thơ đối với lớp thanh niên trong thời kì chống Mĩ cứu nước:

*“Có biết bao người con gái, con trai Trong  
bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi Họ đã  
sống và chết  
Giản dị và bình tâm  
Không ai nhớ mặt đặt tên  
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”.*

Chính những người anh hùng vô danh ấy đã “giữ và truyền” cho ta từ hạt lúa đến ngọn lửa, từ ngôn ngữ đến hành động:

*“Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm  
Có nội thù thì vùng lên đánh bại  
Đề Đất Nước này là Đất Nước Nhân Dân”*

Như vậy là theo mạch chính luận và suy tưởng, tác giả đã dẫn dắt đến chiều sâu chủ đề khúc trường ca. Nhưng tác giả không dừng ở phát hiện “Đất Nước này là Đất Nước Nhân Dân” mà còn muốn cho khái niệm này ngân vang lên trong thần thoại, trong cổ tích, trong ca dao dân ca. Khúc trường ca không bị khô khốc trong triết lí mà trở nên hồn nhiên, tươi mát, huyền ảo:

*“Đất Nước của Nhân Dân, Đất Nước của ca dao thần thoại  
Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”  
Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội  
Biết trồng tre đợi ngày thành gậy*

*Đi trả thù mà không sợ dài lâu...”*

“Đất nước” là một trích đoạn hay trong bản trường ca “Mặt đường khát vọng” của Nguyễn Khoa Điềm. Bằng trữ tình – chính luận, tác giả đã khéo léo dẫn dắt đến chủ đề sâu sắc là Đất Nước Nhân Dân. Xúc cảm trực tiếp, mãnh liệt từ cuộc chiến đấu sinh tử của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mà tác giả đã huy động tình cảm, trí tuệ, kiến thức về địa lí, lịch sử, văn học, đặc biệt là văn học dân gian để diễn tả sức mạnh thần kì của Nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Một “Đất Nước Nhân Dân” tươi đẹp và thần kì như thế sẽ chiến thắng bất kì kẻ thù xâm lược nào.

## **Đề 2: Bình giảng bài thơ “Sóng” của Xuân Quỳnh**

### Bài làm

Nếu như Xuân Diệu đã từng thổn thức vì tình yêu, dâng hiến trọn đời cho tình yêu, chạy vội với thời gian để được yêu thì Xuân Quỳnh cũng thế, cũng từng thấp thỏm, lo âu, đau khổ vì yêu. Nhưng dù sao đi nữa, là phận nữ nhi nên người rất ít tỏ ra táo bạo, quá mạnh dạn như Xuân Diệu. Đọc thơ Xuân Quỳnh, ta thường bắt gặp hình ảnh con sóng, chiếc thuyền nói hộ tình yêu... Cũng vì lẽ ấy, suy cho cùng đây chỉ là những chất liệu dung dị, bình thường nhất trong cuộc sống song lại chứa đựng biết bao là ẩn ý, biết bao là ẩn tình mà Xuân Quỳnh muốn bày tỏ.

Chúng ta đã đến với “sóng” của Xuân Quỳnh để thưởng thức từng vị thương, vị nhớ của một người phụ nữ đang yêu.

Người ta thường ví rằng tình yêu là một bông hoa kì diệu! Vâng! Quả đúng như thế, tình yêu chưa bao giờ đi theo một hướng xác định. Cũng có lúc, người ta nhìn nhận tình yêu là cây đàn muôn điệu gảy lên muôn bản nhạc tình, có khi trầm bổng thiết tha, có khi nghẹn

ngào đau đớn, cũng có khi e ấp, nũng nịu, dễ thương. Thì đây, trong bài thơ này, tình cảm của nhân vật “Em” cũng biến thiên như thế!

“Sóng” là thơ ngụ ngôn, một thể thơ rất phù hợp để kể về một huyền thoại tình yêu đầy ắp những tâm trạng khắc khoải, những cung bậc tình cảm và vì thế bài thơ dễ dàng được phổ nhạc. Sóng! – là một hình tượng ẩn dụ, là phương tiện bộc lộ tình cảm của nhân vật “Em”:

*“Dữ dội và dịu êm  
Ồn ào và lặng lẽ  
Sóng không hiểu nổi mình  
Sóng tìm ra tận bể Ôi  
con sóng ngày xưa Và  
ngày sau vẫn thế  
... Bồi hồi trong ngực trẻ”*

Một câu chuyện cổ tích về tình yêu được nhà thơ Xuân Quỳnh kể lại. Câu chuyện bắt đầu từ một con sóng nhỏ chẳng biết xuất phát từ đâu, sóng hiện ra như một con người có nội tâm nhiều biến động. Hai trạng thái tâm hồn đối lập nhau, giằng xé nhau, buồn vui lẫn lộn. Sóng

chẳng hiểu tại sao mình lại cứ “*dữ dội*” rồi “*dịu êm*”, “*ồn ào*” rồi “*lặng lẽ*”. Phải chăng sóng đang yêu, yêu âm thầm, lặng lẽ? Vâng! Một tình cảm đang rạo rức trong trái tim người con gái, làm sao ai có thể “*định nghĩa được tình yêu*”. Một buổi chiều mộng? Một lần gặp gỡ? Một phút xao động trong tâm hồn? Người con gái hay chính nhân vật “*Em*” trong bài đang cố tìm câu giải đáp cho tình yêu, cho sự băng khuâng, đối lập của lòng mình. Và rồi chỉ còn một lối thoát: con sóng phải tìm ra tận bể cũng như “*Em*” đi tìm nguồn gốc của tình yêu.

Tâm hồn con người là một cõi mênh mông vô tận. Làm sao ta có thể đi xuyên suốt hết cái cõi vô tận ấy. Và ngay chính trong lúc cõi lòng đang bùng lên ngọn lửa yêu thương thì cô gái trẻ lại càng trăn trở, băng khuâng, khắc khoải, dằn vặt với chính lòng mình. Phải vượt khỏi cái giới hạn chật hẹp này, phải lao mình vào chân trời bao la, những miền vô tận để hiểu rõ lòng mình. Con sóng đã rời bờ ra đi, đi thật xa, cố tìm hiểu và soi mình với những con sóng khác để biết được sự huyền diệu của tình yêu, mà hiện tại đối với sóng vẫn còn là một bí mật. Tình yêu là gì ư? Một nhà thơ Pháp đã từng khẳng định: “*tình yêu là điều mà con người không thể hiểu nổi*”. Và thế rồi con sóng vẫn đi tìm mãi, tìm mãi:

*“Ôi con sóng ngày xưa  
Và ngày sau vẫn thế  
Nỗi khát vọng tình yêu  
Bồi hồi trong ngực trẻ”*

Tình yêu cũng như con sóng, vĩnh hằng với thời gian và tuổi trẻ. Xuân Diệu đã từng nói:

*“Hãy để trẻ con nói cái ngon của kẹo  
hãy để tuổi trẻ nói hộ tình yêu”*

Tình yêu gắn liền với tuổi trẻ. Tuổi trẻ là trái tim dào dạt, đa cảm và rạo rức niềm yêu thương chất sống. Chính vì thế, mà cái khát vọng tình yêu cứ *bồi hồi trong ngực trẻ*, nó cứ thúc đẩy tuổi trẻ đi tìm chân lý yêu đương, cũng như con sóng “*ngày xưa và ngày sau vẫn thế*”. Tuy nhiên, câu thơ “*bồi hồi trong ngực trẻ*” là một câu thơ chưa chín. Thật ra ngực trẻ hay ngực già... đều nồng nàn và bồi hồi trước tình yêu. Sóng, sóng và em cứ tìm mãi mà chẳng hiểu mình, chẳng thể hiểu được tình yêu. Sóng chính là điển hình của sự nhận thức về cái “*quy luật*” không thể cắt nghĩa được tình yêu:

*“Sóng bắt đầu từ gió  
Gió bắt đầu từ đâu Em  
cũng không biết nữa Khi  
nào ta yêu nhau”.*

Sóng bắt đầu từ gió – Vâng! Gió bắt đầu từ đâu? Tình yêu bắt đầu từ đâu? – “*Em*” cũng không biết nữa. Đọc những câu thơ này, ta chợt hình dung cái lắc đầu nhẹ nhàng như một sự bất lực của cô gái. Trong khi người con gái cố đi tìm cội nguồn tình yêu thì tình yêu trở thành trò chơi ú tim, không tài nào nắm bắt được. Và thế là, muôn đời tình yêu vẫn là *sự bí hiểm*. Tình yêu của “*Em*” giờ đây trở thành nỗi nhớ da diết, giày vò. Nó choáng đầy cả không gian, nó chiếm cả tầng



sâu và bề rộng, nó trải dài trong mọi thời gian. Phạm Đình An đã nhận xét: “Tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh không dừng lại ở mức độ yêu buổi đầu giản đơn hò hẹn, non nớt, ngọt ngào, mà là tình yêu hạnh phúc, tình yêu gắn bó với cuộc sống chung với nhiều đòi hỏi ở chiều sâu tình cảm, với nhiều chứng minh của thử thách, mang đậm dấu ấn trách nhiệm”. Chính vì thế mà tình yêu của người “Em”. Ở đây có thể nói không còn bông bột mà khá chín chắn, có sự can thiệp của lý trí, có ý thức về mặt tình cảm. Ấy thế mà trong lòng người con gái vẫn trôi dạt mãnh liệt một nỗi nhớ muôn hình, muôn sắc:

*“Con sóng dưới lòng sâu  
Con sóng trên mặt nước  
Ôi con sóng nhớ bờ  
Ngày đêm không ngủ được”*

Nỗi nhớ của “Em”, của tình yêu dữ dội được khởi đầu từ những cái cao cả lớn lao, không tụt xuống và tầm thường chút nào! Nỗi nhớ ấy da diết, cuốn lấy tâm hồn người con gái! Với Xuân Quỳnh là thế: mọi con sóng đều có bờ, mục đích là *vỗ vào bờ*, nên khi sóng xa bờ thì phải nhớ bờ, ngày đêm không ngủ được. Cũng như sóng, nỗi nhớ về “Anh” vẫn dào lên mãnh liệt:

*“Lòng em nhớ đến – Anh  
Cả trong mơ còn thức”*

Tình yêu đến, tình yêu mang theo một nỗi nhớ vô bờ đến với “Em”, choáng ngợp tâm hồn “Em”. Tình yêu đã trở nên đậm đà đến thế, và nỗi nhớ lại càng da diết miên man. “Có không gian nào dài hơn chiều dài nỗi nhớ, có một khoảng mênh mông nào sâu thẳm hơn tình yêu...”. Vâng! Làm sao đo được nỗi nhớ, làm sao đo được tình yêu! “Em” vẫn nhớ đến “Anh”, chỉ nhớ về phương anh mà thôi:

*“Dẫu xuôi về phương Bắc  
Dẫu ngược về phương Nam  
Nơi nào em cũng nghĩ  
Hướng về anh một phương”.*

Tình yêu thật huyền diệu! Điều đáng nói là “Em” biết chủ động, biết gửi trao nỗi nhớ về hướng xác định: Phương anh! – Phương của tình yêu: “*rop trời thương ấy mấy màu xanh suốt, mà em nghiêng hết ấy mấy về phương anh, mà em nghiêng hết ấy mấy về phương anh...*”. Tình yêu của người phụ nữ thật mãnh liệt nhưng cũng thật trong sáng, dung dị, một tình yêu thủy chung và trọn vẹn. Song, để toàn vẹn mỗi tình ấy, con sóng phải vượt qua muôn ngàn cách trở:

*“Ở ngoài kia đại dương  
Trăm ngàn con sóng đó  
Con nào chẳng tới bờ  
Dù muôn vời cách trở”*

Con sóng muốn tới bờ, phải vượt qua bao giông tố, bão bùng. Em muốn hướng về anh,

phải vượt qua bao chạm bầy cuộc đời. Suy cho cùng, tình yêu phải cần thử thách tôi luyện mới thấy rõ giá trị thực sự của nó. Tình yêu muốn tồn tại cũng phải có sự ra đi và trở lại, phải có sự đòi lên, lắng xuống để cuối cùng trở về với tình yêu hồn nhiên thuở đầu. Chính tình yêu của anh đã giúp cho em vượt qua tất cả, đón nhận một tình yêu vĩnh cửu – tình yêu lớn lao và cao thượng, không mang màu sắc vị kỉ, riêng rẽ mà là hoà trong cái chung và ở trong cái chung mệnh mông ấy, cái riêng sẽ tồn tại mãi mãi:

*“Làm sao được tan ra  
Thành trăm con sóng nhỏ  
Giữa biển lớn tình yêu  
Để ngàn năm còn vỗ”*

Tình yêu sẽ trưởng thành đậm thắm hơn và sẽ vĩnh hằng trong cái đẹp của tạo hoá. Bài thơ kết thúc rồi mà nhịp điệu êm ái, nhẹ nhàng của tình yêu vẫn còn vương đọng đâu đây. Bài thơ thành công không chỉ trong việc miêu tả hình tượng “Sóng” mà còn bộc lộ một tình yêu thật sôi nổi, nỗi khao khát tình yêu của một nhà thơ nữ. Đây chính là nét mới mẻ trong thơ ca hiện đại Việt nam. Trong rất nhiều loài hoa thì bông hoa Xuân Quỳnh tỏa ra một hương thơm riêng, một cách cảm nhận riêng về sóng – biển trong tình yêu. Tình yêu như con sóng mệnh mang, vô tận, song cái đích cuối cùng cũng là một tình yêu thứ nhất, vĩnh hằng mãi mãi.

**ĐỀ 10:** Bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài “Sóng” của nhà thơ Xuân Quỳnh.

*“...Con sóng dưới lòng sâu....  
Hướng về anh một phương”.*

#### Bài làm

Sóng biển rộng lớn, bao la mà vẫn điệp trùng thương nhớ. Sóng biển vật vã, thương đau mà vẫn một đời mê đắm. Sóng biển dữ dội thét gào mà vẫn nồng cháy thương yêu. Phải, có những con sóng như thế, những con sóng mang trong mình biết bao đói cực vẫn đêm ngày cuộc tròn trong thơ, trong tâm hồn người phụ nữ đa tài, đa tình và cũng đa đoan ấy: nữ sĩ Xuân Quỳnh. Và bài thơ “Sóng” của Xuân Quỳnh đã chuyên chở hết cái tài, cái tình và cả cái đa đoan ấy của nữ sĩ mà tiêu biểu là đoạn thơ:

*“Con sóng dưới lòng sâu  
...  
Hướng về anh một phương”*

Hòa cùng những con sóng: sóng thơ, sóng lòng, ta tìm về cõi sâu kín của tâm hồn thi sĩ và cũng là của muôn kiếp “má hồng”. Bài thơ “Sóng” ra đời khi những con sóng lòng dâng lên dữ dội, những con sóng nhớ thương, thao thức của một tâm hồn đang yêu. Cả bài thơ là những đợt sóng nối nhau vỗ vào tâm hồn người đọc. Sóng và nhân vật em đan quyện vào nhau để thì thầm những nỗi niềm, những tâm tư. Và có thể nói, khổ thơ:

*“Con sóng dưới lòng sâu*

...  
*Hướng về anh - một phương*

Đây là một khổ thơ vô cùng đặc biệt bởi trong bài thơ chỉ duy nó có sáu câu. Sáu câu thơ trải dài như nổi thao thức, băn khoăn của tâm hồn thi sĩ trong đêm. “Con sóng dưới lòng sâu / Con sóng trên mặt nước”

Hai câu thơ với hình thức lặp quyện hòa cùng nghệ thuật đối vỹ nên điệp trùng những con sóng với nhiều dạng thức khác nhau. Con sóng lặn sâu dưới lòng đại dương qua thanh bằng cuối câu thơ. Con sóng dữ dội tung bọt trắng xóa trên mặt biển với thanh trắc. Cả hai kết hợp với nhau làm nên sự đa dạng của sóng biển. Sóng là em, em là sóng. Cũng như sóng kia, tâm hồn em cũng vô vàn những phức tạp khó hiểu. Lúc lặng lẽ, êm đềm khi nòng nản dữ dội, nhưng thế nào đi nữa, em vẫn mãi là em, vẫn mãi ôm trong lòng một nỗi nhớ thương không dứt. Cũng như sóng kia thôi, dù dịu êm hay dữ dội thì:

*“Ôi con sóng nhớ bờ  
Ngày đêm không ngủ được”*

Xuân Quỳnh vô cùng tinh tế khi mượn một hình tượng rất động để diễn tả nỗi niềm của người phụ nữ khi yêu. Sóng muôn đời vẫn thế, có bao giờ thôi vỗ sóng, có khi nào chẳng cồn cào, ần sâu trong ngực sóng là nhịp đập của đại dương mênh mông. Sóng chẳng còn là sóng nếu tĩnh yên, lặng lẽ. Vì vậy mà sóng đã được Xuân Quỳnh diễn tả bằng một từ ngữ rất sáng tạo “không ngủ được”. Sóng là vậy, dù lặng yên dưới lòng biển hay dữ dội trên mặt đại dương thì ngàn đời vẫn khát khao tìm về bến bờ tĩnh tại. Chưa đến được bờ thì nhớ thương, thương nhớ, thì thao thức một nỗi niềm. Chọn hình tượng sóng-một trong những hình tượng đồng nhất của tự nhiên, Xuân Quỳnh đã khẳng định được bản lĩnh của mình. Chọn hình tượng động để gắn với người phụ nữ, người mà xưa nay được ví như liễu yếu đào tơ, Xuân Quỳnh phải đứng trước nhiều thử thách nhưng chị đã vượt qua bằng một bản lĩnh vững vàng và hơn hết là bằng một tâm hồn phụ nữ nhạy cảm tinh tế. Còn sự vật nào hơn sóng có thể diễn tả hết được cái lòng người phụ nữ đang yêu: nòng nản, băn khoăn, bồn chồn, thao thức lắm ! Nỗi băn khoăn ấy được góp nước từ nỗi nhớ: nhớ một người!

*“Lòng em nhớ đến anh  
Cả trong mơ còn thức”*

Sóng bây giờ dường như cũng đã không còn đủ sức chuyên chở nỗi lòng người phụ nữ. Nỗi nhớ như thiêu, như đốt, như phá tan những phàm tục đời thường, cất cánh đưa người phụ nữ đến một cõi mơ. Ở đây Xuân Quỳnh dùng từ “lòng” thật chính xác để diễn tả tình cảm của người phụ nữ với tình yêu. Lòng là chốn sâu kín nhất của tâm hồn, lòng là kết tinh của tình cảm được chưng cất trong một thời gian dài qua biết bao thử thách. Vì vậy mà tấm lòng ấy không chút hời hợt mà đã là gan, là ruột của người phụ nữ rồi. “Lòng em nhớ đến anh”, ời thương sao câu nói giản dị, chân thành mà nòng nản, da diết đến thế. Câu thơ “cả trong mơ còn thức” lóe lên điểm sáng của nghệ thuật. Có thể nói, với câu thơ ấy, Xuân Quỳnh đã có thể được xem là thi sĩ tài năng bậc nhất của thi ca hiện đại Việt Nam. Câu thơ như trào dâng nâng nỗi nhớ niềm thương

Sóng-em đan quện vào nhau. Em lặn đi để sóng trào lên. Nhưng sóng cũng là em, sóng trào lên mang theo lớp lớp tâm tình của em

*“Dấu xuôi về phương Bắc  
Dấu ngược về phương Nam”*

Đầu mỗi câu thơ, Xuân Quỳnh đã đóng vào đó những từ chỉ sự đối lập (“đầu”). Nó chỉ một sự khẳng định chắc nịch, vững vàng rằng khó khăn, thách thức là mấy em vẫn mãi yêu anh. . Chẳng phải là “ngược Bắc”, “xuôi Nam” mà là “xuôi Nam” “ngược Bắc”. Phương hướng thế nào không quan trọng, quan trọng nhất vẫn là “phương anh”.

*“Nơi nào em cũng nghĩ  
Hướng về anh một phương”*

Xuân Quỳnh buộc chặt bao “sợi nhớ, sợi thương” về phương anh. Thế mới biết tình yêu của chị nồng nàn, mãnh liệt thế nào. Hướng về anh thì có thể thay đổi nhưng với lời khẳng định chắc nịch “một phương” thì nơi em hướng về là bất di bất dịch. Anh đã dành “hệ qui chiếu” của đời em. Cảm thông cho cuộc đời Xuân Quỳnh, ta càng hiểu thêm tình cảm của chị. Sự thành công của Xuân Quỳnh trong bài thơ “Sóng” không chỉ ở tình cảm chân thành nồng cháy mà còn ở nghệ thuật xây dựng hình tượng sóng hình tượng trung tâm của bài thơ. Sóng trong bài thơ là một hình tượng kép. Sóng vừa là sóng biển vừa là sóng lòng của người phụ nữ đang yêu. Cả hai cuộn tròn trong sóng thơ dạt dào. Hình tượng sóng rất đa dạng: lúc dữ dội, ồn ào, lúc dịu êm lặng lẽ cũng như tâm hồn em vậy dịu dàng lắm nhưng cũng đôi khi nồng cháy, mãnh liệt. Hình tượng sóng được Xuân Quỳnh xây dựng như thế động. Sóng luôn vận động với bao đối cực, bao chiều kích và cũng chính nhờ vậy mà nỗi lòng của người phụ nữ đang yêu được bộc lộ chân thành hơn, chính xác hơn. Với hình tượng sóng Xuân Quỳnh đã góp vào thi đàn một hình tượng cũ mà mới. Mới bởi nó được ủ ấp những nỗi niềm của người phụ nữ. Và sẽ không quá lời khi ta khẳng định rằng, làm nên sự nghiệp Xuân Quỳnh không thể không có “sóng”.

Xuân Quỳnh đã đi về một miền miên viễn. Chị đã đi xa nhưng sóng thì vẫn “bạc đầu thương nhớ” còn người thì vẫn bên chị cùng một nỗi nhớ thương. Người phụ nữ ấy sóng mãi cùng sóng lòng, sóng thơ và “sóng”. Cũng như sóng kia, nhịp đập thủy triều có bao giờ nguôi yên trong ngực biển, người nữ sĩ ấy vẫn mãi bên đời cùng một nhịp đập yêu thương. Con sóng trong thơ chị phải đâu là con sóng một thuở mà nó đã thành con sóng ngàn đời: con sóng tình yêu, con sóng yêu thương, con sóng của một tâm hồn đẹp. Vỡ mãi con sóng thương yêu!

**Đề 11:** Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh. Anh (chị) cảm nhận gì về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng này?

#### Bài làm

“Sóng” được in trong tập “Hoa dọc chiến hào”, xuất bản năm 1968 của nữ nhà thơ tình nổi tiếng Xuân Quỳnh. Bài thơ nói về tâm trạng, tình yêu mãnh liệt của người con gái khi yêu. Hãy đến với bài thơ bằng nhạc điệu, bài thơ là âm điệu của một cõi lòng bị sóng khuấy động, đang rung lên

đồng điệu đồng nhịp với sóng biển. Rạo rục đến xôn xao, khát khao đến khắc khoải, có một hình tượng sóng được vẽ lên bằng âm điệu, một âm điệu dập dồn, chìm nổi, miên man như hơi thở chạy suốt cả bài.

Sắc điệu trữ tình của bài thơ được gọi lên từ hình tượng sóng. Cả bài thơ là những con sóng tâm tình xôn xao trong lòng người con gái đang yêu khi đứng trước biển ngắm nhìn những con sóng vô hồi, bất tận. Sóng là một hình tượng ẩn dụ, đó là sự hóa thân của cái tôi trữ tình của nữ sĩ, lúc thì hòa nhập, lúc sự phân thân của “em” - người con gái đang yêu một cách say đắm. Sóng đã khơi gợi một hồn thơ phong phú, hồn nhiên, sôi nổi. Thông qua hình tượng sóng, Xuân Quỳnh đã có một cách nói rất hay để diễn tả tâm trạng của người con gái.

Thật tự nhiên và thơ mộng, con sóng nhớ bờ nên ngày đêm sóng vỗ, sóng thao thức với thời gian và đại dương. Cũng giống như bên đợi thuyền, thuyền nhớ bến, lúc nào lòng người con gái cũng bồi hồi nhớ thương:

*“Lòng em nhớ đến anh  
Cả trong mơ còn thức”*

“Còn thức” tức là lúc nào em cũng nhìn thấy rõ hình bóng anh, ánh mắt anh ... Một tình yêu cuồng nhiệt, say mê. Con sóng khao khát được đến bờ để được vỗ về, ve vuốt:

*“Hôn thật khẽ thật êm  
Hôn êm đềm mãi mãi”  
(Xuân Diệu)*

Cũng như “em” muốn được gần bên anh, được hòa nhịp vào trong tình yêu với anh. Tình yêu của người con gái thật mãnh liệt, nồng nàn. Sóng xa vời cách trở vẫn tìm được tới bờ, cũng như anh và em sẽ vượt qua mọi khó khăn để đến với nhau, để sống trong hạnh phúc trọn vẹn của lứa đôi.

*“Ở ngoài kia đại dương  
Trăm ngàn con sóng nhỏ  
Con nào cũng tới bờ  
Dù muôn vời cách trở”*

Người con gái đã bày tỏ lòng mình một cách chân thành, say đắm, thắm thiết. Chân thật và thủy chung là đặc tính của tình yêu:

*“Dẫu xuôi về phương Bắc...  
Hướng về anh một phương”.*

Sóng đã bày tỏ nỗi lòng của người con gái, khát vọng được sống hết mình trong một tình yêu đẹp, sắt son thủy chung. Người ta thường nói xuôi vào Nam, ngược ra Bắc; nhưng ở đây, trong nỗi nhớ chất đầy nhà thơ lại dùng ngược lại. Từ đó nhà thơ đã nói đến nỗi nhớ bất chấp vạn vật, khoảng cách, tình yêu là sự gặp gỡ giữa hai tâm hồn không có giới hạn. Cuối cùng sóng đã nói hộ nhà thơ nỗi khát vọng được sống trọn vẹn trong tình yêu. Tình yêu lứa đôi đẹp đẽ, nồng nàn như trăm ngàn con sóng nhỏ giữa đại dương mênh mông, muốn được hoà nhịp vào biển lớn của tình yêu cộng đồng:

*“Làm sao được tan ra  
Thành trăm con sóng nhỏ  
Giữa biển lớn tình yêu  
Để ngàn năm còn vỗ”*

Cả bài thơ, nếu kể đến nhan đề, thì tác giả đã mười một lần nhắc đến từ “sóng”. Sóng vỗ như tâm tình xôn xao. Sóng cho ta nhiều ấn tượng về âm điệu của sóng, cũng như giọng điệu tâm tình, nhịp điệu của bài thơ. Thơ hồn nhiên, liền mạch về cảm xúc, trong sáng trong cách diễn đạt của tác giả. Sóng vỗ trên đại dương mênh mông cũng chính là sóng vỗ trong lòng người con gái.

Từ hình tượng “sóng” Xuân Quỳnh cho ta thấy rõ vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu. Với tình yêu chân thành, thắm thiết, người phụ nữ muốn sống hết mình, sống trọn vẹn trong tình yêu đẹp. Yêu là nhớ ngày mong đêm, người phụ nữ khát khao được hòa nhập gần gũi trong tình yêu ấy. Họ yêu thật nồng nàn, say đắm, thủy chung. Xuân Quỳnh viết bài thơ này vào những năm 1967, khi cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam ở vào giai đoạn ác liệt, khi thanh niên trai gái ào ào ra trận “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, khi sân ga, bến nước, gốc đa, sân trường diễn ra những cuộc chia ly màu đỏ. Cho nên có đặt bài thơ vào trong hoàn cảnh ấy ta mới càng thấy rõ nỗi khát khao của người con gái trong tình yêu.

*“Ôi con sóng nhớ bờ  
Ngày đêm không ngủ được”*

Đọc xong bài thơ Sóng ta càng ngưỡng mộ hơn những con người phụ nữ Việt Nam, những con người luôn thủy chung, luôn sống hết mình vì một tình yêu. Xuân Quỳnh xứng đáng là một nhà thơ nữ của tình yêu lứa đôi, bà đã làm phong phú hơn cho nền thơ nước nhà.

**ĐỀ 12: Cảm nhận bài “Đàn ghi ta của F.G.Lorca” của Thanh Thảo.**

Bài làm

Là một nhà thơ lớn của Tây Ban Nha hiện đại, Lorca đã đem được chất dân gian Andalusia cùng sức sống của xứ sở bò tót vào thơ mình. Lại thạo dân nhạc, ông thường thích đi khắp xứ như một gã Digan đơn độc mà hát lên những bài thơ của mình như những khúc romance, ballad. Bởi vậy, Lorca như một nghệ sĩ kép : thi sĩ kiêm nhạc sĩ.

Đàn ghi-ta của Lorca chính là một lời thơ mà ở đó lời thơ đã hòa vào nét nhạc, hình tượng thơ đã cùng cấu trúc nhạc bay đôi. Thậm chí, để tiếng nói của thơ mình thêm phong phú, Thanh Thảo còn mô phỏng những âm thanh tựa tựa các nốt đàn ghita, mô phỏng cả lối diễn tấu vẫn thường đệm cho người hát khi diễn nữa.

Thanh Thảo đã chọn thời điểm bi phẫn nhất của cuộc đời Lorca cho cảm hứng của thi phẩm : lúc ông bị bắn chết. Lorca luôn dự cảm và bị ám ảnh khôn nguôi bởi cái chết. Nhưng ông cũng không thể ngờ cái chết phũ phàng nhất đã ập xuống thân phận mình. Đối với lòng tiếc thương, mọi cái chết đều ngang trái. Cái chết của Lorca càng ngang trái bội phần. Vì ông bị phatxit giết hại khi mới 37 tuổi, xác ông còn bị chôn xuống một cái giếng để phi tang. Mất mát kinh hoàng là thế, nhưng oái oăm thay, cái chết còn là một giải thoát. Giải thoát bất đắc dĩ nhưng hoàn toàn. Hẳn suy tư Thanh Thảo đã bị vây ám giữa những phản trái kia của cái chết. Nhất là lúc anh đọc được cái câu như một lời nguyện cuối, một di chúc viết sớm của Lorca : Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn ghi-ta. Và thế là thi phẩm đã tự chọn cho nó một hình hài: vừa là thơ viếng vừa như một bi ca.

Thanh Thảo chọn viết về Lorca toàn là những thi ảnh rất siêu thực trong thế giới nghệ thuật của chính Lorca, mà sau những lãng quên chúng vẫn không thôi đeo bám Thanh Thảo : *đàn ghi- ta, bài ca mộng du, con ngựa đen, vàng trắng đỏ, chàng kĩ sĩ đơn độc, áo choàng đấu sĩ, sắc máu đấu trường, cô gái Di gan, lá bùa hộ mệnh, hoa tử đinh hương ( hoa lila )...* Và, tất nhiên, làm sao có thể thiếu được *dòng sông cùng với cỏ mọc hoang* vốn là những hình ảnh - biểu tượng từ lâu vẫn miên man với ngòi thơ Thanh Thảo . Nhờ đó, hình tượng Lorca và suy cảm Thanh Thảo đã nói chung một thứ tiếng là dòng thi liệu đã trộn vào nhau đó.

Trong bài thơ, Thanh Thảo có dùng những lối kết hợp khá phổ biến ở thơ tượng trưng. Ta gặp những *Tiếng đàn bọt nước, tiếng ghi-ta nâu, tiếng ghi-ta lá xanh, tiếng ghi-ta tròn, tiếng ghi-ta rờn rờn máu chảy, về miền đơn độc, vàng trắng chéng choáng, chôn cất tiếng đàn, đường chỉ tay, dòng sông rộng...* Nhiều thi ảnh được tượng trưng hoá, khiến chúng có dạng một hình thể chứa nhiều hình ảnh. *Đường chỉ tay* là hiện thân của thiên mệnh. *Đường chỉ tay đã đứt tượng trưng cho cú giáng phũ phàng trái ngang của số mệnh. Chiếc ghi-ta tượng trưng cho âm nhạc và thơ ca.* Nó là cây đàn lia của chàng nghệ sĩ tài hoa. *Chiếc ghita màu bạc là biến ảnh của chiếc ghi-ta nâu khi đã sang cõi khác.* Đúng hơn, là chiếc ghi-ta đã sang cõi siêu sinh. *Thi sĩ bơi trên chiếc ghi-ta chính là bơi trên con thuyền của thi ca đang vượt qua bến bờ sinh tử. Lá bùa cô gái di-gan là cái đẹp huyền bí. Xoáy nước là tai hoạ định mệnh trên dòng sông của số phận, cũng là cái dòng sông ranh giới giữa cõi sống và cõi chết, giữa thực tại và hư vô. Hành động ném lá bùa và ném trái tim đều giàu hàm ý tượng trưng về sự già từ, sự giải thoát của Lorca...* Lối viết này

không còn xa lạ đối với người đọc thơ Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên hay nhóm Xuân Thu nhã tập hồi Thơ Mới. Nhưng, nó đã được Thanh Thảo dùng nhuần nhị và hài hòa để tạo ra cho thơ mình một cách nói hàm súc. Riêng cái câu giọt nước mắt vàng trắng trong đoạn bày tỏ nỗi đau xót và tiếc thương trước cái chết hết sức thương tâm của Lorca mà lời thơ kết hợp cả trọng trưng thơ Đường với tượng trưng Thơ Mới:

*“Không ai chôn cất tiếng đàn  
tiếng đàn như cỏ mọc hoang  
giọt nước mắt vàng trắng long  
lạnh trong đáy giếng”*

cũng thấy được vẻ súc tích của nó. Có phải câu ấy được viết theo lối "nghệ thuật sắp đặt" không, mà cứ đơn giản y như đặt hai hình ảnh bên nhau : *giọt nước mắt - vàng trắng* thế thôi ? Giữa chúng chẳng có một quan hệ từ nào. Thì ra, lắm khi, việc tước bỏ quan hệ từ lại là cách gia tăng nghĩa cho hình ảnh và lời thơ. Vì giờ đây, giữa chúng lại có thể phát sinh nhiều kiểu quan hệ, tạo ra nhiều làn nghĩa : 1) quan hệ đẳng lập : giọt nước mắt (và) vàng trắng ; 2) quan hệ song song : giọt nước mắt (với) vàng trắng ; 3) quan hệ so sánh : giọt nước mắt (như) vàng trắng ; 4) quan hệ sở hữu : giọt nước mắt (của) vàng trắng ; 5) quan hệ đồng nhất : giọt nước mắt (là) vàng trắng... Người đọc có một thoáng phân vân : vậy ý thực của câu thơ sẽ theo nghĩa nào ? Nhưng thoáng ấy sẽ qua nhanh bởi chỉ có câu trả lời duy nhất : nó phải là sự giao thoa và lung linh của tất cả các làn nghĩa ấy.

Việc tái hiện sự kiện Lorca bị hành hình với những diễn biến phũ phàng, dù chỉ là chầm phá, cũng đã ít nhiều đem lại một cái "cốt" cho thi phẩm. Muốn kể, thì cũng kể được đôi chút. Tâm tư người đọc bị cuốn ngay vào mạch kể qua các diễn biến ấy với những kinh hoàng, đau đớn và tiếc thương cho một con người vô tội, một bậc tài hoa oan khuất. Nhưng, dường như cái mạch kia còn tuân theo các bước phát triển thuộc về cấu trúc của một ca khúc nữa. Sự kiện Lorca bị hành hình vào bài thơ này đã dàn thành bốn phần nội dung với những khúc có dụng ý hẳn hoi về độ dài và tiết nhịp. Đầu tiên, phần giới thiệu, là hình ảnh Lorca theo lối ẩn tượng : *những tiếng đàn bọt nước / Tây - ban - nha áo choàng đỏ gắt / li-la li-la li-la / đi lang thang về miền đơn độc / với vàng trắng chói choáng / trên yên ngựa mới mòn*. Tiếp nối, phần phát triển, Lorca bị giết : *Tây - ban - nha / hát nghêu ngao / bỗng kinh hoàng / áo choàng bê bết đỏ / Lorca bị điệu về bãi bắn / chàng đi như người mộng du*. Kế đó, phần ca trào, là nỗi tiếc thương trước sự thực phũ phàng : *tiếng ghi-ta nâu / bầu trời cô gái ấy / tiếng ghi-ta lá xanh biết mấy / tiếng ghi-ta tròn bọt nước vỡ tan / tiếng ghi-ta ròn ròn / máu chảy // không ai chôn cất tiếng đàn / tiếng đàn như cỏ mọc hoang / giọt nước mắt vàng trắng / long lạnh trong đáy giếng*. Và cuối cùng, phần kết, với hình ảnh Lorca lìa bỏ tất cả và giải thoát : *đường chỉ tay đã đứt / dòng sông rộng vô cùng / Lorca bơi sang ngang / trên chiếc ghi-ta màu bạc // chàng ném lá bùa cô gái di-gan / vào xoáy nước / chàng ném trái tim mình / vào lạng yên bắt chọt / li-la li-la li-la...*



Sự có mặt của hai chuỗi li-la li-la li-la ở phần đầu và phần kết là thế. Thú thực, khi mới đọc bài thơ này trong tập Khối vuông Rubic, tôi thấy cái chuỗi kia là một nét lạ. Nhưng đọc kĩ hơn thì thấy hình như có một nghĩa lý nào đó hay hay, chứ không hẳn chỉ là những con âm rỗng nghĩa. Nhưng thực hư ra sao,. Mãi sau, đọc kĩ hơn vào cấu trúc mới vỡ lẽ : té ra đây lại là sự giao duyên kì thú của thơ và nhạc. Cụ thể là giao thoa giữa thanh âm và thi ảnh. Mở đầu là hai câu : *Những tiếng đàn bọt nước / Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt*. Thanh Thảo chọn hai hình ảnh này khởi đầu một thi phẩm giống như kiểu tạo những âm chủ cho một nhạc phẩm. Chúng là những tương phản kín đáo mà gay gắt : âm thanh hồn nhiên - sắc màu chói gắt, tiếng đàn thảo dân - áo choàng đấu sĩ, vẻ khiêm nhường - sự ngạo nghễ, niềm hân hoan - nỗi kinh hoàng, nghệ thuật - bạo lực, thân phận bọt bèo - thực tại tàn khốc... Cặp hình ảnh cứ ngỡ tương phùng nào ngờ lại tương tranh. Nội dung chủ đạo mà thi phẩm triển khai sẽ là phận người trong một hiện thực đầy tranh chấp đối chọi như thế. Rồi ngay sau hai câu mở đầu đó là chuỗi âm thanh li-la li-la li-la. Nó như một chuỗi nốt đàn buông do người đệm đàn (ghi ta) lướt qua hàng dây để kết thúc phần dạo, đánh dấu khoảng ngắt cho người hát chính thức bắt lời trình diễn ca khúc. Và thi phẩm cũng kết thúc bằng sự trở lại của chuỗi âm thanh ấy. Nó tựa những tiếng đàn đệm cuối cùng nhằm tạo những dư âm sau khi lời hát đã ngừng. Ngẫu hứng mà đầy xao xuyến. Khi âm thanh gây niềm xao xuyến thì tự nó cũng chất chứa thi vị!

Song, về nghĩa, lila lại chính là một loài hoa có màu tím ngắt rất được người phương Tây ưa chuộng : hoa lila - tức hoa tử đinh hương. Chuỗi âm thanh kế tiếp gợi hình ảnh những tràng hoa chuỗi hoa bật tím liên tiếp. Đó là những đoá hoa người đời, người thơ thầm kính viếng hương hồn Lorca hay chính là ngàn muôn đoá hoa của sự sống đang nảy nở từ cái chết đau thương của nhà thi sĩ, thể hiện sức sống bất diệt của những giá trị chân chính trên cõi đời này ?

Mỗi nghệ phẩm là một sản phẩm không lặp lại. Không chỉ nội dung, mà ngay cả hình thức. Năng lượng sáng tạo có thể tích tụ lâu dài trong cả ý thức và tiềm thức, bằng cả vốn sống, vốn văn hoá cùng kinh nghiệm nghệ thuật. Sáng tạo nghệ thuật là thế ; phải thế mới là nghệ thuật. Là người ham tìm tòi cách tân, Thanh Thảo hiểu rõ điều đó. "Với những bài thơ hay - thi sĩ sáng tạo với toàn bộ thể chất và tâm linh mình, và không biết cái nào bắt đầu trước : thể xác hay tâm linh . Đó là cả một quá trình nhưng sáng tạo là khoảnh khắc. Khoảnh khắc ấy xảy ra càng đột ngột bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu".

### **ĐỀ 13: Phân tích bài "Người lái đò sông Đà" của Nguyễn Tuân**

Bài làm

*“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc.  
Khi lòng ta đã hóa những con tàu  
Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát  
Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”.*

(Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên)

Trong những ngày tháng cả nước rộn rang lên đường theo tiếng gọi của “tâm hồn Tây Bắc” để xây dựng lại một miền quê của Tổ quốc, có biết bao nhà văn, nhà thơ đã thực hiện quá trình lột xác để đến với cách mạng. Một trong những nhà nghệ sĩ yêu nước ấy là Nguyễn Tuân – cây độc huyền cầm của nền văn học Việt Nam, người đã mang lại những tờ hoa thơm thảo cho đời. Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc qua tùy bút Người lái đò sông Đà – một tác phẩm thể hiện rõ nét và sâu sắc phong cách nghệ thuật độc đáo của ông.

Đến với nghệ thuật, đối với Nguyễn, là đến với sự tìm tòi và sáng tạo. Bởi vì “nhà văn là người sáng tạo lại thế giới”. Nguyễn Tuân sợ mình của ngày hôm nay giống với mình của ngày hôm qua, sợ sự trùng lặp tầm thường. Chính vì thế, ông đã lấy “chủ nghĩa” xê dịch “làm đề tài cho tác phẩm, làm mục đích cho cuộc đời mình. Sống là để đi, để tìm hiểu những điều mới lạ. Trước cách mạng, một mình với chiếc vali, Nguyễn đã bôn ba trên nhiều miền quê đất nước nhưng với tâm trạng của kẻ “thiếu quê hương”, bất mãn với cuộc đời. Đó cũng là tâm trạng chung của thời đại. Sau cách mạng, ông cũng xuôi ngược nhiều nơi nhưng với tinh thần của người yêu quê hương xứ sở, muốn góp phần vào công cuộc xây dựng Tổ quốc. Chính nhà văn đã từng nói đến Tây Bắc là để “đi tìm cái thứ vàng mười của màu sắc sông núi Tây Bắc, và nhất là cái thứ vàng mười mang sẵn trong tâm trí tất cả những con người ngày nay đang nhiệt tình gắn bó với công cuộc xây dựng cho Tây Bắc thêm sáng sủa tươi vui và bền vững”. Với tình yêu quê hương sâu nặng và bầu nhiệt huyết sôi nổi ấy, Nguyễn Tuân đã sử dụng uyển chuyển, tinh vi vốn ngôn ngữ phong phú của mình để viết nên những tờ hoa thơm thảo về con người và thiên nhiên của miền sông núi này...

Tác giả hay đi tìm cảm giác mạnh cho các giác quan. Vì vậy, những trang văn của ông thường mang theo âm điệu của những trận cuồng phong, bão tố. Nhưng không vì thế mà chúng mất đi nét dịu hiền, thơ mộng. Qua ngòi bút Nguyễn Tuân, sông Đà hiện lên vừa hung bạo nhưng cũng vừa trữ tình. Nó mang tâm địa xảo quyệt của thứ kẻ thù số một, có thể cướp đi mạng sống của bất cứ kẻ nào lỡ sa chân vào “thạch trận”... “Nước sông Đà reo như đụn sôi lên một trăm độ... đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông” và khi thấy chiếc thuyền nào nhô vào thì chúng “nhóm cả dậy để vồ lấy”... Nhưng cái hung hãn dữ tợn ấy vẫn không làm mất đi được nét trữ tình ở sông Đà. Miêu tả con sông ở những đoạn xuôi dòng, ngòi bút Nguyễn Tuân bỗng trở nên mềm mại, uyển chuyển, mang đậm chất thơ. “Con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn khói núi Mèo đốt nương xuân”...

Trên con sông ấy, ông lái đò xuất hiện, dữ dội và phi thường. Trong cuộc chiến đấu “một mất, một còn” với thác nước, tác giả cho ta thấy được cái tài hoa, trí dũng tuyệt vời của ông lái. Người lái đò sông Đà là hiện thân của tác giả, chỉ thích lao vào những cuộc chiến đấu nguy hiểm với thác nước dữ dội mà không ưa xuôi thuyền trên dòng sông êm ả...

Giọng văn Nguyễn Tuân thật tự nhiên và phóng túng khi miêu tả hai trạng thái đối lập của cùng một sự vật. Sông Đà vừa trữ tình vừa hung bạo, vừa là “kẻ thù”, vừa là “cố nhân”. Dưới ngòi bút tác giả, con sông không chết cứng mà vận động một cách mạnh mẽ, sôi nổi bằng những từ ngữ

gợi hình ảnh, tác động mạnh vào giác quan người đọc. Ông lái đò cũng thế cũng xuất hiện một cách sinh động, rõ nét và sắc sảo....

... Đối với Nguyễn Tuân, “đã là văn thì trước hết phải là văn”. Văn phải đẹp, phải trau chuốt. Cái đẹp ấy đã chi phối cách nhìn của tác giả trên toàn bộ tác phẩm. Con người và sự vật, qua ngòi bút Nguyễn Tuân, đều được khai thác trên phương tiện mỹ thuật và tài hoa nghệ sĩ.

Nét đẹp sông Đà là một công trình dày công sáng tạo của tạo hóa. Nó vừa hùng vĩ vừa nên thơ. Nó đẹp từ dáng dấp đến màu sắc. Cái áng tóc trữ tình của người thiếu nữ ấy là nguồn cảm hứng cho biết bao nhà thơ, nhà văn. Nước sông Đà cũng thế. “Mùa xuân dòng xanh ngọc bích”, “Mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa”. Con sông ấy đối với tác giả không chỉ đơn thuần là một cảnh đẹp thiên nhiên mà nó thật gợi cảm. Nó gây nên nỗi nhớ da diết cho những ai đã từng một lần gặp gỡ rồi lại đi xa. Gặp lại sông Đà, tác giả cảm thấy tâm hồn lâng lâng vui sướng như gặp lại cố nhân. “Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng”. Và trong cái đẹp đẽ, thơ mộng của đất trời thiên nhiên, con người xuất hiện như một nghệ sĩ tài hoa. Ông lái điều khiển con thuyền một cách chủ động và thuần thục. Ông bao giờ cũng đứng trên thác sóng dữ dội mà bất chúng phải qui hàng. “Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông dò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chèo về phía cửa đá ấy”. Nguyễn Tuân miêu tả hình ảnh ông lái điều khiển chiếc thuyền cứ như một nhạc sĩ đang kéo đàn violông. “Người lái đò sông Đà” là một bước chuyển lớn trong phong cách Nguyễn Tuân. Trước cách mạng, nhà văn thường đi tìm đề tài cho tác phẩm bằng cách quay về với quá khứ, với một thời vang bóng đã qua. Nhân vật của Nguyễn là những Huân Cao, quân ngục mang tâm trạng của kẻ “nào biết trên đầu có ai”. Nhân vật “vang bóng một thời” là những vị anh hùng ngang dọc, “khinh bạc đến điều”. Nhưng sau cách mạng, Nguyễn đã tìm thấy chất tài hoa nghệ sĩ ở những con người lao động hết sức bình dị, gần gũi. Huân Cao giờ đây đã lùi vào dĩ vãng chỉ còn đây một ông lái đò cả đời gắn bó với công việc, với cuộc sống. Hình ảnh ông lái lênh đênh trên sóng nước, chiến đấu với tử thần bằng cây sào bé nhỏ gây xiết bao xúc động trong lòng người đọc. Nguyễn Tuân đã trao tặng ông chiếc huy chương anh hùng lao động trên ngực như một niềm hãnh diện thiêng liêng. Ông lái xuất hiện trước mắt chúng ta như những người nghệ sĩ tài hoa trí dũng song toàn. Miêu tả hình ảnh người đời thường lái đò, Nguyễn Tuân đã thể hiện tấm lòng trân trọng, cảm phục những con người góp phần vào công cuộc xây dựng Tổ quốc.

Trong việc tái hiện lại hình ảnh sông núi Tây Bắc và người lái đò, Nguyễn Tuân đã kết hợp nhiều phương tiện của nhiều ngành nghệ thuật: hội họa, điêu khắc, điện ảnh, âm nhạc... Mọi vật, mọi sự như hiện ra trước mắt ta sừng sững và sinh động. “Ngọt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xóa cả một chân trời đá”. Âm thanh sóng vỗ vào đá, vào mạn thuyền, sóng dậy lên thành thác núi, “một anh bạn quay phim táo tợn... đã dựng cảm ngòi vào một cái thuyền thúng tròn trành” rồi lao xuống “đáy hút sông Đà” để quay phim... Tất cả những gì nhà văn viết ra, những gì nhà văn tưởng tượng và sáng tạo nên đều như được dựng lại trước người đọc. Tiếp xúc với tác phẩm Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân, ta như đang đứng trước con sông ấy, chứng kiến cuộc vật lộn giữa ông lái với thác nước, chứng kiến từng đoạn sông dữ tợn, lởm chởm những đá ngầm, đá nổi và cả những đoạn sông êm ả, trữ tình.

Trong đoạn văn, Nguyễn Tuân dùng cả những kiến thức về quân sự, võ học... Cuộc chiến đấu giữa người lái với thạch trận sông Đà diễn ra thật hấp dẫn, li kì: “Mặt nước hò la”, sóng nước “đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền”. Nó “bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông

đò đò lật ngựa mình ra"... Tất cả những từ ngữ và hình ảnh mang đậm nét "quân sự, võ thuật" ấy như gọi lại trước mắt ta quan cảnh một cuộc hỗn chiến nguy hiểm, đầy hồi hộp hấp dẫn.

Nguyễn Tuân từng được mệnh danh là nhà văn của sự tài hoa và uyên bác. Nguồn tri thức khổng lồ của ông về lịch sử, khoa học, địa lí, sinh học... thường được tuôn trào dào dạt trong tác phẩm. Với Người lái đò sông Đà, tác giả đã đưa ta đến với một miền quê hương Tô quốc. Vị trí sông Đà, lịch sử sông Đà đã được Nguyễn Tuân giới thiệu bằng những trang viết đầy tính "uyên bác". Nhiều địa danh được tác giả nhắc đến trong tác phẩm như Tà Mường Vát, Sơn La, Hát Loóng... Tất cả, tất cả chứng tỏ sự hiểu biết rất rộng và rất sâu của tác giả khi viết về sông Đà...

Khả năng diễn đạt và vốn ngôn ngữ của Nguyễn Tuân thật phong phú. Mỗi từ ngữ khi đưa vào câu văn dường như đã được chắt lọc, gọt giũa cẩn thận. Ông đã sáng tạo nên nhiều từ ngữ mới lạ, độc đáo. Giọng văn đôi khi có vẻ thô kệch, dàn trải nhưng lại hết sức cô đúc và tự nhiên. Nguyễn Tuân không những viết nên những trang văn đầy tài hoa và lịch lãm mà ông còn sáng tạo nên những trang thơ cho đời. Đọc những dòng viết về con sông Đà trữ tình, ta không khỏi ngỡ ngàng, ngạc nhiên trước giọng văn êm ái, dịu dàng như thơ của Nguyễn Tuân.

Viết về người lái đò sông Đà, viết về một vùng quê hương Tô quốc, Nguyễn Tuân đã thể hiện nguồn xúc cảm yêu thương tha thiết đối với người lao động và thiên nhiên đất nước. Sông Đà càng đẹp, càng sinh động, ông lái càng anh dũng, ngoan cường trong công việc ta càng thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của nhà văn – Người lao động trong tác phẩm Nguyễn Tuân thật bình dị từ công việc đến hình dáng, cách ăn nói. Nhưng ông ta lại là người anh hùng trước mắt Nguyễn Tuân. Nhà văn đã phát hiện ra trong con người bình dị ấy chất nghệ sĩ tài hoa, dám đương đầu với sóng to gió lớn để chèo chống con thuyền qua sông. Ông lái hiện lên trong tác phẩm là người lao động hăng hái, quên mình vì công việc.

Cuộc sống quanh ta vốn dĩ rất tầm thường, cũ kĩ. Ngày lại qua ngày, mây vẫn bay và gió vẫn thổi... nhưng chính nhà văn là người mang lại cho ta một thế giới mới, tinh khôi, kì diệu. Nguyễn Tuân cũng là một nhà văn, một người góp phần sáng tạo lại thế giới. Văn chương của Nguyễn Tuân đã mang đến cho chúng ta một chân trời huyền bí riêng biệt, hấp dẫn và độc đáo. Đó là chân trời của cái đẹp, của sự tài hoa và uyên bác...

#### **ĐỀ 14: Cảm nhận "Người lái đò Sông Đà" của Nguyễn Tuân.**

##### Bài làm 1

Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân là bút ký đặc sắc, kết quả của chuyến thâm nhập thực tế vùng sông Đà 1958 - 1960 của nhà văn, in trong tập bút ký Sông Đà. Cảm hứng gắn bó với mảnh đất và con người Tây Bắc đã in đậm trong hình ảnh người lái đò nghệ sĩ và con sông Đà vừa hùng vĩ vừa nên thơ.

Bản thân Nguyễn Tuân khi viết nên tác phẩm này đã thực hiện hoàn tất một hành trình khẳng định phong cách tùy bút độc đáo của nhà văn khi đi theo con đường cách mạng. Vốn sống và tài năng của người nghệ sĩ tài hoa này đã gặp được môi trường Tây Bắc với bao nhiêu vẻ đẹp tiềm ẩn trong mảnh đất và con người, từ đó giúp ông có những phát hiện mới mẻ, tô đậm những ấn tượng kỳ vĩ nên thơ về Tây Bắc trong lòng bạn đọc.

Thiên tùy bút Người lái đò sông Đà trước hết đem lại cho chúng ta ấn tượng đặc biệt về hình ảnh và công việc của ông lái đò Lai Châu, người mà nhà văn đã gọi là bạn trên tinh thần "qui thuận quần chúng một cách tự giác" (chữ dùng của Nguyễn Tuân). Ông lái đò là hình ảnh một người lao động mà sông nước đã in dấu vào trong từng chi tiết ngoại hình : tay lêu nghêu như cái

sào, chân khuyễn ra như kẹp lấy một cái bánh lái tưởng tượng, giọng nói ào ào như thác lũ sông Đà, nhân giới vôi vôi như nhìn về một bến xa nào đó... Tuổi tác không làm mất đi sức sống mạnh mẽ và lòng yêu mến gắn bó với công việc của ông. Bằng cách tạo ấn tượng đặc biệt về nhân vật từ ban đầu, nhà văn dẫn dắt chúng ta vào thế giới sông nước chứa đựng bao thử thách hiểm nguy nhưng có sức cuốn hút riêng với những người ưa thích phiêu lưu mạo hiểm. Bằng thủ pháp của điện ảnh, bằng ngôn từ của mình, Nguyễn Tuân đã dựng lên cả một thế giới sông nước sinh động : «nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò sông Đà nào tóm được qua đấy". Ấy vậy nhưng ông lão đã tuổi bảy mươi đã bao phen thể hiện tài năng vượt thác leo ghềnh, vượt qua thử thách hiểm nguy mà vẫn còn trẻ tráng, dẻo dai !

Câu chuyện vượt sông Đà đã được nhà văn kể lại bằng tất cả niềm hứng khởi về sức mạnh con người chiến thắng thiên nhiên, với tất cả kịch tính, cao trào để tôn vinh nghệ thuật chinh phục thác đá sông Đà. Con sông Đà dữ với thần sông tướng đá bủa giăng thế trận vây lấy chiếc thuyền đơn độc được nhà văn miêu tả bằng ngôn ngữ phong phú của tiểu thuyết chương hồi như gọi cuộc phá vây của mãnh tướng Triệu Tử Long xông vào trận quân Tào Tháo, bên cạnh đó nhà văn có những dòng mô tả chân dung bằng giọng văn rất hóm hỉnh của riêng mình : "Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này...". Cuộc đối đầu giữa con người trên chiếc thuyền đơn độc với "boongke chìm và pháo đài nổi" trong "cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn" có sức hấp dẫn đặc biệt. Có lẽ nhà văn đã hình dung ra không khí của những hội vật truyền thống khi miêu tả các cuộc đấu sức, đấu trí và đấu sự nhanh nhẹn giữa người và đá nước. Cuộc đấu có miếng, có mưu, cuối cùng phần chiến thắng thuộc về con người, bởi lẽ "Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này". Hình ảnh bình thường của người lao động, vật lộn với sóng nước đã được Nguyễn Tuân nâng lên ngang hàng danh tướng "biết mình biết ta trăm trận trăm thắng". Nhưng điều tác giả tô đậm nét hơn ở ông lái đò chính là chất nghệ sĩ toát lên từ công việc đối mặt với hiểm nguy đã trở thành bình thường. Ngay sau khoảnh khắc chiến thắng sức mạnh của thác đá, sóng dữ, thì "sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ. Sông nước lại thanh bình". Đây mới chính là ông lái đò mang đậm nét Nguyễn Tuân. Con người chiến đấu với sông Đà dữ cũng chỉ là để mưu sinh, "ngày nào cũng giành lấy cái sóng từ tay những cái thác", nên những con người này cũng yêu mến dòng sông đã cho họ những "cá anh vũ, cá dầm xanh", những hầm cá hang cá "túa ra đây tràn ruộng". Sông Đà dữ thì có "diện mạo và tâm địa của kẻ thù số một", nhưng khi sông nước thanh bình, vẻ đẹp nên thơ gợi cảm của dòng sông lại hiện về nguyên vẹn.

Nhà văn đã dành những trang viết thắm đẫm chất trữ tình để miêu tả vẻ đẹp dịu dàng của dòng sông mang trong lòng những huyền sử thuở khai thiên lập địa của cha ông. "Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn khói núi Mèo đốt nương xuân.", "Mùa xuân dòng xanh ngọc bích...", "mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa"...Đó là thời điểm cho câu chữ Nguyễn Tuân lai láng chất thơ ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông, bằng cái nhìn và tình cảm của một người tự nhận sông Đà như một "cố nhân". Không gian lắng đọng trong vẻ đẹp của "bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm sông Đà". Vẻ đẹp ấy như trang nghiêm trong mạch Đường thi cổ điển, vừa lắng đọng hoài vọng về một thuở Lý Trần Lê, vừa băng khuâng cảm giác về sự sống nảy lộc đâm chồi : "Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một

bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa". Nhà văn đã để cho dòng cảm xúc dào dạt thoát lên thành lời đối thoại im lặng với thiên nhiên, bờ bãi ven sông, dường như con người muốn hoà vào cùng cảnh vật, để chiêm ngưỡng vẻ đẹp đầy sức cuốn hút của dòng sông. Ngòi bút nhà văn đến lúc này mới thật sự tung hoành trong sự say sưa khám phá cội nguồn, kể về lịch sử dòng sông gắn với cuộc sống và con người Tây Bắc, những người đã đón nhận những tặng vật hào phóng của sông Đà. Cảm xúc từ thực tại của Nguyễn Tuân còn khơi nguồn cho những mơ ước mang tính dự báo về tương lai, biến sức mạnh của dòng sông trái tính trái nết thành nguồn thủy điện dồi dào. Rõ ràng, thực tại cuộc sống mới đã giúp cho Nguyễn Tuân có những dự cảm chính xác, có niềm tin vững chắc vào những con người đang xây dựng một chế độ mới, đem lại sinh khí mới cho cuộc sống ở sông Đà.

Với Người lái đò sông Đà này, Nguyễn Tuân đã ghi dấu ấn không trộn lẫn của mình ở thể loại tùy bút, bám sát hiện thực, say mê khám phá những nét ấn tượng, những vẻ đẹp tiềm ẩn từ hiện thực. Hơn thế nữa, tác phẩm còn đánh dấu sự vững vàng trong tư tưởng tình cảm của nhà văn, sự nhạy cảm tinh tế của một tâm hồn nghệ sĩ yêu đất nước, yêu con người lao động, yêu và tin vào cách mạng, vào con đường dân tộc đang hướng tới. Tấm lòng ấy, tài năng ấy của Nguyễn Tuân thật đáng trân trọng.

## Bài làm 2

Theo lí thuyết thi pháp học hiện đại, hình tượng tác giả là sự nhập thân của ý thức người sáng tạo vào trong tác phẩm nghệ thuật. Nếu hình tượng nhân vật được xây dựng theo nguyên tắc hư cấu, được miêu tả theo một quan niệm nghệ thuật về con người và theo tính cách nhân vật thì hình tượng tác giả trong bút ký, tùy bút được thể hiện theo nguyên tắc tự biểu hiện. Hình tượng tác giả biểu hiện ở cái nhìn, sự quan tâm lựa chọn những chủ đề, đề tài, thể loại, ở ngôn ngữ và cách diễn đạt của chủ thể sáng tạo. Hình tượng tác giả là một bộ phận quan trọng trong cấu trúc của tác phẩm.

Ai đã đặt tên cho dòng sông là tác phẩm cùng tên tập bút ký xuất bản vào năm 1986 của Hoàng Phủ Ngọc Tường sau hai tập bút ký Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu (1971), Rất nhiều ánh lửa (1979). Tám bút ký trong tập sách vẫn được Hoàng Phủ Ngọc Tường viết với cảm hứng ngợi ca và âm hưởng sử thi bởi người yêu nước Hoàng Phủ Ngọc Tường luôn tri ân với sự hi sinh cao cả và những chiến công anh hùng của nhân dân. Nhưng điều đặc biệt ở Hoàng Phủ Ngọc Tường, lòng yêu nước, tinh thần dân tộc còn gắn với tình yêu sâu sắc đối với thiên nhiên và truyền thống văn hoá của dân tộc. Ông đặc biệt trân trọng say mê văn hoá và lịch sử của mảnh đất quê hương. Bằng giọng văn đẹp, trầm lắng và tha thiết, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã viết về dòng sông quê hương, về hoa t\*\*\* quanh ông với một tình cảm gắn bó sâu nặng “Lớn lên ở Huế, không lúc nào tôi không cảm thấy thành phố này như một khu vườn thân mật của mình” (Hoa tươi quanh tôi).

Ai đã đặt tên cho dòng sông? là bút ký trữ tình sâu lắng, thể hiện rõ phong cách thể loại của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Tác phẩm thể hiện sự uyên bác tài hoa của chủ thể sáng tạo trong cái nhìn liên tưởng cùng với những triết luận sâu sắc về quan hệ giữa dòng sông và lịch sử, dòng sông với thi ca nhạc hoạ, dòng sông và con người xứ Huế.

Thiên bút ký là cuộc hành trình đi tìm cội nguồn dòng sông Hương thơ mộng. Đồng hành cùng nhân vật “tôi” trong tác phẩm, người đọc mới biết những bước thăng trầm của dòng sông Hương trong hành trình đầy gian truân của nó “Trước khi về đèn châu thổ êm đềm nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa

những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng” [1, tr.316.]. Bằng sức tưởng tượng miên man kết hợp với tư duy nghiên cứu, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã cung cấp cho người đọc nhiều tri thức lịch sử, địa lí phong phú về sự hình thành sông Hương từ nguồn ra biển. “Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời mình” [1, tr.316], “ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục... Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng Nam Bắc qua điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang Tây Bắc, vòng qua thềm đất Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình vòng cung thật tròn về phía Đông Bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế” [1, tr.317]. Người đọc cảm thấy nhận thức của mình được thỏa mãn trong sự tra cứu tỉ mỉ và nghiêm túc những thông tin khoa học địa lí của tác giả.

Nếu tư duy nghiên cứu chủ yếu cung cấp những dữ kiện, những tri thức về dòng sông thì tư duy nghệ thuật giúp những tri thức đó trở nên mềm mại hơn. Hình tượng dòng sông được diễn đạt bằng những hình ảnh so sánh, những liên tưởng tài tình độc đáo “sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái di -gan phóng khoáng và man dại; dòng sông mềm như tấm lụa; sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya...” [1, tr.316-318]. Có thể thấy bản lĩnh của nhà văn và phong cách cá nhân cũng đã được biểu hiện thông qua những liên tưởng. Sự kết hợp giữa tri thức khoa học với những hư cấu tài tình thông qua thủ pháp nhân cách hoá, để rồi dòng sông Hương không còn là một sự vật vô tri vô giác nữa mà nó trở thành một nhân vật có tâm hồn có sức sống mãnh liệt như con người trong những bước thăng trầm của cuộc đời. Gs Trần Đình Sử khi nghiên cứu bút ký Ai đã đặt tên cho dòng sông? đã ví “hành trình của sông Hương từ nguồn ra biển là hành trình của tâm hồn xứ Huế” với những cung bậc mãnh liệt và lắng sâu, trữ tình và bình thản trí tuệ [2, tr.294].

Từ phương diện hình tượng tác giả, những triết luận về dòng sông trong mối quan hệ với lịch sử cho thấy một chủ thể sáng tạo am hiểu sâu sắc lịch sử. Hoàng Phủ Ngọc Tường đã lật tìm trong tư liệu lịch sử những sự kiện có liên hệ với dòng sông và ông đã thấy “sông Hương đã sống những thế kỷ vinh quang với nhiệm vụ lịch sử của nó”. Dòng sông như người dũng sĩ trấn giữ biên thùy đã nhiều lần chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam của Tổ quốc Đại Việt rồi về vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ [1, tr.322.], cùng sống những giây phút hào hùng của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ để cuối cùng trở về sống cuộc sống bình thường, làm người con gái dịu dàng của đất nước [1, tr.322]. Với lịch sử sông Hương đã là một chứng nhân, điều đó đã khiến thành phố Huế mang một sức hấp dẫn về văn hoá và du lịch có tầm quốc gia và quốc tế [1, tr.321].

Tất nhiên, sông Hương không chỉ là dòng sông của lịch sử bởi vẻ đẹp trầm mặc như triết lí, như cổ thi mà còn là cảm hứng muôn đời của thi ca, nhạc hoạ. Trong mối quan hệ với văn chương dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của người nghệ sĩ. Từ trong thơ Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, Tản Đà, Đoàn Phú Tứ, Tố Hữu...dòng sông hiện lên với những hình dáng và màu sắc khác nhau trong mọi cung bậc của cảm xúc. Những đoạn thi mà tác giả trích dẫn cùng với những tên tuổi của âm nhạc và thi ca cho thấy dòng sông với vẻ đẹp diệu kì để dành riêng cho cảm hứng nghệ thuật và tri thức [1, tr.320].

Hoàng Phủ Ngọc Tường đã viết về dòng sông với tấm lòng ưu ái, với tình yêu sâu sắc, thủy chung..., Trong mối quan hệ với con người dòng sông ấy là dòng sông - đời người. Với xứ sở đã sinh thành và cưu mang nó, sông Hương đã tri ân bằng dòng nước mát lành và phù sa màu mỡ để hoa tươi của những khu vườn An Hiên ngọt lành, cho những ngôi làng ven sông trở thành ngôi làng thơm tho của Huế. Bút ký Ai đã đặt tên cho dòng sông? qua tài năng văn chương - Hoàng Phủ Ngọc Tường tạo nên một ấn tượng đẹp trong lòng độc giả. Sông Hương không chỉ đẹp bởi vẻ

đẹp hoang sơ và trong sáng trong điệu chảy lững lờ mà còn đẹp bởi một huyền thoại chứa đựng chiều sâu của tâm linh “vì yêu quý con sông xinh đẹp của Quê Hương con người ở hai bên bờ sông đã nấu nước trăm loài hoa đổ xuống sông để làn nước thơm tho mãi” [1, tr.334].

Trong bút ký Ai đã đặt tên cho dòng sông? cái nhìn liên tưởng cùng những triết luận sâu sắc của Hoàng Phủ Ngọc Tường đã tạo ra một hình tượng nghệ thuật đẹp - hình tượng dòng sông. Với Hoàng Phủ Ngọc Tường, “sông Hương như nỗi hoài vọng về một cái đẹp nào đó chưa đạt tới ở đời” (Sử thi buồn), nó là “Dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc, vẻ đẹp của dòng sông đôi sắc không ngừng dưới ánh nắng và trong mùi hương trốn tìm của hoa tươi trong vườn” (Hoa tươi quanh tôi). Nhưng nếu như những liên tưởng, so sánh độc đáo của tác giả tạo cho người đọc những ấn tượng đẹp về dòng sông thiên nhiên thì cảm thức thời gian của Hoàng Phủ Ngọc Tường trong bút ký lại đem đến cho người đọc nhận thức về chiều sâu văn hoá và vẻ đẹp tâm hồn của con người xứ sở nơi dòng sông đi qua.

Đọc Ai đã đặt tên cho dòng sông? ta mới cảm nhận được văn hoá lịch sử đi qua còn in bóng trên dòng sông thơ mộng. Dòng chảy của dòng sông không đơn thuần là dòng nước từ nguồn ra biển mà nó là dòng chảy của thời gian, thời gian hoài niệm của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Phạm Phú Phong đã nhận xét một cách hình tượng rằng: Bằng chiếc thuyền của tâm hồn có mái chèo là ngòi bút Hoàng Phủ Ngọc Tường đã đưa người đọc xuôi theo dòng sông thơm mát lùi xa vào lịch sử đang còn khuất nẻo để khám phá vị trí lịch sử lâu đời của thành Châu Hoá đứng uy nghiêm soi bóng trên sông Hương. Nó chính là một ả Chi Lăng ở phía Nam Tổ quốc đã bao lần làm quân thù khiếp sợ. Châu Hoá giữ vị trí chiến lược trong việc trấn giữ biên cương của Tổ quốc Đại Việt. Lịch sử đã gọi nó là Vạn Lý Trường Thành của Phương Nam. Ngược dòng thời gian Hoàng Phủ Ngọc Tường gửi vào trang viết của mình niềm kính trọng, sự tự hào về Thành cổ Châu Hoá, về mảnh đất quê hương.

Trong dòng chảy của thời gian hoài niệm, Hoàng Phủ Ngọc Tường nhận ra hình bóng của dòng Hương trên mỗi trang Kiều dòng sông đầy nước in trời và những nội cỏ thơm, nắng vàng khói biếc, nỗi u hoài của dương liễu và sắc đẹp của hoa trà mi, những mùa thu quan san, những vàng trăng thấm thiết... [1, tr.316]. Bằng thủ pháp so sánh, Hoàng Phủ Ngọc Tường nhìn thấy dòng sông và thành phố của nó như cặp tình nhân lí tưởng của truyện Kiều: tìm kiếm và đuổi bắt, hào hoa và đam mê, thi ca và âm nhạc. Ông cũng khám ra bản đàn theo suốt đời Kiều lấy cảm hứng từ những năm tháng Nguyễn Du lên đênh trên sông nước với một phiến trăng sầu, và từ tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya [1, tr.320]. Không chỉ trong bút ký Ai đã đặt tên cho dòng sông? mà ở Hoa tươi quanh tôi Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng nhắc đến “âm hưởng xứ Huế” trong mỗi trang Kiều, cho thấy Hoàng Phủ Ngọc Tường có những nghiên ngầm với truyện Kiều và Nguyễn Du. Sự nhạy cảm cùng khả năng quan sát tinh tế luôn thường trực trong tài năng văn chương Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Trong Ai đã đặt tên cho dòng sông? không gian nội tâm được nuôi dưỡng bằng thời gian hoài niệm. Diện mạo quá khứ của dòng sông hiện ra một cách rõ nét trên hành trình hoài niệm của nhà văn cổ kim quán quát đản cài. Khi bước vào dòng chảy của thời gian hoài niệm, người đọc không còn nhận ra đâu là điểm nhìn của hiện tại bởi nhà văn không chỉ ra giới hạn thời gian khi mở đầu và kết thúc tác phẩm. Hoàng Phủ Ngọc Tường bắt đầu những dòng của Ai đã đặt tên cho dòng sông? bằng thời gian Xuân, Hạ, Thu, Đông, tôi vẫn thường lên thăm vườn An Hiên của chị Tùng ở Kim Long và kết thúc bằng một huyền thoại về dòng sông Hương.

Ai đã đặt tên cho dòng sông? nhìn ở phương diện thời gian nghệ thuật đã hiện lên bóng dáng cái tôi thứ hai của tác giả. Một con người luôn hoài vọng quá khứ để nâng niu những giá trị



tinh thần. Từ hình tượng dòng sông, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã làm nổi bật vẻ đẹp văn hoá, lịch sử và tâm hồn con người một vùng đất cổ kính của đất nước.

**ĐỀ 15: Hình tượng người lái đò trong tùy bút “ Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân.**

Bài làm

“ Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp” ( K. Pautopxki). Với tùy bút “ Người lái đò sông Đà”, ngòi bút của Nguyễn Tuân như nở hoa trong sự hoà phối diệu kì giữa cái đẹp của ngôn từ với ánh sáng tuyệt mỹ của chiều sâu hình ảnh, dẫn dắt người đọc đến với vẻ đẹp hung bạo mà trữ tình của thiên nhiên Tây Bắc, nhất là vẻ đẹp vàng 10 nơi tâm hồn con người mà nhà văn tập trung khắc hoạ qua hình tượng người lái đò.

Tác phẩm được thai nghén trong chuyến đi thực tế Tây bắc năm 1958, được rút ra từ tập tùy bút” Sông đà” (1960) là kết tinh của tấm lòng và tài năng nhà văn với những khát khao truy tìm “chất vàng 10” trong con người lao động vùng Tây bắc- thứ vàng đã được thử lửa.

Nếu Thạch Lam truy tìm cái đẹp trong cuộc đời nghèo khổ, bình dị, thì Nguyễn Tuân thường say mê với những vẻ đẹp phi thường, tuyệt mỹ. Trong quan niệm của nhà văn ngay cả những người bình thường khi thực thi những công việc bình thường cũng phải đạt tới đỉnh cao của sự tài hoa, khéo léo. Trước CM, Nguyễn Tuân chỉ thấy vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ ở những con người đặc tuyển, những con người quá khứ chỉ còn 1 thời vang bóng. Đó là những Huân Cao với tài bẻ khoá vượt ngục, viết chữ đẹp; là kẻ ăn xin nổi tiếng với thú thưởng thức trà....Thì cách mạng tháng 8 nổ ra với bao cuộc vận mình lột xác, ông không chủ trương chơi ngông bằng văn chương nữa mà đi tìm cái độc đáo trong cuộc đời để làm ra cái độc đáo của văn chương. Vẫn tiếp cận sự việc ở phương diện văn hoá thẩm mỹ, vẫn đi sâu khám phá nét tài hoa nghệ sĩ, nhưng ngòi bút tác gia đã hướng tới những người lao động bình thường của cuộc sống thực tại. Họ có thể chỉ là một người lái đò sông Đà như đã được xây dựng trong tập tùy bút cùng tên.

Trong cái nhìn độc đáo của Nguyễn Tuân, sông đà càng độc đáo, dữ dội, nham hiểm bao nhiêu thì vẻ đẹp và phẩm chất của người lái đò sông Đà càng nổi bật bấy nhiêu. Bởi thế, trước khi làm nổi bật “tay lái ra hoa” của người lái đò, nhà văn đã dành nhiều tài năng và tâm huyết để đặc tả cái hung bạo của thác dữ sông Đà như một cách dựng phong nền cho sự xuất hiện của nhân vật. Đúng như tiến sĩ Phan Huy Dũng nhận định” Như một sự độc đáo đi tìm những cái độc đáo”, cái tài trong nghệ thuật ngôn từ của Nguyễn Tuân là đã làm sống dậy và nổi sóng tất cả những sự vật vô tri vô giác. Dưới ngòi bút Nguyễn Tuân, ngôn ngữ như cựa quậy, gào thét với sóng nước sông Đà. Thế giới cảnh vật qua lăng kính chủ quan của nhà văn như một bức ảnh bất động được phần mềm Flash update lại để tạo nên một đoạn băng động rõ ràng về đường nét, sắc nét về âm thanh. Dưới ngòi bút ma lực của Nguyễn Tuân, dòng sông Đà như một con thủy quái “nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ suýt bất cứ người lái đò nào đi qua quãng sông ấy”, rồi “nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”. Nhưng hãy xem, âm thanh sông Đà mới ghê sợ. Âm thanh hay là hình ảnh? Nước hay là lửa? Tất cả bị hoà trộn trong một lối so sánh rất ấn tượng, sự so sánh tần tâng, bậc bậc mà có lẽ nếu ko phải Nguyễn Tuân với cái tài điều khiển ngôn ngữ, luyện đan ngôn từ của mình thì không ai có thể làm được như thế: “ Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang \*\*\*g lộn giữa rừng vầu rừng tre nửa nổ lửa, rừng lửa cũng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng”. Nhà văn lại liên tiếp dùng những từ chỉ thời gian như “đã thấy” “rời lại” “lại thấy”....kết hợp với các từ ngữ so sánh cực tả để làm

dây sóng tò mò, phấn khích, hồi hộp căng thẳng chỉ đợi cái giác cảm giật mình mạnh mẽ trước sự oà ra rất mực hùng tráng của cảnh vật, đặt người lái đò vào vị trí của một nhân vật chính trong một bộ phim kinh dị. Ai bảo trong văn chương, nhịp độ thời gian không thể ứng khớp được với nhịp độ không gian, xúc cảm giữa nhà văn và nhân vật? Trước những cái mạnh mẽ cuộn cuộn của nước lũ sông Đà, dòng ngôn ngữ của nhà văn cũng tuôn trào ào ạt mãnh liệt, cuộn xoáy. Ông lái đò trên chiếc thuyền kia cũng bị cuốn đi theo dòng nước và dòng chảy ngôn từ của một “ngòi bút nở hoa”.

Nguyễn Tuân là nhà văn thường say mê vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ hơn đời, hơn người. Vẻ đẹp ấy được bộc lộ sâu sắc tinh tế và nổi bật nhất qua cảnh ông lái đò đưa con thuyền vượt thác. Bằng cái nhìn sắc sảo của một nhà quân sự, Nguyễn Tuân đã chỉ rõ sự chênh lệch lớn về cả thể và lực giữa ông lái đò và thác dữ. Nếu thác dữ đông đảo hùng hậu, hiểm chiến với những “boong ke chìm” “pháo đài nổi” “đá tướng” “đá quân” “luồng ống” “luồng chết”... đã giăng sẵn trận địa với những vòng mai phục thì ông lái đò đã 70 tuổi, đơn độc trên con thuyền độc mộc chỉ có mái chèo là vũ khí. Nhưng kì lạ thay, đối mặt với thác dữ, người lái đò ấy vẫn chẳng hề nao núng: “Ông đò 2 tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình”. Đó cũng là bản lĩnh cứng cỏi hiên ngang, là cái gan góc bình tĩnh của một người lao động Tây Bắc.

Đâu chỉ có vậy, ngòi bút tài hoa của bậc thầy ngôn ngữ đã giúp Nguyễn Tuân khắc họa thành công không khí căng thẳng, quyết liệt trong trận chiến giáp lá cà giữa ông lái đò với thác dữ. Mỗi hòn đá, tảng đá nơi ả nước hiểm trở đều như có hình hài, tính cách của một tên địch quân nham hiểm hiểm chiến. Trận cận chiến được mở đầu bằng những hành động có vẻ tràn đầy tinh thần thượng võ “ một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào”. Thiên nhiên thực sự giữ vai trò chủ động trong việc mai phục con người, như được thể lẩn tới “ sóng nước như thể quân liều mạng vào sát nách mà đá trái, mà thúc gối vào bụng và hông thuyền” “ùa vào bẻ gãy cán chèo vũ khí trên cánh tay” rồi có lúc” chúng đội cả thuyền lên”. Những cảm nhận ấy đều hết sức tinh tế và chân thực, nó gợi nhớ tới sự chông chênh trong cuộc chiến với lũ cá mập của ông lão Xan-ti-ago trong tác phẩm của Hêminhuê. Sóng thác không chỉ “bám lấy thuyền như đò vật tùm thắt lưng ông đò lại lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la náo nập” mà còn “đánh những miếng đòn hiểm độc nhất” là bất ngờ “bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò”. Dù vô cùng đau đớn, “mặt méo bệch đi” “ mắt hoa đom đóm” nhưng ông lái đò vẫn cố nén vết thương, “ 2 chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái”. Ông lái đò đã vượt lên trên nỗi đau thể xác của mình bằng một tinh thần cứng cỏi, một bản lĩnh kiên cường- đó cũng là những vẻ đẹp vàng 10 của con người lao động Tây Bắc mà Nguyễn Tuân luôn thiết tha tìm kiếm, nâng niu.

Sau khi phá xong vòng vây thứ nhất, không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, ông lái đò đã “phá luôn vòng vây thứ hai và đôi luôn chiến thuật”. Như một chàng kĩ sĩ dũng mãnh đang chinh phục loài thủy quái” “cưỡi lên thác nước sông Đà” và “ cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ” Nguyễn Tuân đã sử dụng hàng loạt các động từ mạnh như “ nắm chặt lấy bờm sóng” “ ghi cương lái, phóng nhanh vào cửa sinh”... để làm nổi bật những hành động kiên quyết, dứt khoát, mạnh mẽ của ông lái đò đã giúp cho con thuyền vượt qua được trùng vi thạch trận vòng thứ hai, để lại sau mình cả lũ đá tướng, đá quân “ tiu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng”. Bước vào vòng vây tiếp theo, ông lái đò khéo léo đưa con thuyền “phóng thẳng chọc thủng” lũ đá hậu vệ và phóng rất nhanh vào cửa sinh. Với tốc độ “ vút, vút, cửa ngoài cửa trong. lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được, lượn được” Với nghệ thuật so sánh, Nguyễn Tuân vừa vẽ ra những đường nét chuyển động tinh tế của chiếc thuyền, vừa cho thấy vẻ đẹp của

một tay lái ra hoa- một nghệ sĩ trên sông nước. Với Nguyễn Tuân, hình ảnh người lái đò sông Đà không chỉ là anh hùng lao động mà là người anh hùng trên chiến trận- trong cuộc chiến chạy đua khốc liệt với thiên nhiên và chinh phục thiên nhiên “ hình ảnh cuộc chiến đấu gian lao trên chiến trường sông Đà” một “quãng thủy chiến ở mặt trận sông Đà”. cảnh người lao động sông Đà vượt thác gợi nhớ cảnh dũng tướng Triệu Tử Long đơn thwong độc mã phá vòng vây Đương Dương cứu Âm chúa.

Qua cái nhìn tài hoa uyên bác của Nguyễn Tuân, trong suốt cuộc đời gần 70 tuổi của mình ông lái đò đã trên 100 lần xuôi ngược dòng sông, trong đó khoảng 60 lần chính tay cầm lái, mà chỉ riêng đoạn sông từ Vạn Yên về xuôi đã có tới 73 con thác nham hiểm nên cả cuộc đời ông lái đò đã hàng ngàn lần vượt qua thác dữ, hàng ngàn lần chiến thắng dòng sông hung bạo. Dù chỉ đặc tả một lần vượt thác, nhưng Nguyễn Tuân vẫn làm nổi bật được toàn bộ cuộc đời tài hoa nghệ sĩ của ông đò. Bất giác thấy tràn về trong lòng một ý thơ Tố Hữu:

*“ Thác bao nhiêu thác cũng qua  
Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời”*

Phải chăng, giác cảm của sự ngợi ca trân trọng hình ảnh người lái đò cũng theo thuyền chũ của Nguyễn Tuân mà ào ạt ủa về?

Cuộc chiến trên mặt trận sông Đà cam go là thế, nhưng hãy xem hình ảnh người lái đò sau khi vượt thác. Một sự ung dung thanh thản tới kì lạ. Trong đêm nghỉ lại nơi hang đá, những con người ấy không chỉ “nướng ống cơm lam” mà còn “bàn về cá dầm xanh, cá anh vũ” cũng “chẳng thấy ai bàn thêm 1 lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi”. Chính tâm trạng ung dung thanh thản như thế đã giúp người đọc hình dung về tâm vóc của những người lao động anh hùng trên sóng nước sông Đà.

Đọc tùy bút “ Người lái đò sông đà”, hẳn không ai quên được tư thế hiên ngang trên thác của “ một người lái đò sông đà có tự do” bởi “ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá”, mà nói như Ăng-ghen “Tự do là ý thức của cái tất yếu”, và khi nắm được quy luật, người ta sẽ bước từ vương quốc của cái tất yếu sang vương quốc của tự do. Nhờ nắm được quy luật tất yếu của thác dữ sông đà, người lái đò luôn cảm thấy tự do và chiến thắng thác dữ. Phải chăng tác phẩm chính là khúc ca ca ngợi tư thế con người khi đứng trước thiên nhiên- một thiên nhiên mà trong quan hệ với con người muôn thù vừa là thù vừa là bạn. Đó là thế giới thiên nhiên đã không ít lần đi vào thế giới văn học trong “ Sơn Tinh, Thủy Tinh”, trong “Ông già và biển cả” của văn gia người Mỹ với những cuộc chiến nổi tiếng trên sông nước.

Có thể nói, khả năng làm chủ ngôn ngữ của Nguyễn Tuân thật phi thường. Muốn vậy gió tuôn mưa, hô phong hoán vũ, để từ đó dựng cảnh cho người lái đò xuất hiện với tất cả sự tài ba của một nghệ sĩ lái đò, một nhân vật đạt tới đỉnh cao của sự toàn mỹ trong công việc của mình. Phải chăng đó chính là cái độc đáo tài hoa của Nguyễn Tuân- cái điều mà ông vẫn quan niệm “đã viết văn thì phải viết cho hay, cho đúng cái tạng riêng của mình. Văn chương cần sự độc đáo hơn bất kì một lĩnh vực nào khác....”.

**ĐỀ 16: Anh chị hãy phân bài “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường.**

Bài làm

Ai đó đã từng viết “Đất nước có nhiều dòng sông nhưng chỉ có một dòng sông để thương, để nhớ như đời người có nhiều cuộc tình nhưng chỉ có một cuộc tình để mãi mãi mang theo”. Vâng, “một dòng sông để thương, để nhớ” của mỗi người rất khác nhau. Nếu tên tuổi Văn Cao gắn liền với sông Lô hùng tráng; nếu Hoàng Cầm là nỗi nhớ của ta khi ngang qua “Sông Đuống trôi đi một dòng lấp lánh”; nếu Hoài Vũ mãi là nhà thơ của con sông Vàm Cỏ đêm ngày thao thiết chở phù sa, thì Hoàng Phủ Ngọc Tường đã song hành cùng sông Hương đi vào trái tim người đọc với “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”.... Có một huyền thoại vọng về từ làng Thành Trung, một ngôi làng trồng rau thơm ở Huế: Vì yêu quý con sông xinh đẹp, người dân hai bên bờ sông Hương đã nấu nước của trăm loài hoa đổ xuống dòng sông cho làn nước xanh thắm ấy mãi mãi thơm tho.

Phải chăng đó là cách lý giải tên của Hương Giang – con sông gắn liền với Huế, gắn liền với tình yêu của Hoàng Phủ Ngọc Tường? Bút ký “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” được viết năm 1981, khi tác giả đã sông bên bờ sông Hương, sông trong lòng Huế hơn 40 năm trời, tình yêu máu thịt đối với quê hương cứ lớn lên từng ngày và nó hiện hữu ở mọi thời gian, mọi không gian.

Khi tác giả ngồi đọc truyện Kiều giữa mùa thu, trong một khu vườn xưa cổ, nơi có những loài hoa đang nở, trái cây đang chín, yên tĩnh và khoáng đạt - khu vườn tọa lạc trên vùng đất mà Nguyễn Du từng sống nên thiên nhiên của “mảnh đất Kinh- xưa” đã in bóng trong thơ Nguyễn, ngược lại sông Hương và Huế đã gợi cho tác giả hình tượng của cặp tình nhân lý tưởng: Kim-Kiều.

Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một dòng chảy nào đáng yêu đến thế, sông Hương đến với Huế qua cái nhìn của Hoàng Phủ Ngọc Tường đã mang hình ảnh một cô gái mỹ miều đến với tình yêu. Hãy ngắm nhìn nàng trước khi gặp Huế, đó là “một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại” “bản lĩnh và gan dạ” có một tâm hồn “tự do và trong sáng”, đó là hình ảnh “bản trường ca của rừng già” rầm rộ và mãnh liệt nhưng cũng có lúc “địu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng”, nàng đã chế ngự sức mạnh bản năng của mình để đến lúc ra khỏi rừng già sẽ trở nên dịu dàng và trí tuệ. Để đến với Huế, sông Hương phải băng qua một hành trình, phải chuyển dòng liên tục, như một cuộc kiếm tìm thiết tha và rạo rực, vô vàn địa danh mà dòng nước ấy đã trôi qua Hòn Chén, Ngọc Trản, Nguyệt Biều, Lương Quán, Thiên Mục... người con gái Di-gan ấy đã đột ngột uốn mình theo một đường cong thật mềm nhưng “vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản, để sắc nước trở nên xanh thắm”, nàng vẫn còn mang một vẻ buồn trầm mặc như triết lý, như cổ thi... cho đến khi gặp được tiếng chuông Thiên Mục, nghe âm thanh bát ngát tiếng gà, từ ấy sông Hương rạng rỡ như nắng mới, nàng uốn một cánh cung thật nhẹ, đến khi giáp mặt với thành phố, đường cong ấy làm cho nàng “mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”- Cái phút ban đầu để đến với “người tình” của sông Hương như thế đấy! Nàng đã tự làm mới mình để hiến tặng những gì đẹp nhất cho người yêu.

Sông Hương - dòng sông thuộc về một thành phố duy nhất - đã rời cuộc sống hoang dã của rừng để đến với Huế và chỉ Huế mà thôi, nàng như “sông Xen của Paris, sông Danuyp của Budapet...” chảy trong lòng thành phố yêu quý của mình nhưng khác ở chỗ nàng đẹp một cách huyền hồ như đang che khuôn mặt diễm kiều bằng tấm voan sương khói, nàng trôi lặng lẽ với nghìn ánh hoa đăng vào hội rằm tháng 7 bồng bênh chao nhẹ trên mặt nước như vương vấn một nỗi lòng. Tôi chợt nhớ đến một câu nói “có những dòng tình cảm, rất sâu nên rất đổi lặng lẽ”, dòng chảy êm đềm của sông Hương hay chính là tình yêu sâu lắng mà nàng dâng tặng cho thành phố Huế? Vẻ đẹp của sông Hương còn là vẻ đẹp của một nền văn hóa, vẻ đẹp của người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh sôi trên mặt sông này và

hơn thế khắp lưu vực sông còn vang vọng những điệu hò dân dã, những điệu hò thắm đằm tằm chung tình, thắm đằm lời thề của sông Hương trước phút chia tay với Huế mà trôi về biển cả. Nhưng chẳng phải bao giờ sông Hương cũng là người con gái đằm thắm, dịu dàng, mềm mại trong lòng Huế, đã có một thời sông Hương “mang tên là Linh Giang, dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam” của Tổ quốc, về vang soi bóng kinh thành Phú Xuân, “dòng sông của thời gian ngân vang”, của lịch sử viết giữa màu cỏ xanh, lá biếc...

Sông Hương được nhìn như một người con gái đến với tình yêu, dâng tặng những vẻ đẹp mà mình có được cho người yêu, đắm mình trong tình yêu để khám phá và hoàn thiện bản thân. Từ một dòng sông hoang dại, bí ẩn, nặng nề đã trở thành một sông Hương rất mực dịu dàng, rất mực tài hoa, rất mực kiên cường, rất mực hy sinh...

Cho nên, từ khi có được sông Hương, Huế - chàng Kim của nàng- cũng có nhiều thay đổi. Từ hoang sơ với “cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại” hay kiêu hãnh âm u với những lăng tẩm đền đài đồ sộ, đã hóa thành vẻ đẹp cổ kính mà thơ mộng, khiến người con của Huế dù đến Pari, Budapét hay Leningrad vẫn đau đáu nhớ về một thành phố với nguyên dạng đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông. Huế càng lung linh hơn khi sông Hương chở trong lòng Huế những nét đặc thù của hội Hoa đăng, của ca Huế, man mác tiếng rơi của những mái chèo khuya. Có sông Hương, Huế trở thành biên thùy xa xôi của đất nước các vua Hùng, Huế chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam của Đại Việt, Huế là kinh thành của người anh hùng Nguyễn Huệ, Huế cùng sông Hương đi vào Cách mạng tháng 8 bằng những chiến công rung chuyển. Huế đã cống hiến xứng đáng cho Tổ quốc trong cuộc trường chinh máu lửa bên cạnh sông Hương - dòng sông của sử thi đã tự hiến đời mình làm một chiến công.

Tình yêu của sông Hương và Huế - một tình yêu lãng mạn và âm vang sức sống, một tình yêu như một cuộc tìm kiếm và đuổi bắt, hào hoa và đam mê, bản hợp xướng diệu kỳ giữa thi ca và âm nhạc. Tình yêu ấy được vun đắp bởi ngòi bút tài hoa của Hoàng Phủ Ngọc Tường, đưa con thân yêu của Huế, yêu Huế, yêu sông Hương, nhìn ngắm sông Hương khi gần kề để phát hiện ra dòng sông ấy “đang đổi sắc không ngừng dưới ánh nắng và mùi hương của hoa trái trong vườn”, lúc xa xôi gần nửa vòng trái đất, nhìn Nê va để sông Hương tìm về trong niềm nhớ.

Sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường không chỉ mang vẻ đẹp trời phú mà còn ánh lên vẻ đẹp của con người, những tài nữ đánh đàn, những người dân Châu Hóa lái thuyền xuôi ngược, những người con anh dũng đã hi sinh, những Nguyễn Du, những bà huyện Thanh Quan, những Tố Hữu... đã viết thơ trên dòng chảy long lanh in bóng mây trời.

Cũng như tình yêu của sông Hương với Huế, tình yêu của Hoàng Phủ Ngọc Tường với sông Hương cũng là quá trình dâng tặng, khám phá và hoàn thiện chính mình. Tuy nhiên, vì sông Hương là hóa thân của huyền thoại nên câu hỏi băng khuâng của một người Hà Nội khi lặng lẽ ngắm nhìn dòng nước : “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” vẫn là một câu hỏi lửng lơ chưa có lời giải đáp , câu hỏi đã thành tên cho một thiên bút ký tuyệt vời...

### **ĐỀ 17: Phân tích tác phẩm Vợ Chồng A Phủ của Tô Hoài.**

#### Bài làm

Mị là nhân vật trung tâm trong truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ” mà nhà văn Tô Hoài đã giành nhiều tài năng và tâm huyết để xây dựng. Truyện được trích từ tập “truyện Tây Bắc” (1953) của Tô Hoài. Trong chuyến đi cùng bộ đội vào giải phóng miền Tây Bắc (1952), Tô Hoài đã có dịp sống, cùng ăn, cùng ở với đồng bào các dân tộc miền núi, chính điều đó đã giúp Tô Hoài tìm

được cảm hứng để viết truyện này. Tô Hoài thành công trong “Vợ chồng A Phủ” không chỉ do vốn sống, tình cảm sống của mình mà còn là do tài năng nghệ thuật của một cây bút tài hoa. Trong “Vợ chồng A Phủ”, Tô Hoài đã sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật, trong đó nổi bật và đáng chú ý nhất là biện pháp phân tích tâm lý và hành động của Mị trong từng chặng đường đời. Điểm nghệ thuật ấy thật sự phát sáng và thăng hoa trong đoạn văn miêu tả tâm lý và hành động của nhân vật Mị trong đêm mùa đông cứu A Phủ. Qua đó ta thấy được giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

Trong tác phẩm này, điều gây cho bạn đọc ấn tượng nhất đó chính là hình ảnh của cô gái “dù làm bất cứ việc gì, cô ta cũng cúi mặt, mắt buồn rười rượi”. Đó là tâm lý của một con người cam chịu, buông xuôi trước số phận, hoàn cảnh sống đen tối đầy bi kịch. Sở dĩ Mị có nét tính cách ấy là do cuộc sống hôn nhân cưỡng bức giữa Mị và A Sử. Mị không được lấy người mình yêu mà phải ăn đời ở kiếp với một người mà mình sợ hãi, lạnh lùng. Một nguyên nhân nữa chính là do uy quyền, thần quyền, đồng tiền của nhà thống lý Pá Tra đã biến Mị thành một đứa con dâu gặt nợ. Mang tiếng là con dâu của một người giàu có nhất vùng, nhưng thật sự Mị chỉ là một kẻ nô lệ không hơn không kém. Điều đó làm Mị đau khổ, Mị khóc ròng rã mấy tháng trời và từng có ý định ăn nắm lá ngón kết thúc cuộc đời mình. Thế nhưng “sống lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi”. Chính vì thế Mị đã buông xuôi trước số phận đen tối của mình, trái tim của Mị dần chai sạn và mất đi nhịp đập tự nhiên của nó.

Song song với nét tính cách đó lại là tâm trạng của một người yêu đời, yêu cuộc sống, mong muốn thoát khỏi hoàn cảnh sống đen tối, đầy bi kịch. Điều đó đã được thể hiện trong đêm mùa xuân.

Trong đêm mùa xuân ấy, tâm trạng của Mị phát triển theo những cung bậc tình cảm khác nhau, cung bậc sau cao hơn cung bậc trước. Ban đầu, Mị nghe tiếng sáo Mèo quen thuộc, Mị nhắm thắm bài hát người đang thổi, rồi Mị uống rượu và nhớ lại kỷ niệm đẹp thời xa xưa... Mị ý thức được về bản thân và về cuộc đời rồi Mị muốn đi chơi. Nhưng sợi dây thô bạo của A Sử đã trói đứng Mị vào cột. Thế nhưng sợi dây ấy chỉ có thể “trói” được thân xác Mị chứ không thể “trói” được tâm hồn của một cô gái đang hòa nhập với mùa xuân, với cuộc đời. Đêm ấy thật là một đêm có ý nghĩa với Mị. Đó là đêm cô thực sự sống cho riêng mình sau hàng ngàn đêm cô sống vật vờ như một cái xác không hồn. Đó là một đêm cô vượt lên uy quyền và bạo lực để sống theo tiếng gọi trái tim mình.

Sau đêm mùa xuân ấy, Mị lại tiếp tục sống kiếp đời trâu ngựa. Thế nhưng viết về vấn đề này, Tô Hoài khẳng định: cái khổ cái nhục mà Mị gánh chịu như lớp tro tàn phủ khuất che lấp sức sống tiềm tàng trong lòng Mị. Và chỉ cần có một luồng gió mạnh đủ sức thổi đi lớp tro buồn nguội lạnh ấy thì đóm lửa ấy sẽ bùng cháy và giúp Mị vượt qua cuộc sống đen tối của mình. Giá trị nhân đạo của tác phẩm ngời lên ở chỗ đó.

Và cuối cùng, luồng gió ấy cũng đến. Đó chính là những đêm mùa đông dài và buồn trên núi rừng Tây Bắc đang về. Mùa đông rét buốt như cắt da cắt thịt, vì thế đêm nào Mị cũng ra bên ngoài bếp lửa để thổi lửa hơ tay. Trong những đêm đó Mị gặp A Phủ đang bị trói đứng chờ chết giữa trời giá rét. Thế nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa hơ tay “Dù A Phủ là cái xác chết đứng đó cũng thế thôi”. Tại sao Mị lại lãnh cảm, thờ ơ trước sự việc ấy? Phải chăng việc trói người đến chết là một việc làm bình thường ở nhà thống lý Pá Tra và ai cũng quen với điều đó nên chẳng ai quan tâm đến. Hay bởi Mị “sống lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi” nên Mị lãnh đạm, thờ ơ trước nỗi đau khổ của người khác. Một đêm nữa lại đến, lúc đó mọi người trong nhà đã ngủ yên cả rồi, Mị lại thức dậy đến bếp đốt lửa lên để hơ tay. Lửa cháy sáng, “Mị lé mắt trông sang, thấy

hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại”. Đó là dòng nước mắt của một kẻ nô lệ khi phải đối mặt với cái chết đến rất gần. Chính “dòng nước mắt lấp lánh ấy” đã làm tan chảy lớp băng giá lạnh trong lòng Mị. Lòng Mị chợt bồi hồi trước một người, trùng cảnh ngộ. Đêm mùa xuân trước Mị cũng bị A Sử trói đứng thế kia, có nhiều lần khóc nước mắt rơi xuống miệng, xuống cổ không lau đi được. Mị chợt nhận ra người ấy giống mình về cảnh ngộ, mà những người cùng cảnh ngộ rất dễ cảm thông cho nhau. Mị nhớ lại những chuyện thật khủng khiếp lúc trước kia, “chúng nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở trong cái nhà này”. Lý trí giúp Mị nhận ra “Chúng nó thật độc ác”. Việc trói người đến chết còn ác hơn cả thú dữ trong rừng. Chỉ vì bị hổ ăn mất một con bò mà một người thanh niên khỏe mạnh, siêng năng, say sưa với cuộc đời đã phải lấy mạng mình thay cho nó. Bọn thống trị coi sinh mạng của A Phủ không bằng một con vật. Và đâu ai phạm tội như A Phủ cũng bị xử phạt như thế mà thôi. Nhớ đến những chuyện ngày trước, trở về với hiện tại, Mị đau khổ cay đắng cho thân phận của mình: “Ta là thân đàn bà chúng nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết chờ ngày rũ xương ở đây thôi”. Nghĩ về mình, Mị lại nghĩ đến A Phủ “có chừng này, chỉ đêm nay thôi là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Người kia việc gì mà phải chết như thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy”. Thật sự, chẳng có lí do gì mà bọn thống lí Pá Tra bắt A Phủ phải chết vì cái tội để mất một con bò! Trong đầu Mị bỗng nhiên nghĩ đến cảnh A Phủ bỏ trốn và chính Mị sẽ là người chết thay cho A Phủ trên cái cột tưởng tượng đó. Thế nhưng, Mị vẫn không thấy sợ, sự suy tưởng của Mị là có cơ sở của nó. Cha con Pá Tra đã biến Mị từ một con người yêu đời, yêu cuộc sống, tài hoa chăm chỉ, hiếu thảo, tha thiết với tình yêu thành một con dâu gặt nợ, một kẻ nô lệ đúng nghĩa, chúng đã tàn ác khi trói một người đàn bà ngày trước đến chết thì chẳng lẽ chúng lại không đối xử với Mị như thế ư? Như vậy, chứng kiến “dòng nước mắt lấp lánh” của A Phủ, tâm trạng của Mị diễn biến phức tạp. Mị thông cảm với người cùng cảnh ngộ, Mị nhớ đến chuyện người đàn bà ngày trước, lí trí giúp Mị nhận ra bọn lãnh chúa phong kiến thật độc ác, Mị xót xa trước số phận của mình rồi Mị lại nghĩ đến A Phủ; sau đó Mị lại tưởng tượng đến cái cảnh mình bị trói đứng... Một loạt nét tâm lí ấy thúc đẩy Mị đến với hành động: dùng dao cắt lúa rút dây mây cởi trói cho A Phủ. Đó là một việc làm táo bạo và hết sức nguy hiểm nhưng nó phù hợp với nét tâm lí của Mị trong đêm mùa đông này.

Sau khi cắt dây cởi trói cho A Phủ, Mị cũng không ngờ mình dám làm một chuyện động trời đến vậy. Mị thì thào lên một tiếng “đi ngay” rồi Mị nghẹn lại. A Phủ vùng chạy đi, còn Mị vẫn đứng lặng trong bóng tối. Ta có thể hình dung được nét tâm lí ngổn ngang trăm mối của Mị lúc này. Lòng Mị rối bời với trăm câu hỏi: Vứt chạy theo A Phủ hay ở đây chờ chết?. Thế là cuối cùng sức sống tiềm tàng đã thôi thúc Mị phải sống và Mị vứt chạy theo A Phủ. Trời tối lắm nhưng Mị vẫn băng đi. Bước chân của Mị như đạp đổ uy quyền, thần quyền của bọn lãnh chúa phong kiến đương thời đã đè nặng tâm hồn Mị suốt bao nhiêu năm qua. Mị đuổi kịp A Phủ và nói lời đầu tiên. Mị nói với A Phủ sau bao nhiêu năm câm nín: “A Phủ. Cho tôi đi! Ở đây thì chết mất”. Đó là lời nói khao khát sống và khao khát tự do của nhân vật Mị. Câu nói ấy chứa đựng biết bao tình cảm và làm quặn đau trái tim bạn đọc. Đó chính là nguyên nhân - hệ quả của việc Mị cắt đứt sợi dây vô hình ràng buộc cuộc đời của mình. Thế là Mị và A Phủ diu nhau chạy xuống dốc núi. Hai người đã rời bỏ Hồng Ngài - một nơi mà những kỉ niệm đẹp đối với họ quá ít, còn nỗi buồn đau, tủi nhục thì chồng chất không sao kể xiết. Hai người rời bỏ Hồng Ngài và đến Phiềng Sa, nhưng những ngày phía trước ra sao họ cũng chưa biết đến...

Rõ ràng, trong đêm mùa đông này, sức sống tiềm tàng đóng một vai trò hết sức quan trọng. Chính nó đã giúp Mị vượt lên trên số phận đen tối của mình. Mị cứu A Phủ cũng đồng

nghĩa với việc Mị tự cứu lấy bản thân mình. Qua đoạn trích trên, Tô Hoài đã ca ngợi những phẩm chất đẹp đẽ của người phụ nữ miền núi nói riêng và những người phụ nữ Việt Nam nói chung. Tô Hoài đã rất cảm thông và xót thương cho số phận hẩm hiu, không lối thoát của Mị. Thế nhưng bằng một trái tim nhạy cảm và chan chứa yêu thương, Tô Hoài đã phát hiện và ngợi ca đốm lửa còn sót lại trong trái tim Mị. Tư tưởng nhân đạo của nhà văn sáng lên ở đó. Đồng thời qua tác phẩm, Tô Hoài cũng đã khẳng định được chân lí muôn đời: ở đâu có áp bức bất công thì ở đó có sự đấu tranh để chống lại nó dù đó là sự vùng lên một cách tự phát như Mị. Quả thật, tác phẩm này giúp ta hiểu được nhiều điều trong cuộc sống.

Với truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ” nói riêng và tập “Truyện Tây Bắc” nói chung, ta hiểu vì sao Tô Hoài lại thành công trong thể loại truyện ngắn đến như vậy. Nét phong cách nghệ thuật: màu sắc dân tộc đậm đà chất thơ chất trữ tình thấm đượm, ngôn ngữ lời văn giàu tính tạo hình đã hội tụ và phát sáng trong truyện ngắn này. Tác phẩm “Truyện Tây Bắc” xứng đáng với giải nhất truyện ngắn - giải thưởng do Hội nghệ sĩ Việt Nam trao tặng năm 1954 - 1955. Và “Vợ chồng A Phủ” thực sự để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn đọc bởi những giá trị nghệ thuật, giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của nó. Truyện ngắn này quả là một truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách Tô Hoài.

Đối với riêng em, truyện “Vợ chồng A Phủ” giúp em cảm thông sâu sắc trước nỗi khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến miền núi, từ đó giúp em ngày càng trân trọng khát vọng của họ hơn. Đây quả là một tác phẩm văn chương đích thực bởi nó đã góp phần nhân đạo hóa tâm hồn bạn đọc như Nam Cao đã quan niệm trong truyện ngắn “Đời thừa”.

**ĐỀ 18: Qua hai nhân vật Mị và A Phủ, hãy phân tích giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài.**

#### Bài làm

Tô Hoài trước 1945 nổi tiếng với tiểu thuyết “Dế mèn phiêu lưu ký”. Đi theo Cách mạng rồi đi kháng chiến chống Pháp, Tô Hoài hoạt động ở vùng rừng núi Tây Bắc. Kết quả rực rỡ của chuyến đi thực tế dài ngày đó là tập “Truyện Tây Bắc” ra đời, được giải nhất giải thưởng Hội Văn Nghệ Việt Nam 1954-1955. “Vợ chồng A Phủ” là tác phẩm hay nhất trong truyện “Truyện Tây Bắc” của Tô Hoài. Truyện đã diễn tả quá trình giác ngộ và vùng dậy chống phong kiến và đế quốc của các dân tộc Tây Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng. “Vợ chồng A Phủ” cũng là kết quả của một quá trình chuyển biến đến độ chín muồi của tư tưởng và tình cảm nhà văn. Tình cảm của tác giả đã quyện lẫn với tình cảm của dân tộc anh em một cách chan hòa tự nhiên, đó là tấm lòng biết ơn, thủy chung, tình nghĩa đối với các vùng du kích đã tiếp tế che chở cho cán bộ, bộ đội hoạt động ở vùng địch hậu Tây Bắc”.

“Vợ chồng A Phủ” tố cáo sâu sắc tội ác của bọn phong kiến miền núi Tây Bắc đối với các dân tộc vùng cao. Tác phẩm đã nói lên một cách đau xót nỗi thống khổ bao đời của các dân tộc anh em ở Tây Bắc dưới ách đô hộ của thực dân Pháp và bè lũ tay sai là quan lang, quan châu, phía (Thái), tạo (Mường), thống lí (H’Mông).

Dưới chế độ thống trị tàn bạo man rợ của bọn thống lí, quan bang, những người đi ở trừ nợ như A Phủ, làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí như Mị là những “kiếp trâu ngựa”, khốn khổ, nhục nhã ê chề. Thật ra những kiếp người như Mị, như A Phủ là những kẻ nô lệ ở vùng cao. Bọn thống lí là một thứ “vua” ở vùng cao, chúng có quyền sinh quyền sát đối với người dân Tây Bắc.



Chúng có quyền bắt bớ, đánh đập, bắt làm nô lệ, gả bán, thậm chí có thể giết người một cách dã man (trong truyện có nhắc đến một người con gái bị trói đứng rồi chết và A Phủ thì suýt chết).

Chỉ trong một truyện ngắn mà tác giả đã mô tả được bức tranh toàn cảnh về giai cấp thống trị Tây Bắc, giá trị hiện thực của tác phẩm thật là sâu sắc.

Mị là một cô gái đẹp (tả gián tiếp ví như những đêm tình mùa xuân, con trai đến đứng nhìn đầu buồng Mị...), tài hoa (biết thổi khèn, thổi sáo, thổi lá cũng hay như thổi khèn) và giàu tình cảm. Vẻ đẹp của Mị gợi nhớ Kiều. Sinh ra trong một gia đình nghèo, Mị bị A Sử, con trai thống lí cướp về làm vợ để trừ nợ. Mị là vợ của A Sử nhưng thực ra chỉ là một người đầy tớ, một nô lệ của gia đình thống lí. Mị lặng lẽ như một con rùa trong xó cửa, quanh năm chỉ biết vùi đầu vào những công việc lao động nặng nhọc “Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp... Bao giờ cũng thế, suốt đời suốt năm như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào làm việc cả đêm, cả ngày.”. Ngày Tết, A Sử trói Mị trong buồng tối rồi rủ bạn đi chơi. Tô Hoài, qua nhân vật Mị còn phản ánh những tập tục man rợ của các dân tộc vùng cao. Người đàn bà khi bị cướp về trình ma thì vô hình người đàn bà (mà Mị là điển hình) đã trói cả đời mình vào nhà ấy. Nếu chẳng may chồng chết thì người ấy phải làm vợ người khác trong nhà, có khi là một người anh chồng già lụ khụ, có khi là một người em chồng còn ở tuổi trẻ con, và nếu chồng lại chết, lại vẫn phải ở với một người đàn ông khác vẫn trong nhà ấy... Phải suốt đời ở trong nhà ấy.

Mị chết dần chết mòn ở trong nhà của thống lí. Ngoài những lúc công lưng làm việc như con trâu, con ngựa thì Mị lại bị nhốt trong cái buồng kín mít chỉ được nhìn ra ngoài qua một cái “lỗ vuông bằng bàn tay, lúc nào trông ra cũng thấy trắng trắng, không biết là sương hay là nắng”.

A Phủ là chàng trai H'Mông nghèo khỏe mạnh, chạy nhanh như ngựa, săn bò tót rất giỏi. Con gái trong bản rất thích A Phủ, “đứa nào lấy được A Phủ cũng bằng có được con trâu tốt trong nhà”. A Phủ cũng là một thanh niên yêu tự do. Ngày Tết, A Phủ rủ bạn đi chơi đánh pao, A Sử đến phá đám bị A Phủ đánh. Thống lí Pá tra bắt A Phủ đánh đập, hành hạ, phạt vạ một trăm đồng bạc trắng. A Phủ phải ở cho thống lí trừ nợ. Thế là trong nhà thống lí có thêm một con người bất hạnh nữa làm nô lệ. Mị thì làm tôi tớ trong nhà, còn A Phủ thì làm tôi tớ ngoài rừng. “Đời mày, đời con, đời cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi”. A Phủ một mình ngoài rừng, trên núi cao đốt nương chăn bò, săn bò tót... Chẳng may một lần động rừng, hổ xuống ăn mất một con bò. Thống lí đã bắt A Phủ trói đứng suốt ngày đêm ngoài trời. Đó thể nói cha con thống lí Pá Tra và bọn tay chân như lí dịch, quan lang, xéo phải... là những điển hình cho giai cấp thống trị tàn bạo, man rợ của vùng cao Tây Bắc. Mị và A Phủ - Hai số phận bi thảm là hiện thân của thứ nô lệ của chế độ phong kiến man rợ ở Tây Bắc. Nhưng Tô Hoài không dừng lại ở việc phản ánh bản chất tàn bạo, dã man của giai cấp thống trị Tây Bắc, nhà văn còn đi sâu vào bản chất của cuộc sống của dân tộc vùng cao, phản ánh sức sống mãnh liệt của các dân tộc Tây Bắc và sự vùng dậy chiến thắng của các dân tộc Tây Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Mị bị trói buộc, bị chà đạp nặng nề, nhưng trong sự câm lặng của Mị tiềm tàng một sự sống mãnh liệt. Ngày Tết, Mị cũng muốn đi chơi, nhưng bị A Sử trói vào cột nhà, quấn tóc vào cột. “Cả đêm Mị phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại nong nãn tha thiết nhớ. Hơi rượu toả. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa”. Sự đàn áp tàn bạo ấy cũng không thể nào dập tắt được sức sống của tuổi xuân, không thể nào dập tắt được ngọn lửa của tình yêu. Đau khổ ê chề như thế, nhưng chỉ nhìn thấy A Phủ bị trói là Mị lại động lòng, thương. “Trời ơi, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta

là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi...Người kia việc gì phải chết thế”. Đây là biểu hiện của sự nổi loạn trong lòng, Còn đây là hành vi nổi loạn của Mị: Nàng đã cắt dây trói cho A Phủ cũng chính là nàng tự cắt dây trói vô hình trói nàng vào gia đình thống lí Pá-Tra. Rồi cả hai cũng lao chạy xuống dốc núi. Mị đã tự giải thoát khỏi ách áp bức nô lệ của chế độ phong kiến tàn bạo, dã man. Sức sống tiềm tàng trong con người Mị đã trỗi dậy. Tuổi trẻ, sức xuân, tình yêu đã chiến thắng bạo tàn. Khi sắc xuân đã đầy ắp trong vườn thì một bông hạnh chia ra ngoài tường nở là điều tất nhiên:

*“Xuân sắc mãn viên quan bất trú  
Nhất chi hồng hạnh xuất tường lai”*

*(Du viên bất trú - Chơi vườn không được vào)*

Mị và A Phủ đã đi một một tháng đường rừng. Họ đến Phiềng Sa và đã thành vợ chồng - vợ chồng A Phủ. Họ tự dựng nhà dựng cửa làm ăn sinh sống ở Phiềng Sa. Họ mơ ước có một gia đình hạnh phúc. Nhưng giặc Pháp lại tràn đến Phiềng Sa. Gia đình A Phủ bị cướp bóc. A Phủ bị giặc Pháp bắt hành hạ. Nhưng A Phủ vẫn chưa hiểu được vì sao anh lại bị giặc Pháp bắt, anh lại “thù cán bộ” vì thằng Tây bảo anh nuôi cán bộ nên mới bắt lợn của anh, đánh đập anh, cắt tóc anh. Được A Châu giác ngộ, vợ chồng A Phủ ffa tham gia đội du kích chống Pháp ở Phiềng Sa. Vợ chồng A Phủ đã từ đấu tranh tự phát vươn lên tự giác. A Phủ trở thành đội trưởng đội du kích Phiềng Sa. Mị đã giúp việc đắc lực cho A Phủ. từ đấu tranh giải thoát áp bức phong kiến, đến tham gia kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng, đó cũng là hiện thực sâu sắc của quá trình phát triển các dân tộc Tây Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

“Vợ chồng A Phủ” có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Tác phẩm đã phản ánh trung thực quá trình giác ngộ và vùng dậy của Mị và A Phủ, qua đó phản ánh được sự trưởng thành của các dân tộc Tây Bắc dưới ánh sáng của Đảng. Đồng thời tác phẩm cũng phản ánh được chính sách nhân đạo của Đảng đối với các dân tộc anh em là giải phóng người lao động bị áp bức, bóc lột, giải phóng mọi sức sống đang bị các thế lực thống trị kìm hãm, trói buộc. Chính vì có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc mà truyện “Vợ chồng A Phủ” có sức hấp dẫn và có giá trị bền lâu.

### **ĐỀ 19: Phân tích sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị (Vợ chồng A Phủ – Tô Hoài)**

#### Bài làm

Có những sở thích nhất thời, song cũng có những sở thích đời đời không thay đổi, có những nỗi đau thoáng qua và cũng có những vết thương hằn sâu theo năm tháng. Nếu giờ những trang đời đẫm lệ của Kiều ta sẽ khóc, nếu Chí Phèo chết ta xót thương thì khi đọc Vợ chồng A Phủ ta cũng cho phép tìm mình rung lên theo tiếng thổn thức của Mị. Một cô gái trẻ phải chôn vùi cuộc đời thanh xuân trong nhà tên thống lí đến khi trốn khỏi Hồng Ngài, ta vẫn còn thấy được một sức sống tiềm tàng mãnh liệt trong người con gái Mèo ấy!

Hạt nảy mầm ra hoa kết trái là một qui luật tự nhiên. Là con gái lớn lên lấy chồng về làm dâu nhà chồng cũng là một tự nhiên và cũng là mơ ước của họ. Thế nhưng, hạnh phúc rất nhiều song nói như người đời, ông trời lại hay ích kỉ, ông chỉ ban cho một số người hạnh phúc còn khổ đau dường như nhân loại ai cũng được hưởng. Em nhớ H.Banzac trong “Miếng da lừa” có viết “Trên đời không có gì trọn vẹn hơn sự bất hạnh” là vậy. Ngay cả hạnh phúc tưởng chừng như tâm

thường dễ dàng đó cũng không mỉm cười với Mị, nó quay lưng với cô và mở cho cô trang đời cơ cực: trang đời đầm đày nước mắt.

Chân dung Mị hiện lên đầu tác phẩm gần như là tảng đá chai sạn khô lạnh, dường như ngọn lửa tình người đã vĩnh viễn tắt ngấm trong trái tim cô. Cô cứ “lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa”. Từ ngày bị bắt về làm dâu gạt nợ trong nhà thống lí đến nay, gương mặt Mị chỉ toàn nước mắt. Gia đình Pá Tra nào có xem Mị là một con người, là một thành viên hợp pháp? Một con ờ! Thậm chí một con vật. Làm việc cạnh tàu ngựa, buồng ngủ gần tàu ngựa Mị giống như con ngựa nhà thống lí. Ngày nói ngày, Mị chỉ biết “quay tơ hái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi, đi cống nước”. Mị tồn tại đấy song chỉ là cái xác biết đi, linh hồn Mị tắt lịm từ bao giờ rồi.

Song, thật sự Mị vẫn chưa chết, con người của Mị ngày xưa vẫn còn sống trong thể xác héo mòn và vẫn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt. Mị là con của núi rừng sơn cước, dòng suối rừng cây đã nhen nhóm trong cô một vẻ hồn nhiên mộc mạc. Cô sống như chính cô, không giả dối, không tính toán so đo. Mị rất yêu đời. Cô đẹp, cô có tài thổi sáo và đã từng vui chơi như tất cả mọi người. Cô không có con trai khấp kín dưới lòng biển sâu mà cô là cánh chim hay hót của núi rừng. Mị đã từng phản đối khi nghe tin Pá Tra đòi bắt cô về làm dâu gạt nợ. Mị bảo với bố “Con nay đã biết cuộc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu”. Mị yêu tự do, Mị yêu cuộc sống Mị muốn là cánh hải âu không sợ biển lớn, sông dài, cô sẵn sàng trả bằng mọi giá để được tự do bên bố, bên gia đình, được yêu, được ca hát. Mị đã có ý thức hăn hoi về cuộc sống, thế nhưng sự ngang trái cuộc đời đã chụp lên Mị màu đen tang tóc. Đối với Mị tự do là điều quý nhất. Song, đóa hoa vừa chớm nụ xuân vừa rung rung ngỡ ngàng đón cuộc đời mới - đời thiếu nữ - đã bị người ta ngắt, người ta vò nát, không thương tiếc: Mị bị A Sử bắt.

Đau đớn đến tận cùng “có đến hàng mây tháng đêm nào Mị cũng khóc” và rồi chính sức sống mãnh liệt, chính tình yêu cuộc sống đã đưa Mị đến ý định tự tử: Thà tự hủy diệt thân xác còn hơn sống mà không được tự do, sống theo lí tưởng của mình. Những ngang trái cuộc đời không buông tha Mị, cũng như bẻ khở thể gian không cho phép Kiều phải chết, nàng phải sống, sống chịu đọa đày. Và Mị không thể chết vì Mị phải sống để gánh trên vai mối nợ truyền kiếp của cha mẹ. Cha mẹ cô cả đời khổ cực còn phải sống vì con. Còn cô? Cô đã làm gì chưa? Cô không thể chết phải cam chịu làm tảng đá vô tri, làm kiếp ngựa, kiếp con rùa thui thủi xó cửa nhà giàu. Năm tiếp năm, tháng tiếp tháng, ngày lại nối ngày, Mị cam chịu tất cả! Con ngựa con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ còn Mị chưa bao giờ được nghỉ ngơi. Ngày giờ chồng lên chồng nào thì sức sống của cô gái ngày xưa bị tiêu hao chừng ấy. “ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi”. Sự đọa đày đã trói buộc đã biến Mị thành nô lệ gần mất hẳn sức sống Mị quên hẳn việc tử tự của những năm về trước. Đối với Mị lúc này thời gian là vô nghĩa. Mị chỉ biết làm việc mà thôi. Đáng lo thay khi con người mất dần nhận cảm về thời gian vì như thế con người đó đã chết. Họ hoạt động chỉ bằng bản năng còn đời sống tâm hồn đã tắt ngấm buồn vui, thời gian trôi qua thật vô nghĩa. Thế lực phong kiến và thế lực thần quyền trong nhà thống lí đã nghiền nát, đã tước đoạt được cuộc đời thanh xuân, yêu, sống của Mị.

Đọc phần đầu tác phẩm em không khỏi liên tưởng Mị là cô Huệ Chi trong Cửa biển của Nguyên Hồng. Song, công bằng mà nói Huệ Chi hạnh phúc hơn Mị. Nàng chỉ sống như đã chết trong một thời gian ngắn mà thôi – lúc bị ép gả cho tên tướng Nhật và nàng lại diễm phúc hơn Mị gấp bội lần. Nàng được chết, được trở về một thế giới ngát hoa vĩnh hằng với đôi tay rộng mở tình yêu của Mẹ. Còn Mị đau đớn thay khi cô phải kéo lê cuộc đời khổ ải hàng mấy năm. Nhưng rồi

Chí Phèo vẫn còn được bát cháo ân tình của Thị Nở đánh thức. Mị cũng thế! Người con gái yêu đời, yêu cuộc sống như thế mà lại phải “chết” dễ dàng thế sao?

Em rất tâm đắc với hai chi tiết:

Thứ nhất là tiếng sao đêm xuân.

Tiếng sáo vang dội từ xa, len lỏi vào tâm hồn Mị. Tiếng sáo ngân vang ấy đã mở cửa ngôi nhà tâm hồn từ lâu “im ỉm khóa” của Mị. Mị chợt nhớ – Lần đầu tiên qua bao năm nay kí ức chợt ùa về với Mị, Mị nhớ đến ngày trước “Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này Mị uống rượu bên bếp lửa và thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”. Và lần đầu tiên, lại cũng là lần đầu ý định tự tử lại đến và Mị ước “Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay”. Khi con người ta muốn chết, hơn lúc nào hết lúc đó người ta tha thiết yêu cuộc sống và chính vì không được cuộc sống đáp ứng nên họ rơi vào sự thất vọng và tìm đến cái chết. Sức sống của Mị không bị hủy diệt mà tiềm ẩn và hôm nay như có một luồng gió mới thổi vào nó có dịp thổi dậy. Mị đang thả hồn theo tiếng sáo như lần theo sợi dây quá khứ để tìm về những ngày xưa hạnh phúc. Và bất giác “Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng”. Mị muốn đi chơi, Mị “ngồi xuống giường trông ra cái ô cửa sổ mờ mờ trăng trắng”. Còn ô cửa sổ nhỏ?

Ô cửa sổ trong tác phẩm này là một không gian nghệ thuật, nơi ấy Mị nhớ về quá khứ, về thuở con gái. Không gian mờ đục đó hôm nay, Mị mới nhận thức được. Bấy lâu nay Mị nào có quan tâm. Không gian âm u có phải chẳng là đời Mị? Một cuộc đời trong màn sương không lối thoát, Mị có phải chẳng là con mồi mãi sa vào lưới nhện? Hôm nay, tiếng sáo luôn qua khung cửa đã làm cho Mị nhớ về quá khứ, một thời son trẻ được tái hiện qua lớp “mờ mờ trăng trắng” ấy. Con người thực tế trong Mị đã sống dậy thay thế cho con người vô thức. Thế mà, mãi mãi bất hạnh cứ không thôi bám riết lấy Mị. Hai lần vươn tay đến hạnh phúc, hai lần sức sống trở về là hai lần A Sử đã lấy đi mất, đã dang tay đẩy Mị trở về số kiếp con rùa, con ngựa. A Sử trói Mị tàn ác như thời trung cổ, nhưng Mị bất chấp tất cả, Mị không sợ, Mị đang sống với hạnh phúc kỉ niệm, đang thả trôi mình theo tiếng sáo. Thế nhưng sự tàn ác luôn không cho Mị hưởng hạnh phúc đâu một thời gian ngắn ngủi thôi. Mị trở về kiếp lùi lũi như con rùa con ngựa.

Cuối cùng sức sống ấy đã thổi dậy hơn lúc nào hết, nó mãnh liệt bội phần. Lần Mị cởi trói cho A Phủ. Thoạt tiên lúc thấy A Phủ, Mị nhìn. Một cái nhìn hồ hững không xúc động, không la lùng. Cảnh nhà này trói người là chuyện thường. Nhưng đến một đêm, như bao đêm nào Mị cũng thức dậy và vẫn “thản nhiên thổi lửa hơ tay”. ánh lửa “bập bùng sáng lên” chính ánh lửa ấy đã buộc Mị “lé mắt trông sang thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại”. Và cũng như tiếng sáo, dòng nước mắt đau khổ của một con người đau khổ đã lôi tuột Mị trở về quá khứ khổ đau ngày nào.

Nhìn A Phủ đứng đấy như một xác chết, bất giác Mị lại nhớ đến mình “Trông người lại ngẫm đến ta” là vậy, Mị nhớ đến hôm ấy mình cũng đã chịu trói như thế và nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ... không ai biết, ai hay. Nhìn A Phủ Mị thương mình quá! Sao đời mình lại khổ đến thế! Và từ thương bản thân Mị nghĩ đến người, nghĩ đến người đàn bà đã bị chết trói, nghĩ đến A Phủ Mị căm giận lũ người vô lương. Cái thương, cái căm giận, cái phẫn nộ ấy khác nào như nguồn hơi bơm vào một quả bóng đã căng và căng đến mức phải nổ tung, chính những điều đó đã làm Mị quan tâm đến A Phủ, một con người khổ sở chỉ vì đánh mất một con bò mà phải đem mạng mình đánh đổi. Không! Mị nhủ A Phủ không lí do gì phải chết. Và Mị đã hành động: “Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ đương biết có người bước lại, Mị rút dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi không biết mê hay tỉnh”.

Mị hành động không hề tính toán. Thật vậy sau khi coi trời cho A Phủ “Mị cũng hốt hoảng” Mị hành động chỉ vì thương và ý định trả thù... Mị không muốn một cái chết lại xảy ra, một tội ác nữa lặp lại, dù sao Mị cũng là một con người, Mị có trái tim nhân hậu của một con người. Và hành động đó là sự phản kháng của sức sống ngày xưa. Có người cho rằng đây là một hành động tự phát vô ý thức. Song theo em vẫn có thể hiểu đây là một hành động xuất phát từ một quá trình vận động tâm lí có ý thức. Có thể xảy ra lắm chứ!

Nhưng cái quan trọng ở đây là kết quả một sức sống tiềm tàng, tiềm ẩn của Mị trước đó. Mị coi trời cho A Phủ là đã tự tay giạt bỏ vòng xiềng xích cho mình. Và hành động tự giải phóng này của Mị có nguồn gốc từ cái buồn “rười rượi” từ cách uống rượu từng bát như uống cay đắng tủi nhục của cuộc đời... Và dĩ nhiên, nó trực tiếp hơn nhờ vào tiếng sáo gọi bạn, tiếng sáo đã làm cho lòng Mị bùng lên một ngọn lửa vốn dĩ đã dập tắt từ lâu.

Giữa màn đêm u tối, Mị lao theo A Phủ, Mị lao vào bóng đêm để xé toạc bóng đêm đến với ánh sáng của tự do và hạnh phúc. Mị chạy theo A Phủ chạy trốn để tìm một vùng đất mới, để sống với hạnh phúc, được làm con người. Mặc dù giữa Mị và A Phủ chưa hề có khái niệm tình yêu, thứ tình yêu trai gái nhưng ở họ có một thứ tình khác: tình người, người cùng đau khổ. Và họ đã biết rằng phải dựa vào nhau để sống. Chỉ có một con đường sống, duy nhất và con người thực của cô gái Mèo ấy đã thắng, cô lao đi quên tất cả, quên thế lực quên sự trả thù của cha con thống lí, quên đi con ma thần quyền chi phối, trói buộc cuộc đời cô. Đối với cô bây giờ tự do là trên hết. Cô lao đi, đi đến phía trước dù cô chưa định hình rõ nhưng đây là đường sống. Khác với chị Dậu trong Tắt đèn Chị Dậu lao ra đêm đen, và bóng tối như muốn nuốt chửng chị ấy, chị mò mẫm trong vùng tối ấy. Chị không có con đường sáng để đi. Chị lao ra chỉ đơn thuần là tránh nạn, chị lao ra để mà lao ra song không lối thoát: Chị Dậu không thể tự giải phóng nổi mình “Trời tối như mực và như cái tiền đồ của chị”. Còn Mị, Mị lao ra để cùng đi với A Phủ đến một miền đất sống.

Kết thúc đoạn trích là cảnh A Phủ dìu Mị lao xuống dốc. Có lẽ tác phẩm dừng ở đây thì em chắc hẳn người đọc ai cũng sẽ tin chắc rằng A Phủ và Mị sẽ được sống yên lành và hạnh phúc. Bởi lẽ với sức sống mãnh liệt với niềm yêu cuộc sống đến thế thì không thể nào họ (mà đặc biệt là Mị) lại có thể không tìm được cuộc sống đích thực như í muốn. Và không những chỉ có Mị mà bất kì một ai khác đều yêu tin vào cuộc sống thì sớm hay muộn trái ngọt hạnh phúc cũng đến với tay họ, dù hôm nay đang chịu nhiều đau khổ, nhọc nhằn. “Hạnh phúc là một sự đợi chờ” (J.Rút-xô).

## **ĐỀ 20: Phân tích tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân.**

### Bài làm

Đọc Vợ nhặt của Kim Lân tôi lại nhớ đến “Một đám cưới nghèo” của Nam Cao với những bóng đen lăm lăm đi trong màn sương chiều nhập nhoạng. Cái đói, cái nghèo ấy sao đầy kinh hoàng và u ám đến thế. Chính cái đói, cái nghèo đó tạo nên cho Vợ nhặt một tình huống hết sức độc đáo và hấp dẫn. Và vì thế, Kim Lân đã đóng góp một truyện ngắn vào loại hay nhất trong văn học Việt Nam hiện đại

Ngay từ tựa đề của tác phẩm cũng gợi lên sự chua xót, miã mai, một nỗi đau không thể nói thành lời. “Nhặt vợ”, một hành động nghe sao đơn giản và dễ dàng đến như vậy? Điều đó hoàn toàn trái ngược với quan niệm của dân gian:

*Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà  
Trong ba việc ấy thật là khó thay*

Vậy mà ở đây Tràng đã nhặt được vợ hẩm hoi, trong cơn đói khủng khiếp mà có lẽ “đến năm 2000 con cháu chúng ta vẫn kể cho nhau nghe để rùng mình” đang hoành hành. Cái lạ thường, kì dị của hành động đã tạo nên một tình huống vô cùng độc đáo mang ý nghĩa chi phối toàn bộ tác phẩm. Đã từ lâu, dân làng cái xóm ngụ cư này đã quá quen với hình ảnh vập vạp, thô kệch của Tràng với cái cười “hề hềch” vô hồn lúc nào cũng nở trên môi, Tràng nghèo túng, xấu xí hơn cả những con người tồi tàn, bèo bọt ở cái xóm làng thì làm gì có thể lấy được vợ? Thế nhưng hôm nay, bên cạnh cái lưng to rộng như lưng gấu của hẩm lại có cả một người đàn bà rón rén và e thẹn. Điều đó gợi nên sự kinh ngạc cho cả xóm. Sự tò mò, soi mói cứ lan dần theo từng bước đi của Tràng và người đàn bà trên con đường xao xác, heo hút. Mọi người cứ xì xầm bàn tán “Ai đấy nhỉ ! Hay là người nhà bà cụ Tứ mới lên?” “Chả phải, từ ngày còn mồ ma ông cụ Tứ có thấy họ mạc nào lên thăm đâu?” thỉnh thoảng lại “rung rúc” vang lên tiếng cười đầy ghê rợn như tiếng cú báo hiệu tai ương và chết chóc vọng mãi theo đôi uyên ương về cuối xóm. Mặc cho những lời bàn tán, Tràng vẫn lầm lũi bước dưới những góc gạo sù sì có “bóng những người đói đi lặng lẽ như những bóng ma thay cho khách” và tiếng quạ gào lên thê thiết từng hồi thay cho pháo cưới. Câu chuyện chìm trong nặng nề và sợ hãi, đầy những cảnh ma quái, đen tối. Cái đói đã luồn những làn gió chết chóc mọi nơi. Vậy mà Tràng lại có vợ “Ôi chao! Biết có nuôi nổi nhau qua được cái thời này không”

Tình huống Tràng có vợ gây ra ấn tượng rất mạnh. Cả xóm ngạc nhiên đã đành, mà ngay cả bà cụ Tứ, mẹ Tràng cũng rất ngạc nhiên. Làm sao kể xiết sự sững sờ của bà khi trông thấy người đàn bà đứng ở đầu giường của con mình, lại còn chào mình bằng u nữa. Bà không thể nghĩ rằng con mình lại có vợ, ngay trong cái thời buổi đói kém này. Bà cứ háp háy cặp mắt cho đỡ nhòen mà càng lúc nó cứ nhòen mãi ra.

Tình huống càng bất ngờ đến hài hước khi chính Tràng cũng vẫn còn “ngỡ ngàng”. “Ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hẩm vẫn còn ngờ ngợ như không phải. Ra hẩm đã có vợ đấy ư?”. Mọi chuyện xảy ra quá bất ngờ, dường như chỉ là cơn mơ. Người đàn bà chỉ gặp mới hai lần lại trở thành vợ hẩm. Mà thật ra, hẩm cũng không có ý định gì với thị...Thị liền lĩnh đến với hẩm chỉ bằng một câu nói suông. Thị theo hẩm như phó mặc cho số phận. Cái đói đã đẩy họ đến với nhau.

Trong cái thời tao đoạn ấy, việc Tràng lấy vợ quả là một tình huống oái oăm. Ta sẽ mừng hay lo, buồn hay vui cho cặp vợ chồng này? Tâm trạng của những nhân vật trong câu chuyện chứa đầy những cảm xúc ngổn ngang và mâu thuẫn. Bà cụ Tứ vui vì cuối cùng con mình cũng có vợ nhưng lại tủi vì sự trớ trêu của số phận : có phải thời “tao đoạn” như thế, người ta mới chịu lấy con mình? Bà mẹ nghèo nặng trĩu những lo âu cho tương lai của con mình, “liệu chúng nó có nuôi nhau nổi sống qua được cơn đói khát này không?”. Câu hỏi từ tận đáy lòng của bà mẹ “chất chứa nỗi hoang mang, ám ảnh của kiếp bần hàn không lối thoát và cả sự rình rập trước ngõ của cơn ác mộng về cái đói chưa bao giờ dứt đời đến thế”. Trong lòng bà, ta cảm thấy cả nỗi buồn của một người mẹ không được thấy con trong ngày vui, không được một vài mâm làm lễ gia tiên. Trong lời ghen ngoài tâm sự của bà có cả sự xót xa, một chút ân hận vì đã không làm được đầy đủ bổn phận của một người mẹ đối với con.

Tâm trạng của Tràng cũng biến đổi liên tục từ khi thị quyết định theo hẩm về nhà. Tình huống nhặt vợ mang đầy vẻ bi hài, chỉ bằng những câu bông lơn và bốn bát bánh đúc, thị đã đồng ý làm bạn với hẩm. Thị theo hẩm dường như để giải quyết nhu cầu ăn. Những chuyện tưởng như rất thô lậu và trơ trẽn nhưng dưới ngòi bút tài tình của Kim Lân, nó trở nên nhẹ nhàng hơn và lấp ló tình thương. Tràng hoàn toàn mờ mịt về tương lai của mình “thóc gạo này đến thân mình còn chả

biết có nuôi nổi không lại còn đèo bồng” nhưng hắn vẫn ra tay cứu mang người đàn bà nghèo khổ. Đói kém đã đẩy đưa người phụ nữ đến với hắn, mang đến cho hắn niềm hạnh phúc của một người có được mái ấm gia đình với bao ước mơ về tương lai dung dị nhưng đầy cảm động. Chính vì thế, hắn nhận ra trách nhiệm của mình đối với hạnh phúc mà mình vừa có được. Lòng hắn chợt loé lên một ý nghĩa được đòi hỏi, tự dưng hắn thấy ân hận, tiếc rẻ, vẫn vợ, khó hiểu.

Không cần dùng đến những lời lẽ đanh thép hay “đại ngôn” nhưng tác phẩm Vợ nhặt mang đến một giá trị nhân bản vô cùng to lớn. Bằng tình huống đầy bi hài, nó xoáy vào tố cáo chế độ thực dân phát xít, nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái đói kinh hoàng. Cái đói mang đến sự chết chóc, tang thương khắp mọi nơi và cũng chính nó làm những giá trị con người bị hạ xuống mức thấp nhất. Con người dường như mất hẳn tính người, chỉ còn sống theo bản năng để được ăn, được sống... Con đói khát làm cho người đàn bà quên cả sĩ diện, được mời ăn “hai con mắt trứng hoá của thị sáng lên” tức thì, thế rồi “thị sà xuống ăn thật. Thị cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì”. Đoạn văn làm cho bất cứ ai có lương tâm cũng phải xấu hổ, phải quay mặt đi để cười ra nước mắt. Thì làm ta liên tưởng đến bà lão trong Một bữa no của Nam Cao. Con người trở nên trơ trẽn, mất nhân cách khi cái đói lớn vờn trong tâm trí. Giận thị nhưng ta vẫn xót xa trước dáng hình tiều tụy của thị “hôm nay thị rách quá, quần áo tả tơi như tổ đũa, thị gầy sọp đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”. Cái đói, với bóng đen kinh hoàng của nó bao trùm khắp mọi nơi, đè nặng lên cuộc sống bình thường của mỗi con người. Còn gì thể thảm bằng đám “rước dâu” có tiếng quạ kêu thê thiết đón chào, đêm tân hôn có tiếng ai hờ khóc tỉ tê “có mùi đốt đống rấm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt”. Thân phận bọt bèo của những con người như Tràng, những cảnh cảnh bần cùng ấy tự thân nó đã có sức tố cáo mạnh mẽ cái tội ác của thực dân phát xít....

Thế nhưng, chính trong cái cảnh thê lương ấy, những tấm lòng nhân hậu lại sáng ngời lên mà tiêu biểu trong tác phẩm là bà cụ Tứ. Trong lòng người mẹ nghèo ấy lúc nào cũng mang sẵn tình thương con vô bờ bến “vừa ai oán vừa xót xa cho số kiếp của đứa con mình”. Trong cái nhìn đăm đăm vào người đàn bà đang “cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt” có sự xót thương, thông cảm sẻ chia. Tình thương con dù bao la đến mấy cũng có thể chỉ làm bà “rủ xuống hai dòng nước mắt”. Cái khổ đau vất vả một đời đã vắt kiệt nước mắt người mẹ. Nó không đủ để chảy thành dòng “rủ” xuống như chết non một cách tức tưởi. Không còn nước mắt nhưng bà vẫn nhận lấy nguy cơ bị cái chết gần thêm bước nữa.

Bằng ngòi bút tài năng của mình, Kim Lân có lúc đã đưa người đọc đến tận cùng màn đêm tối tăm, u ám, nhưng rồi lại nhẹ nhàng hé ra một khe sáng lấp ló đâu đó khiến chúng ta hướng về và vươn tới. Người dân Việt nam mà đại diện là những bà mẹ Tràng, anh Tràng và người đàn bà vẫn khát khao cuộc sống hạnh phúc tươi sáng hơn. “Bà lão nói toàn chuyện vui, chuyện sung sướng sau này”. Trong tâm trí bà đã có sẵn một viễn cảnh tươi sáng gia đình. Niềm vui làm bà mẹ Tràng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác thường, “cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên”. Ta vui lây niềm vui của gia đình hoà thuận, đầm ấm, niềm vui của Tràng được thấy xung quanh mình hôm nay có gì vừa thay đổi mới mẻ, khác thường. Niềm vui bất chợt của gia đình làm ta cười sung sướng nhưng nước mắt vẫn cứ tuôn mãi nghẹn ngào. Ta muôn tha thứ tất cả, kể cả sự tráo tráo của người đàn bà và cả tội phung phí đến hai hào dầu của anh Tràng.

Chỉ một tình huống nhỏ nhoi nhưng Kim Lân đã gợi nên biết bao điều. Mỗi ý nghĩ của tình huống lại mang một giá trị nhân bản, tấm lòng nhân đạo bao la của nhà văn. Chính vì thế, tác phẩm mang đầy tình yêu thương nồng ấm như một ngọn lửa nhỏ lấp loé mãi trong cuộc đời. Và tác phẩm đã cho ta phát hiện thêm một bản chất tuyệt vời nhân hậu, tuyệt vời đức hi sinh của

những người nông dân Việt Nam. Dù đứng trước sự mất còn của mạng sống (hiểu theo nghĩa đen trần trụi nhất) vẫn cuu mạng, vẫn lấy lại phẩm giá để làm người, để sống với hi vọng, với tương lai. Lá cờ đỏ sao vàng của Việt Minh dẫn đoàn người đói khát đi phá kho thóc của Nhật đầu chỉ là mộng tưởng. Cách mạng đã gần kề, suối nguồn của chủ nghĩa nhân đạo sẽ làm sáng lên những con người bình dị nhưng có phẩm chất nhân đạo như cụ Tứ, như Tràng và cô “vợ nhặt” tội nghiệp....Họ sẽ viết tiếp truyện thống về phẩm giá con người Việt Nam trong tương lai.

## **ĐỀ 21: Giá trị hiện thực và nhân đạo trong vợ nhặt**

### Bài làm 1

Nông thôn và nông dân vốn là đề tài quen thuộc của thể loại truyện ngắn tuf xưa và nay. Dù ta phân loại dòng văn học tiểu thuyết theo phương diện nào cũng không thể bỏ qua dòng tiểu thuyết về nông thôn. Với đề tài đó, nhiều nhà văn đã trở nên nổi tiếng và học cũng đã cho ra đời nhiều tác phẩm có giá trị. Chẳng hạn trước Cách mạng tháng Tám có tác phẩm Tắt đèn của Ngô Tất Tố, tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao, rồi tác phẩm Con trâu của Trần Tiêu...Những tác phẩm này đã được viết với nội dung đơn giản nhưng mang tư tưởng khá sâu sắc. Trong số những nhà văn viết về nông thôn đó, có một người tuy viết sau và viết ít, nhưng khi tác phẩm vừa ra đời thì đã cho mọi người ưa thích và hoan nghênh. Đó chính là truyện ngắn Vợ nhặt của nhà văn Kim Lân. Với truyện ngắn Vợ nhặt, Kim Lân đã viết rất chân thật và hết sức sắc sảo và để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

Thông thường một tác phẩm chỉ có thể đứng vững khi nhà văn có nội dung mới, cách nói mới. Tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân cũng vậy.

Trước hết, mới qua cái tựa đề Vợ Nhặt thôi mà nó cũng đã mang lớp ý nghĩa, nó gây cho độc giả một sự chú ý hết sức đặc biệt trước khi thưởng thức tác phẩm. Bởi xưa nay trên thế gian người ta nói là nhặt được cái này, cái nọ chớ có ai nói là nhặt được vợ bao giờ. Và lại, lấy vợ vốn là một trong ba việc khó nhất đời của người đàn ông: “tậu trâu, lấy vợ, làm nhà”. Bởi vì việc dựng vợ, dựng chồng phần nhiều được tổ chức thế này thế nọ, hết sức long trọng. Ấy vậy mà anh Tràng tự nhiên nhặt được cô vợ thì quả thật là việc bất ngờ, lý thú. Và với cái nội dung đó thì chỉ có cái nhan đề Vợ nhặt mới nói đúng và sát với diễn biến câu chuyện mà thôi. Cũng với nhan đề độc đáo đó mà Kim Lân đã nói lên được thân phận con người lao động nông dân trong những năm bốn mươi lăm đói kém đến nỗi vợ mà người ta có thể nhặt được một cách dễ dàng như nhặt một cọng rơm, cọng cỏ vậy.

Một điều quan trọng hơn góp phần tạo nên sự thành công của tác phẩm đó chính là nghệ thuật dựng truyện. Đọc qua những trang truyện ngắn Vợ nhặt của Kim Lân một sự tưởng tượng hết sức phong phú cứ gợi và diễn ra trong tâm trí của chúng ta. Một bức tranh nông dân trong những năm bị cái đói hoành hành của một phần tư đất nước, cứ như rõ mồn một. Nhân dân lao động bị đói, tiều tụy đáng thương cứ hiện lên trước mắt. Còn nỗi đau đớn nào hơn khi chứng kiến cái cảnh “Cái đói đã tràn về” trẻ con vì đói khát mà “chúng ngồi ủ rũ không buồn nhúc nhích”. Trẻ em vì thế, người lớn phải trôi dạt nay đây mai đó. Một cọng rau cho đỡ đói cũng không, đâu tới hạt cơm hạt thóc... bởi thế nhữn góc tường, phố chợ người đói nằm “la liệt như ngã rạ” càng kinh tởm và đớn đau khi có “cái mùi gây gây của xác người chết”.

Kim Lân đã dân truyện dựng cảnh hiện thực một cách độc đáo như vậy nhưng về phương diện khác cách xây dựng nhân vật và diễn biến tâm lý nhân vật lại càng độc đáo hơn. Nhân vật Tràng hiện lên qua trang văn với đầy đủ những gì chân thật nhất của người nông dân - người nông



dân bị đói khát: “Chiếc áo vắt trên vai , dường như mỗi mệt, vật vã của buổi chiều đè nặng trên cái lưng to của hần”. Ôi tiếng “hần” cái tiếng xưng gọi mà ta đã quen thuộc ở Chí Phèo của Nam Cao nay lại hiện lên trước mắt : “Hần ngồi khóc, khóc rồi chửi, hần chửi ai? Hần chửi đời, chửi giờ, chửi cả làng Vũ Đại, chửi cả những thằng cha mẹ nào đẻ ra hần....” Tiếng hần vền vện vậy thôi, ghê tởm ư? Thù ghét ư? Khinh bạc ư?

Không ! Cả hai nhà văn Kim Lân và Nam Cao đều gọi lên tiếng hần với tất cả niềm đau xót, thương cảm ,trân trọng.

Ai đã một lần đọc Vợ nhặt,làm sao không xúc động và có thể quên được một nhân vật - bà cụ Tứ - mẹ anh Tràng.

Không biết được chuyện con mình – Tràng - nhặt được vợ mang về tâm trạng của cụ diễn biến thật phong phú, phức tạp. Trong những ngày tháng bị cái đói bất hạnh, bà thấu hiểu. Bà rất ý thức về việc dựng vợ, dựng chồng cho con mình “phải làm thế này, thế nọ”. Nhưng trời ơi “ cái khó bó cái khôn”. Con người ta có thấu hiểu cái lo lắng đến đâu thì cũng chỉ là con số không. Bởi vậy, cụ Tứ chỉ biết nghĩ “tủi thân, tủi phận” mà thôi. Bà thương con mình rồi thương con dâu. Cún nhìn người đũa bà lòng đầy thương xót. Hỡi ơi ! Có ai thấu hiểu cho cụ không ? Tình thương yêu, sự đồng cảm, chịu đựng hoàn cảnh không chỉ riêng ai – cái đói cái khát – đã khiến lòng cụ không nghĩ gì khác, lờn nói đây xúc động của cụ “Chúng mày lấy nhau lúc này”...thương quá ! Sao nó mặn mà , sâu đậm đến vậy.Hoàn cảnh đói khát đến chết người vậy mà nổi lên cái nèn ấy một khối đầm ấm yêu thương làm sao, có lẽ truyền thống ngàn đời của dân tộc “Thương người như thể thương thân”, “Lá lành đùm lá rách” được Kim Lân gửi gắm qua những trang văn xúc động này.

Việc Tràng đã có vợ vừa là niềm vui, vừa là nỗi lo của bà cụ Tứ. Có cha mẹ nào không sung sướng, hạnh phúc khi con cái của mình đủ lông đủ cánh trải qua thời niên thiếu nay trưởng thành đã có vợ có chồng....Còn lo là lo vì hoàn cảnh hiện tại từ trước đến giờ chỉ có hai mẹ con, nạn đói hoành hành vốn đã khó đủ ăn nay thêm một miệng ăn lại càng khó khăn vất vả thêm. Tuy vậy, niềm vui vẫn là phần nhiều “khuôn mặt búng beo của bà rạng rỡ hẳn lên”, “bà cụ nói toàn chuyện vui, chuyện tương lai sau này”, bà cố giấu nỗi lo để cho con dâu được vui vẻ. Tuy vậy bà vẫn “nghe” lời. Bà vẫn tin tưởng ở con, ở tương lai rạng rỡ hơn. Một câu nói đầy tự tin của cụ “Tụi mày ráng bảo nhau mà làm ăn may ra trời cho khá hơn không...có ai giàu ba họ có ai khó ba đời đâu”. Quả là một sự tin tưởng hoàn toàn khách quan, có căn cứ, khó khăn rồi nhất định sung sướng, hạnh phúc. Nếu nói như Hồ Chí Minh trong Trời hửng thì cũng chẳng khác nào : Hết mưa là hửng nắng lên thôi, hết khổ là vui vốn lẽ đời. Vì thực tế là như vậy, hình ảnh lá cờ đỏ tung bay cùng với đám người cướp kho thóc ở cuối truyện cũng hiện lên trong tâm trí Tràng đã mở ra một số phận nhân vật một khung trời mới đi làm cách mạng với những thắng lợi vang dội non sông như Cách mạng tháng Tám, Điện Biên Phủ sau này.

Với cách dựng truyện độc đáo, xây dựng nhân vật với sự chuyển biến tâm lí, tinh tế Kim Lân đã thành công đáng kể với truyện ngắn Vợ Nhặt. Có thể với nhân vật, tình tiết câu chuyện đi qua số phận nhân vật là sự mở đầu cho ý thức đấu tranh, giác ngộ cách mạng. Dù chỉ thông qua một vài câu nói đến “lá cờ đỏ”, “Việt Minh” nhưng Kim Lân đã thành công được và không để cho số phận nhân vật mình tối tăm bế tắc như chị Dậu – anh Pha như Chí Phèo, anh kép Tư Bền...trước đó.

Tóm lại , đồng cảm với Kim Lân, xót thương,c ảm thông cho những con người trong Vợ nhặt, ta hãy hát cùng Tố Hữu ca khúc vốn là truyền thống của dân tộc Việt Nam ngàn đời:

*Có gì đen trên đời hơn thế  
Người với người sống để yêu nhau.*

## Bài làm 2

Kim Lân đã có lần tâm sự “Ý nghĩa của truyện: trong sự túng đói quay quắt, trong bất cứ hoàn cảnh khốn khổ nào, người nông dân ngụ cư vẫn khao khát vươn lên trên cái chết, cái thảm đạm để mà vui, để mà hi vọng” (Cách mạng, kháng chiến và đời sống văn học – NXB Tác phẩm mới, 1985)

Với một ý đồ như thế, Kim Lân chọn nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu làm bối cảnh cho truyện thì quả là đắc địa. Vợ nhặt trước hết là thiên truyện nói về cái đói. Chỉ mấy chữ “Cái đói tràn đến...” đủ gợi lên hoài niệm kinh hoàng cho người dân xứ Việt về một thảm họa lớn của dân tộc đã quét đi xấp xỉ gần một phần mười dân số trên đất nước ta. Đúng như chữ nghĩa Kim Lân, hiểm họa ấy “tràn đến”, tức là mạnh như thác dữ. Cách tả của nhà văn gây một ám ảnh thê lương qua hai loại hình ảnh: con người năm đói và không gian năm đói. Ông đặc tả chân dung người năm đói “khuôn mặt hốc hác u tối” nhưng đáng sợ nhất là có tới hai lần ông so sánh người với ma: “Những gia đình từ những vùng Nam Định, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma”, và “bóng những người đói đi lại lặng lẽ như những bóng ma”. Kiểu so sánh ấy thể hiện một cảm quan đặc biệt của Kim Lân về cái thời ghê rợn: đó là cái thời ranh giới giữa người và ma, cái sống và cái chết chỉ mong manh như sợi tóc. Cõi âm nhòa vào cõi dương, trần gian mất mé miệng vực của âm phủ. Trong không gian của thế giới ngồn ngang người sống kẻ chết ấy, cái tiếng quạ “gào lên từng hồi thê thiết” cùng với “mùi gậy gậy của xác người” càng tô đậm cảm giác tang tóc thê lương. Quả là cái đói lộ hết sức mạnh huỷ diệt cuộc sống đến mức kinh khủng. Trong một bối cảnh như thế, Kim Lân đặt vào đó một mối tình thì quả thật là táo bạo. Cứ như thủ thuật “trêu tức” của điện ảnh, Kim Lân tạo ra một “xen” thật bi hài. Khi cái dạ dày còn chưa được đầy đủ thì ngay cái sản phẩm tinh thần kì diệu nhất của loài người là tình yêu cũng làm sao tránh được sự méo mó. Chao ôi, toàn chuyện cười ra nước mắt: bốn bát bánh đúc ngày đói mà làm nên một mối tình, nòi cám ngày đói đủ làm cỗ tân hôn...Ngòi bút khắc khổ của Kim Lân không né tránh mà sẵn đuôi hiện thực đến đây, tạo cho thiên truyện một cái “phông” đặc biệt, nhàu nát, âm đạm, tăm tối và phải nói là có phần nghiệt ngã.

Nhưng quan tâm chính của nhà văn không phải là dựng nên một bản cáo trạng trong Vợ nhặt, mà dồn về phía khác, quan trọng hơn. Từ bóng tối của hoàn cảnh, Kim Lân muốn toả sáng một chất thơ đặc biệt của hồn người. Mảng tối của bức tranh hiện thực đau buồn là một phép đòn bẩy cho mảng sáng về tình người toả ra ánh hào quang đặc biệt của một chủ nghĩa nhân văn tha thiết cảm động.

Trong văn chương, người ta nhấn mạnh chữ tâm hơn chữ tài. Song nếu cái tài không đạt đến một mức độ nào đó thì cái tâm kia làm sao bộc lộ ra được. Vợ nhặt cũng thế: tấm lòng tha thiết của Kim Lân sẽ dễ lay động người đọc trước hết là nhờ tài dựng truyện và sau đó là tài dẫn truyện.

Tài dựng truyện ở đây là tài bạo nên tình huống truyện độc đáo. Ngay cái nhan đề Vợ nhặt đã bao chứa một tình huống như thế. Trong một bài phóng vấn, Kim Lân đã hào hứng giải thích: “Nhặt tức là nhặt nhạnh, nhặt vu vơ. Trong cảnh đói năm 1945, người dân lao động dường như khó ai thoát khỏi cái chết. Bóng tối của nó phủ xuống xóm làng. Trong hoàn cảnh ấy giá trị của một con người thật vô cùng rẻ rúng, người ta có thể có vợ theo, chỉ nhờ mấy bát bánh đúc bán ngoài chợ - đúng là “nhặt được vợ như tôi nói trong truyện” (Báo văn nghệ số 19, ngày 8-5-1993-tr5). Như vậy thì cái thiêng liêng (vợ) đã trở thành rẻ rúng (nhặt). Nhưng tình huống truyện còn có một mạch khác: cái chủ thể của hành động “nhặt” kia là Tràng, một gã trai nghèo xấu xí,

dân ngụ cư đang thời đói khát mà đột nhiên lấy được vợ, thậm chí được vợ theo thì quả là điều lạ. lạ tới mức nó tạo nên hàng loạt những kinh ngạc cho xóm làng, bà cụ Tứ và chính bản thân Tràng nữa : “cho đến bây giờ hấn vẫn còn ngỡ ngợ như không phải như thế . Ra hấn đã có vợ rồi đấy ư?”. Tình huống trên gợi ra một trạng thái tinh tế của lòng người : trạng thái chông chênh khó nói – cái gì cũng chập chờn, như có như không. Đây là niềm vui hay nỗi buồn? Nụ cười hay nước mắt?...Cái thể đặc biệt của tâm trạng này đã khiến ngòi bút truyện ngắn của Kim Lân mang dáng dấp của thơ ca.

Dựng truyện hay chưa đủ. Tài dựng truyện giống như tài của anh chàng ngòi pháo. Có lửa đốt, châm đúng ngòi nhưng pháo có nhiều quả điếc thì vẫn cứ xịt như thường. Cho nên tài dựng truyện phải gắn với tài dẫn truyện nữa mới tạo sự sâu sắc, hấp dẫn. Tài dẫn truyện của Kim Lân thể hiện qua lối sử dụng ngôn ngữ nông dân đặc biệt thành công, qua lời văn áp sát vào tận cái lõi của đời thực khiến mỗi câu chữ như được “búng” ra từ chính cái ngồn ngộn của cuộc sống. Song quan trọng nhất vẫn là ở bút pháp hiện thực tâm lý. Phải nói, tình huống truyện trên kia thật đặc địa cho Kim Lân trong việc khơi ra mạch chảy tâm lý cực kỳ tinh tế ở mỗi nhân vật. Rất đáng chú ý là hai trường hợp: bà cụ Tứ và Tràng. Đây là hai kiểu phản ứng tâm lý trước một tình thế như nhau, song không ai giống ai. Trước hết là Tràng, một thân phận thấp hèn nhưng lại là một chú rể có thể coi là hạnh phúc. Hạnh phúc đích thực bao giờ cũng gây một chấn động tâm lý lớn. Chấn động ở Tràng tạo một mạch tâm lý ba chặng. Khởi đầu là ngỡ ngàng. Hạnh phúc gây men ở Tràng thành cảm giác mới mẻ kì diệu. Cảm giác ấy hút lấy toàn bộ con người hấn: vừa lặn vào tâm linh (Trong người êm ái lửng lơ như người ở trong giấc mơ đi ra) vừa tỏa ra, vật chất hóa thành cảm giác da thịt (Một cái gì đó mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng). Với cây bút hiện thực, những đoạn văn như thế đã đạt đến “thần bút”, vì trạng thái người viết như nhập vào làm một với trạng thái nhân vật (còn gọi là năng lực “hóa thân” trong văn xuôi, năng lực “nhập thân” trong thơ ca). Rồi cái ngỡ ngàng hạnh phúc kia cũng nhanh chóng đẩy thành niềm vui hữu tình cụ thể. Đó là niềm vui về hạnh phúc gia đình – một niềm vui giản dị nhưng lớn lao không gì sánh nổi. Chẳng thế mà một người nổi tiếng như Tsecnurepxki từng mơ ước: “Tôi sẵn sàng đánh đổi cả sự nghiệp nếu biết rằng trong một căn phòng nhỏ ấm áp nào đó, có một người đàn bà đang ngóng đợi tôi về ăn bữa tối”. Chàng thanh niên nghèo hèn của Kim Lân đã thực sự đạt được một niềm vui như thế: “Bỗng nhiên hấn thấy hấn thương yêu gắn bó với cái nhà của hấn lạ lùng. Hấn đã có một gia đình. Hấn sẽ cùng với vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn sung sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng”. Một niềm vui thật cảm động, lẫn lộn cả hiện thực lẫn giấc mơ. Điều này thì anh Tràng của Kim Lân còn may mắn hơn Chí Phèo của Nam Cao: hạnh phúc đã nằm gọn tay Tràng, còn Thị Nở mới chấp chới tầm tay Chí Phèo thì đã bị cái xã hội đen tối cướp mất. Có một chi tiết rất đắt của Kim Lân: “Hấn xăm xăm chạy ra giữa sân, hấn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà”. So với cái dáng “ngật ngưỡng” mở đầu tác phẩm, hành động “xăm xăm” này của Tràng là một đột biến quan trọng, một bước ngoặt đổi thay cả số phận lẫn tính cách của Tràng: từ khổ đau sang hạnh phúc, từ chán đời sang yêu đời, từ ngây dại sang ý thức. Chẳng thế mà Kim Lân đã thấy đủ điều kiện đặt vào dòng suy nghĩ của Tràng một ý thức bồn bồn sâu sắc: “Bây giờ hấn mới thấy hấn nên người, hấn thấy hấn có bồn bồn lo lắng cho vợ con sau này”. Tràng đã thực sự “phục sinh tâm hồn” - đó là giá trị lớn lao của hạnh phúc. Cô Kiều xưa “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” thì táo bạo đấy mà vẫn cứ chênh vênh, đơn độc thế nào. Cái xăm xăm của Tràng mới thực khỏe, tự tin làm sao!

Bình luận truyện Vợ nhặt, không hiểu sao có một câu rất quan trọng của Kim Lân mà mọi người cứ bỏ qua. Đó là câu kết truyện: “Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói lá và lá cờ đỏ bay phấp phới...”. Một câu kết như thế, chứa đựng bao sức nặng về nghệ thuật sẽ sa vào lối kết cấu khép của văn học hiện thực phê phán. Sự bỏ sung chi tiết này tạo ra một kết cấu mở khiến Vợ nhặt thực sự vượt qua phạm trù của văn học 1930 – 1945 để bước tới phạm trù của nền văn học mới. Nhờ thế, thiên truyện đã đóng lại mà một số phận mới vẫn tiếp tục được mở ra. Cái “lá cờ đỏ” kia như tín hiệu của một sự đổi đời. Nhân vật Tràng tiếp tục vận động về phía niềm tin, về phía cuộc sống. “Lá cờ đỏ” như gọi mở một sự thanh toán triệt để ở Tràng một số phận bế tắc kiểu anh Pha, chị Dậu, Chí Phèo... Chi tiết này không phải là một mơ ước viễn vông, một ảo tưởng cổ tích mà có cơ sở chắn chắn từ trong hiện thực đời sống.

Quá trình tâm lí của cụ Tứ có phần còn phức tạp hơn nhân vật Tràng. Nếu ở đứa con trai, niềm vui làm chủ, tâm lí phát triển theo chiều thẳng đứng phù hợp với một chàng trẻ tuổi đang tràn trề hạnh phúc thì ở bà mẹ, tâm lí vận động theo kiểu gấp khúc, hợp với những nỗi niềm trắc ẩn trong chiều sâu riêng của người già từng trải và nhân hậu.

Cũng như con trai, khởi đầu tâm lí ở bà cụ Tứ là ngỡ ngàng. Anh con trai ngỡ ngàng trước một cái dường như không hiểu được. Cái cô gái xuất hiện trong nhà bà phút đầu như một hiện tượng lạ. Trạng thái ngỡ ngàng của cụ Tứ được khơi sâu bởi hàng loạt những câu hỏi nghi vấn: “Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con trai mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đức. Ai thế nhỉ? Rồi lại: “Ô hay, thế là thế nào nhỉ”. Trái tim người mẹ có con trai lớn vốn rất nhạy cảm về điều này, vậy tại sao Kim Lân lại để cho nhân vật người mẹ ngỡ ngàng lâu đến thế? Một chút quá đà, một chút “kịch” trong ngòi bút Kim Lân? Không, nhà văn của đồng nội vốn không quen tạo dáng. Đây là nỗi đau của người viết: Chính sự cùng quẫn của hoàn cảnh đã đánh mất ở người mẹ sự nhạy cảm đó.

Nếu ở Tràng, sự ngỡ ngàng đi thẳng tới niềm vui thì ở bà cụ Tứ, sự vận động tâm lí phức tạp hơn. Sau khi hiểu ra mọi chuyện, bà lão “cúi đầu im lặng”. Cái thương của bà mẹ nhân hậu mới bao dung làm sao: “Biết chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?”. Trong chữ “chúng nó”, người mẹ đã đi từ lòng thương con trai sang con dâu. Trong chữ “cúi đầu”, bà mẹ tiếp nhận hạnh phúc của con bằng kinh nghiệm sống, bằng sự trả giá của một chuỗi đời nặng nhọc, bằng ý thức sâu sắc trước hoàn cảnh, khác hẳn anh con trai tiếp nhận hạnh phúc bằng một nhu cầu, bằng một ước mơ tinh thần phôi phoi.

Rồi tình thương lại chìm vào nỗi lo, tạo thành một trạng thái tâm lí triền miên day dứt. Tác giả xoáy vào dòng ý nghĩ của bà mẹ: nghĩ đến bốn phận làm mẹ chưa tròn, nghĩ đến ông lão, đến con gái út, nghĩ đến nỗi khổ đời mình, nghĩ đến tương lai của con... để cuối cùng dồn tụ bao lo lắng, yêu thương trong một câu nói giản dị “Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá”. Trên đồng buồn lo, niềm vui của mẹ vẫn cố ánh lên: Cảm động thay, Kim Lân lại để cái ánh sáng kì diệu đó tỏa ra từ...nồi cháo cám. Hãy nghe người mẹ nói: “chè đây – bà lão múc ra một bát – Chè khoán đây, ngon đáo để cơ”. Chữ “ngon” này cần phải cảm thụ một cách đặc biệt. Đó không phải là xúc cảm về vật chất (xúc cảm về vị cháo cám) mà là xúc cảm về tinh thần: ở người mẹ, niềm tin về hạnh phúc của con biến đắng chát thành ngọt ngào. Chọn hình ảnh nồi cháo cám, Kim Lân muốn chứng minh cho cái chất người: trong bất kì hoàn cảnh nào, tình nghĩa và hi vọng không thể bị tiêu diệt. Con người vẫn muốn sống cho ra sống, và cái chất người thể hiện ở cách sống tình nghĩa và hi vọng. Nhưng Kim Lân không phải là nhà văn lãng mạn. Niềm vui của cụ Tứ vẫn cứ là niềm vui tội nghiệp, bởi thực tại vẫn nghiệt ngã với nồi cháo cám “đắng cay và nghẹn bùi”.

Thành công của nhà văn là đã thấu hiểu và phân tích được những trạng thái khá tinh tế của con người trong hoàn cảnh đặc biệt. Và vượt lên hoàn cảnh vẫn là một vẻ đẹp tinh thần của những người nghèo khổ. Cái thể vượt hoàn cảnh ấy tạo nên nội dung nhân đạo độc đáo và cảm động của tác phẩm.

Thông điệp của Kim Lân là một thông điệp mang ý nghĩa nhân văn. Trong tiểu thuyết nổi tiếng Thép đã tôi thế đấy, nhà văn Nga Nhicôlai Ôxt rôpxki đã đề cho nhân vật Paven Coocsaghin ngầm nghĩ: “Hãy biết sống cả những khi cuộc đời trở nên không thể chịu được nữa”. Vợ nhật là bài ca về tình người ở những kẻ nghèo khổ, đã “biết sống” cho ra người ngay giữa thời túng đói quay quắt.

Thông điệp của Kim Lân đã được chuyển hóa thành một thiêng truyện ngắn xuất sắc với cách dựng tình huống truyện và dẫn truyện độc đáo, nhất là bút pháp miêu tả tâm lí tinh tế, khiến tác phẩm mang chất thơ cảm động và hấp dẫn.

**Đề 22: Phân tích nhân vật người vợ nhật, từ đó làm nổi bật lên số phận của người dân Việt trước CM.**

Bài làm

Ai nói chiến tranh là âm thanh dữ dội của bom đạn hay tiếng gào thét của dân đen vô tội ? Không, nó im lặng. Vì khi đã chết, chúng ta không thể lên tiếng. Phát xít Nhật càn qua quê hương ta, đất Việt lâm than với hai triệu người con chết vất vưởng. Nhưng chính trong tận cùng ta thấy đối cực, trong cái chết và màu đen, chúng ta thấy tình yêu và sắc sáng. Truyện "Vợ nhật" là thế, một minh chứng hùng hồn cho sức mạnh của sự sống, sống với nhọc nhằn khổ ải, sống với cái nghèo đến tột độ về vật chất, nhưng chỉ cần hi vọng, một sự hi vọng trù phú và vững chãi. Họ, chúng ta, tất cả sẽ vượt qua.

Tràng xấu, xấu là xấu trai, nhưng được cái tốt bụng và dễ gần. Xóm làng nghĩ Tràng không thể có vợ. Cũng đúng, với cái thời đói đến ăn cám hay ánh sáng vào đêm là thứ xa xỉ vậy người vừa nghèo vừa xấu thì ai dám gởi thân ?

Xóm ngụ cư nheo nhóc và hoang tàn. Đông thì có đông nhưng xóm làng như về không người, chỉ là những cái bóng nhếch nhác lê gót trên những con đường quanh co. Xác chết nhiều hơn thực thể di động. Bóng đen gần như chiếm lĩnh cả, mặt trời vẫn sáng đó, nhưng đôi mắt của dân chúng ở đây cứ tối sầm sầm lại.

Ấy vậy mà Tràng có vợ. Xóm làng bị đói quật mà biểu hiện rõ nhất là lũ trẻ. Sự hoạt bát bình thường thay cho cái im im thụ động, chắc không ai dạy nhưng chúng biết bót vận động là bót bầu bạn với đói. Nhưng Tràng lấy vợ ! Bản năng làm chúng tò mò. Chúng nhón nháo cả một đoạn.

Đường dài quanh co, sự dài ấy như trên chọc cái e thẹn ban đầu của đôi uyên ương. Nghĩ chữ uyên ương cũng không hợp trong hoàn cảnh này, khi người ta hay dùng chữ mĩ miều đó cho những đám cưới linh đình. Nay, trên con đường về nhà chồng với xác chết cạnh đường đủ gần để nhìn thấy sự phân hủy hoặc cứ văng vẳng bên tai tiếng khóc tang gia; thiết nghĩ ngày cưới cũng đáng nhớ thật. Tình yêu luôn là trò phiêu lưu. Vì rằng chúng ta không biết sẽ gặp ai, hoặc chi chúng ta không biết sẽ đi về đâu và kết quả thế nào với sự chọn lựa đó. Tràng và vợ đã tham gia cuộc phiêu lưu đó. Tràng vẫn lo đầu đau về tương lai. Một miệng nuôi không xong, giờ gánh thêm chẳng phải hại lấy thân và cả người ? Đến với nhau tốt đẹp thì đó là duyên lành, nhưng lôi nhau xuống cùng cực thì lại là nợ đời với nhau. Tràng lại nhớ về cái sự chẳng biết duyên hay nợ kia.

Một câu hò cho quên khổ lao động, một cái đáp của tuổi trẻ thanh xuân, hai người quen nhau. Lại cộng hưởng giữa đói và sự tốt bụng, họ lại gần nhau hơn. Giờ quay lại với sự thật ngay trước mắt, Tràng có vợ và mẹ anh thì vẫn chưa về.

Sự xuất hiện của người mẹ là cái nhân cho sự khổ của đôi bên. Qua người như tấm gương, ta nhìn thấy cả ba gương mặt đói hốc trong đấy. Và như mọi bà mẹ Việt Nam, bà đã khóc. Khóc vì thương, thương cho đứa con mình đã có vợ, thương cả đứa con dâu cũng cùng quần chẳng khác gì con mình. Khóc vì tủi, tủi cho cái phận nghèo không dễ có được một đám cưới đủ nghi thức hay gần hơn là đủ no, chỉ vài câu chào, vài ánh mắt nhìn thẳng nhau, vậy là họ thành gia đình. Và khóc với một chút nghi ngờ, phải chăng vì đến đường cùng, người ta mới gởi thân cho con trai nhà mình? Nước mắt tuông ra cho lời định nói đến. Bà chỉ chúc cho hai con sống bình yên bên nhau, còn tương lai là sự bấp bênh không muốn nghĩ.

Vợ Tràng, thành viên mới của gia đình, chắc cũng lo xôn xang trăm bề. Mà không, phải chắc chắn chứ. Phụ nữ Việt vốn giỏi lo toan; công, dung, ngôn, hạnh là vốn liếng mà họ lận lưng khi về nhà chồng. Nhưng với cái quá mới thế này chị chưa thể chứng minh gì. Rồi trời cũng tối. Chu kì vẫn thế. Sáng giăng mắt ra Tràng mới dậy. Đòi hay nói mỗi ngày là một ngày mới, và điều đó ập ngay cho Tràng thấy. Nhà cửa gọn hơn, có cái gì đó ấm cúng hơn, chỉnh chu và cảm giác như đang và sẽ chuẩn bị cho tương lai.

Bữa cơm tối. Biết rằng đói thì luôn đói nhưng cơm thì vẫn phải theo bữa. Và họ, dùng từ cơm như thói quen, chứ đáng ra bữa ăn chỉ là cháo và cám. Trời đánh tránh bữa ăn, thằng Nhật thì không. Lại vang lên tiếng đòi thuế. Thuế, thuế, lại thuế! Như vết thương mở miệng, mỗi ngày một bào mòn đến cùng kiệt sức khỏe. Thuế từng ngày là nỗi ám ảnh của dân đen, dân đói. Ruộng vẫn còn, nhưng chúng bắt trông đay. Lúa vẫn có, nhưng là cho chúng nó. Dân ta chết, làm phân bón cánh đồng. Tràng chờ ra. Cái chờ ra như sự nhu nhược không đề kháng. Cuộc sống của anh là sự chịu đựng và ám ảnh riết thành thói quen, anh qui đồng tương lai cho cái hiện tại khôn khổ này. Không riêng anh, mà có lẽ xóm làng này, không riêng xóm làng này, mà có lẽ cả một nước Việt này sự chờ ra kia như bao phủ tất thảy. Việt Minh!

Hả!? Việt Minh! Tràng như sự tỉnh. Cái tên này nghe mang máng ở đâu. Anh đã từng sợ, vì anh không hiểu gì. Nhưng vợ nói, rồi phong phanh tin nghe đồn, sao anh thấy họ thân quen. Tràng như bị cuốn vào dòng suy nghĩ đó, với quật khởi, với cờ đỏ. Họ chính là ta, ta hòa với họ. Việt Minh không xa lạ mà chính là bản thể này. Tiếng trống thúc thuế vẫn dồn dập. Nhưng! Không còn là tiếng trống hoang mang lo sợ, âm thanh như tức lồng ngực giờ là tiếng trống trận cho cả một tầng lớp bị chà đạp. Sống với niềm tin, họ sẽ sống!

Truyện kết lửng lơ, với Tràng còn ngồi với bữa cơm dang dở. Nhưng cái dang dở kia là khởi đầu cho trường kì kháng chiến của một dân tộc, mà trong đó hình thành từ từng cá thể. Tràng, vợ Tràng và cả mẹ già, giờ tay sẽ cùng chung sức cho hành trình dài của triệu dân đất Việt. Pháo đài hòa bình và độc lập vững chãi trên từng viên gạch tin tưởng và hi vọng.

### **ĐỀ 23: PHÂN TÍCH CÁC NHÂN VẬT TRONG BÀI VỢ NHẬT CỦA KIM LÂN**

#### Bài làm

Nạn đói khủng khiếp và dữ dội năm 1945 đã hằn in trong tâm trí Kim Lân - một nhà văn hiện thực có thể xem là con đẻ của đồng ruộng, một con người một lòng đi về với “thuần hậu phong thủy” ấy. Ngay sau Cách mạng, ông đã bắt tay ngay vào viết tác phẩm Xóm ngụ cư khi hoà bình lập lại (1954), nổi trăn trở tiếp tục thôi thúc ông viết tiếp thiên truyện ấy. Và cuối cùng,

truyện ngắn Vợ Nhật ra đời. Trong lần này, Kim Lân đã thật sự đem vào thiên truyện của mình một khám phá mới, một điểm sáng soi chiếu toàn tác phẩm. Đó là vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống của những người nông dân nghèo tiêu biểu như Tràng, người vợ Nhật và bà cụ Tứ. Thiên truyện thể hiện rất thành công khả năng dựng truyện, dẫn truyện và đặc sắc nhất là Kim Lân đã có công khám phá ra diễn biến tâm lý thật bất ngờ.

Trong một lần phát biểu, Kim Lân đã từng nói “Khi viết về nạn đói người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm. Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới cuộc sống, vẫn hi vọng, vẫn tin tưởng vào tương lai. Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người”. Đó chính là tình người và niềm hi vọng về cuộc sống về tương lai của những con người đang kề cận với cái chết. Bằng cách dẫn truyện, xây dựng lên tình huống “nhật vợ” tài tình kết hợp với khả năng phân tích diễn biến tâm lý nhân vật thật tinh tế và sử dụng thành công ngôn ngữ nông dân, ngôn ngữ dung dị, đời thường nhưng có sự chọn lọc kĩ lưỡng, nhà văn đã tái hiện lại trước mắt chúng ta một không gian đói thật thảm hại, thê lương. Trong đó ngổn ngang những kẻ sống người chết, những bóng ma vật vờ, lặng lẽ giữa tiếng khóc hờ và tiếng gào thét gửi gắm trong không gian tối đen như mực ấy những mầm sống đang cố vươn đến tương lai, những tình cảm chân thành, yêu thương bình dị nhưng rất đỗi cao quý ấy và nhà văn đã để những số phận như anh Tràng, người vợ nhật và bà cụ Tứ được thăng hoa trước ngọn cờ đỏ phấp phới cùng đám người đói phá kho thóc của Nhật ở cuối thiên truyện.

Có thể nói rằng Kim Lân đã thực sự xuất sắc khi dựng lên tình huống “nhật vợ” của anh Cu Tràng. Tình huống ấy là cánh cửa khép mở để nhân vật bộc lộ nét đẹp trong tâm hồn mình. Đường như trong đói khổ người ta dễ đối xử tàn nhẫn với nhau khi miếng ăn của một người chưa đủ thì làm sao có thể đèo bồng thêm người này người kia. Trong tình huống ấy, người dễ cấu xé nhau, dễ ích kỉ hơn là vị tha và người ra rất dễ đối xử tàn nhẫn, làm cho nhau đau khổ. Nhưng nhà văn Kim Lân lại khám phá ra một điều ngược lại ở các nhân vật anh Cu Tràng, người vợ nhật và bà cụ Tứ. Chúng ta từng kinh hãi trước “xác người chết đói ngập đầy đường”, “người lớn xanh xám như những bóng ma”, trước “không khí vẫn lên mùi hôi của rác rưởi và mùi gây của xác người”, từng ớn lạnh trước “tiếng quạ kêu gào thảm thiết” ấy nhưng lạ thay chúng ta thật không thể cảm lòng xúc động trước nghĩa cử cao đẹp mà bình thường, dung dị ấy của Tràng, bà cụ Tứ và của người vợ Tràng nữa. Một thanh niên của cái xóm ngụ cư ấy như Tràng, một con người – thân xác vạm vỡ, lực lưỡng ấy dường như ngờ nghệch thô kệch và xấu xí ấy lại chứa đựng biết bao nghĩa tình cao đẹp. “Cái đói đã tràn vào xóm tự lúc nào”, vậy mà Tràng vẫn đèo bồng thêm một cô vợ trong khi anh không biết cuộc đời phía trước mình ra sao. Tràng đã thật liêu lĩnh. Và ngay cô vợ Tràng cũng thế. Hai cái liêu ấy gặp nhau kết tụ lại thành một gia đình. Điều ấy thật éo le và xót thương vô cùng. Và dường như lúc ấy trong con người của Tràng kia đã bật lên niềm sống, một khát vọng yêu thương chân thành. Và dường như hẳn đang ngầm chứa một ao ước thiết thực về sự đầm ấm của tình cảm vợ chồng, của hạnh phúc lứa đôi. Hành động của Tràng dù vô tình, không có chủ đích, chỉ tầm phơ tầm phào cho vui nhưng điều ấy không hề mở cho ta thấy tình cảm của một con người biết yêu thương, cu rưng, đùm bọc những người đồng cảnh ngộ. Như một lẽ đương nhiên, Tràng đã rất ngờ nghệch, hẳn đã “sờ sờ”, “ngờ ngợ”, “ngỡ ngàng” như không phải nhưng chính tình cảm vợ chồng ấy lại củng cố và nhen nhóm ngọn lửa yêu thương và sống có trách nhiệm với gia đình trong hẩn. Tình nghĩa vợ chồng ấm áp ấy dường như làm cho Tràng thay đổi hẳn tâm tính. Từ một anh chàng ngờ nghệch, thô lỗ, cọc cằn, Tràng đã sớm thay đổi trở thành một người chồng thật sự khi đón nhận hạnh phúc gia đình. Hạnh phúc ấy dường như một cái gì đó “ôm ấp,

mon man khắp da thịt Tràng tựa hồ như có một bàn tay vuốt nhẹ sống lưng”. Tình yêu, hạnh phúc ấy khiến “trong một lúc Tràng dường như quên hết tất cả, quên cả đôi rét đang đeo đuổi, quên cả những tháng ngày qua”. Và Tràng đã trở dậy. Hẳn có những thay đổi rất bất ngờ nhưng rất hợp logic. Những thay đổi ấy không có gì khác ngoài tâm hồn đôn hậu, chất phác và giàu tình yêu thương hay sao? Trong con người của Tràng khi trở dậy sau khi chào đón hạnh phúc ấy thật khác lạ. Tràng không là anh Tràng ngày trước nữa mà giờ đây đã là một người con có hiếu, một người chồng đầy trách nhiệm dù chỉ trong ý nghĩ. Thấy mẹ chồng nàng dâu quét tước nhà cửa, hẳn đã bưng bưng thêm muôn một cảnh gia đình hạnh phúc. “Hẳn thấy yêu thương căn nhà của hẳn đến lạ lùng”, “hẳn thấy mình có trách nhiệm hơn với vợ con sau này”. Hẳn cũng xăm xắn ra sân dọn dẹp nhà cửa. Hành động cử chỉ ấy của Tràng đâu chỉ là câu chuyện bình thường mà đó là sự chuyển biến lớn. Chính tình yêu của người vợ, tình mẹ con hoà thuận ấy đã nhen nhóm trong hẳn ước vọng về hạnh phúc, niềm tin vào cuộc sống sẽ thay đổi khi hẳn nghĩ đến đám người đơai và lá cờ đỏ bay phấp phới. Rồi số phận, cuộc đời hẳn, của vợ hẳn và cả người mẹ của hẳn nữa sẽ thay đổi. Hẳn tin thế.

Nạn đói ấy không thể ngăn cản được ánh sáng của tình người. Đêm tối ấy rồi sẽ qua đi để đón chờ ánh sáng cuộc sống tự dong đang ở phía trước sức mạnh của thời đại. Một lần nữa, Kim Lân không ngần ngại hạnh phúc, niềm tin ấy trong các nhân vật của mình. Người vợ nhất làm thay đổi cuộc sống của xóm ngụ cư nghèo nèn, tăm tối ấy, đã làm cho những khuôn mặt hốc hác, u tối của mọi người rạng rỡ hẳn lên. Từ con người chao chát chỏng lọn đến cô vợ hiền thực, đám đang là một quá trình biến đổi. Điều gì làm thị biến đổi như thế? Đó chính là tình người, là tình thương yêu. Thị tuy theo không Tràng về chỉ qua bốn bát bánh đúc và hai câu nói tầm phơ tầm phào của Tràng nhưng chúng ta không khinh miệt thị. Nếu có trách thì chỉ có thể hướng vào xã hội thực dân phong kiến đã bóp nghẹt quyền sống của con người. Thị xuất hiện không tên tuổi, không quê quán, trong tư thế “vân vè tà áo rách bọt bọt”, điệu bộ trông thật thảm hại nhưng chính con người ấy lại gieo mầm sống cho Tràng, làm biến đổi tất cả, từ không khí xóm ngụ cư đến không khí gia đình. Thị đã đem đến một luồng sinh khí mới, sinh khí ấy chỉ có được trong con người thị dung chứa một niềm tin, một ước vọng cao cả vào sự sống vào tương lai. Thị được miêu tả khá ít song đó lại là nhân vật không thể thiếu cho tác phẩm. Thiếu thị, Tràng vẫn chỉ là anh \*\* Tràng ngày xưa, bà cụ Tứ vẫn lặng thầm trong đau khổ, cùng cực. Kim Lân cũng thật thành công khi xây dựng nhân vật này để góp thêm tiếng lòng ca ngợi sức sống của vẻ đẹp tình người, niềm tin vào cuộc đời phía trước trong những ngày con người đói khổ ấy. Và thật ngạc nhiên, khi nói về ước vọng ở tương lai, niềm tin vào hạnh phúc, vào cuộc đời người ta dễ nghĩ đến tuổi trẻ như Tràng và người vợ nhưng Kim Lân lại khám phá ra một nét đẹp độc đáo vô cùng: tình cảm, ước vọng ở cuộc đời lại được tập trung miêu tả khá kĩ ở nhân vật bà cụ Tứ. Đến nhân vật này, Kim Lân tỏ rõ bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật. Bà cụ Tứ đến giữa câu chuyện mới xuất hiện nhưng nếu thiếu đi nhân vật này, tác phẩm sẽ không có chiều sâu nhân bản. Đặt nhân vật bà cụ Tứ vào trong tác phẩm, Kim Lân đã cho chúng ta thấy rõ hơn ánh sáng của tình người trong nạn đói. Bao giờ cũng thế, các nhà văn muốn nhân vật nổi bật cá tính của mình thường đặt nhân vật ấy vào tình thế căng thẳng. Ở đó dĩ nhiên phải có sự đấu tranh không ngừng, không những giữa các nhân vật mà độc đáo hơn là ngay trong chính nội tâm của mỗi nhân vật ấy. Bà cụ Tứ là một điển hình. Việc Tràng lấy vợ đã gây một chấn động lớn trong tâm thức người mẹ nghèo vốn thương con ấy. Bà ngạc nhiên ngỡ ngàng trước sự xuất hiện của một người đàn bà trong nhà mình mà lâu nay và có lẽ chưa bao giờ bà nghĩ đến. Hết ngỡ ngàng, ngạc nhiên bà cụ đã “cúi đầu nín lặng”. Cử chỉ, hành động ấy chứa chứa bao tâm trạng. Đó là sự đan xen lẫn lộn giữa nỗi tủi cực, nỗi lo và niềm vui nổi



buồn cứ hoà lẫn vào nhau khiến bà thật căng thẳng. Sau khi thấu hiểu mọi điều bà nhìn cô con dâu đang “vân vê tà áo rách bợt bạt” mà lòng đầy xót thương. Bà thiết nghĩ “người ta có gặp bước khó khăn này, người ta mới lấy đến con mình, mà con mình mới có vợ”. Và thật xúc động, bà cụ đã nói , chỉ một câu thôi nhưng sâu xa và có ý nghĩa vô cùng “Thôi , chúng mày đã phải duyên phải kiếp với nhau thì u cũng mừng lòng”.

Đói khổ đang vây lấy gia đình bà, cuộc sống của bà sẽ ra sao khi mình đang ngấp nghé trước vực thẳm của cái chết. Nhưng trong tâm thức người mẹ nghèo ấy, đói khổ không phải là một vật cản lớn. Đói rét thật nhưng trong lòng bà cụ vẫn sáng lên tấm lòng yêu thương chân thành. Bà thương con, thương dâu và thương cho chính bản thân mình. Bà cụ Tứ từ những nỗi lo, nỗi tủi cực về gia cảnh vẫn không ngừng bùng cháy lên ngọn lửa của tình người. Bà đang giang tay đón nhận đứa con dâu lòng đầy thương xót, trong tủi cực nhưng vẫn ngầm chứa một sức sống thật mãnh liệt. Chính ở người mẹ nghèo khổ ấy, ngọn lửa của tình người, tình thương yêu nhân loại bùng cháy mạnh mẽ nhất. Trong bóng tối của đói nghèo đang hùng hổ vây quanh, bà lão vẫn gieo vào lòng con mình những niềm tin về cuộc sống. Bà nhắc đến việc Tràng nên chuẩn bị một cái phen nuôi gà, rồi việc sinh con đẻ cái, bà lão nói toàn chuyện vui trong bữa cơm ngày đói thật thấm chi. Bà đã đón nhận hạnh phúc của các con để tự sưởi ấm lòng mình. Đặc biệt chi tiết nôi cám ở cuối thiên truyện thể hiện khá rõ ánh sáng của tình người. Nôi chè cám nghẹn ứ cổ và đắng chát ấy lại là món quà của một tấm lòng đôn hậu chứa yêu thương. Bà lão “lễ mễ” bung nôi chè và vui vẻ giới thiệu “Chè khoán đây. Ngon đáo để cơ”. Ở đây nụ cười đan xen lẫn ngược mắt. Bữa cơm gia đình ngày đói ở cuối thiên truyện không khỏi làm chạnh lòng chúng ta, một nỗi xót thương cay đắng cho số phận của họ song cũng dung chứa một sự cảm phục lớn lao ở những con người bình thường mà đáng quý.

Kim Lân bằng nghệ thuật viết văn già dặn, vững vàng đã đem đến một chủ đề mới trong đề tài về nạn đói. Nhà văn đã khẳng định ánh sáng của tình người thật thành công ở ba nhân vật. Điều làm chúng ta trân trọng nhất chính là vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống một cách mạnh mẽ nhất ở những thân phận đói nghèo, thảm hại kia. Ba nhân vật :Tràng, vợ Tràng và bà cụ Tứ cùng những tình cảm, lẽ sống cao đẹp của họ chính là những điểm sáng mà Kim Lân từng trần trở trong thời gian dài để thể hiện sao cho độc đáo một đề tài tâm lý nhân vật, khả năng dựng truyện và dẫn truyện của Kim Lân - một nhà văn được đánh giá là viết ít nhưng tác phẩm nào cũng có giá trị là vì lẽ đó.

“Cái đẹp cứu vớt con người” (Đôxtôiépki). Vâng Vợ nhặt của nhà văn Kim Lân thể hiện rõ sức mạnh kì diệu ấy. Ánh sáng của tình người, lòng tin yêu vào cuộc sống là con nguồn mạch giúp Kim Lân hoàn thành tác phẩm. Ông đã có đóng góp cho văn học Việt Nam nói chung, về đề tài nạn đói nói riêng một quan niệm mới về lòng người và tình người. Đọc xong thiên truyện, dấu ấn mạnh mẽ nhất trong tâm hồn người đọc chính là điểm sáng tuyệt vời nhất.

#### **ĐỀ 24: Phân tích hình tượng nhân vật bà cụ Tứ trong tác phẩm "Vợ nhặt" của Kim Lân.**

##### Bài làm

Tác phẩm "Vợ nhặt" của Kim Lân đã tạc lưu lại trong tâm trí người đọc không chỉ bởi một ấn tượng dễ gọi mang tên nỗi ám ảnh về cái đói, cái cùng của những người nông dân sống trong đêm trước Cách mạng. Những tháng ngày 1945 ấy, cái đói cứ bao vây nơi nơi, tưởng đâu đâu cũng ngửi thấy "mùi đói". Làng quê chìm trong ko khí tang thương với tiếng quạ kêu quang quác,

tiếng khóc hờ của những nhà có người chết đói và thân vận rẻ rúng của bao cảnh đời: người ta có thể nhặt được vợ giữa đường chợ chỉ với 4 bát bánh đúc và mấy câu đùa cợt.... Tam gác lại cái cứu cánh nội dung ấy, lật giở lại tác phẩm và để lòng ta lắng lại với những dư vị của cảm xúc. Ta đã hiểu... Nếu như nói đến văn học là nói đến 1 phạm trù ko giới hạn của nghệ thuật, có khả năng gọi mở mọi chiều kích của các giác quan và trường liên tưởng, thì đây: với tác phẩm vợ nhặt này ta không chỉ biết đến 1 anh Tràng thô nhám, cục mịch mà có lúc ngưng nghịu, ngần ngợ như một đứa trẻ lớn hiền lành, 1 chị vợ "chao chát, chông lòn" mà "hiền hậu, đúng mực", ta còn biết đến 1 nhân vật nữa: một nv giữ cho câu chuyện "VN" có chiều sâu, mang lại cho tác phẩm sự mặn mà, đậm thắm. Đó là nhân vật bà cụ Tứ. Càng đọc, càng ngẫm nghĩ, ta càng cảm nhận sâu sắc hơn tấm lòng của người mẹ nông dân này.

Đến khoảng giữa câu chuyện, Kim Lân mới cho nhân vật Bà cụ Tứ xuất hiện như để hoàn chỉnh hơn ý niệm về một gia đình, trong mối quan hệ "mẹ chồng nàng dâu" với người "vợ nhặt". Nhưng hẳn không chỉ thế. Hãy xem cách mà Kim Lân dẫn dắt chúng ta đến với nhân vật. Bắt đầu là cái dáng "lọng khọng đi vào ngõ, vừa đi vừa lảm bảm tính toán gì trong miệng".... Chao ôi! những câu giản dị nhưng ấy mà chắt chứa bao yêu thương trĩu mền. Ta gặp lại cái dáng gầy gầy, còng còng vì sương gió cuộc đời của người bà quen thuộc. Từ "lọng khọng" đầy sáng tạo và có sức gợi hình, gợi tả tạc lại trong ta một dáng hình. Có phải không? Kim Lân đã gửi trọn tấm lòng kính yêu của mình để cảm thông cùng với những nỗi đau suốt một đời đã đè nặng lên đôi vai người mẹ. Và chẳng, với nhân vật bà lão, nhà văn còn có dịp nhìn việc lấy vợ của Tràng từ một góc độ khác, trong 1 tâm trạng khác. Tôi những muốn viết ngay về những diễn biến phức tạp trong tâm hồn người mẹ khi biết đưa con trai xấu xí, cục mịch của mình đã lấy được vợ lại giữa 1 hoàn cảnh đặc biệt éo le. Nhưng, 1 ấn tượng nữa về bà lão cứ hiện hiện trong tâm trí tôi - 1 ấn tượng dù chỉ thoáng gặp nhưng cũng thật khó quên. Tôi đã lần theo từng câu chữ của tác phẩm và tìm thấy những dòng tâm trạng này: "Bà lão dăm dăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa, dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đồng râm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà nghĩ đến cuộc đời khổ cực dằng dặc của mình" Ta biết được người phụ nữ nông dân này có một số phận đầy bất hạnh. Cuộc đời bà là một chuỗi ngày khổ đau, tê tái. Bà đã vĩnh viễn mất đi người chồng và đứa con gái út yêu thương.. Dẫu biết thời gian có thể xoá nhoà đi tất cả nhưng vết thương lòng đâu dễ biến tan. Ta không gặp 1 cơn hấp hối trong đau đớn, cũng chẳng gặp những quằn quại quay quắt, ta chỉ gặp ở đó 1 con người của hiện tại với 1 cái thờ dài đầy chiêm nghiệm đang nhìn trông về bờ quá khứ. Điều ấy lý giải vì sao con người già cả ấy lại quen đánh giá sự việc bằng kinh nghiệm và sự từng trải, bằng 1 nỗi lòng đầy ám ảnh của 1 quá vãng nặng trĩu những đắng cay.

Ai đã từng nói rằng: "Văn chương là lịch sử tâm trạng của con người". Nếu đúng như vậy thì Kim Lân quả là 1 nhà văn đích thực trên cái ý nghĩa ấy. Ngòi bút của ông đã thêm 1 lần chắm vào nghiên mực cuộc đời để khắc hoạ lại hình ảnh của nhân vật bà cụ Tứ với những diễn biến tâm trạng đầy tinh tế. Tưởng như, bà cụ Tứ bước từ căn nhà rúm rỏ, tòi tàn của mình đi vào trang truyện chứ ko hề do dụng công xây dựng của tác giả. Hình ảnh bà - hình ảnh của người mẹ nông dân Việt Nam 1945 hiện lên chân thực như nó vốn có qua những lời nói tưởng như ngớ ngẩn, lảm cẩm mà xiết bao ân tình. Cuộc đời tuy có mất mát nhưng cũng không cướp đi của bà tất cả. Bà vẫn còn có anh Tràng - đứa con trai độc nhất để yêu thương chăm sóc. Làm mẹ, ai cũng mong cho con mình chóng khôn lớn, trưởng thành và yên bề gia thất. Rồi cái ngày hạnh phúc ấy cũng đã đến: cái ngày anh Tràng lấy vợ. Những tưởng niềm vui ánh lên rạng ngời trong trái tim già cõi ấy,

nhưng lòng người mẹ lại ngổn ngang bao tâm sự thầm kín. Đạo đầu của chuỗi tâm trạng ấy là 1 loạt những câu hỏi đầy vẻ ngạc nhiên, thắc mắc: "Người đàn bà nào lại đứng ở đầu giường con mình thế kia?" "ai thế nhỉ? sao lại chào mình bằng u?". Phải, làm sao bà ngờ được lại có ngày hôm nay, khi mà giữa những năm đói mòn đói mỏi, nhà lại nghèo mà con trai bà lại dẫn không về 1 người vợ. Mọi việc đến với bà quá nhanh. Chính bởi tình huống hết sức đặc biệt này của câu chuyện "vợ nhặt", mọi diễn biến nội tại đã được đẩy lên đến cao trào, trở thành 1 sợi chỉ xuyên suốt làm cho mạch truyện đi theo 1 chiều hướng rất logic của tâm lý nhân vật. Bà lão thực sự đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, tới mức: "không còn tin vào mắt, vào tai mình nữa". "Bà lão nhấp nháy cặp mắt cho đỡ nhòen vì tự dưng bà lão thấy mắt mình nhòen thì phải. Bà lão nhìn kĩ người đàn bà lần nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu".

Tâm trạng cứ bần khoản như thế cho đến khi mọi chuyện được vỡ lẽ thông qua lời xác nhận của con trai: "Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ..." Lúc ấy tâm trạng của người mẹ lại bước sang 1 trang khác, hứa hẹn nhiều biến động hơn và tinh tế hơn. Kim Lân đã không tả thêm nữa những suy nghĩ, những căn vặn trong tâm não của nhân vật, hay những động thái tâm lý phức tạp khác, mà chỉ đơn giản là 1 cái "cúi đầu nín lặng". Không chỉ là câu trần thuật, trong câu văn ngắn này còn rung rung tấm lòng hoà cảm đầy ân tình của Kim Lân. Bao nhiêu nỗi niềm chất chứa trong cái im lặng cúi đầu ấy. Cái im lặng tủi phận. Cái im lặng cam chịu. Cái im lặng xót xa. Bà thương thầm cho cái số kiếp của đứa con trai độc nhất. Vì người mẹ ấy giờ đây ý thức rõ hơn vợ chồng Tràng rất nhiều về cái nghịch cảnh quá éo le, nghiệt ngã của cuộc hôn nhân này. Chừng ấy năm sống trên đời mách bảo bà lão 1 điều rằng: mỗi duyên kiếp trớ trêu kia hình như không nên có. "Chao ôi! người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc gia đình ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này - còn mình thì..." Bao nhiêu ngấp ngừng, tủi cực, chua xót dồn nén sau chữ "thì" vô vọng ấy. Bà xót xa vì không thể làm tròn bổn phận của người mẹ: ko lo nổi chuyện đại sự cho con. Giờ đây, giữa lúc người chết đói "như ngả rạ", lại có người theo con trai mình về làm vợ. Người mẹ bị dồn vào cảnh túng quẫn, khó xử, không biết lấy gì cúng tổ tiên, trình làng khi con đã có vợ. Cái buồn, cái tủi lại chan đầy nước mắt, và bà đắm khóc vì thương con, thương dâu ko biết làm sao đây để vượt qua cơn khốn khó này: "Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống 2 hàng nước mắt", lý trí đã ko ngăn nổi tình cảm. Kim Lân như 1 nhà quay phim tài ba đầy cảm xúc lia ống kính máy quay của mình chớp lấy thần cảnh, thước phim từ cận cảnh làm hiện lên đôi mắt hằn dấu chân chim 1 đời vất vả của người mẹ già, và trên cái khoé mắt nứt nẻ theo thời gian ấy rạn ra 2 dòng nước mắt khô héo. Nước mắt của người già, mà như Nguyễn Khuyến xưa đã từng viết trong "Khóc Dương Khuê":

*"Tuổi già hạt lệ như sương  
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan"*

Thời gian là kẻ khách quan và quá đỗi vô tình, nó đã mang đi tuổi thanh xuân của mẹ cùng bao lo toan, nhọc nhằn, vất vả đã vắt kiệt sức mẹ. Mẹ khó có thể khóc được nữa, bởi "nước mắt người già chảy ngược vào tim". Khi mẹ khóc tức là mẹ đang đau lắm. Một người mẹ thương con như bà cụ Tứ ko đau sao được khi chứng kiến cảnh con mình lấy vợ trong 1 hiện thực và tương lai ảm đạm đến thế. Và bà đã lo lắng để rồi tự cất vắn: "Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống được qua cơn đói khát này không". Đọc những dòng này, ta có cảm giác như trái tim người mẹ trong cái thân hình còm cõi đang rung lên đau đớn, xót xa như xát muối. Bà thương con, tủi phận để rồi lại thương dâu: Bà "đăm đăm nhìn người đàn bà" như để nhận mặt người đồng hành khốn

cùng trong cuộc đời khổ nghèo. Người con dâu đứng đấy, tay "vân vê tà áo đã rách bợt". Và cũng từ đó đã thức dậy trong bà lão bao ý nghĩ nhân đạo và một sự hàm ơn: "Người ta có gặp bước khó khăn đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bôn phận bà làm mẹ, bà đã chẳng lo được cho con..." Câu văn thật cảm động! Nó vừa nhói nhói 1 tình cảm tủi hờn, ai oán cho số kiếp, vừa như cố nén cái cảm giác bất đắc dĩ trước 1 sự việc đã rồi, lại vừa rung rung, xao xuyến 1 niềm vui. Những lời độc thoại cứ như đợt sóng cuộn lên trong lòng người mẹ, vừa khắc khoải, dạt dào, vừa bao la, vỗ về đầy tình mẫu tử, hoà trong đó là những rung cảm xót xa trong trái tim nhân đạo của Kim Lân. Ta cũng thấy tim ta thổn thức cùng với những trăn trở bình dị mà xiết bao ân tình. Đẹp biết bao 2 tiếng "mừng lòng" của bà lão nói với các con. Chữ "mừng" thật là đặc địa, có vẻ như ko đâu vào đâu của người già cả, nhưng lại lột tả đúng cái thần thái của 1 tấm lòng vị tha cao quý đang ngượng ngập, vụng về tìm cách giấu đi dòng nước mắt xót thương vì sợ phiền lòng cho chính người mình đang thương xót. "Có đèn đây à? Ừ, thắp lên 1 tí cho sáng sửa... Dầu bây giờ đắt góm lên mảy ạ". Người mẹ già như cố nuốt nước mắt vào trong, cố nén nỗi đau trong lòng để tình thương của mình an ủi các con. Nỗi lo sợ ngày mai mãi chỉ là 1 niềm riêng không chia sẻ. Bối trái tim người mẹ ấy hiện hậu nhân từ lắm. Chẳng muốn con buồn, chẳng muốn con đau, chỉ mong con hãy tận hưởng trọn vẹn cái hạnh phúc lứa đôi. Đến đây, ta càng thấm thía hơn 1 câu danh ngôn: "tình yêu thương của người mẹ dành cho con luôn âm thầm, lặng lẽ như mạch nước ngầm trong lành đi theo con suốt cuộc đời". Suối nguồn của tình mẹ và những giọt nước mắt, giọt mồ hôi thật thiêng liêng và đáng quý vô cùng. Rồi có ai đã từng ví trong câu hát "tình mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào", thì đây, những giọt nước mắt buồn thương vẫn mặn mà, nồng ấm, vẫn âm vang nhịp đập thủy triều. Mẹ kêu con thắp đèn lên "cho sáng sửa" hay chính tình yêu bao la của mẹ đang tỏa sáng cho hạnh phúc của các con. Quên làm sao được cử chỉ ân cần mà xiết bao thương mến của mẹ với con dâu, ta tưởng như có cái vẫy tay đầy thân thương sau câu nói này: "con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân". Còn đâu là ranh giới giữa mẹ chồng - nàng dâu? Hay tình yêu thương đã xoá nhoà đi tất cả. Tình yêu ấy dâng lên nghẹn ngào khi bà cụ Tứ nói trong nước mắt: "kể có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo... lấy nhau lúc này u thương quá...". "Lúc này" ở đây chính là thời điểm năm 1945 - cái mốc in dấu 1 nạn đói khủng khiếp đã đi vào lịch sử: "hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói" (Tuyên ngôn độc lập), câu nói ấy vẫn còn vang lên như 1 chứng tích tội ác của thực dân Pháp, ko khí quê hương "vân lên 1 mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người", "dưới những gốc đa, gốc gạo xù xì, bóng những người đói dật dờ đi lại như những bóng ma". Ấy vậy mà, "như bèo gặp nước", vợ chồng Tràng đã đến với nhau đánh cuộc cùng cuộc đời, cùng cái đói, cái khổ. Thử hỏi sao lòng người mẹ ko đau đau. Bà chỉ biết khuyên vợ chồng Tràng thương yêu nhau, ăn ở hoà thuận để cùng vượt qua cơn bĩ cực này. Đó là nỗi lo, nỗi thương của người mẹ từng trải, hiểu đời có tấm lòng yêu con sâu thẳm... Trong cái mừng, cái tủi, cái lo, người đọc vẫn thấy được niềm vui, niềm tin thấp lên trong lòng bà cụ Tứ. Một niềm vui tội nghiệp ko sao cất cánh được khi bị "ghì sát đất" bởi những nỗi lo, nỗi buồn luôn trĩu nặng. Nhưng bà vẫn cố vui, cố nén tất cả mọi sầu muộn, héo hon vào trong bằng tất cả sức mạnh của tình mẹ, để gắng làm cho con vui, dâu vui. Hoá ra chính cái bà lão "gần đất xa trời" này lại là người nói đến hi vọng, đến ngày mai nhiều hơn tất cả. Đó là niềm ao ước thiết tha về 1 ngày mai sáng sửa hơn cho con của bà mẹ nghèo: "Rồi may ông giời cho khá... ai giàu ba họ, ai khó ba đời..." Một lời động viên con giản dị, mang đậm niềm tin tâm linh của 1 bà mẹ nông dân từng trải, nhưng cũng thật cần thiết, bởi đó chính là nguồn động lực giúp cho mẹ con bà đủ vững vàng để vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt nhất của cái đói, cái chết. Câu nói ấy chỉ có thể thốt lên từ 1 tấm lòng cao

cả, tràn ngập tình thương. Nhưng ai dám bảo đó là 1 niềm tin, sự lạc quan khoẻ khoắn, bởi chính trong tâm trạng người mẹ ngay lúc này đây cũng đang bởi bởi những lo sợ cho cuộc sống của ngày mai. Chỉ có thể nói đó là 1 niềm tin bé nhỏ mà bất diệt, âm ỉ và dai dẳng tiếp thêm sức mạnh cho con trên sinh lộ cuộc đời. Và niềm tin đã chuyển hoá thành niềm vui. Bà vui trong công việc "sửa sang nhà cửa vườn tược". Nó khiến bà nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, "cái mặt búng beo, u ám của bà bỗng rạng rỡ hẳn lên". Bà đã chủ động tạo nên niềm vui đó trong ngày đầu tiên gia đình đón chào 1 nàng dâu mới: bà dậy từ rất sớm, bà "xăm xắn thu dọn, quét tước nhà cửa, giã những búi cỏ mọc nham nhở trong vườn". Bởi bà hiểu rằng, bắt đầu từ hôm nay đã đánh dấu 1 bước ngoặt trong cuộc đời các con mình, chúng nó đã nên vợ nên chồng và bà cảm thấy mình phải vun vén cho hạnh phúc của các con. Buổi sáng hôm nay, bà đã dọn đũa lo chu tất, chuẩn bị bữa cơm đón dâu, nhưng "cái bữa cơm ngày đói thật thảm hại" lại chỉ là 1 bữa "tiệc" với món cháo loãng và món "chè khoán" đắng chát, nhưng bà vẫn cố tạo ra 1 không khí ấm cúng, vui vẻ để động viên, làm giảm bớt nỗi thất vọng cho các con. Dù cuộc sống này có khắc nghiệt, ngặt nghèo đến tàn bạo, đầy đọa mẹ con bà, bà vẫn nói toàn chuyện vui, chuyện sung sướng sau này, chuyện nuôi đôi gà cho nó sinh sôi nảy nở thành đàn gà con... Người mẹ già ấy vẫn nghĩ đến cái sống, nghĩ đến ánh sáng của ngày mai ngay bên bờ vực thẳm của cái chết. Hình ảnh đàn gà sinh sôi trong bữa cơm ngày đói đã nói lên sức sống kì diệu của người lao động. Nhưng xúc động nhất là nỗi chám cám mà bà đã cố tình giấu con trai, con dâu cho đến phút cuối cùng. Người đọc cười ra nước mắt trước sự hào hứng vui vẻ khi bà "lễ mễ bung nồi cháo cám nghi ngút khói" lên nhà, tươi cười dọn đũa múc cho các con rồi mời mọc: "cám đây này ạ, hi. Ngon đáo để, cứ ăn thử mà xem". Nhưng ta biết, bên trong cái vẻ tươi tỉnh niềm nở ấy, lòng mẹ đang quặn thắt. Cái món mà bà cụ Tứ gọi là "chè khoán" ấy hoá ra lại là cám, gọi như vậy để cho các con bớt tủi thân, lời mời mọc của bà là lời động viên, an ủi. Bà muốn con được no đủ, hạnh phúc trong 1 việc làm mà bà cố gắng tạo nên dấu biết rằng đó chỉ là ảo giác, sau đó thực tại sẽ lại trở về nguyên bản, bẽ bàng và chua chát. Dường như bà có ý xua tan đi không khí ảm đạm, cố che đậy, vùi đi thực cảnh thế lương. Nhưng thật tội nghiệp cho bà lão, tội nghiệp thay cho cái niềm vui bé nhỏ chơi với giữa 1 bể bi lụy, khi mà màu sắc của hiện tại phải được trả về đúng nghĩa của nó. "Bà ko dám để con dâu nhìn thấy bà khóc". Một lần nữa, người mẹ lại nuốt đắng cay vào trong để cái hi vọng mong manh còn đủ sức soi đường con bước. Những giọt nữa mắt lại rơi. Những giọt nước mắt ám ảnh ấy....

Có thể, người đàn bà ấy chẳng còn sống, còn gần các con được lâu nữa. Nhưng bà sống trọn 1 đời vì các con, tìm thấy ý nghĩa cuộc đời mình trong sự chăm lo, vun vén cho con, mơ ước cho con. Bằng tất cả sự nâng niu trân trọng, Kim Lân đã để trái tim đập cùng 1 nhịp đập với trái tim người mẹ nông dân. Viết về bà cụ Tứ, nhà văn thực sự đã trở thành "người nhân đạo đến tận xương tuỷ" - (Sê khốp)

Nhà văn Tô Hoài có lần đã khẳng định: "Nhân vật là trụ cột của sáng tác, nhà văn trước tiên phải lo cho nhân vật của mình. Nhà văn nói bằng nhân vật, thông qua nhân vật, nhân vật là phương tiện để nhà văn thể hiện chủ đề và tinh thần tác phẩm". Thì đây, nhân vật bà cụ Tứ đã cho ta hiểu bao điều về tình yêu thương vô bờ bến của người mẹ dành cho con. Bà chính là là linh hồn của tác phẩm, là hiện thân cho tình mẫu tử, là hình tượng tiêu biểu cho vẻ đẹp các bà mẹ Việt nam: rất nhân hậu, rất bao dung, giàu lòng nhân ái, thương con vô hạn, hết lòng vun đắp cho các con được hạnh phúc, khát khao sống, khát khao yêu thương và truyền được ngọn lửa sống ấy từ mình sang cho các con. Người mẹ già ấy phải chăng chính là ánh sáng của cả thiên truyện, lặn chìm đằng sau bóng tối bi thảm của những kiếp đời nghèo khổ. Ánh sáng ấy làm cho câu chuyện anh Tràng nhặt vợ trở nên thấm thía cảm động hơn, nâng truyện ngắn "Vợ nhặt" lên tầm cao,

mang chiều sâu của 1 truyện ngắn "hiện thực - nhân bản". Ta thấy cái nhìn đồng cảm xót thương của Kim Lân chứa chan, thấm đượm trong từng câu, từng chữ, từng chi tiết của bức tranh đời sống nạn đói năm Ất Dậu, đằng sau những giọt nước mắt, những lời độc thoại được chắt ra từ 1 tâm hồn cao đẹp. Và, có phải, thông qua hình tượng nhân vật bà cụ Tứ, Kim Lân còn muốn ngầm đi đến 1 lý giải nguyên nhân: vì sao thời ấy dù Tràng và biết bao người như Tràng phải chịu muôn vàn nỗi cực khổ, đè nén nhưng vẫn vượt lên và còn có khả năng nghĩ tới những điều như: "Việt Minh, lá cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới và đoàn người đi phá kho thóc".

## **ĐỀ 25: HÌNH TƯỢNG CÂY XÀ NU TRONG “RỪNG XÀ NU” CỦA NGUYỄN TRUNG THÀNH**

### Bài làm 1

Gió thổi qua cánh rừng xào xạc. Bao giờ cũng vậy, gió thổi làm tâm hồn ta thêm trong sáng và tươi mát hơn. Gió lại thổi qua cánh “rừng xà nu” đau thương, quả cảm của Nguyễn Trung Thành. Gió oi, gió hẫy thổi nữa đi để hồn ta cảm nhận thêm sâu sắc, hình tượng cây xà nu trong khói lửa của một cuộc chiến tranh.

Xà nu, từng, bách hay phi lao? Đã có biết bao thi sĩ mượn hình ảnh của cây này để biểu đạt lòng mình. Ta như vừa thoát khỏi thế giới bồng bềnh êm dịu và mình ta còn bám đầy “phấn thông vàng” của Xuân Diệu. Cây thông độ lượng đêm Giáng sinh có ông già Nôen phát quà bánh cho em nhỏ dưới ánh sáng lung linh. Và giờ đây ta lại gặp hình tượng cây xà nu.

Xà nu! Cái tên thân thuộc gắn với dân làng Xô man tự bao đời. Và cũng không biết từ bao giờ ai đã trồng và đặt tên đó là cây xà nu để chúng thành bãi, thành rừng đến hôm nay. Xà nu! Cái tên ấy dường như có cùng với sự xuất hiện dân làng Xô man bởi vì xà nu và người dân là một, xà nu là một biểu tượng cho dân làng chốn rừng núi Tây Nguyên này. Quả thật như vậy, gần hai mươi lăm lần nhà văn nhắc đến “xà nu” bằng thứ ngôn ngữ giàu chất thơ và cảm xúc say mê mãnh liệt. Xà nu biết căm giận, biết quật khởi và khát khao mãnh liệt cuộc sống di truyền cho con cháu mai sau. Cả một thiên truyện dài đều có cây xà nu. Xà nu mọc thành rừng, xà nu làm đuốc soi đường cho Dít giã gạo, xà nu làm lửa thổi cơm cho dân làng và nó cũng làm cháy sáng mười đầu ngón tay của Tnú. Xà nu đi vào cuộc sống chân chất đời thường và lao vào cuộc chiến đấu một mất một còn của dân tộc. Xà nu là nhân chứng của bản anh hùng ca hào hùng quật khởi của một thời đại đầy bão tố khốc liệt trong chiến tranh giải phóng dân tộc, chống Mĩ ngụy của nhân dân Tây Nguyên và đồng bào miền Nam.

Xà nu là biểu tượng của dân Xô man hứng chịu bao hậu quả tàn khốc mà chiến tranh gây ra. Mỗi một người mất đi là thêm một cây xà nu gục ngã. Cây to, cây nhỏ và vô số cây lấm tấm những vết đạn như dân làng từ trẻ đến già không thể không bị ảnh hưởng chiến tranh, cơn lốc quái ác ấy cứ xoắn xít và vây lấy từng số phận con người. Xà nu gục ngã hay Mai chết do bị đánh đập vào kì sinh nở? Xà nu gãy hay anh Quyết hi sinh vì bom đạn kẻ thù! Và còn biết bao đồng chí anh em khác đã hi sinh trong cuộc chiến này. Mai chết hay xà nu xanh sớm vội lìa đời? Máu chị hay nhựa xà nu đã ứa ra từng cục quện bầm tím lại? Máu ứa ra kèm theo những điều linh thiêng quan trọng. Máu ứa ra như một di hận mà dân làng phải trả thù cho mẹ con Mai. Từng giọt, từng giọt rỉ ra như kim đâm muối xát vào lòng người dân Xô man thôi thúc họ căm sùng căm tức mà diệt giặc.

Xà nu vốn che chở cho dân làng thế mà dầu xà nu biến thành ngọn lửa hủy diệt mười ngón tay của Tnú. Ngọn lửa tai quái ấy phải chăng bọn thằng Dục – bọn tay sai “rước voi về giày má tổ” phản bội lại lợi ích của nhân dân, phản bội lại tác dụng có ích của xà nu? Xà nu không phải là

dầu nhập cảng cũng như bọn thằng Dục từ đời ông cha nhà nó vẫn ở cái xứ này... kẻ thù nguy hiểm muốn giấu bàn tay tội ác nên nó âm mưu “dùng người Việt trị người Việt” cũng như nhựa xà nu đốt đỏ mười ngón tay Tnú. Vậy là đối với dân làng Xô man, cây xà nu phần lớn là gắn bó trong cuộc tử sinh với cuộc đời của họ. Nhưng trong cả rừng xà nu như thế cũng có những cây bị lợi dụng để hủy diệt anh em mình? Phải chăng lũ lính man rợ là thứ nhựa xà nu nung ruột nung gan Tnú khi nó phùng phùng trên mười đầu ngón tay anh? ... Cũng có thể hiểu nhựa xà nu bốc lửa ấy là biểu tượng cho lòng căm hận. Tội ác trời không dung, đất không tha của lũ thằng Dục đã bị mười ngọn lửa ấy cảnh cáo. Chúng là kẻ thấp lùn để hủy diệt. Nhưng xà nu đã thành mười bó đuốc có tác dụng chỉ lối soi đường, kêu gọi lòng người đánh thức lí trí con người, bắt người Xô man nhận thức ngay ra chân lí. “Chúng nó cầm súng mình phải cầm mác”. Có lẽ ý sau nhất quán với hình tượng cây xà nu hơn.

Mặc dù bị vùi dập bởi đạn đại bác nhưng không vì thế mà cây xà nu nhụt chí, nó vẫn vươn lên và hướng về ánh sáng, về phía trước. Đó chính là khát vọng sống mãnh liệt của người dân ở làng Xô man. “Cạnh một cây gục ngã đã có bốn, năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Xà nu đã gần kề với cái chết nhưng vẫn cố gắng vùng dậy giành sự sống. Chỉ có những tấm lòng nhiệt tình muốn sống mới có được điều ấy. Thật đáng trân trọng làm sao hình ảnh quên mình vì dân làng, quên nỗi đau riêng mình để bảo vệ người khác “Những vết thương của chúng chóng lành như một thân thể cường tráng” và rồi “ưỡn tấm ngực lớn của mình ra che chở cho dân làng”.

Bom đạn giặc có thể diệt được một hai cây xà nu chứ không thể nào làm lay chuyển cả rừng xà nu thay nhau mọc ấy. Giặc có thể giết dã man Mai, anh Quyết chứ chúng không thể giết được lòng căm hận ngàn ngút của dân làng truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Làm sao chúng có thể ngăn chặn lòng căm thù của những Dít, Tnú, bé Heng... nối tiếp các bậc tiền bối khi xưa? Xà nu bị thay đổi đó nhưng vẫn đứng gương dậy lên da non để sống. Tnú mất mười đốt ngón tay nhưng bàn tay anh vẫn còn và hẳn nhiên anh vẫn còn cầm súng được để tiêu diệt kẻ thù. Tnú mất mười đốt ngón tay nhưng bàn tay anh vẫn còn và hẳn nhiên anh vẫn còn cầm súng được để tiêu diệt kẻ thù. Tnú bị trói đó nhưng đôi mắt anh như có lửa thiêu đốt mọi tâm đồ đen tối của kẻ thù. Lòng căm hận, nỗi xót xa chạy giằng giật trong anh như nhựa xà nu bốc cháy. Nó gan góc bền vững dù đạn đại bác xả vào vẫn không làm rung chuyển... xà nu bị thương nhưng vẫn giữ hình ảnh tuyệt đẹp “vết thương đọng lại lóng lánh nắng hè” phải chăng những con người Xô man đến chết vẫn giữ được bản chất anh hùng của họ? Đầu tác phẩm là hình ảnh cây xà nu và cuối tác phẩm vẫn là hình ảnh rừng xà nu nối tiếp nhau chạy tới chân trời. Không phải ngẫu nhiên có sự trùng hợp kì lạ đó có lẽ nhà văn muốn nói: Không một sức mạnh tàn bạo nào hủy diệt được con người vùng Xô man này. Chính vì lẽ đó mà cụ Mết – người đại diện cho dân làng Xô man đã nói với mọi người “Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta”. Đó phải chăng là lời khẳng định đầy tự hào về sức mạnh tiềm tàng của chính dân làng mình? Câu chuyện mang đậm tính sử thi thần thoại. Bếp lửa hồng bên ngôi nhà sàn rộng bùng bùng tỏa lửa soi sáng những khuôn mặt người Xô man cùng giọng kể trầm trầm của cụ Mết đưa ta về với thế giới huyền hoặc xa xưa, thế giới của trận quyết đấu mà dân làng Xô man đã chiến thắng. Ánh sáng mười ngón tay Tnú bị đốt như có ma lực thúc đẩy mọi người hành động. Bên bếp lửa xà nu ta cũng nghe kể được một chuyện tình đẹp, thật sáng trong nhưng cũng thật là thương tâm cảm động giữa Mai và Tnú... Cụ Mết có lẽ là cây xà nu đại thụ. Cụ là sợi dây nối giữa xa xưa và hiện đại, là pho sử sống của làng Xô man. Cụ chính là linh hồn, là vị tướng chỉ huy tài tình của dân làng, phải chăng cây xà nu ưỡn tấm ngực lớn ra che chở cho dân làng” chính là hình ảnh cụ Mết – vị già làng đáng

kính. Trại bao bao sóng dập gió vùi nhưng cây đại thụ ấy ngày càng chắc chắn hơn, rễ cây bám sâu vào từng thớ đất buồn làng....

Như đã nói ở trên, cây xà nu như một chứng nhân lịch sử. Ánh lửa xà nu soi sáng và đường như chính nó là động lực tăng thêm sức mạnh lời anh Quyết dặn “Người còn sống phải chuẩn bị dao, rựa... sẽ có ngày dùng tới”. Ngọn lửa xà nu cũng đã soi sáng, minh chứng tấm lòng trung thành của Tnú: “Tnú sẽ không kêu than anh Quyết ơi! Cháy! Không! Tnú sẽ không kêu...” Nhưng có lẽ linh thiêng nhất vẫn là ngọn lửa xà nu chứng kiến mười tên giặc phơi thây trước sân nhà: “đồng lửa xà nu giữa nhà vẫn đỏ” và lửa xà nu vẫn âm ỉ cháy khắp rừng.

Cùng với Đất nước đứng lên, Rừng xà nu đã biểu hiện sinh động cuộc chiến đấu của người dân vùng núi rừng Tây Nguyên. Cảm ơn nhà văn Nguyễn Trung Thành, người đã góp phần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp anh em miền xuôi ngược trong cuộc kháng chiến cứu nước. Quả thật, đọc tác phẩm của anh xong tôi thấy cả một trang sử vàng “đau thương nhưng anh dũng” của làng Xô man, của Tây Nguyên quật khởi và cả gương mặt của miền Nam trong thời lửa đạn chống Mỹ – nguy, có những nỗi đau ghê gớm nhưng vẫn sáng ngời nhân phẩm, ý chí tiêu diệt kẻ thù. Rừng xà nu vẫn cứ sinh sôi chạy mãi tít tắp chân trời, nó bất chấp đạn bom và vì thế nó cứ uốn tấm ngực lớn che chở cho dân làng lao động chiến đấu và dám đối đầu với những hoàn cảnh khốc liệt nhất.

## Bài làm 2

Truyện ngắn “Rừng xà nu” là một tác phẩm xuất sắc của Nguyễn Trung Thành viết về những con người anh hùng, bất khuất của Tây Nguyên trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Đọc truyện ngắn “Rừng xà nu” cái ấn tượng để lại sâu đậm trong lòng người đọc chính là nhà văn đã xây dựng thành công hình tượng cây xà nu.

Trước hết cây xà nu hiện lên trong tác phẩm với ý nghĩa tả thực. Nhà văn đã lựa chọn một loại cây thuộc họ thông, mọc nhiều ở Tây Nguyên có nhựa thơm và gỗ quý để đưa vào tác phẩm của mình. Tác giả miêu tả cây Xà nu ngay ở đầu tác phẩm giúp người đọc ấn tượng ngay từ đầu về vùng đất Tây Nguyên xa lạ, một xứ sở đẹp tươi. Từ chỗ tả thực, rất tự nhiên, cây Xà nu trở thành một biểu tượng. Cây Xà nu trở thành đại diện cho dân làng Xô man và cả Tây Nguyên, do vậy mỗi đặc điểm của cây Xà nu, mỗi sự việc xảy ra với rừng Xà nu đều có thể hiểu theo nghĩa ẩn dụ, tượng trưng.

Nét độc đáo và đặc sắc trong cách miêu tả của Nguyễn Trung Thành là cảnh người luôn soi bóng hòa quyện với nhau tới mức nhìn cảnh ta nghĩ tới người và ngược lại. hình ảnh cây Xà nu với nhiều dáng vẻ đã trở thành một biểu tượng nghệ thuật về núi rừng trong tư thế hùng vĩ, vững trãi muôn đời. Nó nói lên sức sống bền vững, quật khởi của con người Tây Nguyên bất khuất. Xà nu có quan hệ mật thiết với đời sống hàng ngày của người dân làng Xô man. Xà nu có mặt trong suốt câu chuyện về Tnú và làng Xô man của anh. Ngọn lửa Xà nu cháy âm ập trong bếp mỗi gia đình. Đồng lửa Xà nu rực trong nhà Ưng tập trung dân làng nghe cụ Mét kể chuyện. Khói Xà nu làm đen tấm bản cho Tnú và Mai tập viết... Xà nu cũng tham gia vào những sự kiện quan trọng của làng Xô man. Ngọn đuốc Xà nu trong tay cụ Mét soi đường cho dân làng vào rừng lấy vũ khí. Dân làng Xô man mài giáo mác dưới ánh sáng của đuốc Xà nu và trong đêm dân làng nổi dậy, lửa Xà nu sáng rực soi xác 10 tên lính giặc nằm ngổn ngang. Xà nu gắn bó và thân thiết như không thể thiếu được trong cuộc sống của dân làng.

Xà nu là biểu tượng về đời sống và phẩm chất của con người làng Xô man. Rừng Xà nu cũng như làng Xôman chịu nhiều đau thương bởi sự tàn phá ác liệt của kẻ thù. Đạn đại bác rớt thành lệ mỗi ngày sát thương biết bao cây Xà nu “Cả rừng Xà nu hàng vạn cây, không cây nào



không bị thương” giống như thân thể những con người đầy thương tích. Có những cây bị chặt đứt ngang thân mình, đau đớn như cái chết của anh Xút, bà Nhan, của Mai và đứa con vừa đầy một tháng tuổi. Có những cây bị thương, nhựa cây ứa ra tràn trề, chỗ bị thương bầm lại “đen và đặc quện như máu” giống như nỗi uất hận chôn chặt trong lòng Tnú, trong lòng người Xô man đợi ngày trả thù. Đau thương thế nhưng Xà nu lại có sức sống thật mãnh liệt không gì dập tắt nổi. Nó hào hùng ngay cả trong cơn đau. Đạn đại bác của kẻ thù khoong giết nổi rừng Xà nu. Dưới làn mưa đạn của kẻ thù “Xà nu đổ ào ào như một trận bão”. Nhưng cạnh một cây mới ngã gục, 4-5 cây con mọc lên, nhọn hoắt hình mũi tên lao thẳng lên bầu trời”. Đó là hình ảnh người dân làng Xô man nối tiếp nhau trưởng thành và chiến đấu.

Xà nu là biểu tượng của người dân Tây Nguyên cũng như những con người mang vẻ đẹp của Xà Nu. Cụ Mết tiêu biểu cho ngọn lửa quật khởi của dân làng. Cụ nuôi giữ ngọn lửa cháy khát vọng và tự do và lòng trung thành với cách mạng.. Cụ Mết như cây cổ thụ to lớn, vững trãi “ưỡn tấm ngực của mình che chở cho dân làng”. Tnú như cây Xà nu đã trưởng thành. Từ một cậu bé liên lạc Tnú trở thành cán bộ lãnh đạo dân làng Xô man. Kẻ thù đã bắt được Tnú, dùng giẻ có tấm nhựa Xà nu đốt 10 ngón tay Tnú. Bàn tay anh mỗi ngón chỉ còn 2 đốt, “nhưng ngón tay còn 2 đốt cũng bắn súng được”. Tnú vẫn vững vàng như cây Xà nu với sức sống bất diệt.

“Không gì mạnh bằng cây Xà nu đất mình”. Không gì mạnh bằng sức sống bất diệt của dân làng Xô man. Mai ngã xuống thì đã có Dít lên thay thế “chị bí thư kiêm chính trị viên xã đội” còn vững vàng hơn cả chị gái mình. Khi bằng tuổi Heng. Tnú chỉ làm liên lạc. Cậu bé Heng bây giờ, vai khoác súng trường tự hào dẫn Tnú đi qua những “ác chiến điếm” đang sẵn sàng tiêu diệt kẻ thù.. Hình tượng chất thơ mang vẻ đẹp chất thơ hoành tráng. Tác giả đã viết những câu văn đẹp, nồng nàn, rực rỡ để tạo hình, tạo hương, tạo ánh sáng và sức sống cho rừng Xà nu. Xà nu được chạm khắc lộng lẫy như một bức tranh tráng lệ. “Những cây Xà nu phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh sáng”. Thứ ánh sáng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng thẳng tắp, lóng lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra thơm mỡ màng”.

Cuối tác phẩm, hình ảnh rừng Xà nu lại được miêu tả như một điệp khúc. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi Xà nu nối tiếp nhau chạy đến chân trời”. Hình ảnh đẹp và đầy chất thơ tráng lệ, nó như một điệp khúc trong bản nhạc trầm hùng ngợi ca sức sống mãnh liệt và bất diệt của con người Tây Nguyên.

Hình tượng cây Xà nu là một sáng tạo đặc sắc của Nguyễn Trung Thành. Hình tượng đó cho chúng ta thấy sức sống không gì dập tắt nổi của người dân Tây Nguyên. Từ đó chúng ta cũng hiểu con người Việt Nam đã kiêu hãnh, bền bỉ như thế nào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

## **ĐỀ 26: Tính sử thi của tác phẩm Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành)**

### Bài làm

Một tác phẩm tiêu biểu có thể minh họa cho sự tồn tại của "nền văn học sử thi" trong văn học Việt Nam 1945 - 1975, tiêu biểu là "Rừng Xà Nu" của Nguyễn Trung Thành. Là một truyện ngắn mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn đã trở thành một phần tất yếu của nó.

Tính sử thi của Rừng Xà Nu mang đậm tính chất toàn dân. Những chuyện xảy ra với làng Xôman hoàn toàn không có ý nghĩa cá biệt. Chúng là chuyện chung của cả Tây Nguyên, cả miền Nam, cả nước trong những ngày chiến đấu chống đế quốc Mỹ. Tính thế bị o ép của làng Xô Man trước ngày đồng khởi là bức tranh sinh động về cuộc sống đau thương của đồng bào miền Nam trong những ngày Mĩ - Diệt thi hành luật 10-59, khủng bố dữ dội những người yêu nước, những

người kháng chiến cũ. Khi làng Xô Man đứng dậy thì gương mặt của làng lúc này lại chính là gương mặt của cả nước trong những ngày quyết tâm đánh Mĩ và thắng Mĩ - một gương mặt rạng rỡ, tự tin, điềm tĩnh đón nhận những thử thách mới.

Rừng Xà Nu là truyện ngắn đã xây dựng thành công hình tượng một tập thể anh hùng. Những anh hùng được kể tới trong đó đều có tính đại diện cao, mang trong mình hình ảnh của cả một dân tộc. Tập thể anh hùng trong Rừng Xà Nu là tập thể đa dạng về lứa tuổi và giới tính. Mỗi gương mặt anh hùng đều có những nét riêng, thể hiện một số phận riêng trong cuộc đời chung. Tất cả họ đều giống nhau ở những phẩm chất cơ bản : gan dạ, trung thực, một lòng một dạ đi theo cách mạng. Chiến công của mỗi người tuy đa dạng mà thống nhất. Cuốn sử về vang của làng Xô Man, của Tây Nguyên không phải do riêng một người mà do tất cả mọi người viết ra. Bản trường ca của núi rừng không chỉ trỗi lên một giọng mà là sự tổng hoà của nhiều giọng. Anh Quyết, cụ Mết, anh Tnú, chị Mai, cô Dít, bé Heng là những nhân vật tiêu biểu, nhưng bên cạnh họ, đằng sau họ còn có bao người khác nữa cũng không chịu sống mờ nhạt, vô danh. Tất cả họ đều thi đua lập công, đều muốn góp phần mình vào sự nghiệp vĩ đại của dân tộc. Truyện ngắn Rừng Xà Nu lấy cảm hứng hướng về cái chung đã chi phối sự thống nhất giữa cái cá biệt và cái phổ quát.

Truyện ngắn mang đậm tính chất sử thi đã miêu tả các sự kiện, các nhân vật anh hùng từ một cái nhìn chiêm ngưỡng, khâm phục. Các chi tiết đời thường ít được nhắc tới. Nhà văn tâm đắc với những chi tiết có khả năng làm phát lộ được phẩm chất anh hùng của nhân vật. Tả cụ Mết, nhà văn chú ý tới giọng nói "ồ ồ dội vang trong lồng ngực" của cụ. Tưởng như trong tiếng cụ nói có âm vang của tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng của núi rừng, của lịch sử. Và quả thật, cụ là hình ảnh tượng trưng của truyền thống vững bền. Mỗi lời cụ thốt ra kết tinh trải nghiệm của cả một dân tộc. Nó cô đúc, sâu sắc, vang vọng như những chân lí. Chẳng thế mà cả làng Xô Man nghe như ồng từng lời cụ nói và cả Rừng Xà Nu cũng "ào ào rung động" như một sự hoà điệu, một sự tạo nên. Ngay cuộc đời của Tnú, một cuộc đời trải ra trong chính thời hiện tại cũng đã được lịch sử hoá và nhuộm màu huyền thoại. Đêm đêm bên bếp lửa nhà ưng, cụ Mết đã kể chuyện anh cho lũ làng, cho thế hệ con cháu nghe. Anh đã trở thành niềm tự hào của làng, là một biểu tượng sống động của người anh hùng được tất cả ngưỡng vọng, học tập.

Tính sử thi còn thể hiện ở giọng văn tha thiết, trang trọng mà tác giả đã sử dụng khi kể về sự tích của làng Xô Man. Giọng văn ấy cũng thấm đượm trong việc miêu tả thiên nhiên, khiến cho hình ảnh rừng xà nu bỗng thổi tới trong lòng người đọc một cảm giác say sưa. Ta bị cuốn theo câu chuyện không gì cưỡng nổi, tưởng mình đang được tắm trên một dòng sông mệnh mang, tràn trề sinh lực, hoặc tưởng mình đang bị thổi miên bởi một bản nhạc giao hưởng hùng tráng.

## **Đề 27: Phân tích hình tượng nhân vật Tnú trong tác phẩm Rừng Xà Nu của Nguyễn Trung**

### Bài làm 1

Mỗi nhà văn thường có một vùng đất riêng, với Nguyễn Trung Thành đó là Tây Nguyên. Ông đã có rất nhiều những tác phẩm viết về mảng đề tài này, đặc biệt là hình ảnh của những con người kiên cường bất khuất nơi núi rừng Tây Nguyên. Một trong những tác phẩm nổi bật nhất trong sáng tác của Nguyễn Trung Thành là truyện ngắn "Rừng xà nu", tác phẩm là câu chuyện về dân làng Xô Man trong kháng chiến chống Mĩ. Trong số những con người hiên ngang bất khuất

của làng Xô Man nổi bật lên là hình ảnh Tnú. Câu chuyện về cuộc đời anh đã được tái hiện cụ thể qua lời kể của già làng bên bếp lửa nhà ưng.

Nhìn lại chặng đường đời của Tnú, chúng ta có thể dễ dàng thấy hiện lên hình ảnh một Tnú trước và sau khi đứng lên cầm vũ khí. Trước khi cầm vũ khí, ngày từ khi còn nhỏ Tnú đã là cậu bé gan góc, dũng cảm biểu lộ một tính cách táo bạo mạnh mẽ. Tnú thay người già làm liên lạc, nuôi giấu cán bộ, nhanh nhẹn luồn rừng đưa thư, vượt qua suối lũ một cách dũng cảm. Cậu thất sảng dạ khi biết rằng bọn Mĩ nguy ít khi phục kích ở chỗ nước chảy xiết. Người đọc cảm thấy một cái gì thật đáng yêu ở sự quan tâm học chữ không chịu thua kém ai của Tnú. Cậu bé này dám lấy đá đập vào đầu mình khi học cái chữ không sáng tạo bằng Mai. Và đặc biệt sự gan dạ dũng cảm của Tnú khi bị giặc bắt, chú bé nhỏ tuổi này đã chỉ vào bụng mình và nói: “Cộng sản ở đây này”. Mặc cho những vết dao chém dọc ngang trên tấm lưng bé nhỏ Tnú vẫn không khai báo, vẫn gan dạ kiên cường. Trước những trận đòn roi tra tấn dã man của kẻ thù, Tnú thật may mắn khi được học cái chữ và được giác ngộ cách mạng từ rất sớm.

Khi thoát ngục Kon tum trở về, Tnú đã là một chàng trai cường tráng, hiểu biết được tô luyện qua nhiều thử thách. Giờ đây Tnú giống như một cây xà nu trưởng thành, vạm vỡ, căng đầy nhựa sống và ham ánh sáng. Theo lời dạy của anh Quyết ngày nào, Tnú thay anh làm cán bộ và một lần nữa anh đã đi 3 ngày đường lên núi Ngọc Linh nhưng không phải là lấy đá để làm phấn mà là để mài giáo mác chuẩn bị cho cuộc nổi dậy.

Không chỉ nhìn thấy rõ con đường để đi, Tnú còn có một cuộc sống hạnh phúc với tình yêu của Mai, với đứa con mới chào đời. Nhưng quãng thời gian hạnh phúc ấy thật ngắn ngủi, giặc đã cầm súng kéo về, buôn làng còn chưa kịp cầm vũ khí. Tnú và thanh niên trong làng phải trốn vào rừng để rồi một mình Tnú lại xông ra mong che chở cho mẹ con Mai trước đòn roi của kẻ thù, nhưng cả 2 đều ko sống được. Cảnh tượng về cái chết đau thương trong đêm ấy cứ trở đi trở lại trong lời kể của già làng và dòng hồi ức đau đớn của anh. Không những không cứu được vợ con, Tnú còn bị kẻ thù đốt cháy mười đầu ngón tay “Mỗi ngón chỉ còn hai đốt...không mọc lại được”. Nỗi đau thương này là minh chứng hùng hồn cho câu nói vừa giản dị vừa sâu sắc của cụ Mết: “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”.

Đặc biệt là hình ảnh của Tnú sau khi cầm vũ khí chiến đấu thật đẹp và lớn lao biết bao. Hình ảnh Tnú hiện lên như những anh hùng thời nào trong các khan, trong các trường ca Tây Nguyên. Khi đốt cháy 2 bàn tay của Tnú kẻ thù muốn dập tắt ý chí phản kháng, muốn tiêu diệt khát vọng chiến đấu của người dân Xô Man. Chúng muốn người dân nơi đây mãi mãi xuôi tay trong kiếp nô lệ thấp hèn dưới lưỡi gươm và nòng súng tàn bạo của chúng. Nhưng Tnú và người

dân làng Xô Man không cam chịu khuất phục, mà ngược lại họ đã phản kháng quyết liệt. Họ đã biết vượt lên đau thương để vùng lên cầm vũ khí tự giải phóng mình. Lửa đã thiêu cháy mười đầu ngón tay Tnú, lửa bùng cháy trên mười đầu ngón tay tấm nhựa xà nu. Nhưng Tnú không thấy đau đớn, anh chỉ thấy lửa cháy ở trong lòng- ngọn lửa chiến đấu sẽ thiêu cháy kẻ thù. Và một tiếng hét căm hờn, phần uất đã vang vọng khắp núi rừng Xô man, tiếng hét ấy như khơi dậy cao độ lòng căm thù giặc của cả buôn làng. Xác mười tên giặc đã chết nằm ngổn ngang trên mặt đất. Đêm ấy lửa cháy suốt trong bếp lửa nhà ưng. Nhà văn Nguyễn Trung Thành đã miêu tả cái đêm nổi dậy ấy thật hào hùng, sôi động : “Tiếng chiêng nổi lên, đứng trên đồi xà nu gần con nước lớn suốt đêm nghe cả rừng Xôman ào ào rung động và lửa cháy khắp rừng. Cái đêm nổi dậy ấy đâu chỉ là của dân làng Xôman mà là sự lớn dậy phi thường của cả 1 cộng đồng, dân tộc. Đường như trong đêm ấy đang sống lại cái không khí linh thiêng hào hùng của những thiên sử thi Tây Nguyên”.

Một điều không thể thiếu khi nhắc tới cuộc đời của Tnú đó chính là hình ảnh hai bàn tay của anh. Đôi bàn tay bị đốt cháy của Tnú đã nhóm lên ngọn lửa căm thù giặc sâu sắc của dân làng Xôman, nó còn soi sáng cuộc đời anh. Anh đã thay mặt người dân làng Xôman lên đường theo kháng chiến đi tìm những thằng Dục khác. Bởi lẽ không phải ngẫu nhiên tác giả lại để cho Tnú kể với dân làng mình sự đời của anh với kẻ thù sau này: “Tôi nói: này tao có súng đây, tao có cả dao găm đây nhưng tao không giết mày súng, tao không đâm mày bằng dao nghe chưa Dục. Tao giết mày bằng mười ngón tay cụt này thôi, tao bóp cổ mày thôi”. Nhà văn đã cố tình tô đậm hình ảnh đôi bàn tay Tnú- đôi bàn tay có cả một lịch sử, một số phận.

Lúc còn nhỏ, đôi bàn tay ấy kiên trì học từng nét chữ của anh Quyết, cần cù làm nương phát rẫy. Đôi bàn tay dám lấy đá đập vào đầu mình vì học cái chữ không sáng dạ bằng Mai. Và đôi bàn tay ấy dám chỉ vào bụng mình mà nói với quân giặc “Cộng sản ở đây này” khẳng định lòng trung thành với cách mạng. Lớn lên đôi bàn tay xúc động nắm lấy bàn tay người con gái anh yêu thương và cũng đôi bàn tay ấy xé tấm đồ làm nịu cho đứa con thơ dại. Lửa đốt cháy mười đầu ngón tay để rồi mãi mãi chỉ còn hai đốt không bao giờ mọc lại được.....cho nên Tnú muốn dùng đôi bàn tay ấy để giết chết kẻ thù. Bao uất hận căm hờn đã dồn lên đôi bàn tay kia, nó đã trở thành biểu tượng cho ý chí bất khuất, cho sức sông mãnh liệt của Tnú và người dân làng Xôman. Kẻ thù tàn ác có thể đốt cháy đôi bàn tay nhưng không thể tiêu diệt được sức mạnh phi thường, tiềm ẩn trong con người họ. Đó là ý chí chiến đấu và khát vọng chiến thắng. Đó là một dân tộc kiên cường dũng cảm như những khu rừng xà nu hàng vạn cây không cсо cây nào bị thương mà vẫn xanh tươi bát ngát trải xa tới tận chân trời.

Xây dựng thành công nhân vật Tnú, nhà văn đã khắc hoạ được hình ảnh tiêu biểu của con người mang đậm dòng máu, tính cách của núi rừng Tây Nguyên. Và qua hình tượng Tnú, Nguyễn Trung Thành còn gọi ra được số phận và phẩm chất của cả cộng đồng trong cuộc chiến đấu bảo vệ buôn làng thân yêu. Đó là tình cảm gắn bó thiết tha sâu nặng với quê hương đất nước, với núi rừng Tây Nguyên, căm thù giặc sâu sắc một lòng một dạ đi theo cách mạng, không ngại khó khăn, gian khổ, hi sinh, tin tưởng tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng. Có thể nói qua thiên truyện ngắn xuất sắc này của Nguyễn Trung Thành, người đọc càng thêm hiểu và thêm trân trọng con người Tây Nguyên với biết bao phẩm chất thật đẹp, thật cao quý.

### Bài làm 2

“Rừng Xà nu” của Nguyễn Trung Thành là một bản anh hùng ca về cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào Tây Nguyên trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Tác phẩm đã thể hiện sự trưởng thành của một thế hệ cách mạng trẻ trung, mưu trí. Kiên cường, mỗi nhân vật mang một vẻ đẹp riêng tiêu biểu cho cốt cách, linh hồn của mảnh đất Tây Nguyên anh hùng. Nổi bật nhất là nhân vật Tnú, nhân vật trung tâm của tác phẩm.

Ngay từ nhỏ Tnú đã là cậu bé thông minh, lanh lợi, gan dạ. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, Tnú được dân làng Xô Man đùm bọc, nuôi dạy lớn khôn. Tnú đã chứng kiến bao cảnh đau thương của dân làng Xô Man: “Giặc treo cổ anh Sút lên cây vả đầu làng, chúng giết bà Nhan chặt đầu, cột tóc treo đầu súng” chỉ vì họ đã dám nuôi giấu cán bộ cách mạng. Tnú đến với cách mạng như một lẽ sống tự nhiên. Mới 10 tuổi, Tnú đã thay người lớn vào rừng tiếp tế cho cán bộ. Tnú nhớ như in lời cụ Mết: “Cán bộ là Đảng, Đảng còn thì núi nước này còn”.

Khi đi liên lạc, Tnú không đi đường mòn, “cứ xé rừng mà đi lọt qua tất cả các ổ phục kích của giặc. Khi qua sông, Tnú không thích qua chỗ nước êm, cứ chọn chỗ thác mạnh mà bơi ngang, cưỡi trên thác băng băng như một con cá kình”. Trong một lần đi liên lạc, không may Tnú bị giặc bắt giam cầm 3 năm, bị tra tấn dã man song vẫn cương quyết không khai nửa lời.

Khi trốn thoát khỏi ngục trở về với dân làng, Tnú đã trở thành một cán bộ cách mạng, trưởng thành về mọi mặt. Anh trở thành người lãnh đạo của dân làng Xô man. Cùng với dân làng Tnú chuẩn bị giáo mác cho cuộc chiến đấu sắp tới. Tnú cũng gặp lại Mai- cô bạn gái năm xưa cùng đi liên lạc, đi tiếp tế cho cán bộ nay trở thành bạn đời của anh.

Tnú đã phải chịu đựng và vượt qua một bi kịch lớn về tình cảm. bọn giặc kéo đến làng Xôman lùng bắt Tnú nhưng không được. Chúng bắt Mai và đưa con vừa đầy tháng tuổi ra tra tấn. Bọn giặc dùng một cây sắt tra tấn mẹ con Mai: “ở chỗ hai con mắt anh bây giờ bây giờ là hai cục lửa lớn”. Tnú đã không kìm nén được lòng mình, anh chồm lên xông vào bọn giặc với một tiếng thét dữ dội. Nhưng Tnú không cứu được mẹ con Mai, không bảo vệ được tình yêu và giọt máu của mình bởi anh chỉ có hai bàn tay trắng. Cả vợ và con đã bị giặc giết hại, Tnú đã phải chịu đựng nỗi đau mất mát lớn lao.

Tnú đã phải chịu đựng và vượt qua sự tra tấn tàn bạo của kẻ thù. bọn giặc đã quán giẻ tẩm dầu Xà nu đốt 10 ngón tay Tnú để dập tắt cái “mộng cầm giáo mác” của dân làng Xô man. Trong cuộc đối đầu quyết liệt này, phẩm chất kiên cường của Tnú càng tỏa sáng hơn bao giờ hết. “Mười ngón tay anh cháy như 10 ngọn đuốc. Lửa như cháy trong lòng ngục. Máu mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi”. Nhưng Tnú vẫn không kêu một tiếng “Người Cộng sản không thềm kêu van”. Tnú mở mắt nhìn vào kẻ thù trừng trừng đầy căm hận.

Hình ảnh 10 ngón tay Tnú rừng rực cháy như 10 ngọn đuốc đã trở thành biểu tượng của một nỗi đau thương và tinh thần bất khuất của con người và mảnh đất Tây Nguyên anh hùng. Mười ngọn đuốc từ tay Tnú đã châm bùng lên ngọn lửa nổi dậy đấu tranh của dân làng Xô man. Tnú hét lên một tiếng, chỉ một tiếng thoi nhưng đã vang dội thành nhiều tiếng hét rung chuyển cả núi rừng. Cả làng Xô man đã đứng dậy. “Cả rừng Xô man ào ào rung động và lửa cháy khắp rừng”. Đau thương và căm thù đã chuyển hóa thành sức mạnh quật cường như một quy luật tất yếu “chúng nó đã cầm súng mình phải cầm giáo”.

Tnú trở thành một anh bộ đội của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam. Lửa Xà nu đã tắt trên 10 đầu ngón tay Tnú. Tay anh mỗi ngón chỉ còn hai đốt như một chứng tích đầy căm hận mà anh mang theo suốt đời. Nhưng “tay còn hai đốt vẫn bắn súng được”. Tnú đi bộ đội lực lượng tham gia chiến đấu. Chính bàn tay có những ngón chỉ “còn hai đốt” ấy sau này đã bóp cổ thằng Dục (thằng ác ôn đã giết mẹ con Mai). Trong ánh đèn soi vào mặt thằng Dục, Tnú đã cho nó nhìn rõ bàn tay trừng phạt. Đối với anh bây giờ “bọn giặc đứ đả nào cũng là thằng Dục” bởi mỗi thù riêng của anh đã hòa vào mỗi thù riêng của Tây Nguyên, của đất nước. Đó cũng là sự trưởng thành về nhận thức mà Tnú đã rút ra được từ nhiều nỗi đau của gia đình, của quê hương trong cuộc chiến khốc liệt này.

Tnú còn là một người có tính kỉ luật rất cao và giàu tình yêu thương: . Trong ba năm đi lực lượng vũ trang, xa làng Xô Man, nỗi nhớ về quê hương day dứt trong lòng anh. Nhưng phải được cấp trên cho phép Tnú mới về thăm làng và chỉ được về đúng một đêm. Con người kiên nghị, gan góc, không biết run sợ , khuất phục trước bạo tàn cũng lại là con người rất giàu tình cảm. Bước chân về đến đầu làng anh xúc động mãnh liệt “cứ vấp mãi vào mấy cái gốc cây”. Tnú sung sướng tắm mình trong dòng nước mát của con suối. Vào tới nhà Ưng, lòng anh như náo nức những tiếng gọi thân thương với những cái tên quen thuộc, mộc mạc đã gắn bó với anh như ruột thịt. Tnú là đứa con yêu thương của tất cả dân làng Xô Man.

Câu chuyện về anh Tnú và sự trưởng thành của anh tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp và con đường trưởng thành cách mạng của tất cả các dân tộc Tây Nguyên trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Tnú mang trong mình dòng máu của Đăm sắn, Sinh Nhã... dòng máu anh hùng thần thoại của xứ sở Tây Nguyên. Anh cũng mang sức mạnh của rừng Xà nu hào hùng ngay cả trong đau đớn, bất diệt ngay trong sự hủy diệt. Tnú hiện lên trong tác phẩm như một nhân vật anh hùng mang đậm chất sử thi hoành tráng.

Qua nhân vật này, tác giả muốn đã biểu dương vẻ đẹp một thể hệ cách mạng trẻ trung, kiên cường, bất khuất. Cũng qua cuộc đời nhân vật này, tác giả muốn khắc sâu vào tâm can đời sau một chân lý “Chúng nó cầm súng, mình phải cầm giáo”. Đó là chân lý mà chúng ta đã chọn cho con đường cách mạng đi tới thắng lợi cuối cùng.

**Đề 28: Phân tích hình tượng cây xà nu trong truyện ngắn Rừng Xà Nu của Nguyễn Trung Thành. Nhận xét ngắn gọn về nghệ thuật miêu tả cây xà nu của nhà văn**

#### Bài làm

Nguyễn Trung Thành là nhà văn có duyên nợ gắn bó với mảnh đất Tây Nguyên. Qua hai cuộc kháng chiến cùng vào sinh ra tử với những người dân nơi đây đã cung cấp cho Nguyễn Trung Thành một vốn hiểu biết vô cùng sâu rộng về mảnh đất âm vang rộn tiếng cồng chiêng trong mùa lễ hội, nơi có những người con trung dũng, kiên cường. Nếu trong kháng chiến chống

Pháp, Nguyễn Trung Thành - bút danh Nguyên Ngọc nổi tiếng cùng “Đất nước đứng lên”; thì trong những năm kháng chiến chống Mỹ, đặc biệt là những năm 1965 khi cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam đang diễn ra gay go ác liệt thì Nguyễn Trung Thành cho ra mắt người đọc truyện ngắn “Rừng xà nu”. Tác phẩm này đã là một bản hùng ca, ca ngợi cuộc sống và con người Tây Nguyên trong cuộc chiến tranh vĩ đại. Và nổi bật hơn cả trong tác phẩm chính là hình tượng cây xà nu.

Cây xà nu là một hình tượng nhân vật trung tâm trong truyện ngắn “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành. Xuyên suốt trong tác phẩm ta bắt gặp những cánh rừng xà nu nối tiếp nhau chạy đến chân trời. Cây xà nu là một loài cây quen thuộc, có mặt trong cuộc sống hàng ngày của người dân Tây Nguyên. “Củi xà nu cháy trong mỗi bếp lửa gia đình, khói xà nu nhuộm bảng đen cho con trẻ học chữ, đuốc xà nu rọi sáng sân nhà Ưng trong những đêm lễ hội...”. Tất cả mọi hoạt động dù lớn dù nhỏ của người dân Tây Nguyên đều có sự góp mặt của cây xà nu. Sự sống của dân làng Xô Man đều gắn liền với những cánh rừng xà nu. Khi Nguyễn Trung Thành viết : “Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc, chúng nó bắn đã thành lệ, ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và xẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác của đồn giặc đều rơi vào những ngọn đồi xà nu, cạnh con nước lớn”, nhà văn đã phản ánh không khí căng thẳng của thời đại, gọi lên sự đối mặt quyết liệt giữa sự sống và cái chết. Nổi bật trên nền bối cảnh ấy, Nguyễn Trung Thành đã đi sâu miêu tả những đặc điểm nổi bật của cây xà nu. Cũng như bao loài cây khác, cây xà nu là một loài cây ham ánh sáng và khí trời “trong rừng ít có loài cây nào sinh sôi nảy nở khoẻ đến vậy... ít có loài cây nào ham ánh sáng đến thế” cũng có nghĩa là ham sống, khao khát muốn được vươn lên giữa bầu trời cao rộng.

Thế nhưng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt ấy, cũng như bao cánh rừng khác của Việt Nam, rừng xà nu đã bị tàn phá rất dữ dội “Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào là không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình đổ ào ào như một trận bão; ở chỗ vết thương nhựa ứa ra tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt rồi dần dần bầm lại đen và đặc quện thành từng cục máu lớn”. Tuy vậy, bất chấp mọi sự tàn phá huỷ diệt của chiến tranh, cây xà nu vẫn vươn lên với một sức sống mãnh liệt “cạnh cây mới ngã gục đã có bốn, năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”. Tư thế vươn lên mạnh mẽ ấy của cây xà nu như để thách thức với bom đạn của chiến tranh “đó chúng nó giết được cây xà nu đất ta”. Sức sống mãnh liệt đã giúp những cánh rừng xà nu vươn lên trong một màu xanh, hiện lên hiên ngang, kiêu dũng như một tráng sĩ “cứ thế hai ba năm sau, rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra che chở cho dân làng Xô man”.

Bằng nghệ thuật so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, Nguyễn Trung Thành đã dựng lên thật thành công và rõ nét, ấn tượng về hình tượng cây xà nu. Không dừng lại ở đó, Nguyễn Trung Thành còn đặt hình tượng cây xà nu vào trong quan hệ đối chiếu sáng đôi với con người mảnh đất Tây Nguyên. Nếu cây xà nu là một loại cây ham ánh sáng và khí trời, thì người dân Tây Nguyên yêu tự do, tin vào Đảng, đi theo bước chân cách mạng như muôn cây vẫn hướng vào ánh sáng mặt trời. Nếu cây xà nu bị tàn phá, huỷ diệt bởi đạn bom, khói lửa thì những người dân Tây Nguyên phải chịu bao đau thương mất mát do chính kẻ thù gây ra. Bao nhiêu người bị giặc giết chết như những cây xà nu bị chặt đứt ngang nửa thân mình, bao nhiêu người còn sống mà phải mang trong mình bao nỗi đau thương. Bằng cách miêu tả hình ảnh cây và người trong quan hệ sống đôi như thế, Nguyễn Trung Thành đã khắc sâu tội ác dã man của kẻ thù để qua đó tác giả giúp ta hình dung rõ hơn những thảm cảnh dân ta phải chịu do bọn giặc gây ra.

Cũng giống như những cánh rừng quê hương, như những con người Việt Nam vẫn ý thức được rằng:

*“Guom nào chia được dòng Bến Hải  
Lửa nào thiêu được dãy Trường Sơn  
Cắm hờn lại giục cắm hờn  
Máu kêu trả máu đầu van trả đầu”*

Các thế hệ nhân dân Tây Nguyên đã thay nhau tiếp nối đứng lên. Ánh sáng của niềm tin “Đảng còn thì núi nước này còn” đã soi đường chỉ lối cho những bước chân đến với cách mạng. Thế hệ này ngã xuống, thế hệ sau tiếp nối đứng lên; anh Sút bà Nhan bị giặc giết, đi thay họ tiếp tế nuôi quân đã có T"nú và Mai. Cứ như thế, các thế hệ người Tây Nguyên đã thay nhau giữ vững ngọn lửa truyền thống, thay nhau giữ vững ý chí đánh giặc kiên cường, để giữ làng, giữ nước của dân làng Xô man nói riêng và của người Tây Nguyên nói chung.

Dưới ngòi bút miêu tả của Nguyễn Trung Thành, cây xà nu hiện lên sừng sững, đồng hành với những bước đi, cuộc sống của dân làng Xô man. Gắn bó với cánh rừng anh dũng, kiêu hùng, những người dân Tây Nguyên như được tiếp thêm sức mạnh để đứng lên chiến đấu. Và gắn bó với con người Tây Nguyên ân tình, thủy chung, trung dũng như thế. Cây xà nu cũng luôn luôn sánh bước cùng họ để họ có cuộc sống bình yên hơn; để “hầu hết đạn đại bác của đồn giặc đều rơi vào những ngọn đồi xà nu, cạnh con nước lớn” chứ không nhằm vào những người dân vô tội lầm than. Cây xà nu là hình tượng mang đậm chất lý tưởng, tiêu biểu cho phẩm chất, số phận của người dân Tây Nguyên. Hình tượng cây xà nu trong tác phẩm mang đậm chất sử thi, tính hào hùng, nó làm rõ chủ đề tư tưởng của truyện ngắn “Rừng xà nu”. Để xây dựng một hình tượng xà nu như thế, Nguyễn Trung Thành đã sử dụng những câu văn miêu tả, những từ ngữ, hình ảnh chọn lọc đặc sắc, cùng nghệ thuật so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, giọng văn miêu tả trong tác phẩm rất linh hoạt. Có đọc “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành ta mới cảm nhận hết vẻ đẹp hình tượng cây xà nu. Hình tượng này đã góp phần tạo nên một “Rừng xà nu” trọn vẹn, mang đậm giá trị văn học. Nguyễn Trung Thành đã góp phần làm phong phú thêm cho nền văn học dân tộc.

**Đề 29: Vẻ đẹp con người Nam bộ trong kháng chiến chống Mỹ qua tác phẩm Những đứa con trong gia đình của nhà văn Nguyễn Thi.**

### Bài làm

Những đứa con trong gia đình của nhà văn Nguyễn Thi gắn liền với không khí của những ngày kháng chiến chống đế quốc Mỹ quyết liệt và hào hùng. Câu chuyện kể về những đứa con trưởng thành trong gia đình lớn cách mạng, hun đúc những vẻ đẹp truyền thống của quê hương. Mỗi một nhân vật trong tác phẩm đã thể hiện một cách đặc sắc phẩm chất, cá tính của con người Nam Bộ trung dũng kiên cường, gắn bó với gia đình, quê hương, trung thành với cách mạng.

Tác phẩm được xây dựng theo kết cấu truyện ngắn hiện đại: là mạch hồi ức của anh tân binh Việt, đan xen giữa quá khứ và hiện tại, nối kết một cách tự nhiên tình cảm gia đình – quê hương – cách mạng. Không gian giàu kịch tính và thời gian nghệ thuật của tác phẩm tạo nên sự đan cài của những câu chuyện kể không theo trình tự tuyến tính mà có sự sắp xếp hợp lý, tạo ra sự liên tưởng nhiều chiều. Xoay quanh nhân vật trung tâm là hai chị em Chiến và Việt còn là hệ



thống hình tượng nhân vật gắn bó với nhau trong tình ruột thịt, có những nét bản chất thống nhất như chảy ra trong cùng huyết thống, nhưng mỗi người một vẻ không ai giống ai. Chính những nét tiêu biểu đó đã góp phần tái hiện thành công phẩm chất đáng quý của những con người quê hương Nam bộ giàu lòng yêu nước, căm thù giặc, giúp người đọc hiểu rõ hơn về một thời đại hào hùng và giá trị nhân bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Những nhân vật trong gia đình được giới thiệu gắn với hình ảnh thân thương của quê hương và những kỷ niệm cụ thể thời thơ ấu dữ dội của anh tân binh Việt. Chiến đấu giữa bầy giặc Mỹ, bị thương, lạc đồng đội, người chiến sĩ ấy giữa cơn mê tỉnh chập chờn đã nhớ về những hình ảnh thân thương nhất từ thời ấu thơ. Đường như đó chính là nguồn sức mạnh giúp anh vượt qua cái chết tìm về sự sống, tìm về đồng đội. Những con người trong gia đình Việt gắn với hoài ức thiêng liêng và cảm động làm sống dậy cả một quá khứ yêu thương và căm thù: chị Chiến, má, chú Năm. Hiểu theo một nghĩa rộng, đó cũng là những đứa con trong gia đình lớn: cách mạng. Tất cả những con người ấy cùng giống nhau ở lòng căm thù giặc sâu sắc, vì những tội ác mà chúng đã gây ra với người thân trong gia đình. Gắn bó với mảnh đất quê hương, những con người ấy còn giàu tình nghĩa, trung thành với cách mạng bởi cách mạng đã đem lại cho họ sự đổi đời thật sự. Đường như anh chiến sĩ Việt đã thừa hưởng được từ thế hệ đi trước, chú Năm và má, hành động dũng cảm gan góc và lòng say mê khao khát được đánh giặc. Trong các nhân vật được tái hiện, chú Năm và má được khắc họa với những nét riêng độc đáo.

Chú Năm thể hiện đầy đủ bản tính tự nhiên của người nông dân Nam bộ hiền lành chất phác, giàu cảm xúc mơ mộng nội tâm. Một người từng trải qua đắng cay của cuộc đời làm mướn trước cách mạng, để thành bản tính ít nói. Đau thương hẳn sâu từ cuộc đời gian khổ và với tư cách chứng nhân của tội ác của thằng Tây, thằng Mỹ và bọn tay sai phải chăng đã làm nên nét đa cảm trong gương mặt với đôi mắt lúc nào cũng mở to, mọng nước. Chút Nam bộ rất trong con người ông thể hiện qua việc hay kể sự tích cho con cháu, và kết thúc câu chuyện thế nào cũng hò lên mấy câu. Nét đặc biệt độc đáo ở người đàn ông này là có sổ ghi chép chuyện gia đình. Cuốn sổ ghi đầy đủ những chuyện thôn mản của nhiều thế hệ, như minh chứng cho tấm lòng thuần hậu của ông. Đó còn là những trang ghi chép tội ác của kẻ thù gây ra, những chiến công của từng thành viên, như một biên niên sử. Bản thân ông cũng chính là một trang sử sống, khi gửi gắm, nhắn nhủ cho hai chị em Chiến và Việt: “chuyện gia đình ta nó cũng dài như sông, để rồi chú sẽ chia cho mỗi người một khúc mà ghi vào đó...”. Nhân vật đã thể hiện vẻ đẹp của tấm lòng sắt son, ý thức trách nhiệm của thế hệ đi trước.

Má của Chiến và Việt là hội tụ phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Nam bộ anh hùng trong kháng chiến. Những ấn tượng tác giả để lại đậm nét trong người đọc về nhân vật này là vẻ tính gan góc từ khi còn là con gái. Người đàn bà hết lòng thương yêu chồng con ấy đã phải trải qua thời khắc dữ dội khi kẻ thù chặt đầu chồng, nhưng má đã vượt lên đau thương để nuôi dạy đàn con khôn lớn trưởng thành. Hình ảnh người mẹ ấy đối mặt với họng súng quân thù như gà mẹ xoè cánh che chở đàn con, khiến kẻ thù phải run sợ trước đôi mắt của người vượt sông vượt biển. Nuôi con và cả con của đồng chí, má là hiện thân của vẻ đẹp gan góc được tôi luyện trong đấu tranh, với đức hy sinh vô bờ bến lặng thầm, táo tợn lam lũ, đau thương chôn kín trong giọt nước mắt lặng lẽ kín đáo. Trong tâm hồn người phụ nữ ấy là tình yêu lớn lao, ý chí bất khuất kiên cường và cả tinh thần dám hy sinh, đôi mạng sống vì cách mạng.

Hai chị em Chiến và Việt đã được thừa hưởng tất cả những vẻ đẹp của thế hệ đi trước, tính cách được tạo nên từ truyền thống gia đình, từ hoàn cảnh đặc trưng: thương cha má, cùng chung lo toan công việc cách mạng, giàu tình nghĩa với quê hương. Không phải ngẫu nhiên hai chị em đã

cùng xung phong tòng quân một ngày, để trả mối thù cha bị chặt đầu, má bị trái cà nông quân thù sát hại. Trong hoàn cảnh khốc liệt của cuộc chiến đấu, biết căm thù cũng là một phẩm chất cần thiết, bởi căm thù giặc tàn phá quê hương, sát hại người thân cũng là một biểu hiện sâu sắc của tình yêu với quê hương, gia đình! Bởi vậy đêm tòng quân không chỉ có hai chị em tranh nhau ghi tên mà thanh niên trong xã ghi tên tòng quân cũng rất đông. Hành động của hai chị em có sự đồng tình của chú Năm, như một điểm nhấn hành động này hoàn toàn không phải là tự phát mà gắn với ý thức giác ngộ của tuổi trẻ trên quê hương đau thương và anh dũng.

Kí ức của Việt gắn với hình ảnh của chị Chiến, với kỷ niệm tuổi thơ trong treo của hai chị em. Người con gái ấy có cá tính riêng, có những nét giống má, gan góc, chăm chỉ, đảm đang tháo vát. Hai chị em kề tuổi nên có lúc còn rất trẻ con, nhưng bao giờ trong những lần cãi vã thì chị cũng nhường em. Đến khi tham gia công việc cách mạng, Chiến tỏ ra chín chắn hơn Việt. Những mất mát đau thương đã khiến cô gái ấy sớm trưởng thành, nhưng không hề làm chai sạn tâm hồn giàu nữ tính. Lúc nào Chiến cũng có cái gương nhỏ, như những người con gái mới lớn nào cũng thích làm duyên. Câu chuyện của hai chị em trước đêm tòng quân đã chứng tỏ khả năng quán xuyến, thay thế vai trò của mẹ để chăm em, khiến cho bản thân cậu em thân thiết phải ngạc nhiên vì chứng kiến một chị Chiến giống in như má, răm rắp nghe theo sự cắt đặt của chị. Một trong những tình tiết truyện tạo được xúc động mạnh cho người đọc là hình ảnh hai chị em trước đêm tòng quân khiêng bàn thờ má qua gò chú Năm. Hai chị em đã làm cho người chú phải ngạc nhiên vì sự trưởng thành trước tuổi. Đó là chi tiết cho thấy những đứa con trong gia đình cách mạng này đã ý thức rõ chỉ có lên đường diệt giặc mới trả được mối thù giặc Mỹ đè nặng hai vai. Việc nhà việc nước vẹn toàn, lời động viên của chú Năm dành cho hai chị em đã thể hiện niềm tin tưởng vào thế hệ trẻ thời chống Mỹ.

Xuyên suốt mạch truyện là dòng hồi ức của Việt, nhân vật trung tâm của tác phẩm. Người chiến sĩ ấy vốn là đứa trẻ gan dạ từng chứng kiến cảnh kẻ thù quăng đầu cha mà xông tới nhằm thẳng liệng đầu mà đá. Được diu dặt từ ấu thơ, Việt cũng đã biết làm cảnh giới, chiếc ná cao su thành vật báo hiệu khi có động. Bản tính hồn nhiên của một cậu bé mới lớn thể hiện ra ở sự hiếu thắng, lúc nào cũng giành phần hơn, nhưng từ sâu thẳm là tình cảm yêu thương những người ruột thịt, tự hào với truyền thống quê hương. Những lần ngất đi tỉnh lại của Việt giữa bãi chiến trường ngổn ngang xác giặc đã giúp anh có thêm sức mạnh tình thương vượt lên cái chết để trở về đội ngũ. Nguyễn Thi đã thành công khi không miêu tả vào những chiến công của anh chiến sĩ mà đã chỉ ra cho người đọc vẻ đẹp nhân văn trong tâm hồn người cầm súng. Vẻ đẹp ấy là hội tụ của ý chí, quyết tâm và trên hết là tình thương yêu sự gắn bó với người thân và sau này là tình cảm chan hoà thân ái giữa cậu Tư với đồng chí đồng đội như trong một nhà.

Tác phẩm thành công khi đã đem lại cho người đọc sự hình dung về mảnh đất Nam Bộ anh dũng và đau thương trong những ngày kháng chiến chống Mỹ. Đặc biệt, bằng sự am hiểu sâu sắc bản chất của người dân Nam Bộ yêu nước, tác giả đã dựng nên những con người vừa bình thường giản dị nhưng lại có vẻ đẹp, tầm vóc phi thường của con người thời đại chống Mỹ cứu nước. Giọng kể chuyện giản dị, xây dựng đối thoại tự nhiên và nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật đặc sắc đã để lại ấn tượng khó quên về những đứa con trong gia đình cách mạng. Đồng thời còn phát hiện sâu sắc về sự trưởng thành của thế hệ trẻ Việt Nam trong chiến đấu. Vẻ đẹp ấy kết tinh chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, sức mạnh làm nên chiến thắng của nhân dân Việt Nam, một phẩm chất cao quý còn để lại những tấm gương cho thế hệ sau noi theo.

**Đề 30:** Trong chuyện những đứa con trong gia đình. Nguyễn Thi có nêu lên quan niệm: chuyện gia đình cũng dài như sông, mỗi thế hệ phải ghi vào 1 khúc. Rồi trăm con sông của gia đình lại cùng đổ về 1 biển," mà biển thì rộng lắm[...], rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta". Anh(chị) có cho rằng trong thiên truyện của Nguyễn Thi quả đã có 1 dòng sông truyền thống liên tục chảy từ những lớp người đi trước: tổ tiên, ông cha, cho đến lớp người đi sau : chị em Chiến và Việt

### Bài làm

Dòng sông của “Những đứa con trong gia đình” không chỉ là dòng sông “đẹp, lắm nước ngọt, nhiều phù sa” và sinh ra “vườn ruộng mát mẻ” mà còn là dòng sông của truyền thống gia đình liên tục chảy từ lớp người đi trước. Cũng như trăm con sông khác, con sông này cũng chảy ra biển, “mà biển thì rộng lắm, rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta”.

Trong thiên truyện của mình, Nguyễn Thi đã xây dựng nên một dòng sông chảy dài xuyên suốt. Đó là dòng sông của gia đình chị em Chiến Việt mà mỗi thế hệ là một “khúc” của dòng sông để rồi tất cả đều được ghi vào đó. “Những đứa con trong gia đình” là sự tiếp nối huyết thống từ bao đời, nhưng không dừng lại ở đây, mỗi thế hệ còn là câu nối của truyền thống vĩ đại - truyền thống chống giặc ngoại xâm từ tổ tiên, ông cha và cho đến đời của chị em Chiến Việt. Con sông ấy cứ chảy qua bao thế hệ mà chính chú Năm lại là kết tinh của “con sông truyền thống”. Từ lâu rồi, chú Năm gắn bó với vùng sông nước Bến Tre, mu sinh từ những con sông, con nước. Nhưng bật lên trong con người chú là một tâm hồn nhơn nghĩa, đạo lí. Cái đạo lí của một “ông già Nam Bộ” chất phác, rạch ròi nhưng rất cảm động được thể hiện qua những ước vọng của chú: “...rán cho mau lớn. Chừng nào bay trọng trọng rồi tao giao cuốn sổ cho chị em bay”. Ước mong của chú là vậy, mong cho chị em Chiến Việt mau lớn để giao lại “cuốn sổ gia đình” cũng chính là cả con sông truyền thống. Ông già Nam bộ này còn răn đe: “... thù cha thù mẹ chưa trả mà bỏ về là chú chặt đầu...”. Lời răn yêu ấy cũng chính là tâm nguyện của chú gửi đến “khúc” hạ lưu của dòng sông với lòng yêu thương vô bờ. Chú Năm như một cuốn gia phả sông, ghi chép tất cả những câu chuyện của gia đình với những nét chữ “lọng cọng”. Những sự việc trong “cuốn sổ – truyền thống” chính là những nỗi đau và niềm tự hào của gia đình. Thật cảm động khi đọc những câu chuyện: “Thím Năm bơi xuống rọc lá chuối bị cano Mỹ cày bấn bể xuống... Ông nội nghe súng nổ, sợ bò đứt dây ra năm giảm bò, bị lính Tổng phòng [...] bắn giữa bụng... tía Việt bị lính Tây bout Kinh Ngang bắt chặt đầu...”. Những câu chuyện của gia đình xét cho cùng là bản tố cáo tội ác của bọn giặc Tây mà Nguyễn Thi gián tiếp viết ra.

Song song với hình ảnh chú Năm – ông già Nam Bộ với tính tình chắc phát, thiết tha, luôn sống và hướng đến truyền thống, ta lại bắt gặp hình ảnh của mẹ Việt, người mẹ Nam Bộ và rất Nam Bộ. Mẹ Việt cũng là một khúc sông chảy cùng vị trí với “khúc-sông-chú-Năm” trong con sông lớn của gia đình. Mẹ Việt hiện lên là người phụ nữ chịu thương, chịu khó sức mùi “lúa gạo và mùi mồ hôi” đến nỗi “lưng áo bà ba dẫm mồ hôi và đen lại”. Đường như mẹ Việt sinh ra là để nuôi con, để đánh giặc. Bản tính của người phụ nữ Nam Bộ đôi khi cộc cằn nhưng hiền dịu, gan lì với giặc nhưng lại hết mực chiều chuộng, yêu thương con cái của mình. Mẹ Việt còn “thừa hưởng” cái gọi là “dạn” từ ba Việt nữa. Chồng bị chặt đầu, mẹ Việt cấp rồ đi đòi, tay thì bé thằng Út và theo sau là lũ con nhỏ và “mỗi lần địch bắn đùng đùng trên đầu... lòng dạ đâu còn rảnh mà để sợ, mà khóc, chỉ thương con thôi”. Mẹ Việt yêu thương con hết mực, luôn chăm chút từng miếng ăn cho con cái đến cả những cách con làm cứ như phù sa sông bồi đắp vào bãi ngày này qua ngày nọ, năm này qua tháng nọ vậy. Với hình ảnh của mẹ Việt, ta dễ dàng liên tưởng đến nét kiên cường của chị Út Tịch (người mẹ căm sùng), tình yêu thương chồng con của chị Dậu (tất

đèn) và cả sự đấu tranh kiên cường, cứng cỏi của Chị Sứ (hòn đất),... nói cách khác, mẹ Việt là con sông phản chiếu của những người phụ nữ thời chiến: “kiên cường, bất khuất, trung hậu, đảm đang”. Quả là khúc sông thật cao cả và chảy dài mạnh mẽ...

Nếu so với “khúc sông mẹ- chú Năm”, thì Chiến và Việt là hai khúc sông sau mà khúc sông sau thì lúc nào cũng chảy xa hơn khúc sông trước, cứ như vậy, nối tiếp nhau mà chảy. Ở chị Chiến có cái gì “in như mẹ vậy” từ vẻ bề ngoài chắc nịch đến cả cái gáy đỏ, bắp tay to khỏe nữa,... và còn đến cả lời nói, cử chỉ và sự suy tính ra dáng của một người trưởng thành, chu toàn, êm đẹp... bên cạnh đó, “khúc sông” Việt tuy có nhỏ hơn “khúc sông Chiến”, vẫn còn nét lộc ngọc, vô tư của một thanh niên mới lớn, nhưng trong Việt đã chứa đựng chất anh hùng biểu hiện ở những suy nghĩ táo bạo của mình. Lúc bị thương nặng, Việt vẫn cố gắng lên nòng súng sẵn sàng chiến đấu, cả những suy nghĩ của Việt, ta lại thấy một người lính rất chững chạc: “Trên trời có mây, dưới đất có mây, cả khu rừng này còn có mình tao”. Quả thật, khúc sông “Chiến-Việt” đã chảy xa hơn đại diện cho sức trẻ tiến công. Trong khi mẹ Việt mang nỗi đau mất chồng và chưa thể cầm súng để trả thù thì chiến và Việt lại cầm súng vì nỗi đau mất cha mất mẹ quyết tòng quân đánh giặc. Có thể nói, khúc sông Chiến-Việt là khúc sông nhận lưu lượng nhiều hơn, chảy mạnh hơn và xa hơn những khúc sông trước đó vì 2 khúc sông này là cả hy vọng của một gia đình truyền thống bao thế hệ.

Những khúc sông của gia đình cứ như thế nối tiếp nhau chảy, chảy hoài, chảy mãi như máu chảy trong người vậy. Rồi con sông của gia đình lại chảy về biển cũng như trăm con sông khác. Nguyễn Thi đã buộc ta phải liên tưởng đến biển đến đại dương bao la rộng lớn. Biển ấy là biển của cách mạng cả nước mệnh mông, rộng lớn và vĩnh cửu. Còn đại dương ấy chính là đại dương cách mạng của những quốc gia đang bị xâm lược trên thế giới. Cũng như dòng chảy của máu trong cơ thể được lưu thông bằng tim, thì dòng chảy của con sông cách mạng được khơi nguồn và duy trì bằng những con tim cách mạng “còn nóng hôi hổi” chứa những sự mất mát đau thương nhưng lại rạo rực ngời niềm hy vọng.

**Đề 31: Anh(chị) hãy phân tích nhân vật Phùng trong tác phẩm " Chiếc thuyền ngoài xa " của Nguyễn Minh Châu.**

#### Bài làm

“Trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu, dù có là tiểu thuyết hay truyện ngắn, cốt truyện thường không đóng một vai trò nào đáng kể. Nhà văn tập trung chú ý vào thân phận con người, tính cách nhân vật và đã huy động vào đây tâm hồn đa cảm dồi dào ấn tượng tươi mới và xúc động về cuộc sống, bút pháp chân thực và một giọng văn trữ tình trầm lắng áp áp” (Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Minh Châu những năm 80 và sự đổi mới cách nhìn về con người, T.C Văn học, 1993, số 3, tr.20). Có thể nói Chiếc thuyền ngoài xa là một biểu hiện của xu hướng tìm tòi khám phá trong văn của Nguyễn Minh Châu, trở về với đời thường, với mảnh đất miền Trung cần cỗi và cơ cực, đau đáu đi tìm câu hỏi cho những phận người trong cuộc sống đời thường trăm đắng ngàn cay. Trên tinh thần quyết liệt đổi mới, Nguyễn Minh Châu đã lấy con người làm đối tượng phản ánh thay cho hiện thực đời sống. Mặc dù không phủ nhận văn chương gắn với cái chung, với cộng đồng nhưng Nguyễn Minh Châu còn muốn thể hiện một quan niệm văn chương trước hết phải là câu chuyện của con người, với muôn mặt phức tạp phong phú với tất cả chiều sâu.

Hiện thực của tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa không phải là bức tranh hoành tráng của mảnh đất chiến trường xưa A Sô từng ghi dấu bao chiến công, cũng không phải là những con người tạc dáng đứng hào hùng của mình vào lịch sử. Nhân vật Phùng trở về với mảnh đất từng chiến đấu, một người lính năm xưa giờ là phóng viên ảnh trở về ghi lại những vẻ đẹp cuộc sống đời thường cho bộ ảnh lịch quê hương đất nước, phản ánh cuộc sống lao động khoẻ khoắn tươi rói của những con người dựng xây đất nước, đi tìm vẻ đẹp bí ẩn của màn sương buổi sáng bỗ sung cho tấm ảnh lịch hoàn chỉnh (!). Thế nhưng, những gì anh chứng kiến đã khiến anh và những người bạn của mình nhận ra một sự thật gắn với cuộc sống của những người dân chài lam lũ: “Cuộc sống cứ lênh đênh khắp cả một vùng phá mênh mông. Cưới xin, sinh con đẻ cái, hoặc lúc nhắm mắt cũng chỉ trên một chiếc thuyền. Xóm giềng không có. Quê hương bản quán cả chục cây số trời nước chứ không có kết vào một khoảnh đất nào”. Từ cuộc sống ấy, những bi kịch tiềm ẩn khiến con người phải ngỡ ngàng. Một câu chuyện đơn giản nhưng đã chứa đựng những phát hiện mới mẻ hàm chứa quan niệm văn chương hướng về con người của Nguyễn Minh Châu. Nếu chỉ nghĩ suy một cách xuôi chiều đơn giản, cuộc sống khi có ánh sáng cách mạng sẽ đòi hỏi cho số phận người lao động, sẽ xoá tan những bi kịch đè nặng lên kiếp người. Thế nhưng Nguyễn Minh Châu đã chỉ rõ cho chúng ta : cách mạng không phải giải quyết bi kịch trong một sớm một chiều, con người vẫn phải đối diện với những bi kịch đời mình, dung hoà với nó. Cách lý giải về con người của Nguyễn Minh Châu còn ẩn chứa những suy ngẫm về số phận dân tộc phải trải qua những khổ đau để đối diện với hiện thực bao thách thức.

Người nghệ sĩ nhiếp ảnh đi tìm những vẻ đẹp đích thực của cuộc sống, ngỡ như anh đã phát hiện ra một khung cảnh thật đáng yêu đáng ca tụng, hướng người xem về cái đẹp có thể làm quên đi những phiền não cuộc sống: “Qua khuôn hình ánh sáng, tôi đã hình dung thấy trước những tấm ảnh nghệ thuật của tôi sẽ là vài ba chiếc mũi thuyền và một cảnh đan chéo của những tấm lưới đọng đầy những giọt nước, mỗi mắt lưới sẽ là một nốt nhạc trong bản hòa tấu ánh sáng và bóng tối, tượng trưng cho khung cảnh bình minh là một khoảng sáng rực rỡ đến mức chói mắt, trong khoảng sáng đó sẽ hiện lên trong tầm nhìn thật xa những đường nét của thân hình một người đàn bà đang cúi lom khom, sải cánh tay thật dài về phía trước kéo tấm lưới lên khỏi mặt nước, và phía sau lưng người đàn bà, hình một ngư phủ và một đứa trẻ đứng thẳng trên đầu mũi thuyền, dùng lực toàn thân làm đòn bẩy nâng bổng hai chiếc gọng lưới chĩa thẳng lên trời.” . Và những người dân vùng biển ấy hiện lên thật đáng yêu, đáng ca ngợi: cuộc sống lao động đậm ấm khoẻ khoắn, những con người gặp gỡ thật đáng yêu... Tất cả những ấn tượng ấy sẽ không bị phá vỡ nếu như không có sự xuất hiện của chiếc - thuyền – ngoài – xa. Người đàn ông xuất hiện cùng với người đàn bà trong khung cảnh nên thơ đã nhanh chóng phá vỡ đi cảm giác thăng hoa nghệ thuật bằng trận đòn dây lưng quật thẳng tay vào người vợ không thương xót. Có lẽ khó ai hình dung cảnh tượng ấy lại diễn ra trong bối cảnh cuộc sống mới, nó hoàn toàn đối lập với điều chúng ta hằng xây dựng cho cuộc sống này “người yêu người, sống để yêu nhau” (Tô Hữu). Điều bất công diễn ra nhức nhối trước mắt người lính từng chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng đất nước, giải phóng con người đã làm nên một cơn giận bùng phát. Bản thân anh nghĩ về người đàn ông kia như “gã đàn ông “độc ác và tàn nhẫn nhất thế gian”, còn người phụ nữ xấu xí mặt rỗ kia đích thị là nạn nhân đáng thương nhất của nạn bạo hành trong gia đình. Hành động tấn công gã đàn ông khiến cho anh ngộ nhận mình là anh hùng: “Tôi nện hấn bằng tay không, nhưng cú nào ra cú ấy, không phải bằng bàn tay một anh thợ chụp ảnh mà bằng bàn tay rắn sắt của một người lính giải phóng đã từng mười năm cầm súng. Tôi đã chiến đấu trong mấy ngày cuối cùng chiến tranh trên mảnh đất này. Bất luận trong hoàn cảnh nào tôi cũng không cho phép hấn đánh một người đàn bà, cho dù đó

là vợ và tự nguyện rúc vào trong xó bãi xe tăng kín đáo cho hắn đánh”. Nhưng phản ứng của người đàn bà trước ông chánh án đã khiến anh choáng váng: “Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...”. Hoá ra, người cần được thông cảm lại là những quan toà cách mạng có lòng tốt nhưng “các chú đầu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đầu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc”. Người đàn bà khốn khổ ấy đã không chối bỏ người đàn ông đích thực của mình, dù trong lòng đau đớn khi hàng ngày phải chịu những trận đòn, phải chứng kiến cảnh hai cha con đối xử với nhau như kẻ thù, phải chấp nhận cuộc sống đương đầu nơi gió bão. Có người đã nhận định: Chiếc thuyền ngoài xa là hình tượng có ý nghĩa biểu tượng, như vẻ đẹp của một bức tranh toàn bích, nhưng đằng sau hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp là cuộc sống đầy khắc nghiệt, dữ dội và những số phận con người vật vờ trong cuộc mưu sinh. Hoá ra hành trình tìm kiếm hạnh phúc không hề đơn giản : người đàn ông kia dù cục súc nhưng trên chiếc thuyền phải có lúc có đàn ông, hạnh phúc đơn giản khi cả nhà quây quần trong bữa ăn trên chiếc thuyền khiến người đàn bà nhẫn nhục chịu đựng tất cả. Hành trình của gia đình kỳ lạ kia vẫn tiềm ẩn những nguy cơ: đưa con yêu mẹ sẵn sàng đánh nhau với bố, thủ dao găm tìm dịp trả thù, những trận đòn tàn khốc có thể làm cho người đàn bà kia gục ngã bất cứ lúc nào... Thế nhưng trong cuộc sống nghèo khổ, chật vật và ngày ngày phải nuôi đủ cho mười miệng ăn trên chiếc thuyền ọp ẹp, người đàn bà ấy là hiện thân của một sự hy sinh vô bờ bến. Tình yêu chồng con được nhìn nhận từ cuộc đời trăm đắng ngàn cay có vẻ đẹp riêng khiến cho “một cái gì mới vừa vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển”. Sự vỡ lẽ ấy chính là sự phá vỡ những quan niệm giản đơn về tình yêu, hạnh phúc, về lòng nhân ái, sự khoan dung... mang giá trị nhân bản sâu sắc. Những kết hợp ấy trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu đem đến cái nhìn đa diện về số phận con người.

Nếu như trước kia, trong văn học 1945 – 1975, khi đề cập đến số phận con người thì bao giờ các nhà văn cũng đề cao vào khả năng con người vượt qua nghịch cảnh và những tác động của môi trường, của xã hội mới sẽ giúp con người tìm thấy hạnh phúc. Khi diễn tả sự vận động của tính cách con người, các nhà văn cũng thường nói về sự vận động theo chiều hướng tích cực, từng bước vượt lên hoàn cảnh, hồi sinh tâm hồn. Cách minh họa tư tưởng ấy không tránh khỏi có phần giản đơn và phiến diện. Nguyễn Minh Châu đã không đi theo con đường mòn đó. Trong Chiếc thuyền ngoài xa, nhà văn đã nói về những nghịch lý tồn tại như một sự thật hiển nhiên trong đời sống con người. Bằng thái độ cảm thông và sự hiểu biết sâu sắc về con người, ông đã cung cấp cho ta cái nhìn toàn diện về cái đẹp cuộc sống, hiểu cả bề mặt lẫn chiều sâu. Nguyễn Minh Châu đã từng phát biểu: “Văn học và đời sống là những vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người” (Phỏng vấn đầu xuân 1986 của báo Văn nghệ), “Nhà văn tồn tại ở trên đời có lẽ trước hết là vì thế: để làm công việc giống như kẻ nâng giắc cho những người cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui dồn con người ta đến chân tường, những con người cả tâm hồn và thể xác bị hất hủi và đọa đầy đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực” (Ngồi buồn viết mà chơi). Tư tưởng ấy được thể hiện trong tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa như một minh chứng cho tấm lòng hướng về con người, khả năng giải mã những mặt phức tạp của cuộc đời. Bức thông điệp trong tác phẩm về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống là nhận thức thâm thúy : “cuộc đời vốn dĩ là nơi sản sinh ra cái đẹp của nghệ thuật nhưng không phải bao giờ cuộc đời cũng là nghệ thuật, và rằng con người ta cần có một khoảng cách để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nghệ thuật nhưng nếu muốn khám phá những bí ẩn bên trong thân phận con người và cuộc đời thì phải tiếp cận với cuộc đời, đi vào bên trong cuộc đời và sống cùng cuộc đời.”(Lê Ngọc Chương- Chiếc thuyền ngoài xa, một ẩn dụ nghệ

thuật của Nguyễn Minh Châu). Kết thúc tác phẩm, người nghệ sĩ đã hoàn thành kiệt tác của mình đem đến cho công chúng những cảm nhận về vẻ đẹp tuyệt mỹ của tạo hoá, thế nhưng mấy ai biết được sự thật nằm sau vẻ đẹp tuyệt vời kia? Phần kết của tác phẩm để lại nhiều suy ngẫm: “Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kỹ, tôi vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hồng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh, đó là một người đàn bà vùng biển cao lớn với những đường nét thô kệch tấm lưng áo bạc phéch có miếng vá, nửa thân dưới ướt sũng khuôn mặt rõ đã nhợt trắng vì kéo lưới suốt đêm. Mụ bước những bước chậm rãi, bàn chân dậm trên mặt đất chắc chắn, hòa lẫn trong đám đông.”. Cuộc sống vốn vậy, vẫn đẹp tươi, vẫn êm ả, nhưng nếu không có tấm lòng để nhận ra những uẩn khúc số phận thì những vẻ đẹp như màu hồng hồng của ánh sương mai kia cũng trở nên vô nghĩa, người nghệ sĩ phải nhận ra sự thật ẩn khuất sau màn sương huyền ảo kia, phải tiếp cận sự thật để nhận ra ý nghĩa đích thực của cuộc sống và con người.

**Đề 32: Anh chị hãy phân tích tình huống truyện trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu.**

### Bài làm

Một là, nghịch lý giữa đời sống và nghệ thuật. Cả một tập thể nghệ sĩ nhiếp ảnh trong “dăm tháng” trời đã chụp được “hàng trăm bức ảnh đẹp, chụp công phu ...”, được ông Trưởng phòng “là người sâu sắc, lại cũng lắm sáng kiến” đánh giá là “đẹp thì đẹp thực ... và nhất là lại có hồn nữa. Đúng là những bức ảnh nghệ thuật”. Thế mà, cũng chính vì Trưởng phòng thông minh này lại “không thể chọn đủ cho mười hai tháng, vẫn đang còn thiếu một tờ”. Thì ra người nghệ sĩ dù có cố gắng bao nhiêu, nỗ lực bao nhiêu, đầu tư nhiều thời gian, bỏ ra nhiều tâm huyết và trí tuệ bao nhiêu cũng chưa thể đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống. Người nghệ sĩ không bao giờ được thoả mãn, phải luôn coi mục đích nghệ thuật luôn ở phía trước để phấn đấu. Đây có thể coi là thông điệp nghệ thuật thứ nhất của nhà văn.

Hai là, nghịch lý giữa cảnh đẹp của thiên nhiên thơ mộng trữ tình và di họa chiến tranh. Cái bờ biển ấy cách Hà Nội hơn sáu trăm cây số, được Phùng – nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh nhìn bằng con mắt “nhà nghề”, nó “thật là thơ mộng”, “thật là phẳng lặng và tươi mát như da thịt của mùa thu ...”, thế nhưng lại có “những bãi xe tăng do bọn thiết giáp nguy vút lại trên đường rút chạy hồi “tháng ba bảy năm” (bây giờ sau gần mười năm, đã bị hơi nước gặm mòn và làm cho sét gỉ)...”. Theo tôi từ chi tiết này ít nhất cũng mang ba dụng ý nghệ thuật sau. Thứ nhất, nó nhắc nhở người nghệ sĩ đừng bao giờ quên cái nghịch lý của đời sống. Nghệ thuật không chỉ ở cảnh đẹp thơ mộng mà còn ở cả cái hiện thực sần sù gai góc kia. Thứ hai, để bạn đọc khỏi ngỡ ngàng nó như là một sự báo hiệu đưa dần bạn đọc vào chủ đề chính thể hiện ở những tình huống nghịch lý căng thẳng dữ dội hơn. Đây có thể coi là một biện pháp tâm lý mời gọi bạn đọc theo dõi những diễn biến tiếp sau của câu chuyện. Thứ ba, nó nhắc khéo bạn đọc bối cảnh ra đời của câu chuyện là chưa xa một thời chiến tranh (chú ý một chi tiết nhỏ “sau gần mười năm”). Mà chiến tranh bao giờ cũng đi liền với sự mất mát, đau thương nên di họa, cả ở phương diện vật chất và phương diện tinh thần vẫn còn tồn tại dai dẳng. Do vậy, những điều gì xấu, phi nhân tính được đề cập ở phần sau của câu chuyện cũng không có gì lạ. Cái mà chúng ta cần là làm sao xoá bớt dần di họa chiến tranh, làm liền sẹo những nỗi đau mà chiến tranh để lại. Đây cũng là một ẩn ý cần được khai thác sâu hơn.

Ba là, nghịch lý giữa cảnh thiên nhiên đẹp thơ mộng hữu tình và cái đẹp vô hồn. Chúng ta tạm quy ước “đẹp” là một khái niệm mang tính ước lệ cao để khỏi phải vướng vào hàng rào của đường biên khái niệm này, và thống nhất với nhau, ở ngoài đời cũng như trong văn chương vẫn tồn tại cái đẹp có hồn và cái đẹp vô hồn. Lần thứ nhất Phùng không lấy “cảnh người ta đẩy một chiếc thuyền xuống nước” vì “cảnh đẩy thuyền đẩy không khí vui nhộn... thật hùng tráng” này lại có gì “hoi thô lỗ”. Lần thứ hai Phùng cũng không thể lấy cảnh “thuyền đánh cá thu lưới vào lúc nhập nhoạng sáng” vì đó là “một cảnh chết” có quá nhiều người đã khai thác. Lần thứ ba Phùng cũng không lấy cảnh “Đằng đông đã trắng sáng. Trên một nửa vòm trời sao đã lặn hết. Những đám mây hình võ sò cứ hồng lên dần, trong khi đó, mặt biển tuy đã sáng rõ, đến cái mức đứng trong bờ cũng nhìn thấy từng đường gấp nếp lặn tẩn trên mặt tấm thép dát màu xám đục”. Nhưng cũng chính cảnh này “sao mà tẻ nhạt, tiếng sóng ồ ồ dội vào giấc ngủ suốt đêm chạy trốn đi đâu hết, biển im thít và không màu sắc, như một con sứa khổng lồ giạt vào bãi”. Phải đến lần thứ tư Phùng mới quyết định bấm máy để thu vào ống kính “... vài ba chiếc mũi thuyền và một cảnh đan chéo của những tấm lưới đọng đầy những giọt nước, mỗi mắt lưới sẽ là một nốt nhạc trong bản hoà tấu ánh sáng và bóng tối, tượng trưng cho khung cảnh bình minh là một khoảng sáng rục rịch đến mức chói mắt, trong khoảng sáng đó sẽ hiện lên trong tầm nhìn thật xa những đường nét của thân hình một người đàn bà đang cúi lom khom, sải cánh tay thật dài về phía trước kéo tấm lưới lên khỏi mặt nước, và phía sau lưng người đàn bà, hình một ngư phủ và một đứa trẻ đứng thẳng trên đầu mũi thuyền, dùng lực toàn thân làm đòn bẩy nâng bổng hai chiếc gọng lưới chĩa thẳng lên trời”.

Đúng là một cảnh đẹp có hồn, khoẻ khoắn, trong sáng, tươi vui!

Đó là một cảnh thật hài hoà về hình ảnh, màu sắc. Nhà hoạ sĩ đã hoà phối sắc màu có cả ánh sáng và bóng tối, cả cận cảnh và viễn cảnh “văn trong hữu hoạ” trong văn có hoạ và có cả “văn trung hữu nhạc” trong văn có nhạc (mỗi mắt lưới sẽ là một nốt nhạc), có cả cảnh thiên nhiên và cảnh con người lao động, có cảnh khách quan và có cả chủ quan của chủ thể (chói mắt).

Để có được cảnh này Phùng phải qua bốn lần quyết định. Nghệ thuật là như vậy, phải là sự công phu, tìm tòi biết chờ đợi, đòi hỏi một sự kiên nhẫn cao độ. Và cũng trở trêu thay, nghệ thuật không chỉ thế là có được mà còn phải là “giới cho” nữa. Chính Phùng đã tâm niệm điều này: “... nếu không có thêm sự sắp đặt đầy tài tình của ngẫu nhiên thì với tài ba đến bao nhiêu, anh cũng chỉ ... thu được những tấm ảnh vô hồn”.

Bốn là, nghịch lý giữa “cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh” và cảnh con người lam lũ, vất vả, khổ đau. Phải đến lần thứ năm Phùng mới được “một cảnh “đắt” trời cho”: “... Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới và tấm lưới nằm giữa hai chiếc gọng vó hiện ra dưới một hình thù y hệt cánh một con dơi, toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hoà và đẹp, một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích khiến đứng trước nó tôi trở nên bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào?”.

Phải có một bút lực mạnh mẽ, một sự am hiểu sâu sắc về hội hoạ, một sự nhạy cảm trước cái đẹp mới có thể viết nổi đoạn văn miêu tả “cái đẹp tuyệt đỉnh”, “toàn bích” này. Câu đầu là ước lệ, là cảm nhận chung “một bức tranh mực tàu ...”. Các câu sau là những hình ảnh cụ thể với mũi thuyền trôi trong bầu sương mù, vài bóng người cả người lớn lẫn trẻ con, rồi những cái mắt lưới và tấm lưới ... Cảnh thật huyền ảo (bầu sương mù trắng như sữa), tinh khôi, tinh khiết (màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào), vừa tĩnh tại (im phăng phắc), vừa sống động (hướng mặt vào



bò). Các tính từ láy loè nhoè, hồng hồng, phẳng phắc, khum khum tăng cường thêm độ huyền ảo, như hư như thực. Các so sánh tinh tế trắng như sữa, im phẳng phắc như tượng, y hệt cánh một con dơi làm đậm thêm chất tạo hình của bức tranh. Đường như ngôn từ bất lực trước cái đẹp, nhà hoạ sĩ buộc lòng phải đưa “cái tôi” chủ quan tham gia vào “quá trình thưởng thức”: “... đứng trước nó tôi trở nên bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào?” Làm cho bức tranh kia nhuốm thêm “sắc màu” tâm trạng.

Nhưng oái oăm thay, nghịch lý và trở trêu thay, cảnh đẹp nhất, có hồn nhất lại là cảnh ẩn chứa những điều tệ hại nhất, xót xa nhất!

Đó là tiếng quát của gã ngư phủ: “Động đậy tao giết cả mày đi bây giờ”.

Đó là “một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rỗ mặt. Khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ..”.

Đó là một gã đàn ông “mái tóc như tổ quạ ... chân đi chữ bát ... hàng lông mày cháy nắng rủ xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ...”

Chưa hết, tiếp theo là cảnh hành hung đánh đập, phi nhân tính rùng rợn: “Lão đàn ông lập tức trở lên hùng hổ, mặt đỏ gay gắt, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngự ngày xưa... chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két ...”

Nghịch ngả thay! Khát vọng tìm đến cái đẹp để mong muốn làm cho con người đẹp lên là rất đáng quý nhưng người nghệ sĩ phải tỉnh táo để nhận ra cái thực tế phũ phàng của đời sống. Và đây cũng là lời cảnh tỉnh cho tất cả mọi người: hãy tỉnh táo trước cái đẹp. Bất cứ cái đẹp nào cũng rất có thể ẩn chứa những điều phức tạp đi ngược lại hạnh phúc của con người. Cái tình huống nghịch lý này trong Chiếc thuyền ngoài xa đã xua tan màn khói lãng mạn phủ lên hình ảnh tuyệt đẹp kia để làm trơ ra cái sự tàn nhẫn của đời thường. Người nghệ sĩ không chỉ nhận thấy cảnh đẹp lãng mạn bên ngoài kia mà còn phải nhìn thấy cả cảnh hành hạ man rợ của lão ngư phủ nọ. Đây là bài học, là trách nhiệm, cũng là lương tâm của nghệ thuật.

Dưới góc độ nhân vật chúng ta cũng thấy nhà văn đã sử dụng nguyên tắc nghịch lý, đối lập trong xây dựng nhân vật: cái tốt cái xấu lẫn lộn, đan cài với nhau. Người đàn bà xấu xí thô kệch ấy có vẻ bề ngoài thật quá nhẫn nhục, cam chịu “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng” nhưng vẫn không chịu “chia tay” với gã chồng vũ phu tàn bạo. Bởi vì, như lời giải bày gan ruột của người mẹ đáng thương ta mới thấy bà có một tấm lòng hi sinh vô bờ “... đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng đặng một sắp con nhà nào cũng trên dưới chực đứa... Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình...”. Còn gã đàn ông kia cũng không hẳn hoàn toàn xấu. Vì đâu mà lão trở lên vũ phu tàn độc như vậy? Khi xưa, theo lời vợ lão thì đó “là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập..”. Vẫn theo lời vợ lão thì là do lão “khô quá” vì làm ăn nuôi con. Rồi đời, khi “ông trời làm biến động suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...”. Trước sau thì hẳn vẫn là người lao động lương thiện, hơn nữa lại là lao động chính, kiếm sống bằng mồ hôi nước mắt của mình để nuôi mười mấy miệng ăn. Lão đánh vợ để giải tỏa những bức bối. Ta hãy để ý khi đánh vợ lão cũng đau đớn “Cứ mỗi nhát quát xuống lão lại nguyên rửa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn”. Lão cũng không phải là kẻ hiếu chiến, không phải là kẻ chỉ thích gây gỗ đánh đấm người khác, bằng cớ là ngay Phùng cũng khẳng định “lão đánh tôi hoàn toàn vì mục đích tự vệ”. Còn thằng Phác đứa trẻ ham hiểu biết (cận kề giải thích cho tôi nghe cuộc sống của những giống chim trên rừng),

sớm lam lũ lao động, hồn nhiên chơi với “tôi” như một người bạn thân và rất thương mẹ... Bên cạnh những phẩm chất ấy trong nó cũng ẩn chứa một tính côn đồ nguy hiểm : sẵn sàng cầm dao đâm bổ để cứu mẹ. Nó sớm đã có ý thức báo thù bằng cách lấy bạo lực để ngăn cản bạo lực.

Như vậy, nhân vật trong Chiếc thuyền ngoài xa được cấu trúc với tất cả sự phức tạp của nó, không hẳn xấu cũng không hẳn là kẻ tốt. Xét đến cùng lão chồng vừa là thủ phạm gây ra cảnh đau đớn cho người vợ, cho con để đồng thời cũng lại là nạn nhân của cuộc sống còn tăm tối khốn khổ. Người vợ cũng vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm, mà theo chính lời mẹ thì là do “cái lỗi...là đám đàn bà ở thuyền đẻ nhiều quá”. Thằng Phác cũng thế, vừa là nạn nhân của thói côn đồ lại vừa là thủ phạm kích động thói côn đồ và chính nó cũng sớm có tính côn đồ. Những nhân vật đó chưa mang chiều kích của nhân vật tính cách với những quá trình phát triển tâm lý nhưng nó đã làm tốt chức năng thể hiện chủ đề tác phẩm. Một phương diện rất thành công của truyện ngắn là cách chọn điểm nhìn trần thuật. Nhà văn trao điểm nhìn trần thuật cho Phùng, nhân vật – người kể chuyện là cách chọn tối ưu. Phùng kể lại kể chuyện mình trực tiếp chứng kiến, trực tiếp tham gia vào biến cố câu chuyện (nói chuyện với Phác - đứa con ; đánh lại gã chồng để tránh đòn cho người đàn bà ; nghe lời trần tình, giải bày của người vợ) nên câu chuyện kể ra rất thật, vì đó là chuyện của người kể, kể lại chuyện của mình. Cách kể này chúng tôi đã khái quát thành khái niệm “kịch hoá nhân vật – người kể chuyện” (4). Người kể chuyện đóng vai nhân vật nhảy vào các biến cố, tham gia trực tiếp vào các diễn biến của cốt truyện, rồi kể lại cho bạn đọc nghe; điều đó đã tạo ra xu hướng trần thuật tiệm tiến gần hơn với sự thật ngoài đời. Thứ nữa, Phùng là người trải nghiệm , giàu vốn sống(từng có mười năm cầm súng đánh giặc, nay làm nghề chụp ảnh được đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều người) nên lời văn trần thuật chứa nhiều yếu tố triết lý, ví như “ ở đời cái gì cũng thế, con người bản tính vốn lười biếng, đôi khi mình hãy cứ để cho mình rơi vào hoàn cảnh bị ép buộc phải làm, không khéo lại làm được một cái gì”. Phải là người như Phùng, nghề nghiệp như Phùng bạn đọc mới tin và thấm thía triết lý này. Hơn nữa Phùng là một nghệ sĩ nhiếp ảnh nên tất yếu phải có yếu tố nghề nghiệp trong lời kể. Thế cho nên lời văn ở đây tràn đầy chất thơ, chất trữ tình và cũng đậm chất hoạ, chất điện ảnh thì đó cũng là điều dễ hiểu. Và các thủ pháp nghệ thuật trong lời kể cũng rõ cái dấu ấn nghề nghiệp gắn với nhân vật ví dụ một phép so sánh tả một ngư phủ. Ngư phủ thì bao giờ cũng đi liền với cái thuyền và lưới, thế nên :

“Tám lưng rộng và cong như chiếc thuyền”

“Những món tóc vàng hoe có chỗ đỏ quạch như mớ lưới to đã bọt bọt”

“Cặp mắt thật đen gọi cho tôi nghĩ đến con mắt người ta vẽ trên đầu mũi thuyền”

Chủ thể trần thuật là ngôi thứ nhất, người kể chuyện đồng nhất với nhân vật đã thống nhất cả hai điểm nhìn, của nhân vật vốn bị chia cắt vào từng cảnh, của người kể vốn luôn xuyên suốt các sự kiện trên một trục thời gian đã tạo nên sự nhất quán của lời văn trần thuật trong cấu trúc văn bản, vừa đi sâu, cụ thể vào các sự kiện vừa quy chiếu một cách toàn diện, hệ thống cốt truyện. Vậy nên truyện cứ lôi kéo ta vào từng chi tiết vừa hấp dẫn mời gọi ta dõi theo cái kết cục của câu chuyện sẽ như thế nào, liệu người vợ có bỏ lão chồng kia không, liệu tòa có xử cho họ ly hôn không, rồi số phận những đứa con họ sẽ ra sao...???

Đối với nhà văn tài năng thì có khi người đọc chỉ cần đọc cái tên truyện là đã nhận chân ra được phong cách của ông ta. Các tiêu đề truyện Bức tranh, Một lần đối chứng, Mảnh trăng cuối rừng, Chiếc thuyền ngoài xa... đã góp phần làm rõ hơn nội dung tác phẩm, rõ cái dấu ấn của nhà văn Nguyễn Minh Châu. ở đây “ chiếc thuyền” nghệ thuật đang trôi trên “ ngoài xa” cuộc đời đã nói lên rất hay mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, nghệ thuật nằm trong cuộc sống này, biểu hiện cuộc sống. Người nghệ sĩ chèo lái con thuyền nghệ thuật ấy vừa phải hiểu sâu sắc con

thuyền nghệ thuật vừa phải nắm bắt rõ những luồng lạch, độ nông sâu của biển cả cuộc đời. Có vậy mới đưa nghệ thuật tới chân trời lý tưởng của hạnh phúc và cái đẹp của con người.



**CÁC ĐỀ THI THỬ TN - THPT  
NĂM 2009  
VÀ CÁC BÀI VĂN ĐẠT ĐIỂM  
CAO TRONG CÁC KÌ THI ĐH - CĐ  
2005 - 2008**

Đề thi tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2005  
Môn Văn, khối D  
(thời gian làm bài 180 phút, không kể thời gian phát đề).

Đề thi:

Câu I: (2 điểm): Anh/chị hãy trình bày những nét chính trong sự nghiệp thơ văn của Xuân Diệu.

Câu II: (5 điểm): Phân tích vẻ đẹp của tình người và niềm hy vọng vào cuộc sống ở các nhân vật: Tràng, người vợ nhặt, bà cụ Tứ trong truyện ngắn Vợ nhặt (Kim Lân).

Câu III: (3 điểm): Bình giảng đoạn thơ sau trong bài Kính gửi cụ Nguyễn Du của Tố Hữu:

*“Tiếng thơ ai động đất trời  
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu  
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du  
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày  
Hồi Người xưa của ta nay  
Khúc vui xin lại so dây cùng Người”*  
(Văn học 12, Tập một, NXB Giáo dục, tái bản 2004, tr.160)

Bài làm của của thí sinh Nguyễn Thị Thu Trang

Câu 1:

Xuân Diệu (1916-1985) - một nghệ sĩ lớn, một nhà văn hóa lớn của dân tộc, đã để lại cho đời một sự nghiệp sáng tác thật lớn lao và rất có giá trị. Hơn năm mươi năm lao động miệt mài trong thế giới nghệ thuật ấy, con người và thơ văn của Xuân Diệu đã có sự chuyển biến rõ nét từ một nhà thơ lãng mạn thành nhà thơ cách mạng. Đó là bước chuyển tất yếu của một trí thức yêu nước, một tài năng nghệ sĩ. Thơ văn Xuân Diệu có đóng góp lớn vào quá trình phát triển của văn học Việt Nam. Có thể tìm hiểu sự nghiệp văn học của nhà thơ qua thơ và văn xuôi:

Về lĩnh vực thơ ca, chúng ta có thể tìm hiểu qua hai giai đoạn chính, trước và sau cách mạng tháng Tám. Trước cách mạng tháng Tám, Xuân Diệu là một nhà thơ lãng mạn. Các tác phẩm chính: tập thơ "Thơ thơ" (1938) và "Gửi hương cho gió" (1945). Nội dung của thơ Xuân Diệu trong thời kỳ này là: Niềm say mê ngoại giới, khát khao giao cảm trực tiếp, cháy bỏng, mãnh liệt với cuộc đời ("Vội vàng", "Giục giã"). Nỗi cô đơn rợn ngợp của cái tôi bé nhỏ giữa dòng thời gian vô biên, giữa không gian vô tận (Lời kỹ nữ). Nỗi ám ảnh về thời gian khiến nhà thơ nảy sinh một triết lý về nhân sinh: lẽ sống vội vàng ("Vội vàng"). Nỗi khát khao đến cháy bỏng được đắm mình trọn vẹn giữa cuộc đời đầy hương sắc và thể hiện nỗi đau đớn, xót xa trước khát vọng bị lãng quên thật phũ phàng trước cuộc đời ("Đại khờ", "Nước đổ lá khoai").

Sau cách mạng, thơ Xuân Diệu đã vươn tới chân trời nghệ thuật mới, nhà thơ đã đi từ "cái tôi bé nhỏ đến cái ta chung của mọi người" (P.Eluya). Xuân Diệu giờ đây đã trở thành một nhà thơ cách mạng say mê, hăng say hoạt động và ông đã có thơ hay ngay trong giai đoạn đầu. Xuân Diệu chào mừng cách mạng với "Ngọn quốc kỳ" (1945) và "Hội nghị non sông" (1946) với tấm lòng tràn đầy hân hoan trước lẽ sống lớn, niềm vui lớn của cách mạng.

Cùng với sự đổi mới của đất nước, Xuân Diệu có nhiều biến chuyển trong tâm hồn và thơ ca. Ý thức của cái Tôi công dân, của một nghệ sĩ, một trí thức yêu nước trước thực tế cuộc sống. Đất nước đã đem đến cho ông những nguồn mạch mới trong cảm hứng sáng tác. Nhà thơ hăng say viết về Đảng, về Bác Hồ, về Tổ quốc Việt Nam, về quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc

và công cuộc thống nhất nước nhà. Các tác phẩm tiêu biểu: tập "Riêng chung" (1960), "Hai đợt sóng" (1967), "tập "Hồn tôi đôi cánh" (1976)..

Từ những năm sáu mươi trở đi, Xuân Diệu tiếp tục viết thơ tình. Thơ tình Xuân Diệu lúc này không vui cạn mà lại có những nguồn mạch, cảm hứng mới. Trước cách mạng, tình yêu trong thơ ông hầu hết là những cuộc tình xa cách, cô đơn, chia li, tan vỡ... Nhưng sau cách mạng, tình yêu của hai con người ấy không còn là hai vũ trụ bé nhỏ nữa mà đã có sự hòa điệu cùng mọi người. Tình cảm lứa đôi đã hòa quyện cùng tình yêu tổ quốc. Xuân Diệu nhắc nhiều đến tình cảm thủy chung gắn bó, hạnh phúc, sum vầy chứ không lẻ loi, đơn côi nữa (Dấu nằm", "Biển", "Giọng nói", "Đứng chờ em").

Về lĩnh vực văn xuôi có thể nói Xuân Diệu quả thật tài tình. Bên cạnh tố chất thơ ca bẩm sinh như thế, Xuân Diệu còn rất thành công trong lĩnh vực văn xuôi. Các tác phẩm chính: "Trường ca" (1939) và "Phân thông vàng" (1945). Các tác phẩm này được Xuân Diệu viết theo bút pháp lãng mạn nhưng đôi khi ngòi bút lại hướng sang chủ nghĩa hiện thực ("Cái hỏa lò", "Tòa nhì Kiều").

Ngoài ra, Xuân Diệu còn rất tài tình trong việc phê bình văn học, dịch thuật thơ nước ngoài. Các tác phẩm tiêu biểu: "Kí sự thăm nước Hung", "Triều lên", "Các nhà thơ cổ điển Việt Nam", "Dao có mài mới sắc".

Dù ở phương diện nào, Xuân Diệu cũng có đóng góp rất to lớn với sự nghiệp văn học Việt Nam. Vũ Ngọc Phan từng nhận xét "Xuân Diệu là người đem nhiều cái mới nhất cho thơ ca hiện đại Việt Nam". Sự đóng góp của Xuân Diệu diễn ra đều đặn và trọn vẹn trong các thể loại và các giai đoạn lịch sử của dân tộc. Chính vì thế có thể nói rằng Xuân Diệu xứng đáng là một nhà thơ lớn, nhà văn hóa lớn.

#### Câu 2:

Nạn đói khủng khiếp và dữ dội năm 1945 đã hằn in trong tâm trí Kim Lân-một nhà văn hiện thực có thể xem là con đẻ của đồng ruộng, một con người một lòng đi về với "thuần hậu phong thủy" ấy. Ngay sau Cách mạng, ông đã bắt tay viết ngay tiểu thuyết "Xóm ngụ cư" khi hòa bình lập lại (1954), nỗi trăn trở tiếp tục thúc ông viết tiếp thiên truyện ấy. Và cuối cùng, truyện ngắn "Vợ nhặt" đã ra đời. Trong lần này, Kim Lân đã thật sự đem vào thiên truyện của mình một khám phá mới, một điểm sáng soi chiếu toàn tác phẩm. Đó là vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống của những người nông dân nghèo tiêu biểu như Tràng, người vợ nhặt và bà cụ Tứ. Thiên truyện thể hiện rất thành công khả năng dựng truyện, dẫn truyện và đặc sắc nhất là Kim Lân đã có khám phá ra diễn biến tâm lý thật bất ngờ.

Trong một lần phát biểu, Kim Lân từng nói "Khi viết về nạn đói người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm. Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai. Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người". Và điểm sáng mà nhà văn muốn đem vào tác phẩm chính là ở chỗ đó. Đó chính là tình người và niềm hi vọng về cuộc sống, về tương lai của những con người đang kề cận với cái chết. Bằng cách dẫn truyện, xây dựng lên tình huống "nhặt vợ" tài tình kết hợp với khả năng phân tích diễn biến tâm lý nhân vật thật tinh tế và sử dụng thành công ngôn ngữ nông dân, ngôn ngữ dung dị, đời thường nhưng có sự chọn lọc kỹ lưỡng ấy, nhà văn đã tái hiện lại trước mắt ta một không gian năm đói thật thảm hại, thê lương. Trong đó ngồn ngàng những kẻ sống người chết, những bóng ma vật vờ, lặng lẽ giữa tiếng hò khóc và tiếng gào thét kinh hoàng của đám quạ. Bằng tấm lòng đôn hậu chân thành nhà

văn đã gửi gắm vào trong không gian tối đen như mực ấy những mầm sống đang cố vươn đến tương lai, những tình cảm chân thành, yêu thương bình dị nhưng rất đỗi cao quý ấy và nhà văn đã để những số phận như anh Tràng, người vợ nhặt và bà cụ Tứ được thăng hoa trước ngọn cờ đỏ pháp phối cùng đám người đói phá kho thóc Nhật ở cuối thiên truyện.

Có thể nói rằng, Kim Lân đã thật sự xuất sắc khi dựng lên tình huống "nhặt vợ" của anh cu Tràng. Tình huống ấy là cánh cửa khép mở để nhân vật bộc lộ nét đẹp trong tâm hồn mình. Dường như trong đói khổ người ta dễ đối xử tàn nhẫn với nhau khi miếng ăn của một người chưa đủ thì làm sao có thể đèo bồng thêm người này người kia. Trong tình huống ấy, người dễ cấu xé nhau, dễ ích kỷ hơn là vị tha và người ta rất dễ đối xử tàn nhẫn, làm cho nhau đau khổ. Nhưng nhà văn Kim Lân lại khám phá ra một điều ngược lại như ở các nhân vật anh cu Tràng, người vợ nhặt và bà cụ Tứ. Chúng ta từng kinh hãi trước "xác người chết đói ngập đầy đường", "người lớn xanh xám như những bóng ma", trước "không khí vẫn lên mùi hôi của rác rưởi và mùi ngậy của xác người", từng ớn lạnh trước "tiếng qua kêu từng hồi thê thiết" ấy nhưng lạ thay chúng ta thật không thể cảm lòng xúc động trước nghĩa cử cao đẹp mà bình thường, dung dị ấy của Tràng, bà cụ Tứ và cả người vợ của Tràng nữa. Một anh thanh niên của cái xóm ngụ cư ấy như Tràng, một con người - một thân xác vạm vỡ, lực lưỡng mà dường như ngờ ngạc thô kệch và xấu xí ấy lại chứa đựng biết bao nghĩa tình cao đẹp. "Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào", vậy mà Tràng vẫn đèo bồng thêm một cô vợ trong khi anh không biết cuộc đời phía trước mình ra sao. Tràng đã thật liêu lĩnh. Và ngay cô vợ Tràng cũng thế. Hai cái liêu ấy gặp nhau kết tụ lại thành một gia đình. Điều ấy thật éo le và xót thương vô cùng. Và dường như lúc ấy trong con người của Tràng kia đã bật lên niềm sống, một khát vọng yêu thương chân thành. Và dường như hẩn đang ngầm chứa một ao ước thiết thực về sự đầm ấm của tình cảm vợ chồng, của hạnh phúc lứa đôi. Hành động của Tràng dù vô tình, không có chủ đích, chỉ tầm phơ tầm phào cho vui nhưng điều ấy cũng hé mở cho ta thấy tình cảm của một con người biết yêu thương, cur mang, đùm bọc những người đồng cảnh ngộ. Như một lẽ đương nhiên, Tràng đã rất ngỡ ngàng, hẩn đã "sợ sợ", "ngờ ngờ", "ngỡ ngàng" như không phải nhưng chính tình cảm của vợ chồng ấy lại củng cố và nhen nhóm ngọn lửa yêu thương và sống có trách nhiệm với gia đình trong hẩn. Tình nghĩa vợ chồng ấm áp ấy dường như làm cho Tràng thay đổi hẳn tâm tính. Từ một anh chàng ngờ ngạc, thô lỗ, cọc cằn, Tràng đã sớm trở thành một người chồng thật sự khi đón nhận hạnh phúc của gia đình. Hạnh phúc ấy như một cái gì đó cứ "ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ sống lưng". Tình yêu, hạnh phúc ấy khiến "trong một lúc Tràng dường như quên đi tất cả, quên cả đói rét đang đeo đuổi, quên cả những tháng ngày đã qua". Và Tràng đã ước ao hạnh phúc. Mạch sống của một người đàn ông trong Tràng đã trở dậy. Hẩn có những thay đổi thật bất ngờ nhưng rất hợp logic. Những thay đổi ấy không gì khác ngoài tâm hồn đôn hậu, chất phác và giàu tình yêu thương hay sao? Trong con người của Tràng khi trở dậy sau khi chào đón hạnh phúc ấy thật khác lạ. Tràng không là anh Tràng ngày trước nữa mà giờ đây đã là một người con có hiếu, một người chồng đầy trách nhiệm dù chỉ trong ý nghĩ. Thấy mẹ chồng nàng dâu quét tước nhà cửa, hẩn đã bưng bưng thềm muôn một cảnh gia đình hạnh phúc. "Hẩn thấy hẩn yêu thương căn nhà của hẩn đến lạ lùng", "hẩn thấy mình có trách nhiệm hơn với vợ con sau này". Hẩn cũng xăm xắn ra sân dọn dẹp nhà cửa. Hành động cử chỉ ấy ở Tràng đâu chỉ là câu chuyện bình thường mà đó là sự biến chuyển lớn. Chính tình yêu của người vợ, tình mẹ con hòa thuận ấy đã nhen nhóm trong hẩn ước vọng về hạnh phúc, niềm tin vào cuộc sống sẽ đổi thay khi hẩn nghĩ đến đám người đói và lá cờ đỏ bay pháp phối. Rồi số phận, cuộc đời của hẩn, của vợ hẩn và cả người mẹ của hẩn nữa sẽ thay đổi. Hẩn tin thế.

Nạn đói ấy không thể ngăn cản được ánh sáng của tình người. Đêm tối ấy rồi sẽ qua đi để đón chờ ánh sáng của cuộc sống tự do đang ở phía trước trước sức mạnh của cách mạng. Một lần nữa, Kim Lân không ngần ngại gieo rắc hạnh phúc, niềm tin ấy trong các nhân vật của mình. Người vợ nhặt không phải ngẫu nhiên xuất hiện trong thiên truyện. Thị xuất hiện đã làm thay đổi cuộc sống của xóm ngụ cư nghèo nàn, tăm tối ấy, đã làm cho những khuôn mặt hốc hác, u tối của mọi người rạng rỡ hẳn lên. Từ con người chao chát chỏng lỏn đến cô vợ hiền thực, đảm đang là một quá trình biến đổi. Điều gì làm thị biến đổi như thế? Đó chính là tình người, là tình thương yêu. Thị tuy theo không Tràng về chỉ qua bốn bát bánh đúc và hai câu nói tâm phơ tầm phào của Tràng nhưng chúng ta không khinh miệt thị. Nếu có trách thì chỉ có thể hướng vào xã hội thực dân phong kiến kia bóp nghẹt quyền sống con người. Thị xuất hiện không tên tuổi, quê quán, trong thư thể "vân vê tà áo đã rách bợt", điệu bộ trông thật thảm hại nhưng chính con người lại gieo mầm sống cho Tràng, làm biến đổi tất cả, từ không khí xóm ngụ cư đến không khí gia đình. Thị đã đem đến một luồng sinh khí mới, sinh khí ấy chỉ có được khi trong con người thị dung chứa một niềm tin, một ước vọng cao cả vào sự sống, vào tương lai. Thị được miêu tả khá ít song đó lại là nhân vật không thể thiếu đi trong tác phẩm. Thiếu thị, Tràng vẫn chỉ là anh Tràng của ngày xưa, bà cụ Tứ vẫn lặng thầm trong đau khổ, cùng cực. Kim Lân cũng thật thành công khi xây dựng nhân vật này để góp thêm tiếng lòng ca ngợi sức sống của vẻ đẹp tình người, niềm tin ở cuộc đời phía trước trong những con người đói khổ ấy. Và thật ngạc nhiên, khi nói về ước vọng ở tương lai, niềm tin vào hạnh phúc, vào cuộc đời người ta dễ nghĩ đến tuổi trẻ như Tràng và người vợ nhưng Kim Lân lại khám phá ra một nét độc đáo vô cùng: tình cảm, ước vọng ở cuộc đời ấy lại được tập trung miêu tả khá kỹ ở nhân vật bà cụ Tứ. Đến nhân vật này, Kim Lân tỏ rõ ngòi bút vững vàng, già dặn của mình trong bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật. Bà cụ Tứ đến giữa câu chuyện mới xuất hiện nhưng nếu thiếu đi nhân vật này, tác phẩm sẽ không có chiều sâu nhân bản. Đặt nhân vật bà cụ Tứ vào trong tác phẩm, Kim Lân đã cho chúng ta thấy rõ hơn ánh sáng của tình người trong nạn đói. Bao giờ cũng thế, các nhà văn muốn nhân vật nổi bật cá tính của mình thường đặt nhân vật vào một tình thế thật căng thẳng. Ở đó dĩ nhiên phải có sự đấu tranh không ngừng không những giữa các nhân vật mà độc đáo hơn là ngay chính trong nội tâm của nhân vật ấy. Bà cụ Tứ là một điển hình. Việc Tràng lấy vợ đã gây một chấn động lớn trong tâm thức người mẹ nghèo vốn thương con ấy. Bà ngạc nhiên ngỡ ngàng trước sự xuất hiện của một người đàn bà trong nhà mình mà lâu nay và có lẽ chưa bao giờ bà nghĩ đến. Hết ngỡ ngàng, ngạc nhiên bà cụ đã "cúi đầu nín lặng". Cử chỉ, hành động ấy chất chứa bao tâm trạng. Đó là sự đan xen lẫn lộn giữa nỗi tủi cực, nỗi lo và niềm vui nỗi buồn cứ hòa lẫn vào nhau khiến bà thật căng thẳng. Sau khi thấu hiểu mọi điều bà nhìn cô con dâu đang "vân vê tà áo đã rách bợt" mà lòng đầy thương xót. Bà thiết nghĩ "người ta có gặp bước khó khăn này, người ta mới lấy đến con mình, mà con mình mới có được vợ". Và thật xúc động bà cụ đã nói, chỉ một câu thôi nhưng sâu xa và có ý nghĩa vô cùng: "Thôi, chúng mày phải duyên phải kiếp với nhau u cũng mừng lòng".

Đói khổ đang vây lấy gia đình bà, cuộc sống của bà sẽ ra sao khi mình đang ngấp nghé trước vực thẳm của cái chết. Nhưng trong tâm thức người mẹ nghèo ấy, đói khổ không phải là vật cản lớn nữa. Đói rét thật nhưng trong lòng mà cụ vẫn sáng lên tấm lòng yêu thương chân thành. Bà thương con, thương dâu và thương cho chính bản thân mình. Bà cụ Tứ từ những nỗi lo, nỗi tủi cực về gia cảnh vẫn không ngừng bùng cháy lên ngọn lửa của tình người. Bà đã giang tay đón nhận đứa con dâu lòng đầy thương xót, trong tủi cực nhưng vẫn ngậm chứa một sức sống thật mãnh liệt. Chính ở người mẹ nghèo khó ấy, ngọn lửa của tình người, tình thương yêu nhân loại ấy bùng cháy mạnh mẽ nhất. Trong bóng tối của đói nghèo đang hùng hổ vây quanh, bà lão vẫn gieo



vào lòng những con mình niềm tin về cuộc sống. Bà nhắc đến việc Tràng nên chuẩn bị một cái phen nuôi gà, rồi việc sinh con đẻ cái, bà lão nói toàn truyện vui trong bữa cơm ngày đói thật thâm hại. Bà đã đón nhận hạnh phúc của các con để tự sưởi ấm lòng mình. Đặc biệt chi tiết nôi cảm ở cuối thiên truyện thể hiện khá rõ ánh sáng của tình người. Nôi chề cảm nghẹn bứ cổ và đắng chát ấy lại là món quà của một tấm lòng đôn hậu chứa yêu thương. Bà lão "lễ mễ" bung nôi chề và vui vẻ giới thiệu: "Chè khoán đây. Ngon đáo để cơ". Ở đây nụ cười đã xen lẫn nước mắt. Bữa cơm gia đình ngày đói ở cuối thiên truyện không khỏi làm chạnh lòng chúng ta, một nỗi xót thương cay đắng cho số phận của họ song cũng dung chứa một sự cảm phục lớn ở những con người bình thường và đáng quý ấy.

Kim Lân bằng nghệ thuật viết văn già dặn, vững vàng đã đem đến một chủ đề mới trong đề tài về nạn đói. Nhà văn đã khẳng định ánh sáng của tình người thật thành công ở ba nhân vật. Điều làm chúng ta trân trọng nhất chính là vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống một cách mạnh mẽ nhất ở những thân phận nghèo đói, thảm hại kia. Ba nhân vật: Tràng, vợ Tràng và bà cụ Tứ cùng những tình cảm, lẽ sống cao đẹp của họ chính là những điểm sáng mà Kim Lân từng trần trở trong thời gian dài để thể hiện sao cho độc đáo một đề tài không mới. Tác phẩm đã thể hiện thành công nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật, khả năng dựng truyện và dẫn truyện của Kim Lân-một nhà văn được đánh giá là viết ít nhưng tác phẩm nào cũng có giá trị là vì lẽ đó.

"Cái đẹp cứu vớt con người" (Đôxtôiépki). Vâng, "vợ nhặt" của nhà văn Kim Lân thể hiện rõ sức mạnh kì diệu ấy. Ánh sáng của tình người, lòng tin yêu vào cuộc sống là con nguồn mạch giúp Kim Lân hoàn thành tác phẩm. Ông đã đóng góp cho văn học Việt Nam nói chung, về đề tài nạn đói nói riêng một quan niệm mới về lòng người và tình người. Đọc xong thiên truyện, dấu ấn mạnh mẽ nhất trong tâm hồn bạn đọc chính là ở điểm sáng tuyệt vời ấy.

### Câu 3:

Tố Hữu, một nhà thơ chiến sĩ, một người thư ký trung thành của thời đại ấy đã cùng hành trình làm cách mạng tiếp cận với thơ ca. Thơ ca đối với ông không ngoài mục đích chính trị, phục vụ cho lý tưởng của Đảng, của cách mạng. Trong nguồn mạch về các đề tài chính trị của Đất nước ấy, Tố Hữu đã tìm về với quá khứ lịch sử của cha ông, một thế hệ hôm nay vọng về thế hệ cha ông xưa để đồng cảm, thấu hiểu, để tìm nguồn sinh lực mới cất bước cho cuộc kháng chiến hôm nay. Một trong những bài thơ tiêu biểu cho đề tài này không thể không kể đến bài thơ "Kính gửi cụ Nguyễn Du", trích trong tập "Ra trận".

Tháng 11/1965 khi giặc Mỹ bắn phá ác liệt, nhà thơ có dịp qua quê hương của Nguyễn Du và nhân kỷ niệm đúng hai trăm năm ngày sinh của Người, Tố Hữu xúc động viết lên bài thơ này. Bài thơ đã thể hiện một cách cảm nhận, suy nghĩ và đánh giá của Tố Hữu tiêu biểu cho thế hệ hôm nay nhìn về quá khứ lịch sử của cha ông xưa để từ đó khẳng định cuộc kháng chiến chống Mỹ hôm nay của dân tộc. Trong tiếng vọng của tác lòng tri âm tri kỷ ấy, Tố Hữu đã thốt lên:

*Tiếng thơ ai động đất trời  
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu  
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du  
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày  
Hồi Người xưa của ta nay  
Khúc vui xin lại so dây cùng Người!*

Bài thơ trừ bốn câu thơ đầu và cuối, tất cả có năm khổ thơ với ba cặp lục bát tương xứng. Bằng hình thức tập Kiều nhuần nhuyễn, sáng tạo, ngôn ngữ trong sáng, giản dị, giàu hình ảnh, những so sánh bất ngờ... ấy đã diễn tả thật thành công tâm lòng của một người con cúi mình trước đại thi hào vĩ đại của dân tộc Nguyễn Du, một thi hào kỳ tài ấy đã chấp bút lên "Truyện Kiều", một công trình đồ sộ và có giá trị thật lớn lao, góp phần tăng giá trị đạo đức, nhận thức vào kho tàng văn học Việt Nam. Cảm khái và ngưỡng mộ trước tài năng ấy kết hợp với một tâm lòng khát vọng tìm về với quá khứ xưa, Tố Hữu đã viết:

*Tiếng thơ ai động đất trời  
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu*

Tố Hữu đã ca ngợi giá trị nhân bản của tiếng thơ Nguyễn Du, một tiếng thơ vang động đến hồn thiêng sông núi, đến tạo vật muôn loài. Bằng cách sử dụng lối so sánh, ẩn dụ tài tình, nhà thơ đã nâng cao tầm vóc, giá trị của thơ ca Nguyễn Du. Ông đã ví tiếng thơ ấy là "non nước" vọng về từ ngàn năm trước, của thời gian xa xưa, của quá khứ. Tiếng thơ ấy vọng về đây trong niềm tự hào, hân hoan, đón nhận của một tâm lòng hậu thế muôn đời đáp tâm lòng cha ông xưa. Nỗi niềm ấy, tình cảm ấy thật đáng ngưỡng vọng. Hai câu thơ không những khái quát được tầm vóc, giá trị to lớn của tài năng Nguyễn Du mà còn thể hiện sâu sắc tình cảm cao đẹp của Tố Hữu- thế hệ hôm nay ngưỡng vọng về quá khứ của cha ông.

Lối thơ ấy, tiếng lòng hân hoan Tố Hữu lại tiếp tục rộng mở vươn tới những giá trị vĩnh hằng khác:

*Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du  
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày*

Nghìn năm là khoảng thời gian của hồi tưởng, của ngưỡng vọng, của khát vọng mãnh liệt, của tác lòng tri kỷ biết ơn của thế hệ hôm nay. Đó còn là khoảng thời gian của thế hệ hôm nay trả lời cho nỗi đau lịch sử của cha ông trong quá khứ.. Một lần nữa cảm hứng ngợi ca chấp bút cho Tố Hữu cất tiếng lòng tự hào trong khúc hát tràn đầy hân hoan, hứng khởi, trong sự ngưỡng vọng trước một thiên tài. Tiếng thơ của Nguyễn Du được ví như "tiếng mẹ", mà "tiếng mẹ" thì gần gũi, thiết tha quá. Đó là lời ru nhẹ nhàng ân tình, chan chứa tình yêu thương và trong ấy gửi gắm bao mơ ước thật cao đẹp. Và vì thế tiếng thơ của Nguyễn Du là tiếng ru của mẹ ân tình, ngọt ngào thổi vào lòng bao thế hệ có sức mạnh thật lớn lao. Tình cảm ấy, khúc hát ru ân tình ấy là lời nhắc nhở, thủ thi cho con- thế hệ hôm nay vững bước trưởng thành.

Tiếng lòng đồng vọng của cõi xưa nhập cùng thế hệ hôm nay để con lại vang lên lời ca tự hào:

*Hỡi người xưa của ta nay  
Khúc vui xin lại so dây cùng Người!*

Trên trục kết cấu "xưa-nay", "con-Người" cùng vang lên tiếng lòng khát khao tìm kiếm tri âm. "Con" sẽ cùng "Người" hát tiếp khúc tráng ca ấy chào đón cách mạng. Chữ "cùng" đã thể

hiện đầy đủ ước vọng của chúng con và Người. Tình cảm ấy, nghĩa cử ấy thật đáng tự hào và trân trọng.

Sáu câu thơ, ba cặp lục bát song hành ấy là tình cảm, tiếng lòng của chúng con thế hệ hôm nay đáp lời quá khứ. Đó cũng là lời hứa chân thành nhất của thế hệ hôm nay cùng ngân vang theo nhịp đập của quá khứ.

Bằng lối tập Kiều nhuần nhuyễn, sử dụng hình ảnh có tính gợi hình, giọng điệu ân tình, ngọt ngào, đậm chất dân tộc, khổ thơ đã thể hiện trọn vẹn phong cách thơ Tố Hữu: khuynh hướng thơ trữ tình - chính trị, một giọng điệu tâm tình ngọt ngào và đậm đà tính dân tộc. Khổ thơ khép lại nhưng lại mở ra một chân trời mới, tương lai mới trong hành trình chống Mỹ hôm nay:

*Sông Lam nước chảy bên đời  
Bỗng nghe trống giục ba hồi gọi quân*

----- HẾT -----

Đề thi tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2006  
Môn Văn, khối D

(thời gian làm bài 180 phút, không kể thời gian phát đề).

Đề thi:

Câu 1 (2đ): Anh (chị) hãy trình bày hoàn cảnh ra đời bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu. Nêu những đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm đó (đoạn trích được học).

Câu 2 (5đ): Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh. Anh (chị) cảm nhận được gì về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng này?

Câu 3 (3đ): Phân tích hình tượng Cây xà nu trong truyện ngắn Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành. Nhận xét ngắn gọn về nghệ thuật miêu tả cây xà nu của nhà văn.

*Bài làm của của thí sinh Hoàng Thuỳ Nhi*

Câu 1. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ “Việt Bắc” - Tố Hữu:

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Tháng 10 năm 1954 cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ rời căn cứ Việt Bắc về thủ đô Hà Nội. Trong không khí buổi tiễn đưa mang tầm vóc lịch sử ấy, Tố Hữu đã xúc động viết bài thơ “Việt Bắc”.

“Việt Bắc” trở thành khúc hát ân tình thủy chung giữa người miền ngược với người miền xuôi, giữa nhân dân với Đảng, giữa cách mạng với Bác Hồ. “Việt Bắc” là bài thơ có giá trị, để viết nên một bài thơ hay như thế, Tố Hữu đã sử dụng những hình thức nghệ thuật:

- Sử dụng thể thơ dân tộc, thơ lục bát.

- Những hình ảnh so sánh ví von, gắn với lời ăn tiếng nói của dân tộc.

- Giọng văn tâm tình, ngọt ngào, tha thiết.

- Ngôn ngữ giàu nhạc điệu như những câu hát giao duyên. Câu hỏi lời đáp giữa hai nhân vật Ta và Minh trong bài thơ thực chất chỉ là một. Đó là sự phân thân, hoá thân của tác giả để cảm xúc được thể hiện một cách tự nhiên, tha thiết.

Câu 2:

“Sóng” được in trong tập “Hoa dọc chiến hào”, xuất bản năm 1968 của nữ nhà thơ tình nổi tiếng Xuân Quỳnh. Bài thơ nói về tâm trạng, tình yêu mãnh liệt của người con gái khi yêu. Hã y đến với bài thơ bằng nhạc điệu, bài thơ là âm điệu của một cõi lòng bị sóng khuấy động, đang

rung lên đồng điệu đồng nhịp với sóng biển. Rạo rục đến xôn xao, khát khao đến khắc khoải, có một hình tượng sóng được vẽ lên bằng âm điệu, một âm điệu dập dồn, chìm nổi, miên man như hơi thở chạy suốt cả bài.

Sắc điệu trữ tình của bài thơ được gợi lên từ hình tượng sóng. Cả bài thơ là những con sóng tâm tình xôn xao trong lòng người con gái đang yêu khi đứng trước biển ngắm nhìn những con sóng vô hồi, bất tận. Sóng là một hình tượng ẩn dụ, đó là sự hoá thân của cái tôi trữ tình của nữ sĩ, lúc thì hoà nhập, lúc sự phân thân của “em” - người con gái đang yêu một cách say đắm. Sóng đã khơi gợi một hồn thơ phong phú, hồn nhiên, sôi nổi. Thông qua hình tượng sóng, Xuân Quỳnh đã có một cách nói rất hay để diễn tả tâm trạng của người con gái. Sóng biến hoá, sóng vỗ liên hồi, triền miên và bất tận:

*“Dữ dội và dịu êm  
Ồn ào và lặng lẽ”*

trạng thái của sóng cũng là tâm trạng khi yêu, là khát vọng to lớn, mạnh mẽ về một tình yêu chân thành. Hành trình của sóng từ sông ra đại dương:

*“Sóng không hiểu nổi mình  
Sóng tìm ra tận bể”*

nơi mệnh mông dạt dào, có đến nơi biển rộng trời cao sóng mới được vẫy vùng, mới thực sự tìm thấy mình trong sức sóng mạnh mẽ với những khát khao to lớn. Sóng được làm biểu tượng của tình yêu. Miêu tả sóng biến hoá là cũng để nói lên cái phức tạp, đa dạng, khó hiểu của tình yêu. Cũng giống như sóng biển, tình yêu là một hiện tượng kỳ diệu của con người. Con sóng “ngày xưa” và con sóng “ngày sau” vẫn thế - triền miên, bất tận. Cũng như tình yêu mãi mãi là khát vọng của tuổi trẻ, của đôi lứa, của anh và em:

*“Ôi con sóng ngày xưa  
Và ngày sau vẫn thế  
Nỗi khát vọng tình yêu  
Bồi hồi trong ngực trẻ”*

Con sóng tìm đến biển, đến đại dương là để tự hiểu mình. Cũng như em “khát” được đến bên anh, đến với một tình yêu đẹp để hiểu rõ hơn về tâm hồn em về con người đích thực của em. Người con gái hỏi sóng hay đang tự hỏi chính mình:

*“Sóng bắt đầu từ gió  
Gió bắt đầu từ đâu  
Em cũng không biết nữa  
Khi nào ta yêu nhau”*

cái giây phút giao duyên của đôi lứa. “Khi nào ta yêu nhau” tìm được một câu trả lời thật khó, bởi tình yêu là một hiện tượng, một thứ tình cảm khó có thể cắt nghĩa được. Bởi vậy trong bài thơ tình số 21 của thi hào Tagor đã viết rằng :

*“Trái tim anh cũng ở gần em như chính đời em vậy  
Nhưng chẳng bao giờ em biết trọn nó đâu”*

Câu thơ “khi nào ta yêu nhau” đã diễn tả đúng nỗi niềm điển hình của những trai gái đang sống trong tình yêu đẹp. Sóng vỗ “dữ dội - dịu êm”, “ồn ào - lặng lẽ”, sóng “dưới lòng sâu” “sóng” trên mặt nước”, sóng nhớ bờ, đó là biểu hiện của tình yêu và nỗi nhớ. Yêu chân thành tha thiết, nhớ bồi hồi triền miên. Nỗi nhớ ấy day dứt, dày vò, choán đầy cả không gian, thấm trong chiều sâu, bề rộng, trải trong chiều dài thời gian:

*“Con sóng dưới lòng sâu  
Con sóng trên mặt nước  
Ôi con sóng nhớ bờ  
Ngày đêm không ngủ được”*

Thật tự nhiên và thơ mộng, con sóng nhớ bờ nên ngày đêm sóng vỗ, sóng thao thức với thời gian và đại dương. Cũng giống như bên đời thuyền, thuyền nhớ bến, lúc nào lòng người con gái cũng bồi hồi nhớ thương:

*“Lòng em nhớ đến anh  
Cả trong mơ còn thức”*

“Còn thức” tức là lúc nào em cũng nhìn thấy rõ hình bóng anh, ánh mắt anh ... Một tình yêu cuồng nhiệt, say mê. Con sóng khao khát được đến bờ để được vỗ về, ve vuốt:

*“Hôn thật khẽ thật êm  
Hôn êm đềm mãi mãi”  
(Xuân Diệu)*

Cũng như “em” muốn được gần bên anh, được hoà nhịp vào trong tình yêu với anh. Tình yêu của người con gái thật mãnh liệt, nồng nàn. Sóng xa vời cách trở vẫn tìm được tới bờ, cũng như anh và em sẽ vượt qua mọi khó khăn để đến với nhau, để sống trong hạnh phúc trọn vẹn của lứa đôi.

*“Ở ngoài kia đại dương  
Trăm ngàn con sóng nhỏ  
Con nào cũng tới bờ  
Dù muôn vời cách trở”*

Người con gái đã bày tỏ lòng mình một cách chân thành, say đắm, tha thiết. Chân thật và thủy chung là đặc tính của tình yêu:

*“Dẫu xuôi về phương Bắc ...  
Hướng về anh một phương”.*

Sóng đã bày tỏ nỗi lòng của người con gái, khát vọng được sống hết mình trong một tình yêu đẹp, sắt son thuỷ chung. Người ta thường nói xuôi vào Nam, ngược ra Bắc; nhưng ở đây, trong nỗi nhớ chất đầy nhà thơ lại dùng ngược lại. Từ đó nhà thơ đã nói đến nỗi nhớ bất chấp vạn vật, khoảng cách, tình yêu là sự gặp gỡ giữa hai tâm hồn không có giới hạn. Cuối cùng sóng đã nói hộ nhà thơ nỗi khát vọng được sống trọn vẹn trong tình yêu. Tình yêu lứa đôi đẹp đẽ, nồng nàn như trăm ngàn con sóng nhỏ giữa đại dương mênh mông, muốn được hoà nhịp vào biển lớn của tình yêu cộng đồng:

*“Làm sao được tan ra  
Thành trăm con sóng nhỏ  
Giữa biển lớn tình yêu  
Để ngàn năm còn vỗ”* .

Cả bài thơ, nếu kể đến nhan đề, thì tác giả đã mười một lần nhắc đến từ “sóng”. Sóng vỗ như tâm tình xôn xao. Sóng cho ta nhiều ấn tượng về âm điệu của sóng, cũng như giọng điệu tâm tình, nhịp điệu của bài thơ. Thơ hồn nhiên, liền mạch về cảm xúc, trong sáng trong cách diễn đạt của tác giả. Sóng vỗ trên đại dương mênh mông cũng chính là sóng vỗ trong lòng người con gái.

Từ hình tượng “sóng” Xuân Quỳnh cho ta thấy rõ vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu. Với tình yêu chân thành, thắm thiết, người phụ nữ muốn sống hết mình, sống trọn vẹn trong tình yêu đẹp. Yêu là nhớ ngày mong đêm, người phụ nữ khát khao được hoà nhập gần gũi trong tình yêu ấy. Họ yêu thật nồng nàn, say đắm, thủy chung !

Xuân Quỳnh viết bài thơ này vào những năm 1967, khi cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam ở vào giai đoạn ác liệt, khi thanh niên trai gái ào ào ra trận “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, khi sân ga, bến nước, gốc đa, sân trường diễn ra những cuộc chia ly màu đỏ. Cho nên có đặt bài thơ vào trong hoàn cảnh ấy ta mới càng thấy rõ nỗi khát khao của người con gái trong tình yêu.

*“Ôi con sóng nhớ bờ  
Ngày đêm không ngủ được”* .

Đọc xong bài thơ “Sóng” ta càng ngưỡng mộ hơn những con người phụ nữ Việt Nam, những con người luôn thuỷ chung, luôn sống hết mình vì một tình yêu. Xuân Quỳnh xứng đáng là một nhà thơ nữ của tình yêu lứa đôi, bà đã làm phong phú hơn cho nền thơ nước nhà.

### Câu 3:

Nguyễn Trung Thành là nhà văn có duyên nợ gắn bó với mảnh đất Tây Nguyên. Qua hai cuộc kháng chiến cùng sinh ra tử với những người dân nơi đây đã cung cấp cho Nguyễn Trung Thành một vốn hiểu biết vô cùng sâu rộng về mảnh đất âm vang rộn tiếng cồng chiêng trong mùa lễ hội, nơi có những người con trung dũng, kiên cường. Nếu trong kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Trung Thành - bút danh Nguyên Ngọc nổi tiếng cùng “Đất nước đứng lên”; thì trong những năm kháng chiến chống Mỹ, đặc biệt là những năm 1965 khi cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam đang diễn ra gay go ác liệt thì Nguyễn Trung Thành cho ra mắt người đọc truyện ngắn “Rừng xà nu”. Tác phẩm này đã là một bản hùng ca, ca ngợi cuộc sống và con người Tây Nguyên trong cuộc chiến tranh vĩ đại. Và nổi bật hơn cả trong tác phẩm chính là hình tượng cây xà nu.

Cây xà nu là một hình tượng nhân vật trung tâm trong truyện ngắn “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành. Xuyên suốt trong tác phẩm ta bắt gặp những cánh rừng xà nu nối tiếp nhau chạy đến chân trời. Cây xà nu là một loài cây quen thuộc, có mặt trong cuộc sống hàng ngày của người dân Tây Nguyên. “Củi xà nu cháy trong mỗi bếp lửa gia đình, khói xà nu nhuộm bảng đen cho con trẻ học chữ, đuốc xà nu rọi sáng sân nhà Ưng trong những đêm lễ hội...”. Tất cả mọi hoạt động dù lớn dù nhỏ của người dân Tây Nguyên đều có sự góp mặt của cây xà nu. Sự sống của dân làng Xô Man đều gắn liền với những cánh rừng xà nu. Khi Nguyễn Trung Thành viết : “Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc, chúng nó bắn đã thành lệ, ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và xẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác của đồn giặc đều rơi vào những ngọn đồi xà nu, cạnh con nước lớn”, nhà văn đã phản ánh không khí căng thẳng của thời đại, gợi lên sự đối mặt quyết liệt giữa sự sống và cái chết. Nổi bật trên nền bối cảnh ấy, Nguyễn Trung Thành đã đi sâu miêu tả những đặc điểm nổi bật của cây xà nu. Cũng như bao loài cây khác, cây xà nu là một loài cây ham ánh sáng và khí trời “trong rừng ít có loài cây nào sinh sôi nảy nở khoẻ đến vậy... ít có loài cây nào ham ánh sáng đến thế” cũng có nghĩa là ham sống, khao khát muốn được vươn lên giữa bầu trời cao rộng.

Thế nhưng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt ấy, cũng như bao cánh rừng khác của Việt Nam, rừng xà nu đã bị tàn phá rất dữ dội “Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào là không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình đổ ào ào như một trận bão; ở chỗ vết thương nhựa ứa ra tràn trề, thơm ngào ngào, long lanh nắng hè gay gắt rồi dần dần bầm lại đen và đặc quện thành từng cục máu lớn”. Tuy vậy, bất chấp mọi sự tàn phá huỷ diệt của chiến tranh, cây xà nu vẫn vươn lên với một sức sống mãnh liệt “cạnh cây mới ngã gục đã có bốn, năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”. Tư thế vươn lên mạnh mẽ ấy của cây xà nu như để thách thức với bom đạn của chiến tranh “đó chúng nó giết được cây xà nu đất ta”. Sức sống mãnh liệt đã giúp những cánh rừng xà nu vươn lên trong một màu xanh, hiện lên hiên ngang, kiêu dũng như một tráng sĩ “cứ thế hai ba năm sau, rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra che chở cho dân làng Xô man”.

Bằng nghệ thuật so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, Nguyễn Trung Thành đã dựng lên thật thành công và rõ nét, ấn tượng về hình tượng cây xà nu. Không dừng lại ở đó, Nguyễn Trung Thành còn đặt hình tượng cây xà nu vào trong quan hệ đối chiếu sóng đôi với con người mảnh đất Tây Nguyên. Nếu cây xà nu là một loại cây ham ánh sáng và khí trời, thì người dân Tây Nguyên yêu tự do, tin vào Đảng, đi theo bước chân cách mạng như muôn cây vẫn hướng vào ánh sáng mặt trời. Nếu cây xà nu bị tàn phá, huỷ diệt bởi đạn bom, khói lửa thì những người dân Tây Nguyên phải chịu bao đau thương mất mát do chính kẻ thù gây ra. Bao nhiêu người bị giặc giết chết như những cây xà nu bị chặt đứt ngang nửa thân mình, bao nhiêu người còn sống mà phải mang trong mình bao nỗi đau thương. Bằng cách miêu tả hình ảnh cây và người trong quan hệ sóng đôi như thế, Nguyễn Trung Thành đã khắc sâu tội ác dã man của kẻ thù để qua đó tác giả giúp ta hình dung rõ hơn những thảm cảnh dân ta phải chịu do bọn giặc gây ra.

Cũng giống như những cánh rừng quê hương, như những con người Việt Nam vẫn ý thức được rằng:

*“Guom nào chia được dòng Bến Hải  
Lửa nào thiêu được dãy Trường Sơn  
Cắm hờn lại giục cắm hờn  
Máu kêu trả máu đầu van trả đầu”*

Các thế hệ nhân dân Tây Nguyên đã thay nhau tiếp nối đứng lên. ánh sáng của niềm tin “Đảng còn thì núi nước này còn” đã soi đường chỉ lối cho những bước chân đến với cách mạng. Thế hệ này ngã xuống, thế hệ sau tiếp nối đứng lên; anh Sút bà Nhan bị giặc giết, đi thay họ tiếp tế nuôi quân đã có T Nú và Mai. Cứ như thế, các thế hệ người Tây Nguyên đã thay nhau giữ vững ngọn lửa truyền thống, thay nhau giữ vững ý chí đánh giặc kiên cường, để giữ làng, giữ nước của dân làng Xô man nói riêng và của người Tây Nguyên nói chung.

Dưới ngòi bút miêu tả của Nguyễn Trung Thành, cây xà nu hiện lên sừng sững, đồng hành với những bước đi, cuộc sống của dân làng Xô man. Gắn bó với cánh rừng anh dũng, kiêu hùng, những người dân Tây Nguyên như được tiếp thêm sức mạnh để đứng lên chiến đấu. Và gắn bó với con người Tây Nguyên ân tình, thủy chung, trung dũng như thế. Cây xà nu cũng luôn luôn sánh bước cùng họ để họ có cuộc sống bình yên hơn; để “hầu hết đạn đại bác của đồn giặc đều rơi vào những ngọn đồi xà nu, cạnh con nước lớn” chứ không nhằm vào những người dân vô tội làm than.

Cây xà nu là hình tượng mang đậm chất lý tưởng, tiêu biểu cho phẩm chất, số phận của người dân Tây Nguyên. Hình tượng cây xà nu trong tác phẩm mang đậm chất sử thi, tính hào hùng, nó làm rõ chủ đề tư tưởng của truyện ngắn “Rừng xà nu”. Để xây dựng một hình tượng xà nu như thế, Nguyễn Trung Thành đã sử dụng những câu văn miêu tả, những từ ngữ, hình ảnh chọn lọc đặc sắc, cùng nghệ thuật so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, giọng văn miêu tả trong tác phẩm rất linh hoạt.

Có đọc “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành ta mới cảm nhận hết vẻ đẹp hình tượng cây xà nu. Hình tượng này đã góp phần tạo nên một “Rừng xà nu” trọn vẹn, mang đậm giá trị văn học. Nguyễn Trung Thành đã góp phần làm phong phú thêm cho nền văn học dân tộc./.

----- HẾT -----

Đề thi tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2007

Môn Văn, khối D

(thời gian làm bài 180 phút, không kể thời gian phát đề)

Đề thi:

Câu I: (2 điểm)

Anh/chị hãy trình bày hoàn cảnh ra đời và mục đích sáng tác của bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh.

Câu II: (5 điểm)

Tràng Giang của Huy Cận là bài thơ mang vẻ đẹp vừa cổ điển vừa hiện đại.

Anh/chị hãy phân tích bài thơ Tràng Giang để làm sáng tỏ nhận xét trên.

TRÀNG GIANG

*Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài*  
H.C

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.



Lơ thơ còn nhỏ gió đìu hiu,  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cầu gợi chút niềm thân mật  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc, Chim  
nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa Lòng  
quê dợn dợn vời con nước  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà

(Văn học 11, Tập một, NXB Giáo dục, tái bản 2005, tr.143)

PHẦN TỰ CHỌN (Thí sinh chỉ được chọn làm 1 trong 2 câu)

Câu III.a: Theo chương trình THPT không phân ban (3 điểm)

So sánh cách nhìn người nông dân của hai nhân vật Hoàng và Độ trong truyện ngắn Đôi mắt của Nam Cao.

Câu III.b: Theo chương trình THPT phân ban thí điểm (3 điểm)

Phân tích những nét đẹp trong suy nghĩ và ứng xử của nhân vật Hiền trong truyện ngắn Một người Hà Nội của Nguyễn Khải (đoạn trích trong Ngữ văn 12, sách giáo khoa thí điểm Ban KHXH và NV).

*Bài làm của của thí sinh Hồng Ngọc Lam*

Câu I: (Học sinh tự xem)

Câu II:

Nhà thơ Huy Cận tên thật là Cù Huy Cận, với giọng thơ rất riêng đã khẳng định tên tuổi của mình trong phong trào thơ mới 1930-1945. Ông vốn quê quán Hương Sơn, Hà Tĩnh, sinh năm 1919 và mất năm 2005. Trước Cách mạng tháng tám, thơ ông mang nỗi sầu về kiếp người và ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên, tạo vật với các tác phẩm tiêu biểu như: "Lửa thiêng", "Vũ trụ ca", "Kinh cầu tự". Nhưng sau Cách mạng tháng tám, hồn thơ của ông đã trở nên lạc quan, được khơi nguồn từ cuộc sống chiến đấu và xây dựng đất nước của nhân dân lao động: "Trời mỗi ngày lại sáng", "Đất nở hoa", "Bài thơ cuộc đời"... Vẻ đẹp thiên nhiên nổi ưu sầu nhân thế, một nét thơ tiêu biểu của Huy Cận, được thể hiện khá rõ nét qua bài thơ "Tràng Giang". Đây là một bài thơ hay, tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng tám. Bài thơ được trích từ tập "Lửa thiêng", được sáng tác khi Huy Cận đứng ở bờ Nam bên Chèm sông Hồng, nhìn cảnh mênh mông sóng nước, lòng vời vợi buồn, cảm cảnh cho kiếp người nhỏ bé, nổi trôi giữa dòng đời vô định. Mang nỗi u buồn hoài như thế nên bài thơ vừa có nét đẹp cổ điển lại vừa đượm nét hiện đại, đem đến sự thích thú, yêu mến cho người đọc.

*Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài*

*Sóng gọi tràng giang buồn điệp điệp*

....

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

Ngay từ thi đề, nhà thơ đã khéo gọi lên vẻ đẹp cổ điển lại hiện đại cho bài thơ. "Tràng giang" là một cách nói chệch đầy sáng tạo của Huy Cận. Hai âm "anh" đi liền nhau đã gọi lên trong người đọc cảm giác về con sông, không chỉ dài vô cùng mà còn rộng mênh mông, bát ngát. Hai chữ "tràng giang" mang sắc thái cổ điển trang nhã, gọi liên tưởng về dòng Trường giang trong thơ Đường thi, một dòng sông của muôn thuở vĩnh hằng, dòng sông của tâm tưởng.

Tứ thơ "Tràng giang" mang nét cổ điển như thơ xưa: Nhà thơ thường ẩn đằng sau cái mênh mông sóng nước, không như các nhà thơ mới thường thể hiện cái tôi của mình. Nhưng nếu các thi nhân xưa tìm đến thiên nhiên để mong hoà nhập, giao cảm, Huy Cận lại tìm về thiên nhiên để thể hiện nỗi ưu tư, buồn bã về kiếp người cô đơn, nhỏ bé trước vũ trụ bao la. Đó cũng là vẻ đẹp đầy sức quyến rũ của tác phẩm, ẩn chứa một tinh thần hiện đại.

Câu đề từ giản dị, ngắn gọn với chỉ bảy chữ nhưng đã thu tóm được cảm xúc chủ đạo của cả bài: "Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài". Trước cảnh "trời rộng", "sông dài" sao mà bát ngát, mênh mông của thiên nhiên, lòng con người dấy lên tình cảm "bâng khuâng" và nhớ. Từ láy "bâng khuâng" được sử dụng rất đặc địa, nó nói lên được tâm trạng của chủ thể trữ tình, buồn bã, u sầu, cô đơn, lạc lõng. Và con "sông dài", nghe miên man tí tắp ấy cứ vỗ sóng đều đặn khắp các khổ thơ, cứ cuộn sóng lên mãi trong lòng nhà thơ làm rung động trái tim người đọc.

Và ngay từ khổ thơ đầu, người đọc đã bắt gặp những con sóng lòng đầy ưu tư, sầu não như thế:

*Sóng gọi tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ được thể hiện khá rõ ngay từ bốn câu đầu tiên này. Hai từ láy nguyên "điệp điệp", "song song" ở cuối hai câu thơ mang đậm sắc thái cổ kính của Đường thi. Và không chỉ mang nét đẹp ấy, nó còn đầy sức gợi hình, gợi liên tưởng về những con sóng cứ loang ra, lan xa, gối lên nhau, dòng nước thì cứ cuốn đi xa tận nơi nào, miên man miên man. Trên dòng sông gọi sóng "điệp điệp", nước "song song" ấy là một "con thuyền xuôi mái", lững lờ trôi đi. Trong cảnh có sự chuyển động là thế, nhưng sao chỉ thấy vẻ lặng tờ, mênh mông của thiên nhiên, một dòng "tràng giang" dài và rộng bao la không biết đến nhường nào.

Dòng sông thì bát ngát vô cùng, vô tận, nỗi buồn của con người cũng đầy ăm ắp trong lòng

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Thuyền và nước vốn đi liền nhau, thuyền trôi đi nhờ nước xô, nước vỗ vào thuyền. Thế mà Huy Cận lại thấy thuyền và nước đang chia lìa, xa cách "thuyền về nước lại", nghe sao đầy xót xa.

Chính lẽ vì thế mà gọi nên trong lòng người nỗi "sầu trăm ngã". Từ chỉ số nhiều "trăm" hô ứng cùng từ chỉ số "mấy" đã thổi vào câu thơ nỗi buồn vô hạn.

Tâm hồn của chủ thể trữ tình được bộc lộ đầy đủ nhất qua câu thơ đặc sắc: "Củi một cành khô lạc mấy dòng". Huy Cận đã khéo dùng phép đảo ngữ kết hợp với các từ ngữ chọn lọc, thể hiện nỗi cô đơn, lạc lõng trước vũ trụ bao la. "Một" gợi lên sự ít ỏi, nhỏ bé, "cành khô" gợi sự khô héo, cạn kiệt nhựa sống, "lạc" mang nỗi sầu vô định, trôi nổi, bập bênh trên "mấy dòng" nước thiên nhiên rộng lớn mênh mông. Cành củi khô đó trôi dạt đi nơi nào, hình ảnh giản dị, không tô vẽ mà sao đầy rợn ngợp, khiến lòng người đọc cảm thấy trống vắng, đơn côi.

Nét đẹp cổ điển "tả cảnh ngụ tình" thật khéo léo, tài hoa của tác giả, đã gợi mở về một nỗi buồn, u sầu như con sóng sẽ còn vỗ mãi ở các khổ thơ còn lại để người đọc có thể cảm thông, thấu hiểu về một nét tâm trạng thường gặp ở các nhà thơ mới. Nhưng bên cạnh đó ta cũng nhìn ra một vẻ đẹp hiện đại rất thi vị của khổ thơ. Đó là ở cách nói "Củi một cành khô" thật đặc biệt, không chỉ thấu tóm cảm xúc của toàn khổ, mà còn hé mở tâm trạng của nhân vật trữ tình, một nỗi niềm đơn côi, lạc lõng.

Nỗi lòng ấy được gợi mở nhiều hơn qua hình ảnh quạnh vắng của không gian lạnh lẽo:

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.*

Hai từ láy "lơ thơ" và "đìu hiu" được tác giả khéo sắp xếp trên cùng một dòng thơ đã vẽ nên một quang cảnh vắng lặng. "Lơ thơ" gợi sự ít ỏi, bé nhỏ "đìu hiu" lại gợi sự quạnh quẽ. Giữa khung cảnh "cồn nhỏ", gió thì "đìu hiu", một khung cảnh lạnh lẽo, tiêu điều ấy, con người trở nên đơn côi, rợn ngợp đến độ thốt lên "Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều". Chỉ một câu thơ mà mang nhiều sắc thái, vừa gợi "đâu đó", âm thanh xa xôi, không rõ rệt, có thể là câu hỏi "đâu" như một nỗi niềm khao khát, mong mỏi của nhà thơ về một chút sự hoạt động, âm thanh sự sống của con người. Đó cũng có thể là "đâu có", một sự phủ định hoàn toàn, chung quanh đây chẳng hề có chút gì sống động để xua bớt cái tịch liêu của thiên nhiên.

Đôi mắt nhân vật trữ tình nhìn theo nắng, theo dòng trôi của sông:

*"Nắng xuống, trời lên sâu chót vót,  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."*

"Nắng xuống, trời lên" gợi sự chuyển động, mở rộng về không gian, và gợi cả sự chia lìa: bởi nắng và trời mà lại tách bạch khỏi nhau. "sâu chót vót" là cảnh diễn đạt mới mẻ, đầy sáng tạo của Huy Cận, mang một nét đẹp hiện đại. Đôi mắt nhà thơ không chỉ dừng ở bên ngoài của trời, của nắng, mà như xuyên thấu và cả vũ trụ, cả không gian bao la, vô tận. Cõi thiên nhiên ấy quả là mênh mông với "sông dài, trời rộng", còn những gì thuộc về con người thì lại bé nhỏ, cô đơn biết bao: "bến cô liêu".

Vẻ đẹp cổ điển của khổ thơ hiện ra qua các thi liệu quen thuộc trong Đường thi như: sông, trời, nắng, cuộc sông có người thì buồn tẻ, chán chường với "vãn chợ chiều", mọi thứ đã tan rã, chia lìa.

Nhà thơ lại nhìn về dòng sông, nhìn cảnh xung quanh mong mỏi có chút gì quen thuộc mang lại hơi ấm cho tâm hồn đang chìm vào giá lạnh, về cô đơn. Nhưng thiên nhiên đã đáp trả sự khao khát ấy bằng những hình ảnh càng quạnh quẽ, đìu hiu:

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cần gọi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Hình ảnh cánh bèo trôi bồng bềnh trên sông là hình ảnh thường dùng trong thơ cổ điển, nó gợi lên một cái gì bấp bênh, nổi trôi của kiếp người vô định giữa dòng đời. Nhưng trong thơ Huy Cận không chỉ có một hay hai cánh bèo, mà là "hàng nối hàng". Bèo trôi hàng hàng càng khiến lòng người rợn ngợp trước thiên nhiên, đề từ đó cõi lòng càng đau đớn, cô đơn. Bên cạnh hàng nối hàng cánh bèo là "bờ xanh tiếp bãi vàng" như mở ra một không gian bao la vô cùng, vô tận, thiên nhiên nối tiếp thiên nhiên, dường không có con người, không có chút sinh hoạt của con người, không có sự giao hoà, nối kết:

*Mênh mông không một chuyến đò ngang  
Không cần gọi chút niềm thân mật.*

Tác giả đưa ra cấu trúc phủ định. "...không...không" để phủ định hoàn toàn những kết nối của con người. Trước mắt nhà thơ giờ đây không có chút gì gọi niềm thân mật để kéo mình ra khỏi nỗi cô đơn đang bao trùm, vây kín, chỉ có một thiên nhiên mênh mông, mênh mông. Câu hay chuyến đò ngang, phương tiện giao kết của con người, dường như đã bị cõi thiên nhiên nhấn chìm, trôi đi nơi nào.

Huy Cận lại khéo vẽ nét đẹp cổ điển và hiện đại cho bầu trời trên cao:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc, Chim  
ngiên cánh nhỏ bóng chiều sa.*

Bút pháp chấm phá với "mây cao đùn núi bạc" thành "lớp lớp" đã khiến người đọc tưởng tượng ra những núi mây trắng được ánh nắng chiếu vào như dát bạc. Hình ảnh mang nét đẹp cổ điển thật trữ tình và lại càng thi vị hơn khi nó được khơi nguồn cảm hứng từ một tứ thơ Đường cổ của Đỗ Phủ:

*Mặt đất mây đùn cửa ải xa.*

Huy Cận đã vận dụng rất tài tình động từ "đùn", khiến mây như chuyển động, có nội lực từ bên trong, từng lớp từng lớp mây cứ đùn ra mãi. Đây cũng là một nét thơ đầy chất hiện đại, bởi nó đã vận dụng sáng tạo từ thơ cổ điển quen thuộc.

Và nét hiện đại càng bộc lộ rõ hơn qua dấu hai chấm thân tình trong câu thơ sau. Dấu hai chấm này gợi mối quan hệ giữa chim và bóng chiều: Chim nghiêng cánh nhỏ kéo bóng chiều, cùng sa xuống mặt tràng giang, hay chính bóng chiều sa, đè nặng lên cánh chim nhỏ làm nghiêng lệch cả đi. Câu thơ tả không gian nhưng gợi được thời gian bởi nó sử dụng "cánh chim" và "bóng chiều", vốn là những hình tượng thẩm mỹ để tả hoàng hôn trong thơ ca cổ điển.

Nhưng giữa khung cảnh cổ điển đó, người đọc lại bắt gặp nét tâm trạng hiện đại:

*Lòng quê dọn dọn vời con nước,  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

"Dọn dọn" là một từ láy nguyên sáng tạo của Huy Cận, chưa từng thấy trước đó. Từ láy này hô ứng cùng cụm từ "vời con nước" cho thấy một nỗi niềm bàng khuâng, cô đơn của "lòng quê". Nỗi niềm đó là nỗi niềm nhớ quê hương khi đang đứng giữa quê hương, nhưng quê hương đã không còn. Đây là nét tâm trạng chung của nhà thơ mới lúc bấy giờ, một nỗi lòng đau xót trước cảnh mất nước.

Bên cạnh tâm trạng hiện đại ấy là từ thơ cổ điển được gợi từ câu thơ: "Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai" của Thôi Hiệu. Xưa Thôi Hiệu cần vịn vào sóng để mà buồn, mà nhớ, còn Huy Cận thì buồn mà không cần ngoại cảnh, bởi từ nỗi buồn nó đã sâu sắc lắm rồi. Thế mới biết tấm lòng yêu quê hương thấm thiết đến nhường nào của nhà thơ hôm nay.

Cả bài thơ vừa mang nét đẹp cổ điển, vừa mang nét hiện đại. Vẻ đẹp cổ điển được thể hiện qua lối thơ bảy chữ mang đậm phong vị Đường thi, qua cách dùng từ láy nguyên, qua việc sử dụng các thi liệu cổ điển quen thuộc như: mây, sông, cánh chim... Và trên hết là cách vận dụng các tứ thơ cổ điển, gợi cho bài thơ không khí cổ kính, trầm mặc của thơ Đường.

Vẻ đẹp hiện đại lan toả qua các câu chữ sáng tạo, độc đáo của nhà thơ như "sâu chót vót", dấu hai chấm thân tình. Nhưng vẻ đẹp ấy đọng lại cuối cùng là tâm trạng nhớ quê hương ngay khi đứng giữa quê hương, nét tâm trạng hiện đại của các nhà tri thức muốn đóng góp sức mình cho đất nước mà đành bất lực, không làm gì được.

Bài thơ sẽ còn mãi đi vào lòng người với phong cách tiêu biểu rất "Huy Cận", với vẻ đẹp cổ điển trang nhã sâu lắng và vẻ đẹp hiện đại mang nặng một tấm lòng yêu nước, yêu quê hương.

### Câu III.a:

Nam Cao tên thật là Trần Hữu Tri, sinh năm 1915, mất năm 1951 một nhà văn hiện thực xuất sắc của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Xuất thân từ tỉnh Hà Nam, nhà văn này đã từng viết rất thành công về cuộc sống của người trí thức và người nông dân nghèo trước Cách mạng tháng tám. Sau Cách mạng tháng tám, ông lại tự rèn luyện mình, dứt khoát từ bỏ lối sống cũ để quyết tâm đi theo cách mạng. "Đôi mắt", được Nam Cao sáng tác tết 1948, thời điểm nhận đường của giới văn nghệ sĩ, thể hiện đầy đủ phong cách của ông sau Cách mạng tháng tám. Ban đầu Nam Cao đặt tựa là "Tiên sử thằng Tào Tháo", sau đổi là "Đôi mắt" vì ông nhận thấy vấn đề quan trọng hơn hết lúc bấy giờ là cách nhìn của giới văn nghệ sĩ. Trong tác phẩm hai nhân vật chính, Hoàng và Độ, có cách nhìn hoàn toàn trái ngược nhau, mới nổi bật là cách nhìn về người nông dân, đã phần nào nói lên vấn đề quan điểm, lập trường của Nam Cao.

Hoàng và Độ là hai nhà văn, Hoàng là nhà văn anh, còn Độ thuộc lớp đàn em. Cả hai có cách sống, cách suy nghĩ và cách nhìn đời, nhìn người đối lập hẳn nhau, đặc biệt là khi nhìn người nông dân.

Hoàng sống phong lưu, xa hoa, tách rời với quần chúng nhân dân nên anh có cách nhìn lệch lạc, sai trái, phiến diện một chiều về người nông dân. Anh không thể nhìn ra được nét đẹp bên trong tâm hồn họ, mà chỉ thấy cái ngổ bề ngoài.

Trong mắt Hoàng những người nông dân nghèo khổ ấy đầy những tính xấu: "Toàn là những người ngu đần, lỗ mãng, ích kỉ, tham lam, bần tiện cả". Dường như với Hoàng mọi sự xấu

xa của con người đã tập trung về cả người nông dân. Anh nhìn thấy họ là một lũ lố lăng: "Cái ông thanh niên, các bà phụ nữ lại còn nhớ nhăng", anh phì cười vì sự "nhăng xỉ" của họ: "Viết chữ quốc ngữ sai vắn mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rồi rít cả lên. Không chỉ nhớ nhăng họ còn lại hay nói chữ mở miệng ra "đề nghị, yêu cầu, phê bình, cảnh cáo". Hoàng cho đó là chuyện thật nực cười. Anh không thấy được sự cố gắng của người nông dân kém hiểu biết nhưng lại rất đổi yêu nước. Thấy người nông dân đọc thuộc lòng bài "ba giai đoạn", anh cho đó là con vẹt biết nói, đây đưa, lời thôi, mồm nói vội lắm vậy mà đọc cho anh nghe "cả một bài dài đến năm trang giấy".

Anh lại càng phì cười hơn khi nhìn người nói dân toàn là những người tò mò, tọc mạch: "Anh chỉ giết một con gà, ngày mai cả làng này đã biết". Hoàng khăng khăng với Độ: "Ngày mai, chuyện anh đến chơi tôi thế nào cũng đã chạy khắp làng. Họ sẽ kể rất rạch ròi tên anh, tuổi anh, anh gầy béo thế nào, có bao nhiêu nốt ruồi ở mặt, có mấy lỗ rách ở ống quần bên trái". Có thể đó là sự thật, bởi Hoàng đã thề không hề bịa chuyện, và người đọc cũng biết người nông dân có tính xấu đó. Nhưng Hoàng đã nói quá, đã thổi phồng lên khiến người nông dân trở nên đầy xấu xa. Anh không hề có cái nhìn thông cảm. Bởi thế, Hoàng mới cho người nông dân mới thật độc ác, tàn nhẫn = chị dâu đẻ mà em bắt ra cái lều ngoài vườn. Hoàng không hề hay giả vờ không biết những tập tục kiêng kỵ của người nông dân?

Tất cả những tính xấu của người nông dân hiện lên trong mắt Hoàng, lại càng trở nên xấu xa. Hoàng không nhận ra đó là hoàn cảnh nghèo đói đã biến hóa người nông dân, mà anh qui tất cả về bản chất. Anh bêu rếu, nói xấu, mỉa mai chua chát nhưng người nông dân lương thiện đã chịu mang anh. Lối sống vị kỷ, xa rời quần chúng đã đem đến cho Hoàng cách nhìn lệch lạc, một chiều, một phía. Anh thấy người nông dân "quả là không chịu được, không chịu được". Anh khinh bỉ họ đến cùng cực: "Nổi khinh bỉ của anh phì cả ra ngoài, theo cái bĩu môi dài thườn thượt. Mũi anh  
nhăn lại như người thấy mũi xác thối".

Là nhà văn đáng lẽ Hoàng phải có tấm lòng nhân ái, cảm thông, nhưng đằng này anh lại hiện lên như một kẻ tàn nhẫn, ích kỷ. Bởi không chỉ là nhà văn, Hoàng là một "tay chợ đen tài tình" sống phong lưu giữa cảnh nghèo đói của dân tộc, giữa lúc những người nông dân nghèo vật chất nhưng giàu tinh thần cũng lăn xả thân mình đóng góp cho đất nước. Hoàng không nhìn thấy cái nguyên có thật đẹp đẽ bên trong, mà chỉ thấy cái ngổ bên ngoài và đánh giá họ qua một cái nhìn phiến diện không nên có ở một nhà văn. Chính vì không hề có cái tâm, lòng nhân ái mà Hoàng đã chỉ thấy những gì xấu xa của người nông dân. Hoàng tiêu biểu cho lớp nhà văn ích kỷ, sai lệch về cách nhìn, về thái độ đối với người nông dân và cuộc kháng chiến lúc bấy giờ.

Trái hẳn với Hoàng, Độ lại có cái nhìn đầy cảm thông đối với người nông dân. Anh nhận thấy lịch sử đã sang trang, thấy được sức mạnh quần chúng, thấy được cốt lõi bên trong của người nông dân.

Trước đây, Độ cũng có cái nhìn lệch lạc, phiến diện như Hoàng. Anh đã từng bị quan, chán nản. Nhưng khi cách mạng mở ra, Độ đã "ngã ngựa người ra" vì thấy được sức mạnh thật sự của quần chúng, về đẹp tâm hồn người nông dân.

Độ nhận ra họ là những con người rất giàu lòng yêu nước, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc: "Vô số anh rặng đen mắt toét, gọi lựu đạn là nựu đạn, hát "Tiến quân ca" như người buồn ngủ cầu kinh mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm". Anh đã "đi khắp làng này đến làng kia" để tìm hiểu ngõ ngách sâu kín trong tâm hồn người nông dân, anh khao khát thấu được nét đẹp của họ, vì với anh thì những người nông dân "vẫn còn là một bí mật". "bí ẩn", bởi Độ đã thấy được sức mạnh tiềm ẩn của họ, chứ không như Hoàng, chỉ thấy phơi bày trước mắt bao nhiêu là tính xấu.

Độ biết người nông dân yêu nước lắm, vì thế, cùng một sự việc anh thanh niên đọc thuộc lòng bài "ba gia đoạn". Độ không cho anh ta là con vẹt biết nói, mà Độ thấy được bó tre anh thanh niên vác đi để ngăn quân thù. Tấm lòng nhân hậu, đầy cảm thông của Độ đã nhìn thấu một trái tim yêu nước bên trong "cái ngó bề ngoài".

Phải hòa nhập vào nông dân, phải trải qua những khó khăn, gian khổ mà người nông dân chịu đựng, Độ mới cảm nhận và hiểu sâu sắc suy nghĩ, tâm hồn của họ đến thế. Dù chỉ là một "anh tuyên truyền viên nhãi nhép" nhưng có thể nói Độ đã đóng góp được rất nhiều cho đất nước. Anh đã có cái nhìn đúng đắn, chân thật mà cũng đầy cảm thông, cái nhìn của một tấm lòng nhân ái, chứ không phải của tâm hồn hẹp hòi, ích kỉ như Độ.

Nếu như Hoàng chỉ nhìn thấy vẻ bề ngoài rồi từ đó thổi phồng, qui thành bản chất thì Độ cũng thấy sự thật rành rành, nhưng không dừng lại ở đó, Độ nhìn thấu vào tận sâu thẳm bên trong tâm hồn người nông dân. Nếu như cái nhìn của Hoàng là phiến diện, lệch lạc một chiều, một phía thì Độ có cái nhìn tiên bộ, đúng đắn, đầy cảm thông.

Qua hai cái nhìn trái ngược, đối lập của hai nhân vật Hoàng và Độ. Nam Cao đã bộc lộ quan điểm đầy tiên bộ về cái nhìn đời, nhìn người của văn nghệ sĩ kháng chiến. Nhà văn phải "sống đã rồi hãy viết", phải nhìn ra thấu hiểu trái tim con người, mà muốn làm được điều đó thì nhà văn cần có một trái tim nhân hậu, có cái tâm.

Nhan đề "Đôi mắt" giản dị nhưng rất gợi mở, rất đặc sắc đã thu tóm được giá trị tư tưởng của cả bài. Tác phẩm không chỉ dừng lại ở cách nhìn về người nông dân của Hoàng và Độ, mà còn mở rộng ra là cách nhìn đời và người cho mọi người. Với tác phẩm này, đặc biệt qua hai cách nhìn tương phản, đối lập. Nam Cao đã gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh những nhà văn ích kỉ, chỉ quan tâm đến bản thân mình. Đồng thời ông cũng lên án những ai có cái nhìn phiến diện một chiều lệch lạc, biểu dương cái nhìn đúng đắn, toàn diện. Ông quan niệm nhà văn trước hết phải có tấm lòng để xác định đúng chỗ, đúng lập trường. Từ đó có cách nhìn đúng mà viết nên tác phẩm hay, có ích cho đất nước, nhân dân. Nếu không, dù có tài giỏi đến mấy cũng chỉ là kẻ vô dụng, làm trò cười cho mọi người và tác phẩm dù có hay đến mấy cũng sẽ không được đón nhận.

----- HẾT -----

Đề thi tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2008  
Môn Văn, khối D

(thời gian làm bài 180 phút, không kể thời gian phát đề)

Đề thi:

Câu 1 (2 điểm): Anh/ chị hãy nêu những nét chính trong quan điểm nghệ thuật của Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám.

Câu 2 (5 điểm): Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm cứu A Phủ (Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài).

Câu 3 (3 điểm) Cảm nhận về đoạn thơ sau trong bài "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử:

“Gió theo lối gió mây đường mây  
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay?”

Bài làm của của thí sinh Nguyễn Trung Ngân

Câu 1 (2 điểm): Anh/ chị hãy nêu những nét chính trong quan điểm nghệ thuật của Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám.

Nam Cao là một nhà văn lớn của nền văn học hiện thực phê phán nói riêng và là một nhà văn lớn của văn học Việt Nam nói chung. Sở dĩ Nam Cao có một vị trí xứng đáng như vậy bởi cả cuộc đời cầm bút của mình, ông luôn trăn trở để nâng cao "Đôi Mắt" của mình. Tất cả những gì Nam Cao để lại cho cuộc đời chính là tấm gương của một người "trí thức trung thực vô ngần" luôn tự đấu tranh để vươn tới những cảnh sống và tâm hồn thật đẹp. Với những nét tiêu biểu như vậy, Nam Cao đã thể hiện qua một hệ thống các quan điểm sáng tác của mình trước cách mạng tháng Tám.

Quan điểm nghệ thuật của Nam Cao trước cách mạng tháng Tám được thể hiện qua "Trăng Sáng" và "Đời Thừa". Trong "Trăng Sáng", nhà văn quan niệm văn chương nghệ thuật phải "vì nhân sinh", nhà văn phải viết cho hay, cho chân thực những gì có thật giữa cuộc đời, giữa xã hội mà mình đang sống. Ông viết "Chao ôi! Nghệ thuật không là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối! Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp người lầm than". Đó chính là quan điểm nghệ thuật của Nam Cao. Trước cách mạng, Nam Cao mang tâm sự u uất, đó không chỉ là tâm trạng của một người nghệ sĩ "tài cao, phận thấp, chí khí uất" (Tản Đà) mà đó còn là tâm sự của người trí thức giàu tâm huyết nhưng lại bị xã hội đen tối bóp nghẹt sự sống. Nhưng Nam Cao không vì bất mãn cá nhân mà ông trở nên khinh bạc. Trái lại ông còn có một trái tim chan chứa yêu thương đối với người dân nghèo lam lũ. Chính vì lẽ đó mà văn chương của ông luôn cất lên "những tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than".

Trong "Đời thừa", một tác phẩm tiêu biểu của văn Nam Cao trước cách mạng, Nam Cao cũng có những quan điểm nghệ thuật. Khi mà ta đã chọn văn chương nghệ thuật làm nghiệp của mình thì ta phải dồn hết tâm huyết cho nó, có như thế mới làm nghệ thuật tốt được. "Đói rét không có nghĩa lý gì đối với gã tuổi trẻ say mê lý tưởng. Lòng hẩn đẹp. Đầu hẩn mang một hoài bão lớn. Hẩn khinh những lo lắng tũn mủn về vật chất. Hẩn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hẩn ngày một thêm nảy nở. Hẩn đọc, suy ngẫm, tìm tòi, nhận xét, suy tưởng không biết chán. Đối với hẩn lúc ấy nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật không có gì đáng quan tâm nữa...". Nam Cao còn quan niệm người cầm bút phải có lương tâm và trách nhiệm đối với bạn đọc, phải viết thận trọng và sâu sắc: "sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là sự bất lương rồi, còn sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện". Với Nam Cao, bản chất của văn chương là đồng nghĩa với sự sáng tạo "văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho, văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có". Quan điểm của Nam Cao là một tác phẩm văn chương đích thực phải góp phần nhân đạo hóa tâm hồn bạn đọc: Nó phải chứa đựng một cái gì đó vừa lớn lao vừa cao cả, vừa đau đớn vừa phấn khởi: "Nó ca ngợi tình thương, lòng bác ái, sự công bình, nó làm người gần người hơn".

Văn nghiệp của Nam Cao (1915-1951) chủ yếu được thể hiện trước cách mạng tháng Tám. Với quan điểm sáng tác thể hiện trong hai truyện "Trăng Sáng" và "Đời Thừa" giúp ta hiểu sâu hơn về Nam Cao. Qua đó, ta thấy được những đóng góp về nghệ thuật cũng như tư tưởng của Nam Cao cho văn học Việt Nam. Từ đây giúp ta hiểu vì sao Nam Cao - một nhà văn chưa tròn bốn mươi tuổi lại để lại cho cuộc đời một sự nghiệp văn chương vĩ đại đến như vậy.

Câu 2 (5 điểm): Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm cứu A Phủ (Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài).

Mị là nhân vật trung tâm trong truyện ngắn "Vợ chồng A Phủ" mà nhà văn Tô Hoài đã giành nhiều tài năng và tâm huyết để xây dựng. Truyện được trích từ tập "truyện Tây Bắc" (1953)



của Tô Hoài. Trong chuyến đi cùng bộ đội vào giải phóng miền Tây Bắc (1952), Tô Hoài đã có dịp sống, cùng ăn, cùng ở với đồng bào các dân tộc miền núi, chính điều đó đã giúp Tô Hoài tìm được cảm hứng để viết truyện này. Tô Hoài thành công trong "Vợ chồng A Phủ" không chỉ do vốn sống, tình cảm sống của mình mà còn là do tài năng nghệ thuật của một cây bút tài hoa. Trong "Vợ chồng A Phủ", Tô Hoài đã sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật, trong đó nổi bật và đáng chú ý nhất là biện pháp phân tích tâm lý và hành động của Mị trong từng chặng đường đời. Điểm nghệ thuật ấy thật sự phát sáng và thăng hoa trong đoạn văn miêu tả tâm lý và hành động của nhân vật Mị trong đêm mùa đông cứu A Phủ. Qua đó ta thấy được giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

Trong tác phẩm này, điều gây cho bạn đọc ấn tượng nhất đó chính là hình ảnh của cô gái "dù làm bất cứ việc gì, cô ta cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi". Đó là nét tâm lý của một con người cam chịu, buông xuôi trước số phận, hoàn cảnh sống đen tối đầy bi kịch. Sở dĩ Mị có nét tính cách ấy là do cuộc sống hôn nhân cưỡng bức giữa Mị và A Sử. Mị không được lấy người mình yêu mà phải ăn đời ở kiếp với một người mà mình sợ hãi, lạnh lùng. Một nguyên nhân nữa chính là do uy quyền, thần quyền, đồng tiền của nhà thống lý Pá Tra đã biến Mị thành một đứa con dâu gặt nợ. Mang tiếng là con dâu của một người giàu có nhất vùng, nhưng thật sự Mị chỉ là một kẻ nô lệ không hơn không kém. Điều đó làm Mị đau khổ, Mị khóc ròng rã mấy tháng trời và từng có ý định ăn nắm lá ngón kết thúc cuộc đời mình. Thế nhưng "sống lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi". Chính vì thế Mị đã buông xuôi trước số phận đen tối của mình, trái tim của Mị dần chai sạn và mất đi nhịp đập tự nhiên của nó.

Song song với nét tính cách đó lại là tâm trạng của một người yêu đời, yêu cuộc sống, mong muốn thoát khỏi hoàn cảnh sống đen tối, đầy bi kịch. Điều đó đã được thể hiện trong đêm mùa xuân.

Trong đêm mùa xuân ấy, tâm trạng của Mị phát triển theo những cung bậc tình cảm khác nhau, cung bậc sau cao hơn cung bậc trước. Ban đầu, Mị nghe tiếng sáo Mèo quen thuộc, Mị nhắm thắm bài hát người đang thổi rồi Mị uống rượu và nhớ lại kỷ niệm đẹp thời xa xưa... Mị ý thức được về bản thân và về cuộc đời rồi Mị muốn đi chơi. Nhưng sợi dây thô bạo của A Sử đã trói đứng Mị vào cột. Thế nhưng sợi dây ấy chỉ có thể "trói" được thân xác Mị chứ không thể "trói" được tâm hồn của một cô gái đang hòa nhập với mùa xuân, với cuộc đời. Đêm ấy thật là một đêm có ý nghĩa với Mị. Đó là đêm cô thực sự sống cho riêng mình sau hàng ngàn đêm cô sống vật vờ như một cái xác không hồn. Đó là một đêm cô vượt lên uy quyền và bạo lực để sống theo tiếng gọi trái tim mình.

Sau đêm mùa xuân ấy, Mị lại tiếp tục sống kiếp đời trâu ngựa. Thế nhưng viết về vấn đề này, Tô Hoài khẳng định: cái khổ cái nhục mà Mị gánh chịu như lớp tro tàn phủ khuất che lấp sức sống tiềm tàng trong lòng Mị. Và chỉ cần có một luồng gió mạnh đủ sức thổi đi lớp tro buồn nguội lạnh ấy thì đốm lửa ấy sẽ bùng cháy và giúp Mị vượt qua cuộc sống đen tối của mình. Giá trị nhân đạo của tác phẩm ngời lên ở chỗ đó.

Và cuối cùng, luồng gió ấy cũng đến. Đó chính là những đêm mùa đông dài và buồn trên núi rừng Tây Bắc đang về. Mùa đông rét buốt như cắt da cắt thịt, vì thế đêm nào Mị cũng ra bên ngoài bếp lửa để thổi lửa hơ tay. Trong những đêm đó Mị gặp A Phủ đang bị trói đứng chờ chết giữa trời giá rét. Thế nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa hơ tay "dù A Phủ là cái xác chết đứng đó cũng thế thôi". Tại sao Mị lại lãnh cảm, thờ ơ trước sự việc ấy? Phải chăng việc trói người đến chết là một việc làm bình thường ở nhà thống lý Pá Tra và ai cũng quen với điều đó nên chẳng ai quan tâm đến. Hay bởi Mị "sống lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi" nên Mị lãnh đạm, thờ ơ

trước nỗi đau khổ của người khác. Một đêm nữa lại đến, lúc đó mọi người trong nhà đã ngủ yên cả rồi, Mị lại thức dậy đến bếp đốt lửa lên để hơ tay. Lửa cháy sáng, "Mị lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại". Đó là dòng nước mắt của một kẻ nô lệ khi phải đối mặt với cái chết đến rất gần. Chính "dòng nước mắt lấp lánh ấy" đã làm tan chảy lớp băng giá lạnh trong lòng Mị. Lòng Mị chợt bồi hồi trước một người, trùng cảnh ngộ. Đêm mùa xuân trước Mị cũng bị A Sử trói đứng thế kia, có nhiều lần nước mắt rơi xuống miệng, xuống cổ không biết lau đi được. Mị chợt nhận ra người ấy giống mình về cảnh ngộ, mà những người cùng cảnh ngộ rất dễ cảm thông cho nhau. Mị nhớ lại những chuyện thật khủng khiếp lúc trước kia, "chúng nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở trong cái nhà này". Lí trí giúp Mị nhận ra "Chúng nó thật độc ác". Việc trói người đến chết còn các hơn cả thú dữ trong rừng. Chỉ vì bị hổ ăn mất một con bò mà một người thanh niên khỏe mạnh, siêng năng, say sưa với cuộc đời đã phải lấy mạng mình thay cho nó. Bọn thống trị coi sinh mạng của A Phủ không bằng một con vật. Và dẫu ai phạm tội như A Phủ cũng bị xử phạt như thế mà thôi. Nhớ đến những chuyện ngày trước, trở về với hiện tại, Mị đau khổ cay đắng cho thân phận của mình: "Ta là thân đàn bà chúng nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết chờ ngày rũ xương ở đây thôi". Nghĩ về mình, Mị lại nghĩ đến A Phủ "có chùng này chỉ đêm nay thôi là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Người kia việc gì mà phải chết như thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy". Thật sự, chẳng có lí do gì mà bọn thống lí Pá Tra bắt A Phủ phải chết vì cái tội để mất một con bò! Trong đầu Mị bỗng nhiên nghĩ đến cảnh A Phủ bỏ trốn và chính Mị sẽ là người chết thay cho A Phủ trên cái cột tượng tượng đó. Thế nhưng, Mị vẫn không thấy sợ, sự suy tưởng của Mị là có cơ sở của nó. Cha con Pá Tra đã biến Mị từ một con người yêu đời, yêu cuộc sống, tài hoa chăm chỉ, hiếu thảo, tha thiết với tình yêu thành một con dâu gặt nợ, một kẻ nô lệ đúng nghĩa, chúng đã tàn ác khi trói một người đàn bà ngày trước đến chết thì chẳng lẽ chúng lại không đối xử với Mị như thế ư? Như vậy, chứng kiến "dòng nước mắt lấp lánh" của A Phủ, tâm trạng của Mị diễn biến phức tạp. Mị thông cảm với người cùng cảnh ngộ, Mị nhớ đến chuyện người đàn bà ngày trước, lí trí giúp Mị nhận ra bọn lãnh chúa phong kiến thật độc ác, Mị xót xa trước số phận của mình rồi Mị lại nghĩ đến A Phủ; sau đó Mị lại tưởng tượng đến cái cảnh mình bị trói đứng... Một loạt nét tâm lí ấy thúc đẩy Mị đến với hành động: dùng dao cắt lúa rút dây mây cởi trói cho A Phủ. Đó là một việc làm táo bạo và hết sức nguy hiểm nhưng nó phù hợp với nét tâm lí của Mị trong đêm mùa đông này. Sau khi cắt dây cởi trói cho A Phủ, Mị cũng không ngờ mình dám làm một chuyện động trời đến vậy. Mị thì thào lên một tiếng "đi ngay" rồi Mị nghẹn lại. A Phủ vùng chạy đi còn Mị vẫn đứng lặng trong bóng tối. Ta có thể hình dung được nét tâm lí ngổn ngang trăm mối của Mị lúc này. Lòng Mị rối bời với trăm câu hỏi: Vứt chạy theo A Phủ hay ở đây chờ chết?. Thế là cuối cùng sức sống tiềm tàng đã thôi thúc Mị phải sống và Mị vứt chạy theo A Phủ. Trời tối lắm nhưng Mị vẫn băng đi. Bước chân của Mị như đạp đổ uy quyền, thần quyền của bọn lãnh chúa phong kiến đương thời đã đè nặng tâm hồn Mị suốt bao nhiêu năm qua. Mị đuổi kịp A Phủ và nói lời đầu tiên. Mị nói với A Phủ sau bao nhiêu năm câm nín: "A Phủ. Cho tôi đi! Ở đây thì chết mất". Đó là lời nói khao khát sống và khát khao tự do của nhân vật Mị. Câu nói ấy chứa đựng biết bao tình cảm và làm quặn đau trái tim bạn đọc. Đó chính là nguyên nhân - hệ quả của việc Mị cắt đứt sợi dây vô hình ràng buộc cuộc đời của mình. Thế là Mị và A Phủ dìu nhau chạy xuống dốc núi. Hai người đã rời bỏ Hồng Ngài - một nơi mà những kỉ niệm đẹp đối với họ quá ít, còn nỗi buồn đau, tủi nhục thì chồng chất không sao kể xiết. Hai người rời bỏ Hồng Ngài và đến Phiêng Sa, nhưng những ngày phía trước ra sao họ cũng chưa biết đến...

Rõ ràng, trong đêm mùa đông này, sức sống tiềm tàng đóng một vai trò hết sức quan trọng. Chính nó đã giúp Mị vượt lên trên số phận đen tối của mình. Mị cứu A Phủ cũng đồng nghĩa với việc Mị tự cứu lấy bản thân mình. Qua đoạn trích trên, Tô Hoài đã ca ngợi những phẩm chất đẹp đẽ của người phụ nữ miền núi nói riêng và những người phụ nữ Việt Nam nói chung. Tô Hoài đã rất cảm thông và xót thương cho số phận hẩm hiu, không lối thoát của Mị. Thế nhưng bằng một trái tim nhạy cảm và chan chứa yêu thương, Tô Hoài đã phát hiện và ngợi ca đóm lửa còn sót lại trong trái tim Mị. Tư tưởng nhân đạo của nhà văn sáng lên ở đó. Đồng thời qua tác phẩm, Tô Hoài cũng đã khẳng định được chân lí muôn đời: ở đâu có áp bức bất công thì ở đó có sự đấu tranh để chống lại nó dù đó là sự vùng lên một cách tự phát như Mị. Quả thật qua đó tác phẩm này giúp ta hiểu được nhiều điều trong cuộc sống.

Với truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ” nói riêng và tập “Truyện Tây Bắc” nói chung, ta hiểu vì sao Tô Hoài lại thành công trong thể loại truyện ngắn đến như vậy. Nét phong cách nghệ thuật: màu sắc dân tộc đậm đà chất thơ chất trữ tình thấm đượm, ngôn ngữ lời văn giàu tính tạo hình đã hội tụ và phát sáng trong truyện ngắn này. Tác phẩm “Truyện Tây Bắc” xứng đáng với giải nhất truyện ngắn - giải thưởng do Hội nghệ sĩ Việt Nam trao tặng năm 1954 - 1955. Và “Vợ chồng A Phủ” thực sự để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn đọc bởi những giá trị nghệ thuật, giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của nó. Truyện ngắn này quả là một truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách Tô Hoài.

Đối với riêng em, truyện “Vợ chồng A Phủ” giúp em cảm thông sâu sắc trước nỗi khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến miền núi, từ đó giúp em ngày càng trân trọng khát vọng của họ hơn. Đây quả là một tác phẩm văn chương đích thực bởi nó đã góp phần nhân đạo hóa tâm hồn bạn đọc như Nam Cao đã quan niệm trong truyện ngắn “Đời thừa”.

Câu 3 (3 điểm): Cảm nhận về đoạn thơ sau trong bài “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử:

*Gió theo lối gió mây đường mây  
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay?*

Cảm nhận thơ trữ tình xét cho cùng là cảm nhận "cái tình" trong thơ và tâm trạng của nhân vật trữ tình trước thiên nhiên, vũ trụ, đất trời. Đến với thơ ca lãng mạn Việt Nam, giai đoạn 1932 - 1945 "ta thoát lên trên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng cùng Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu" (Hoài Thanh - Thi nhân Việt Nam). Đúng thế, bạn đọc đương thời và hôm nay yêu thơ của Hàn Mặc Tử bởi chất "điên cuồng" của nó. Chính "chất điên" ấy đã làm nên phong cách nghệ thuật độc đáo, riêng biệt, mới mẻ của Hàn Mặc Tử. "Chất điên" trong thơ ông chính là sự thay đổi của tâm trạng khó lường trước được. Nét phong cách đặc sắc ấy đã hội tụ và phát sáng trong cả bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của nhà thơ rất tài hoa và cũng rất đổi bất hạnh này. "Đây thôn Vĩ Dạ" trích từ tập Thơ Điên của Hàn Mặc Tử. Chất điên cuồng ấy thể hiện cụ thể và rõ nét trong khổ thơ:

*"Gió theo lối gió mây đường mây  
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay?"*

Với lời trách cứ nhẹ nhàng dịu ngọt vừa như một lời mời, Hàn Mặc Tử trở về với thôn Vĩ Dạ trong mộng tưởng:

*“Sao anh không về chơi thôn Vĩ  
Nhìn nắng hàng cây nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền”*

Cảnh vật ở thôn Vĩ Dạ - một làng kề sát thành phố Huế bên bờ Hương Giang với những vườn cây trái, hoa lá sum suê hiện lên thật nên thơ, tươi mát làm sao. Đó là một hàng cau thẳng tắp đang tắm mình dưới ánh “nắng mới lên” trong lành. Chưa hết, rất xa là hình ảnh “nắng hàng cau nắng mới lên” còn rất gần lại là “vườn ai mướt quá xanh như ngọc”. “Mướt quá” gọi cả cây nhưng non tràn trề sức sống xanh tốt. Màu “mướt quá” làm cho lòng người như trẻ hơn và vui tươi hơn. Lời thơ khen cây cối xanh tốt nhưng lại nhu huyền ảo, lấp lánh mới thấy hết vẻ đẹp của “vườn ai”. Trong không gian ấy hiện lên khuôn “mặt chữ điền” phúc hậu, hiền lành vừa quen vừa lạ, vừa gần, vừa xa, vừa thực vừa ảo bởi “lá trúc che ngang”. Câu thơ đẹp vì sự hài hòa giữa cảnh vật và con người. “Trúc xinh” và “ai xinh” bên nhau làm tôn lên vẻ đẹp của con người. Như vậy tâm trạng của nhân vật trữ tình ở đoạn thơ này là niềm vui, vui đến say mê như lạc vào cõi tiên, cõi mộng khi được trở về với cảnh và người thôn Vĩ.

Thế nhưng cũng cùng không gian là thôn Vĩ Dạ nhưng thời gian có sự biến đổi từ “nắng mới lên” sang chiều tà. Tâm trạng của nhân vật trữ tình cũng có sự biến đổi lớn. Trong mắt thi nhân, bầu trời hiện lên “Gió theo lối gió mây đường mây” trong cảnh chia li, uất hận. Biện pháp nhân hóa cho chúng ta thấy điều đó. “Gió theo lối gió” theo không gian riêng của mình và mây cũng thế. Câu thơ tách thành hai vế đối nhau; mở đầu vế thứ nhất là hình ảnh “gió”, khép lại cũng bằng gió; mở đầu vế thứ hai là “mây”, kết thúc cũng là “mây”. Từ đó cho ta thấy “mây” và “gió” như những kẻ xa lạ, quay lưng đối với nhau. Đây thực sự là một điều nghịch lý bởi lẽ có gió thổi thì mây mới bay theo, thế mà lại nói “gió theo lối gió, mây đường mây”. Thế nhưng trong văn chương chấp nhận cách nói phi lý ấy. Tại sao tâm trạng của nhân vật trữ tình vốn rất vui sướng khi về với thôn Vĩ Dạ trong buổi ban mai đột nhiên lại thay đổi đột biến và trở nên buồn như vậy?. Trong mộng tưởng, Hàn Mặc Tử đã trở về với thôn Vĩ nhưng lòng lại buồn chắc có lẽ bởi mối tình đơn phương và những kỉ niệm đẹp với cảnh và người con gái xứ Huế mộng mơ làm nên tâm trạng ấy. Quả thật “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” nên cảnh vật xứ Huế vốn thơ mộng, trữ tình lại bị nhà thơ miêu tả vô tình, xa lạ đến như vậy. Bầu trời buồn, mặt đất cũng chẳng vui gì hơn khi “Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay”.

Dòng Hương Giang vốn đẹp, thơ mộng đã bao đời đi vào thơ ca Việt nam thế mà bây giờ lại “buồn thiu” – một nỗi buồn thâm thẳm, không nói nên lời. Mặt nước buồn hay chính là con sóng lòng “buồn thiu” của thi nhân đang dâng lên không sao giấu nổi. Lòng sông buồn, bãi bờ của nó còn sâu hơn. “Hoa bắp lay” gọi tả những hoa bắp xám khô héo, úa tàn đang “lay” rất khẽ trong gió. Cảnh vật trong thơ buồn đến thế là cùng. Thế nhưng đêm xuống, trăng lên, tâm trạng của nhân vật trữ tình lại thay đổi:

*“Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay”*

Sông Hương “buồn thiu” lúc chiều dưới ánh trăng đã trở thành “sông trăng” thơ mộng. Cầm xào đậu bên trên con sông đó là “thuyền ai đậu bến”, là bức tranh càng trữ tình, lãng mạn. Hình ảnh “thuyền” và “sông trăng” đẹp, hài hòa biết bao. Khách đến thôn Vĩ cất tiếng hỏi xa xăm “Có chò trăng về kịp tối nay?”. Liệu “thuyền ai” đó có chò trăng về kịp nơi bến hẹn, bến đợi hay không? Câu hỏi tu từ vang lên như một nỗi lòng khắc khoải, chờ đợi, ngóng trông được gặp gương mặt sáng như “trăng” của người thôn Vĩ trong lòng thi nhân. Như thế mới biết nỗi lòng của nhà thơ giành cho cô em gái xứ Huế tha thiết biết nhường nào. Tình cảm ấy quả thật là tình cảm của “Cái thưở ban đầu lưu luyến ấy. Ngàn năm nào dễ mấy ai quên” (Thế Lữ).

Đến đây ta hiểu thêm về lòng “buồn thiu” của nhân vật trữ tình trong buổi chiều. Như vậy diễn biến tâm lí của thi nhân hết sức phức tạp, khó lường trước được. Chất “điên” của một tâm trạng vui với cảnh, buồn với cảnh, trông ngoáng, chờ đợi vẫn được thể hiện ở khổ thơ kết thúc bài thơ này:

“Mơ khách đường xa khách đường xa  
Áo em trắng quá nhìn không ra  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà?”

Vẫn là một tâm trạng vui sướng được đón “khách đường xa” - người thôn Vĩ đến với mình, tâm trạng nhân vật trữ tình lại khép lại trong một nỗi đau đớn, hoài nghi “Ai biết tình ai có đậm đà?”. “Ai” ở đây vừa chỉ người thôn Vĩ vừa chỉ chính tác giả. Chẳng biết người thôn Vĩ có còn nặng tình với mình không? Và chẳng biết chính mình còn mặn mà với “áo em trắng quá” hay không? Nỗi đau đớn trong tình yêu chính là sự hoài nghi, không tin tưởng về nhau. Nhân vật trữ tình rơi vào tình trạng ấy và đã bộc bạch lòng mình để mọi người hiểu và thông cảm. Cái mới của thơ ca lãng mạn giai đoạn 1932 - 1945 cũng ở đó.

Đọc xong bài thơ “Đâu thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử, nhất là khổ thơ “Gió theo lối gió - .... kịp tối nay” để lại trong lòng người đọc những tình cảm đẹp. Đoạn thơ giúp ta hiểu thêm tâm tư của một nhà thơ sắp phải giã từ cuộc đời. Lời thơ vì thế trầm buồn, sâu lắng, đầy suy tư. Bạn đọc đương thời yêu thơ của Hàn Mặc Tử bởi thi nhân đã nói hộ họ những tình cảm sâu lắng nhất, thầm kín nhất của mình trong thời đại cái “tôi”, cái bản ngã đang tự đấu tranh để khẳng định. Tình cảm trong thơ Hàn Mặc Tử là tình cảm thực do đó nó sẽ ở mãi trong trái tim bạn đọc. Ấn tượng về một nhà thơ của đất Quảng Bình đầy nắng và gió sẽ không bao giờ phai nhạt trong tâm trí người Việt Nam.

